

HỒANG-CHƯƠNG - TÔN-THẤT-LÔI - TẠ-THỨC-THỌ - NGUYỄN-CÁNG

Giáo - viên

ĐỊA LẬP



LỚP NHÌ

Soạn đúng theo chương - trình mới
của Bộ Quốc - gia Giáo - dục

ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN NHẬN LÀM SÁCH GIÁO KHOA

Có phương-pháp vẽ bản đồ giản-dị rõ ràng

Lần thứ năm

Thanh-Minh Huế xuất-bản

<https://tieulun.hopto.org>

Sathya

HOÀNG - CHƯƠNG — TÔN - THẮT - LÔI
TẠ - THÚC - THỌ — NGUYỄN - CĂNG
Giáo - viên

ĐỊA - LÝ

Lớp Nhì

**Soạn đúng theo chương-trình hiện hành
của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục**

Có phương-pháp vẽ bản-đồ giản-dị rõ-ràng

**IN LẦN THỨ NĂM
— 1960 —**

THƯ NGỎ

Kính gửi quý vị văn-nhân, thi-sĩ, kỹ-giả, nhiếp-ảnh gia có tác-phẩm trích in trong sách này.

Kính thưa quý vị,

Vì không đủ phương-tiện để xin phép quý vị trích một vài đoạn văn hay dùng làm bài đọc thêm, những tranh ảnh đẹp hoặc phỏng theo một ít tài liệu quý để soạn bài. Chúng tôi tin chắc rằng quý vị cũng vui lòng cho phép vì những tác-phẩm của quý vị gom-góp trong sách này sẽ giúp thêm cho học-sinh nhiều hiểu biết thiết-thực ở đời.

Chúng tôi trân-trọng kính gửi ở đây lời cảm ơn nồng-nhiệt của chúng tôi và toàn-thể học-sinh,

*Kính thư,
SOẠN - GIẢ*

TRÍCH NHỮNG LỜI GIỚI-THIỆU VÀ KHEN TẶNG VỀ TẬP SÁCH GIÁO-KHOA

ĐỊA - LÝ LỚP NHÌ

của

Ô.Ô. Hoàng-Chương, Tôn-thất-Lôi, Tạ-thúc-Thọ, Nguyễn-Cánh

Tôi thành-thật cảm-tạ quý Ông đã gửi tặng quyền ĐỊA-LÝ LỚP NHÌ do quý ông soạn.

Các bài học gọn-ghe được soạn cứu kỹ-càng. có phương-pháp rất đúng tầm-mức lĩnh-hội của trẻ con lớp nhì. Lại nhờ ấn-loát công-phu, lối dạy họa-dồ dễ nhớ, các bài đọc thêm biết chọn lựa, nên sách của quý Ông sẽ giúp thêm tài-liệu rất nhiều cho đồng-nghệp chúng ta về môn Địa-lý cũng như sẽ vô cùng lợi-ích cho học-sinh cấp Tiểu-học.

Quý Ông quả đã góp một viên gạch quý-giá vào công cuộc xây dựng tòa lâu-dài Giáo-dục Việt-nam.

NGUYỄN-VĂN-HAI

GIÁM-ĐỐC NHA ĐẠI-DIỆN GIÁO-DỤC

Tại Trung-Nguyên và Cao-Nguyên Trung-Phần



Tôi rất hân-hạnh giới thiệu cùng các đồng-nghệp tập ĐỊA-LÝ LỚP NHÌ do các bạn HOÀNG-CHƯƠNG, TÔN-THẤT-LÔI, TẠ-THÚC-THỌ, NGUYỄN-CÁNG soạn-thảo.

Sau khi nhận-xét một cách khách-quan và rất kỹ về nội-dung cũng như về hình-thức, tôi xin thành-thật công nhận rằng tập sách này là một trong những tác-phẩm giáo-khoa có giá-trị hiện nay : sách trình bày khoa-học và rất đúng phương-pháp sư-phạm, giấy tốt, in đẹp, các điểm cần-thiết trong một bài dạy được lần-lượt đưa ra theo một trình-tự hợp-lý. Ngoài ra còn có những phần bổ túc như Ca-dao, Bài đọc giúp thêm sự hiểu biết, và làm cho bài giảng thêm ý-nghị. Sau cùng chúng ta cũng nên lưu-ý về những dòng chữ in đậm, lồng rất khéo trong bài giảng dùng để làm toát yếu, và nhất là những bản-đồ đơn-giản vẽ theo lối hình-học mà các tác-giả đã dày công sưu-tầm và nghiên-cứu.

Nói tóm lại, tập sách này ra đời sẽ là một công-cụ rất quý-giá cho những đồng-nghệp mới vào nghề...

HÀ-THÚC-LĂNG

THANH-TRA TIỂU-HỌC

Trung-Nguyên Trung-Phần

Nếu mục-dịch của môn Địa-Lý là giúp cho trẻ con có những kiến-thức về xã-hội trong không gian và tập cho chúng suy-nghiệm cho đời sống của mình, tập sách ĐỊA-LÝ LỚP NHÌ do các Ô. Ô. HOÀNG - CHUÔNG, TÔN - THẮT - LÔI, TẠ - THỨC - THỌ, NGUYỄN - CÁNG soạn, đã đạt được mục-dịch ấy.

Như tôi đã được đọc, tập sách này soạn rất công-phu. Tác-giả đã biết chọn những điều chính-yếu về nước-nhà cũng như về các lân-bang, mà trẻ con đến tuổi này không thể không biết, rồi sắp đặt theo một thứ-tự hợp-lý và trình bày gọn-gàng có mạch-lạc, khiến trẻ con dễ hiểu và dễ nhớ. Mỗi đoạn đều được tóm-tắt trong một câu gọn-gàng nhưng đủ ý, khiến trẻ có một ý-niệm rõ-ràng về mỗi đoạn trong bài, các câu hỏi thông-minh mà các tác-giả đề sau mỗi bài giúp cho trẻ suy-nghiệm và tìm hiểu ảnh-hưởng của vị-trí đối với khí-hậu, khí-hậu đối với thồ-nghi thồ-sản, và cuộc dân-sinh, v. v. .

Sau mỗi phần về hình-thể, nhân-văn, kinh-tế, đều có một bài tổng-kết giúp cho trẻ có một ý-niệm chung về mỗi vấn đề.

Phương-pháp vẽ bản-đồ theo hình-học giúp cho chúng nhớ được dễ dàng, chắc chắn và lâu dài hình-dáng chung của mỗi vùng, mỗi xứ.

Nói tóm lại, tập sách Địa-Lý Lớp Nhì đã soạn theo một kinh-nghiệm lâu năm và một phương-pháp hợp-lý. Tôi mong nó sẽ giúp ích nhiều cho giáo-viên cũng như cho học-sinh và sẽ được mọi người hoan-nghehnh.

LÂM - TOẠI

*Nguyễn Thanh-Tra Tiểu-học T. N. T. P.
Giáo-Sur Môn Sư-phạm lý-thuyết và
thực-hành, Trường SƯ-PHẠM HUẾ*



Ty tôi thành-thật cảm-ơn quý Ông đã có nhã-ý gởi tặng sách ĐỊA-LÝ LỚP-NHÌ của quý Ông.

Qua các bài học, Ty tôi nhận thấy sách soạn đúng chương-trình hiện hành, trình-bày rõ-ràng khúc-chiết. Cách vẽ bản-đồ được chỉ-dẫn chu-đáo và bài học nào cũng có bài đọc thêm thích-đáng chọn-lọc công-phu.

Ty tôi rất khen-ngợi Quý Ông đã soạn được một quyển sách Giáo-khoa rất hữu-ích cho giáo-viên và học-sinh tiểu-học và mong quý Ông còn sáng-tác thêm nhiều sách giáo-khoa khác.

TRƯƠNG - TIỂU - DU

TY-TRƯỞNG TIỂU-HQC-VỤ THỪA-THIỆN

Chúng tôi xin hứa, vào Hội-nghị giáo-viên toàn tỉnh Phú-yên, ngày 9 tháng 9 năm 1958 để chuẩn-bị khai-giảng, chúng tôi sẽ giới-thiệu cùng toàn-thể đồng-nghệp cuốn ĐỊA-LÝ LỚP NHÌ này.

Chúng tôi xin khâm phục Quý Ông đã cố-gắng để chung góp phần xây-dựng nền tiểu-học nước nhà, và giúp-đỡ giáo-viên có tài-liệu tham-khảo.

THÁI-VĂN-CU

TY-TRƯỞNG TIỂU-HỌC-VỤ TỈNH PHÚ-YÊN



Cuốn ĐỊA-LÝ LỚP NHÌ của Ô. Ô. HOÀNG-CHƯƠNG, TÔN-THẮT-LÔI, TẠ-THỨC-THỌ, NGUYỄN-CÁNG là một trong những cuốn sách giáo khoa ở bậc Tiểu-học, biên soạn rất công phu, trình-bày có mỹ-thuật. Mỗi bài học gồm có 6 mục xếp theo một trình-tự hợp-lý và một bản-đồ giản dị rõ-ràng, vẽ theo phương pháp kỷ-hà, giúp ích rất nhiều cho học-sinh để vẽ bản-đồ và để nhớ bài học.

Tôi rất sung-sướng được giới-thiệu cuốn sách này cùng các bạn đồng-nghệp và giới học-sinh bậc tiểu-học.

TRƯƠNG-QUAN-PHƯƠNG

THANH-TRA TIỂU-HỌC THỪA-THIÊN



Tôi đã đọc quyền sách ĐỊA-LÝ LỚP NHÌ do các bạn giáo-viên : HOÀNG-CHƯƠNG, TÔN-THẮT-LÔI, TẠ-THỨC-THỌ, NGUYỄN-CÁNG biên soạn.

Cách trình-bày các bài giảng công-phu- rõ-ràng, có mạch-lạc, giúp cho giáo-viên lớp nhì những tài-liệu Địa-lý dồi-dào, xếp đặt có phương-pháp, dễ giảng dạy con em có hiệu quả.

Điều đáng chú-ý hơn hết là các soạn-giả đã gia tâm trong việc chỉ-dẫn cách vẽ bản-đồ, phần bổ-túc nhưng trọng yếu nhất của bài học Địa-lý-

Tôi tin chắc rằng, với những đặc-điểm nói trên quyền sách giáo-khoa này sẽ được các bạn đồng-nghệp xa gần hoan-nghehnh đứng với giá-trị của nó.

LÊ-CẢNH-ĐẠM

Nguyên Giáo-sư Môn Sư-phạm Lý-thuyết
Thực-hành và Hoạt động thanh-niên các
Trường Sư-phạm HUẾ và QUY-NHƠN
THANH-TRA TIỂU-HỌC QUẢNG-NAM

Sách biên soạn rất công phu với những tài-liệu đầy đủ, những con số mới mẻ. Bài giảng, bài học, câu hỏi đều sát với tình-dộ của học-sinh lớp nhì. Phần nòng-cốt của bài Địa-lý được đặt đúng địa-vị của nó : có phương-pháp dạy vẽ bản-đồ giản-dị, rõ-ràng giúp học-sinh dễ vẽ, dễ nhớ, dễ đọc và hiểu bản-đồ.

Sách trình-bày tươi-sáng, có mỹ-thuật gây thêm hứng thú cho con trẻ lúc học hỏi.

Tôi hân-hoan giới-thiệu quyển Địa-lý lớp nhì của các Ông : Hoàng-Chương, Tôn-thất-Lôi, Tạ-thúc-Thọ, Nguyễn-Cáng với các anh chị em cựu giáo-sinh Huế cùng với các em học-sinh bậc tiểu-học.

NGUYỄN-HỮU-SOẠN
HIỆU-TRƯỞNG TRƯỜNG SU-PHẠM HUẾ



... Sau khi đọc kỹ, tôi nhận thấy sách của các Bạn soạn công-phu, theo một tinh-thần mới, hợp-lý, chú-trọng đến phần quan-sát (giới thiệu vật-liệu), đề hướng-dẫn trẻ em tìm tòi suy-nghĩ để nhận-xét và phán đoán. Với phương-pháp mới, bài địa-lý sẽ bổ ích nhiều, không khô-khan, tẻ-tuợng, vì học-sinh có một ý-niệm chắc-chắn về bài học, hiểu-rõ và nhớ lâu.

Ngoài mỗi bài có 6 mục, các Bạn đã nghiên-cứu và sưu-tầm cách vẽ bản-đồ theo phương-pháp kỹ-hà đề hướng-dẫn trẻ em vẽ đúng và nhớ lâu vì bản-đồ là trụ chốt của một bài Địa-lý...

Tôi tin chắc rằng quyển sách này được các bạn đồng-nghiep hoan-nghehnh.

LÊ-HUY-HUYỀN
TY-TRƯỞNG TIỂU-HỌC-VỤ BÌNH-ĐỊNH



... Các soạn-giả đã làm việc có phương-pháp tận tâm sưu-tầm : giới thiệu vật liệu, chỉ dẫn cách vẽ bản-đồ nhanh, đúng, dễ nhớ, chọn-lọc những bài đọc thêm bổ ích... Các bạn thật đáng khuyến-khích trong việc soạn sách giáo-khoa.

ĐÌNH-GIA-DZU,
THANH-TRA TIỂU-HỌC BÌNH-THUẬN



... Tôi xem rất kỹ các bài soạn. Lối soạn mới, công-phu, đầy-dủ và gọn-ghe. Phương-pháp vẽ bản-đồ được chỉ-dẫn rõ-ràng và học-sinh có thể bắt chước làm theo được. Các bài «đọc thêm» rất bổ-ích.

LÊ-TRỌNG-PHIÊM
TY-TRƯỞNG TIỂU-HỌC-VỤ PHÚ-YÊN

Sách soạn đúng theo chương-trình của Bộ Quốc-gia giáo-dục, bài nào cũng chia làm nhiều mục gãy-gọn rõ-ràng. Đầu mỗi bài đều có mục «giới-thiệu vật-liệu» để các em biết thêm, hiểu thêm bài đã giảng giải. Trong sách lại có phương-pháp vẽ các bản-đồ rất cần cho môn học Địa-lý.

Nói tóm lại, quyển sách của các anh đã soạn ra theo đúng các nguyên-tắc sư-phạm, rất bổ-ích cho các em học-sinh và đỡ công tìm kiếm, soạn bài cho các bạn giáo-viên nhiều.

VÕ - QUANG - LOAN
THANH-TRA TIỂU-HỌC BÌNH ĐỊNH



... Tôi đã có nhiều tin-tưởng rằng quyển sách này sẽ giúp ích không ít cho học-sinh lớp nhì và cho các bạn giáo-viên phụ-trách lớp ấy.

NGUYỄN - ĐÌNH - THOAN
TY TRƯỞNG TIỂU-HỌC-VỤ KHÁNH-HÒA



... Tôi thấy sách ấy là một tác-phẩm giáo-khoa có giá-trị : trình bày rõ-ràng, khúc-chiết, dễ hiểu và đúng phương-pháp sư-phạm.

Mong nhiều trường Tiểu-học sẽ chọn sách của quý ông làm sách giáo-khoa.

Linh-mục TRẦN - HỮU - TÔN
Đại-diện các trường tư-thực
Công-giáo địa-phận HUẾ



LỜI NÓI ĐẦU

Quyển Địa-lý lớp Nhi này soạn đúng theo Chương-trình Tiểu học hiện-hành của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Về nội-dung chúng tôi đã cố-gắng nhiều để soạn đúng theo phương-pháp và hợp với mục-dịch của khoa địa-lý, một khoa-học mà học-sinh cần nhận-xét và cần trực-tiếp với sự vật.

Cũng như những môn học khác, môn địa-lý giúp cho trẻ hiểu địa-lý nước nhà và biết công khai-thác của Tổ tiên để hun-dúc thêm lòng yêu nước thương nòi của "mình."

Khi học đến các nước lân-bang, trẻ sẽ biết những điều tương quan đến nước nhà về kinh-lễ, chính-trị và văn-hóa để so-sánh, suy-ngĩ mà cố-gắng xây đắp cho giang-sơn một tương-lai tươi-sáng đầy triển-vọng tiến kịp người và vượt hẳn người.

Về thể tài, chúng tôi chú-trọng mấy điểm sau đây :

A) — Mỗi bài học gồm có 6 mục :

1.— Giới-thiệu vật-liệu :

Mục này giúp học-sinh tìm tòi những bài đọc hay, quan-sát và suy-ngĩ trước những tranh-ảnh đẹp, những vật-liệu quý để theo dõi dễ-dàng bài học thầy sắp giảng dạy.

2.— Trọng điểm :

Giúp học-sinh biết một cách cụ-thể bài học gồm có mấy phần chính cần phải nhớ.

3.— Bài-giảng :

Soạn theo trọng-diểm, với đầy đủ chi-tiết. Sau mỗi mục có các tóm-tắt in bằng nét đậm, giúp học-sinh nhớ những ý chính trong đoạn thầy vừa mới giảng.

4.— Câu hỏi kiểm-soát :

Chúng tôi đặt trước bài học để học-sinh trước khi học bài, dùng những câu hỏi đó để ôn lại những ý chính mà thầy đã giảng dạy ở trường. Đồng-thời cũng để quý- vị giáo-viên sau khi giảng một đoạn có thể dùng ngay câu hỏi đó để kiểm-soát.

Trong phần này, chúng tôi có nêu ra một vài câu hỏi thông-minh để lập cho trẻ em tìm-tòi suy-ngĩ.

Bài học :

Gồm những ý chính đã tóm-lắt trong từng đoạn ngắn ở bài giảng mà đại-cương vẫn không thiếu.

6.— Bài đọc thêm; tranh ảnh, ca dao :

Thường-thường học-sinh ít thích môn địa-lý vì cho rằng môn học này khô khan, khó nhớ. Vì vậy, chúng tôi cố gắng tìm những bài đọc thêm, những tranh ảnh đẹp hoặc một vài câu ca-dao mô-tả những hiện-tượng của vũ-trụ hay sự sinh-hoạt hàng ngày của dân quê về các nghề lao-lực, để giúp học-sinh hiểu thêm bài giảng và gây cho học-sinh một hứng-thú khi học bài.

B) — Bản đồ :

Sau bao năm dạy ở lớp Nhì và lớp Nhất chúng tôi nhận thấy học-sinh phần nhiều chỉ biết đồ lại các bản-đồ đã in sẵn trong sách, đến khi vẽ trên thì tiếc thay hình dáng bị sai-lệch hoặc biến-thể đi nhiều lắm. Do đó mà bài học lâu thuộc và chóng quên.

Vì thế chúng tôi đã sưu-làm và nghiên-cứu họa-đồ theo phương-pháp hình-học để giúp học-sinh vẽ đúng, mau, dễ nhớ và nhớ lâu, một yếu-tố quan-trọng trong việc học bài,

Mỗi nước, khởi đầu là một lược-đồ có chỉ-dẫn cách vẽ rõ-ràng rồi tiếp đến là một bản-đồ ghi đủ chi-tiết núi, sông v.v...

C) — Chương trình.

Theo chương-trình hiện hành và thời-gian-biểu, chúng tôi chia Địa-lý Việt-Nam làm 27 bài. Các nước lân bang, mỗi nước : bài.

Sau mỗi mục có bài học ôn. Học hết ba mục lại có bài tổng-kết (trừ các nước lân bang) về hình-thể, nhân-văn, kinh-tế và nêu rõ sự liên-hệ mật-thiết giữa quốc-gia Việt-Nam với những quốc-gia sắp học, để học-sinh thấy rõ địa-vị hiện thời của nước Việt-Nam trên trường quốc-tế.

Tần tái-bản này chúng tôi đã sửa-chữa nhiều theo lời chỉ giáo quý báu của quý Thầy và quý bạn đồng-nghiep.

Chúng tôi xin thành-thật cảm-tạ.

Soạn-giả căn-chỉ

BẢNG PHÂN-PHỐI CHƯƠNG-TRÌNH

Tháng 7 và 8 :

- Tập vẽ bản-đồ Việt-nam
- Việt-nam, hình-thể : vị-trí, giới-hạn, diện- tích
- Núi và cao-nguyên
- Núi và cao-nguyên (bài nổi)
- Bình-nguyên
- Bình-nguyên ở Nam-phần
- Biển và bờ biển
- Khí-hậu
- Sông ngòi ở Bắc-phần
- Sông ngòi ở Trung và Nam-phần

Tháng 9 :

- Bài học ôn về Việt-nam, hình thể
- Việt-nam nhân-văn : Dân-cư
- Việc hành-chánh
- Bài học ôn về Việt-nam nhân-văn
- Việt-nam kinh-tế : Nông-nghiệp : cây lúa

Tháng 10 :

- Các cây ăn, uống, hút, các cây dùng trong công kỹ-nghệ
- Nghề chăn nuôi và chài lưới
- Rừng, lâm-sản, khoáng-sản
- Tiểu công kỹ-nghệ
- Đường giao-thông : Đường bộ và đường hỏa-xa

Tháng 11 :

- Đường thủy và đường hàng-không
- Thương-mại
- Bài học ôn về Việt-nam kinh-tế
- Bài tổng-kết về nước Việt-nam
- Tập vẽ bản-đồ Căm-bốt
- Căm-bốt hình-thể

Tháng 12 :

- Căm-bốt nhân-văn
- Căm-bốt kinh-tế
- Bài học ôn về nước Căm-bốt
- Tập vẽ bản-đồ Ai-lao
- Ai-lao hình-thể
- Ai-lao nhân-văn

Tháng 1 và 2 :

- Ai-lao kinh-tế
- Bài học ôn về Ai-lao
- Tập vẽ bản-đồ Trung-hoa
- Trung-hoa hình-thè
- Trung-hoa nhân-văn
- Trung-hoa kinh-tế
- Bài học ôn về nước Trung-hoa
- Tập vẽ bản-đồ Thái-lan
- Thái-lan hình-thè
- Thái-lan nhân-văn

Tháng 3 :

- Thái-lan kinh-tế
- Bài học ôn về nước Thái-lan
- So-sánh nước Việt-nam với các nước lân-cận
- Học ôn.

VIỆT-NAM HÌNH-THẺ

Bài 1

VI-TRÍ — GIỚI-HẠN — DIỆN-TÍCH

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Bản-đồ Việt-nam.
 — Bản-đồ châu-Á và ngũ-dại-châu hoặc quả địa-cầu.
 — Quan-sát vị-trí của Việt-nam ở châu-Á và ngũ đại-châu.
 — Nhận-xét hình-thẻ nước Việt-nam.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Vị-trí.
 II) Giới-hạn.
 III) Diện-tích.
 IV) Sự quan-trọng của vị-trí nước Việt-nam.

BÀI GIẢNG

I.— Vị-trí : Nước Việt-nam nằm :

- Trong Bắc bán-cầu, phía Đông-nam châu Á.
- Trong bán-đảo Trung-Ân.
- Trên đường xích-đạo từ $8^{\circ}35'$ đến $23^{\circ}40'$ vĩ-tuyến bắc.
- Chạy dài theo ven biển Thái-bình-dương, hình cong chữ S, Bắc và Nam phì rộng ra, khúc giữa miền Trung thì eo hẹp lại, giống như cây đòn gánh hai thúng lúa.

|| Nước Việt-nam ở gần đường xích-đạo, về phía Đông-nam châu Á, hình cong chữ S.

II.— Giới-hạn : Việt-nam :

- Bắc giáp nước Trung-hoa.
- Đông và Nam giáp vịnh Bắc-phần, biển Nam-hải và vịnh Thái-lan.
- Tây giáp nước Ai-lao và Căm-bốt (Cao-miên).

|| Bắc giáp Trung-hoa; Đông và Nam giáp vịnh Bắc-phần, biển Nam-hải, vịnh Thái-lan; Tây giáp Ai-lao và Căm-bốt.

III.— Diện-tích : Phòng chừng 326.000 km² gồm có :

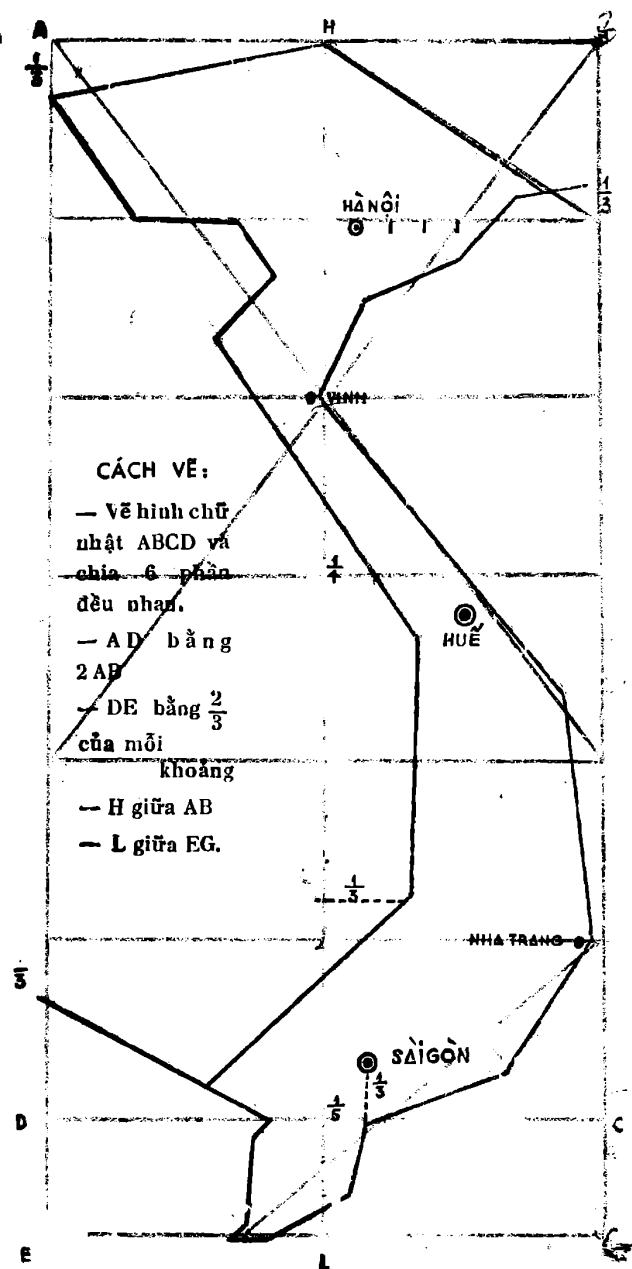
- Bắc-phần : 115.000 km².
- Trung-nguyên Trung-phần : 92.000 km².
- Cao-nguyên Trung-phần : 55.000 km².
- Nam-phần : 64.000 km².

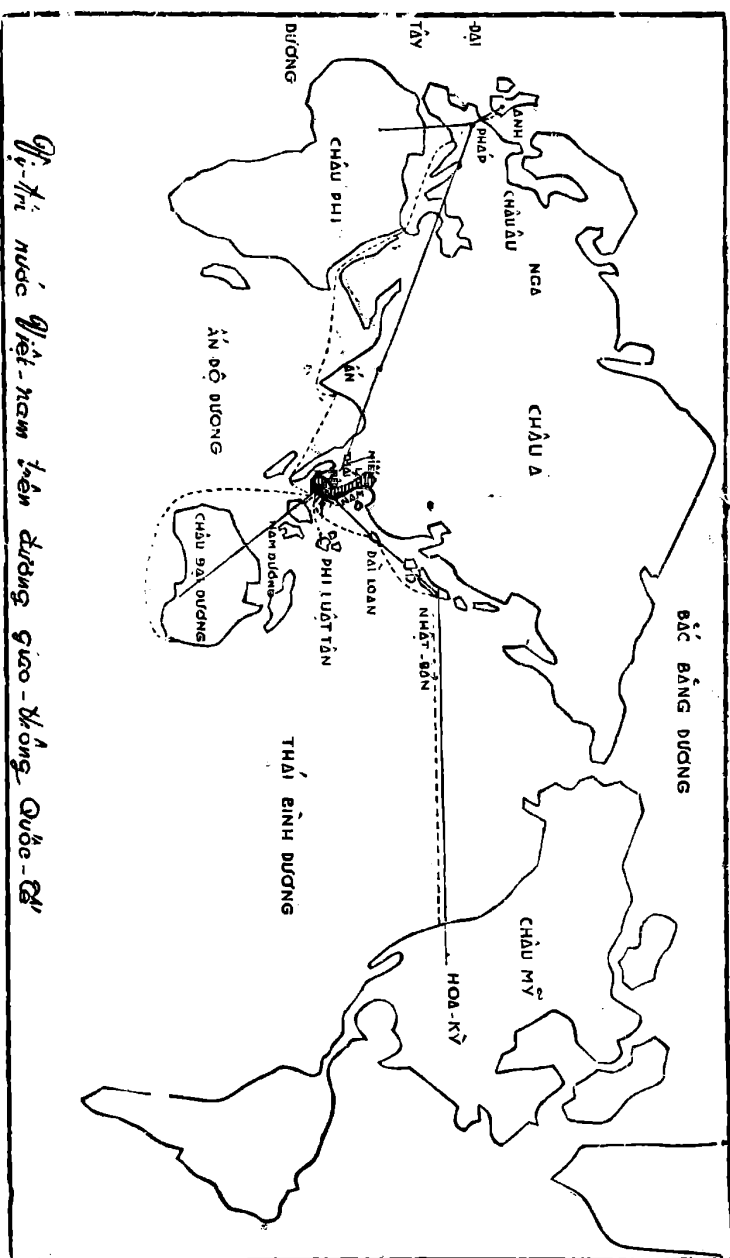
|| Diện-tích phòng chừng 326.000 km².

IV.— Sự quan-trọng của vị-trí nước Việt-nam :

Với vị-trí đặc-biệt, nước Việt-nam đóng một vai-trò quan-trọng trong vùng Đông-nam châu-Á về tất cả mọi phương-viện, vì :

Phương-pháp vẽ Bản-đồ Việt-nam





Off-iti nước Việt-nam trên đường giao-thương Quốc-Ce'

- Nằm giữa hai khối văn-minh tối cổ là Trung-hoa và Ấn-độ.
- Bao-lơn của Thái-bình-dương.
- Cự diêm quan-trọng trên đường giao-thông quốc-tế : nhờ các cửa biển và phi-trường Việt-nam làm căn-cứ, sự liên-lạc giữa châu-Phi và châu-Âu với Viễn-dông, giữa Bắc-Mỹ và các nước Ấn-độ, Diễn-diện được thuận tiện.
- Cửa ngõ miền Hoa-nam và các nước Ai-lao, Căm-bốt : các nước này muốn thông ra biển đều phải đi ngang qua địa-phận nước Việt-nam là con đường duy-nhất tiện-lợi hơn cả.

|| Nằm trong bán đảo Trung-Ấn và bao-lơn cả Thái-bình-dương nước Việt-nam đã đóng một vai-trò quan-trọng ở Đông-nam châu-Á.

Câu hỏi

- 1) Nước Việt-nam ở về miền nào của châu Á ?
- 2) Hình-thè ra sao ?
- 3) Nước ta giáp những nước nào ?
- 4) Diện-tích ước-độ bao nhiêu ?
- 5) Vị-trí nước ta quan-trọng như thế nào ở Đông-nam-Á ?
- 6) Đối với Ai-lao và Căm-bốt quan-trọng như thế nào ?

BÀI HỌC

Việt-nam ở gần đường xích-đạo, về phía Đông-nam châu-Á, hình cong chữ S, Bắc giáp Trung-hoa, Đông và Nam giáp vịnh Bắc-phần, biển Nam-hải và vịnh Thái-lan, Tây giáp Ai-lao và Căm-bốt, Diện-tích phỏng chừng 326.000 km².

Nằm trong bán-đảo Trung-Ấn và là bao-lơn của Thái-bình-dương, nước Việt-nam đã đóng một vai-trò quan-trọng ở Đông-nam Châu-Á.

Bài đọc thêm

NƯỚC TÔI

Nước tôi là một dải đất hình chữ S, nằm quanh co bên gốc bờ Đại-thanh.

Đáy Bắc-Việt với núi Nùng, sông Nhị cả một vùng cây cỏ thanh-n. Đáy Trung-việt với miếu môn lăng tẩm, chôn đê-đô nghiêm-mật, mơ-màng và đáy Nam-việt với đồng ruộng phì nhiêu, nguồn lợi dồi dào của dân-tộc Việt.

Tôi sống trên mảnh đất Tổ-tiên tôi đã sống, tôi thở không-khí Tổ-tiên tôi đã thở, mỗi gang sông, mỗi tấc đất của nước non này đều có phảng phất hồn thiêng của Tổ-tiên tôi, những núi đồi, cồn bãi, những thành quách lâu dài đều có mang vết-tích Tổ-tiên tôi vậy.

Tôi yêu nước tôi, tôi mến dân-tộc tôi, tôi trọng linh-hồn Tổ-tiên tôi nên một cánh cây, một ngọn cỏ của non sông hoa gấm này tôi đều xem là những bảo-vật thiêng-liêng không một ai được xâm-phạm.

Tiểu-học nguyệt-san

Bài 2

NÚI VÀ CAO-NGUYÊN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU. — Bản-đồ Việt-Nam hình-thè — Bản
đồ trống.
— Phấn màu

TRỌNG-ĐIỂM : I) Đặc tính
II) Núi và cao-nguyên ở miền tả-ngạn sông Nhị
III) Núi và cao-nguyên ở miền hữu-ngạn sông Nhị

BÀI GIẢNG

I. — Đặc tính :

- Núi và cao nguyên Việt-nam chiếm $\frac{3}{4}$ diện-tích toàn quốc.
- Không hiểm trở và không cao quá 3000 mét (trừ dãy Hoàng-liên-sơn)
- Chia làm 3 miền : miền tả-ngạn sông Nhị, miền hữu-ngạn sông Nhị và dãy Trường-sơn.

Núi và cao-nguyên Việt-nam chiếm $\frac{3}{4}$ diện-tích toàn quốc chia làm 3 miền : miền tả-ngạn sông Nhị, miền hữu-ngạn sông Nhị và dãy Trường-sơn.

II. — Miền tả-ngạn sông Nhị :

Núi hình rẽ quạt, tụ ở Tam-đảo gồm có 4 dãy chính :

1) Dãy Đông-triều : Từ Phủ-lạng-thương đến Mông-cáy, gần biên. giàu than đá và cát mỡ phần nhiều lộ-thiên.

2) Dãy Bắc-sơn : Dọc theo hữu-ngạn sông Thương từ Thái-nguyên đến Lạng sơn, giàu đá vôi.

3) Dãy Ngân-sơn : Từ núi Pia-uắc (Pia-ouac) cao 1930m đến vùng Cốc-xô, có nhiều miền đá vôi, mỏ chì và mỏ bạc.

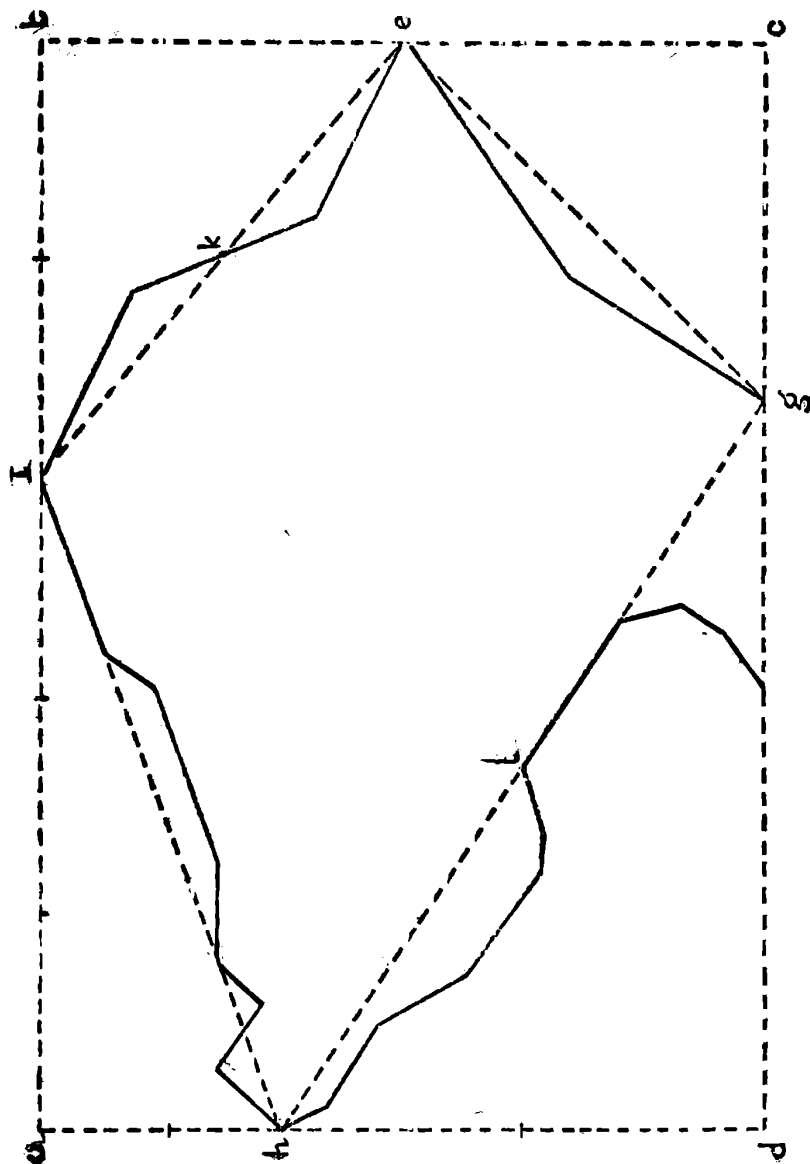
4) Dãy sông Gầm : Có đá vôi, nhiều đồng, hồ Ba-bể ở Bắc-cạn một thắng cảnh của nước ta. Dãy này có ngọn Pia-ya cao 1980m. Ngoài ra giáp cao-nguyên Vân-nam có ngọn Tây-côn-lĩnh (2.431m).

Ở tả-ngạn sông Nhị, núi xòe ra như những nan quạt và qui-tụ ở mạn Tam-đảo. Những dãy chính là dãy Đông-triều, dãy Bắc-sơn, dãy Ngân-sơn và dãy sông Gầm.

III. — Miền hữu-ngạn sông Nhị :

1) Giữa sông Nhị và sông Đà :

— Dãy Hoàng-liên-sơn (Fan-si-Pan) cao và hiểm trở nhất nước ta (3.142m) Dãy này về phía Đông nam thấp dần (1000m) và chạy dài xuống tận Hà-dông, Phủ-lý.



Chỉ dẫn

$bc = \frac{2}{3} ab$

$e =$ giữa bc

$cg = co$

$ah = \frac{1}{3} ad$

$ib = \frac{2}{5} ab$

K giữa ie

L giữa hg

PHƯƠNG PHÁP VẼ BẢN ĐỒ BẮC PHẦN

2) Hữu-ngạn sông Đà :

— Có cao-nguyên đá vôi Sơn-La.

— Gần biên giới Ai-lao có rừng núi Pu-đen-đinh.

|| Ở hữu-ngạn sông Nhị, dãy Hoàng-liên-sơn (3.142m) cao và hiểm trở nhất nước ta.

Câu hỏi

- | | |
|--|--|
| 1) Núi và cao nguyên nước ta chiếm bao nhiêu diện - tích đất-dai toàn quốc ? | ra làm mấy khu-vực ? |
| 2) Núi nước ta có những đặc-tính gì ? | 5) Các núi ở miền tả-ngạn sông Nhị chạy theo hình gì ? Gồm mấy dãy chính ? |
| 3) Núi ở nước ta chia làm mấy miền ? | 6) Miền hữu-ngạn sông Nhị có những dãy núi nào ? |
| 4) Ở Bắc-phần có thể chia núi | 7) Trong những dãy này ngọn nào cao và hiểm-trở nhất ? |

BÀI HỌC

Núi và cao-nguyên Việt-nam chiếm $\frac{3}{4}$ diện-tích toàn quốc, chia làm 3 miền : miền tả-ngạn sông Nhị, miền hữu-ngạn sông Nhị và dãy Trường-sơn.

Ở tả-ngạn sông Nhị, núi xòe ra như những nan quạt và qui tụ ở mạn Tam-đảo. Những dãy chính là dãy Đông-triều, dãy Bắc-sơn, dãy Ngân-sơn và dãy sông Gầm.

Ở hữu-ngạn sông Nhị, dãy Hoàng-liên-sơn cao và hiểm trở nhất nước ta (ngọn cao nhất 3.142m).

Ca dao

Tân-viên (1) thất đày cô-bồng,
Hoàng-liên cao tít anh trông núi nào ?



Nhất cao là núi Ba-vì
Thứ ba Tam-đảo, thứ nhì Độc-tôn (2)

(1) Tân-viên hay Ba-vì ở hữu-ngạn sông Nhị,

(2) Ba-vì, Tam-Đảo, Độc-Tôn là ba ngọn núi cao ở Bắc phần,



Thác Gouyon ĐÀ-LẠT

(Ảnh của ông Vinh)
Thác nước Gouyon ở Đà-lạt

Bài 3

NÚI Ở VIỆT-NAM (Bài nối)

- GIỚI-THIỆU VẬT-LIÊU :** — Bản-dồ Việt-nam hình-thề. Bản-dồ trống : Trung-phần và Nam-phần.
 — Tranh-ảnh : — Đèo Hải-vân ; Tạp-chí gia-đình số 5 tập I.
 — Thác ở Đà-lạt : Tạp-chí gia-đình số 1 tập I
- TRỌNG-ĐIỂM :**
 I.— Dãy Trường-sơn.
 II.— Cao-nguyên Trung-phần.
 III.— Núi ở Nam-phần.

BÀI GIẢNG

I.— Dãy Trường-sơn :

- Chiếm hầu hết Trung-phần, chạy từ Bắc xuống Nam dọc theo bờ biển.
- Không cao lắm, nhưng dài và hiểm-trở có nhiều đèo dễ sang Ai-lao, quan-trọng nhất là đèo Lao-bảo vì thấp chừng 410 m.
- Giữa Quảng-bình và Hà-tĩnh, Dãy Hoàng-sơn đâm thẳng ra biển ; nơi đây có đèo Ngang.
- Giữa Thừa-thiên Quảng nam có đèo Hải-vân sát bờ, cao và dài độ 20km.
- Ở Bình-định có đèo An-khe.
- Ở giữa Phú-yên và Khánh-hòa có đèo Cả.

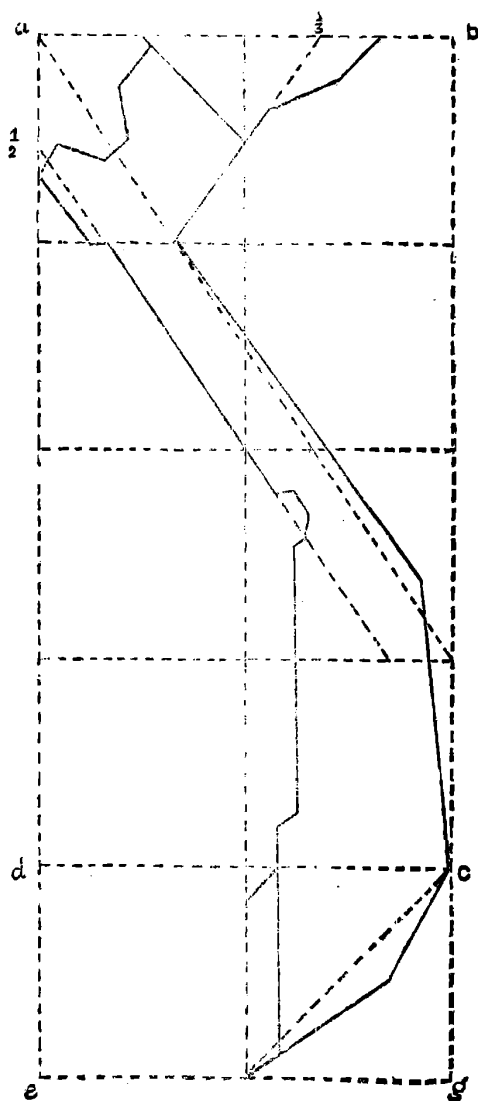
|| Dãy Trường-sơn chạy từ Bắc xuống Nam, không cao nhưng dài và hiểm-trở. Có nhiều đèo thấp dễ sang Ai-lao, quan-trọng nhất là đèo Lao-bảo. Mặt đông nhiều nhánh đâm ra tận biển nên có đèo Ngang, đèo Hải-vân và đèo Cả

II.— Các cao-nguyên Trung-phần :

Về phía Nam, dãy Trường-sơn chạy gần sát biển nên có nhiều cao nguyên rộng như :

- Cao-nguyên Công-tum,
- Cao-nguyên Đắc-lắc (Darlac),
- Cao-nguyên Lâm-viên (Lang-biang)
- Cao-nguyên Di-linh (Djiring),
- Cao-nguyên Bình-tuy.

PHƯƠNG PHÁP VẼ BẢN ĐỒ TRUNG PHẦN



Nhờ chương-trình khai-khắc của Chính-phủ, những cao-nguyên này sẽ là nguồn lợi vô tận của nền kinh-tế nước nhà.

|| **Phía Nam Trung-phần có nhiều cao-nguyên rộng, đất-đai phì-nhiều như cao-nguyên Công-tum, Đắc-lắc, Lâm-viên, Di-linh và Bình-tuy.**

VI.— Núi ở Nam-phần :

— Không cao hơn 1.000 m, đứng lẻ-lỏi trên một cánh đồng mênh-mông khi xưa là một vùng bề ca bị phù-sa bồi lấp.

— **Miền Đông-bắc :** Có núi Bà-đen, núi Chứa-chan, núi Dinh, núi Châu-thới. Miền này có những cao-nguyên đất đỏ hoặc xám (Tây-ninh) và nhiều rừng-rậm.

— **Miền Tây-bắc :** Có ngọn Thất-sơn ở Châu-dốc, núi Sam, núi Sập.

|| **Ở Nam-phần núi không cao, đứng lẻ-lỏi. Miền đông có nhiều cao-nguyên đất đỏ và nhiều rừng-rậm.**

Câu hỏi

- | | |
|--|---|
| 1) Núi ở Trung-phần và Nam-phần có những đặc-điểm gì ? | 6) Kê các đèo băng qua các chi-nhánh ấy ? |
| 2) Dãy Trường-sơn chạy từ đâu đến đâu ? | 7) Kê các cao-nguyên rộng ở Trung-phần ? |
| 3) Muốn sang Ai-lao phải qua những đèo nào ? | 8) Các cao-nguyên ấy có ảnh-hưởng gì đến nền kinh-tế tương-lai nước nhà ? |
| 4) Kê những đèo quan-trọng ? | 9) Núi ở Nam-phần thế nào ? |
| 5) Có phánh nào đâm ra tận biển ? | |

BÀI HỌC

Dãy Trường-sơn chạy từ Bắc xuống Nam không cao nhưng dài và hiểm-trở có nhiều đèo thấp dễ sang Ai-lao, quan trọng nhất là đèo Lao-bảo. Mặt đông, nhiều nhánh đâm ra tận biển nên có đèo Ngang, đèo Hải-vân và đèo Cả. Phía Nam có nhiều cao-nguyên rộng, đất-đai phì-nhiều như cao-nguyên Công-tum, Đắc-lắc, Lâm-viên, Di-linh, Bình-tuy. Ở Nam-phần núi không cao, đứng lẻ-lỏi. Miền đông có nhiều cao-nguyên đất đỏ và nhiều rừng-rậm. ☺

Bài đọc thêm :

Đèo Hải-vân

Vào quãng giữa hai tỉnh Thừa-thiên và Quảng-nam đất bằng hẹp lại, một chóp núi từ dãy Trảng-sơn chạy dài ra tận biển, chắn cả lối thông-thương qua hai tỉnh.

Đối với khách du-lịch, đèo Hải-vân là một nơi thắng cảnh có nhiều bức-họa thiên-nhiên đầy màu sắc; đây đây : cây xanh núi thẳm, dòng nước bạc trắng xóa rầm-rộ rạch núi xẻ rìng, để trào ra biển nước bao la xanh rờn, lốm-đốm những buồm trắng bạt gió ngoài khơi...

Đèo Hải-vân chạy dài độ 20 cây số, chiều cao độ 500 thước mà thôi. Nhưng vì chỗ đá quá cứng, nên con đường đèo phải quanh co, uốn khúc, khi vượt núi thẳm thẳm, khi chạy quanh miệng hố, khi thênh-thang giữa hóc đá cạnh biển đầy sóng gió.

Đường xe lửa có nơi thì uốn theo núi và biển, có nơi phải chui qua hầm đen tối. Đèo Hải-vân có tất cả 9 cái hầm, trong số đó có hầm Sen là dài nhất.

Khách du-lịch thường sung-sướng ngắm cảnh đèo, trong chiều đầy nắng lạ, giữa buổi sáng mai tung-bừng.

NGUYỄN-HUYỀN-LINH



(Ảnh của ông Vinh)

Một con đường đèo ở Cao-nguyên T. P.

BÀI 4

BÌNH - NGUYÊN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIÊU : — Bản đồ Việt-nam : Bình-nguyên.
 — Phấn màu
 — Tranh ảnh

RỘNG-ĐIỂM : I) Đặc tính
 II) Bình-nguyên ở Bắc-phần
 III) Bình-nguyên ở Trung-phần
 VI) Ảnh-hưởng

BÀI GIẢNG

I. — **Đặc-tính** : Bình-nguyên nước ta rộng chừng 75.000 km².

— Chỉ có hai Bình-nguyên lớn : châu thổ sông Nhị và sông Thái-bình ở Bắc-phần châu thổ sông Cửu-long và sông Đồng-nai ở Nam-phần.

— Ở Trung-phần, vì dãy Trường-son chạy gần sát biển nên bình-nguyên hẹp,

|| Việt-nam có 2 bình-nguyên lớn : châu-thổ sông Nhị và sông Thái-bình, châu-thổ sông Cửu-long và sông Đồng-nai.

II. — **Châu-thổ sông Nhị và sông Thái-bình.**

— Rộng chừng 15.000 km²,

— Hình tam-giác, đầu nhọn ở Việt-tri, bề nằm giáp vịnh Bắc-phần.

— Trước kia là vịnh, nhưng sau nhờ có đất phù-sa của sông Nhị và sông Thái-bình bồi mà thành ra

Những dãy đất ở các ven sông hàng năm do phù-sa tạo thành, nên có chỗ cao chỗ thấp. Vì vậy dân trong vùng phải đắp đê 2 bên bờ để ngăn nước lụt khỏi tràn vào đồng bằng.

|| Miền châu-thổ sông Nhị và sông Thái-bình rộng chừng 15.000 km² hình tam-giác, đất tốt, dân-cư đông đúc nhưng tiếc vì nhiều nơi thấp quá nên thường hay bị ngập lụt.

III. — **Bình-nguyên ở Trung-phần :**

— Trung-phần chỉ có một chuỗi đồng bằng chật hẹp nằm giữa dãy Trường-son và biển, chỗ rộng nhất độ 90 km, chỗ hẹp độ 25 km.

— Từ Bắc vào Nam có :

1) Đồng bằng Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh khá rộng.

2) Đồng bằng Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên đất đai chật hẹp.

3) Đồng bằng Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-dịnh có phần rộng-rãi và thấp dần.

4) Đồng bằng Phú-yên, Khánh-hòa, Ninh-thuận, chật hẹp, có nhiều trái núi đồ sộ, chỉ có đồng Tuy-hòa là tốt nhất.

Bắt đọc thêm :**PHONG CẢNH MIỀN TÂY NAM-PHÂN**

Cánh đồng rộng mênh-mông bát-ngát, sông ngòi, rạch chầy ngang dọc tạo thành những thủy-lộ rất tiện lợi. Tuy nhiên, phong-cảnh không phải lúc nào cũng buồn tẻ. Tùy theo từng mùa, con mắt du-khách sẽ được nhìn những quang cảnh khác nhau. Khi thì chỉ là những đám nước trắng, những cánh đồng ruộng lầy, khi thì như một mặt bể xanh xanh vì lúa non đang lớn, gió thổi gợn thành những đợt sóng rất đẹp. Đó là vựa thóc của Việt-nam. Người dân sống sung-túc trên mảnh đất phì nhiêu này. Lúa, cá, tôm là những nguồn-lợi mà tạo-hóa lúc nào cũng sẵn-sàng dành cho họ.

Nguyễn - văn - Mui



Một cánh đồng quê Việt-nam đất tốt
Quan-sát : Một nông-phu đang cày thửa ruộng đầy nước với con trâu béo mập

5) Đồng bằng Bình-thuận khá rộng.

|| Bình-nguyên ở Trung-phần đều chật hẹp vì dãy Trường sơn ăn ra tận biên.

IV.— Ảnh-hưởng :

Ở Bắc-phần dân cư đông đúc, đất đai lại thấp, hay bị ngập lụt làm thiệt hại mùa màng.

Ở Trung-phần đất đai quá chật hẹp nên dân hai miền này phải di-cư lên vùng cao-nguyên hoặc vào Nam để làm ăn.

Câu hỏi

- | | |
|---|--|
| 1) Bình-nguyên nước ta chiếm bao nhiêu diện-tích ? | 3) Tại sao miền này nay bị lụt ? |
| 2) Việt-nam có mấy bình-nguyên lớn ? Miền châu-thò sông Nhị và sông Thái-bình thế nào ? | 4) Bình-nguyên chật hẹp có ảnh hưởng gì đến dân sinh ? |

BÀI HỌC

Việt-nam có hai bình-nguyên lớn: châu-thò sông Nhị và sông Thái-bình, châu-thò sông Cửu-long và sông Đồng-nai.

Miền châu-thò sông Nhị và sông Thái-bình rộng chừng 15.000 km², hình tam-giác, đất tốt, dân cư đông-đúc nhưng tiếc vì nhiều nơi thấp quá nên thường hay bị ngập lụt.

Bình-nguyên ở Trung-phần đều chật hẹp vì dãy Trường sơn ăn ra tận biên.

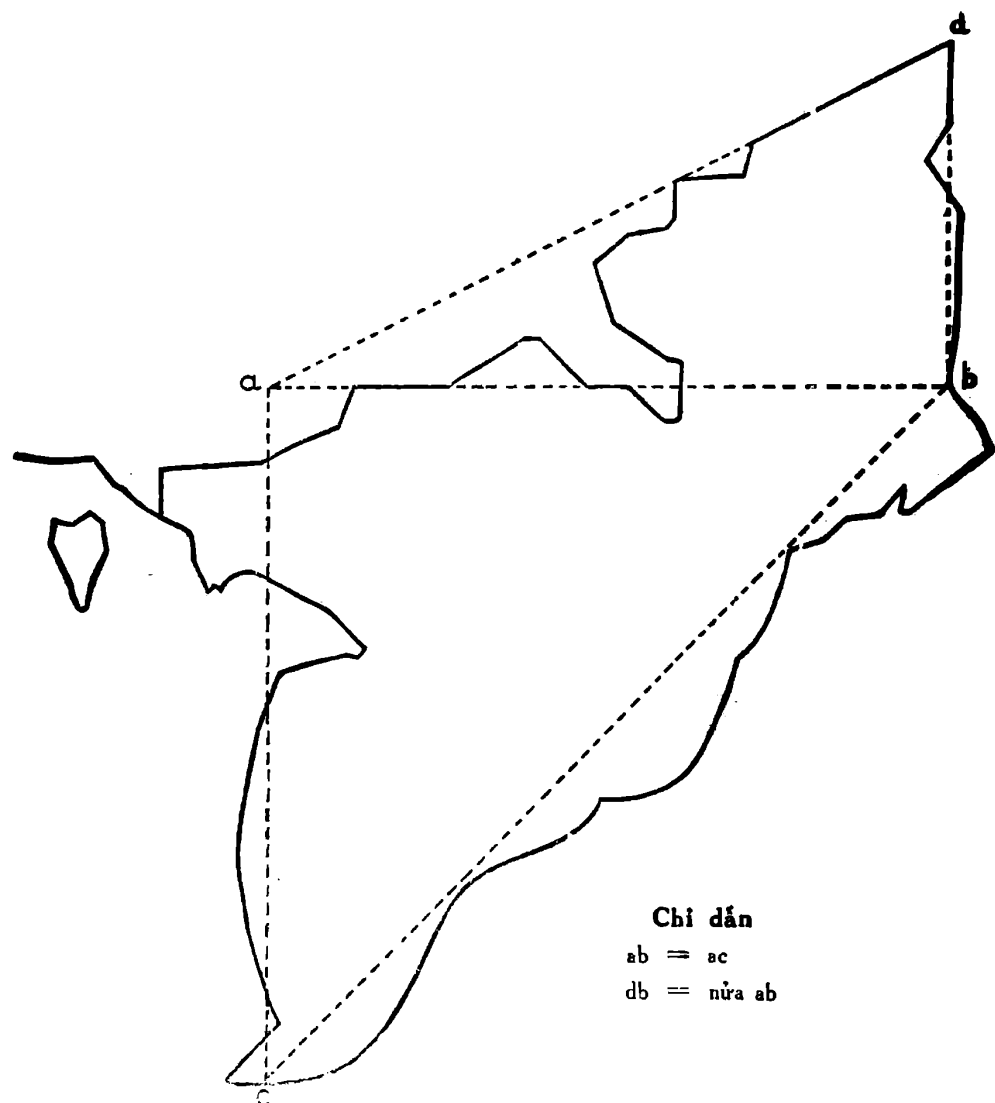
Bài 5

BÌNH-NGUYÊN Ở NAM-PHẦN

- GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Bản đồ Nam-phần trống (hoặc bản đồ V. N.)
 — Bản đồ Việt-Nam hình-thò.
 — Phấn màu
 — Tranh ảnh : Đồng-quê Việt-nam (TC TD, tập 6 số 2)

- TRỌNG-ĐIỂM : I) Miền châu-thò sông Cửu-long và Đồng-nai.
 II) Ảnh-hưởng.

PHƯƠNG-PHÁP VẼ BẢN ĐỒ NAM-PHẦN



BÀI GIẢNG

I.— Miền châu-thỏ sông Cửu-long và sông Đồng-nai :

— Rộng, chiếm gần hết Nam-phần do phù-sa của sông Cửu-long và sông Đồng-nai bồi đắp.

— Chia làm hai miền :

1) Miền đông : Đất cao, đỏ, khí hậu không tốt, nên ít người đến ở để sinh sống.

— Miền ở giữa châu-thỏ có một khu đất rộng chừng 100.000 mẫu tây, thấp và lầy lội (Đồng Tháp-mười).

2) Miền tây : Đất đai phì nhiêu, lợi cho việc trồng trọt.

— Nhờ nước sông Cửu-long chảy tràn vào các rạch và sông đào ở miền tây, đem theo phù-sa nên đất đai càng ngày càng lan rộng ra biển.

|| Miền châu-thỏ sông Cửu-long và sông Đồng-nai chiếm gần hết Nam-phần, do phù-sa của hai sông trên bồi thành, chia làm hai miền : miền đông đất cao và đỏ, dân cư thưa thớt ; miền tây thấp, đất tốt lợi cho việc trồng tía.

II.— Ảnh-hưởng : Miền châu-thỏ sông Cửu-long và sông Đồng-nai rộng còn nhiều đất tốt nhưng chưa khai thác hết. Nhờ chương-trình khai-thác của chính-phủ, những vùng này (nhất là Đồng-tháp-mười) đã biến thành những đồng ruộng phì nhiêu, đem lại cho nước ta một nguồn lợi lớn về kinh-tế.

|| Châu-thỏ sông Cửu-long và Đồng-nai là vựa lúa khổng-lồ của nước ta và của Viễn-đông.

Câu hỏi

- | | |
|---|---|
| 1) Miền châu-thỏ sông Cửu-long và Đồng-nai có đặc điểm gì ? | 4) Ở miền giữa châu-thỏ có đồng nào quan trọng ? |
| 2) Chia làm mấy miền ? | 5) Đồng bằng ở Nam-phần có ảnh hưởng gì đến nền kinh-tế tương-lai của đất nước. ? |
| 3) Đất đai mỗi miền như thế nào ? | |

BÀI HỌC

Miền Châu-thỏ sông Cửu-long và Đồng-nai chiếm gần hết Nam-phần, do phù-sa của hai con sông trên bồi thành, chia làm 2 miền :

Miền đông, đất cao và đỏ, dân cư thưa thớt.

Miền tây, thấp, đất tốt lợi cho việc trồng tía.

Châu-thỏ sông Cửu-long và sông Đồng-nai là vựa lúa khổng-lồ của nước ta và của Viễn đông.

Bài 6

BIỂN VÀ BỜ BIỂN

- GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU :** — Bản đồ Việt-nam
 — Phấn màu
 — Tranh ảnh Nha-trang : Gia-định số II
 tập 1. Đảo Phú quốc: TGTĐ số 9 tập 3
- TRỌNG-ĐIỂM :** I) Đặc tính
 II) Biển
 III) Bờ biển
 VI) Ảnh-hưởng

BÀI GIẢNG

I.— Đặc tính :

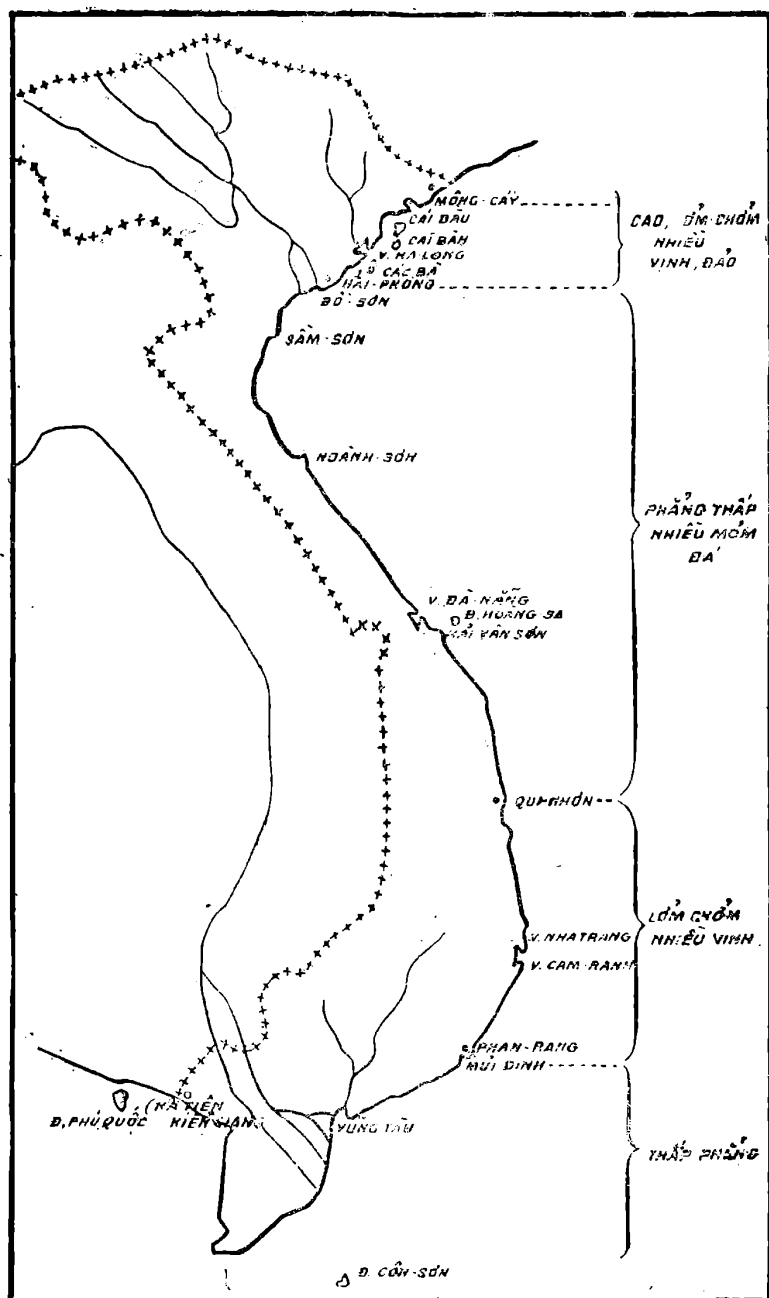
- Biển không sâu lắm.
- Bờ biển hình chữ S thay đổi tùy theo địa hình ; chỗ thì gồ ghề, lồi chồm, chỗ thì phẳng lì, thấp trũng, bùn lầy hay cát.

II.— Biển :

- 1) **Vịnh Bắc phần :** Cạn, có nhiều cù-lao.
 - 2) **Biển Nam-hải :** Thuộc Thái-bình-dương, có nhiều vực sâu đến 3.000 m.
 — Gần bờ không chỗ nào sâu quá 100 m.
 - 3) **Vịnh Thái-lan :** Cũng không sâu lắm.
- || **Biển ở Việt-nam không sâu, gồm có vịnh Bắc-phần, biển Nam-hải và vịnh Thái-lan.**

III.— Bờ biển :

- Dài chừng 2.200 km từ Móng-cáy đến Hà-tiên, chia làm bốn đoạn :
- 1) **Từ Móng-cáy đến Hải-phòng :**
 - Bờ biển lồi chồm đá và lồi lồi nên có nhiều vịnh như Vịnh Hạ-long, Vịnh Bái-tử-long.
 - Song song với bờ biển có nhiều đảo như đảo Cát-bà, Cái-bàu, Cái-bàn.
 - Hải cảng quan trọng : Hải-phòng.
 - 2) **Từ Hải-phòng đến Qui-nhơn .**
 - Bờ biển phẳng, thấp, toàn cát.
 - Đoạn này có nhiều chỗ núi nhô ra tận biển như Đồ-sơn, Sầm-sơn, Hoàng-sơn, Hải-vân-sơn.
 - Hải-cảng tốt : Đà-nẵng.
 - Ngoài khơi có đảo Hoàng-sa và Tây-sa.
 - 3) **Từ Qui-nhơn đến mũi Dinh (Phan-rang) :**
 - Bờ biển lồi chồm đá vì dãy Trường-sơn ăn ra tận biển.



Có thể dùng bản đồ để thay thế Bài học

— Có nhiều vịnh tốt như vịnh Cam-ranh, vịnh Nha-trang. Vịnh Cam-ranh rất sâu, kín gió, nên được liệt vào các hải-cảng tốt nhất thế-giới.

4) Từ mũi Dinh đến Hà-tiên :

— Bằng phẳng và thấp, toàn là phù-sa, song cũng có nhiều nơi đất nhô cao lên lùm thành nhiều mũi như mũi Ô-cấp (Vũng-tàu), một hải-cảng lớn nhất ở Việt-nam.

— Ngoài khơi có đảo Côn-lôn và Phú-quốc.

Bờ biển Việt-nam dài 2.200 km, hình chữ S, thay đổi tùy địa hình nên có chỗ thì lồi lõm, lờm chờm đá, chỗ thì thấp, phẳng và toàn cát. Có nhiều vịnh sâu kín gió, nhiều hải-cảng tốt như Hải-phòng, Đà-nẵng, Cam-ranh. Ngoài khơi có nhiều đảo.

IV. — Ảnh-hưởng :

— Bờ biển dài, ba mặt Đông, Nam, Tây giáp với Thái-bình-dương nên khí hậu ôn hòa, và nhờ có nhiều vịnh sâu tàu bè ra vào buôn bán dễ dàng làm cho nền thương-mại quốc-gia thịnh vượng.

Bờ biển nước ta dài, giáp với Thái-bình-dương nên khí-hậu điều hòa, kinh-tế phát-triển.

Câu hỏi

- 1) Nước Việt-nam giáp những biển nào ?
- 2) Bờ biển nước ta dài độ bao nhiêu km và chia làm mấy đoạn ?
- 3) Từ Móng cày đến Hải-phòng bờ biển thế nào ?
- 4) Kề những vịnh, đảo ở đoạn này ?
- 5) Từ Hải-phòng đến Qui-nhơn, bờ biển thế nào ? Vì sao ?
- 6) Đoạn này ngoài khơi có đảo gì ?
- 7) Từ Qui-nhơn đến mũi Dinh bờ biển thế nào ? Vì sao ?
- 8) Kề những vịnh tốt và những đảo ở ngoài khơi đoạn này ?
- 9) Từ mũi Dinh đến Hà-tiên bờ biển thế nào ? Vì sao ?
- 10) Có những vịnh, đảo nào ?
- 11) Bờ biển Việt-nam tiếp giáp với Thái-bình-dương có ảnh-hưởng gì về khí-hậu và kinh-tế nước nhà ?

BÀI HỌC

Biển ở Việt-nam không sâu, gồm có vịnh Bắc-phần, biển Nam-hải và vịnh Thái-lan.

Bờ biển Việt-nam dài 2.200 km, hình chữ S, thay đổi tùy địa hình nên chỗ thì lồi lõm, lờm chờm đá, chỗ thì thấp, phẳng và toàn cát, có nhiều vịnh sâu, kín gió, nhiều hải-cảng tốt như Hải-phòng, Đà-nẵng, Cam-ranh. Ngoài khơi có nhiều đảo.

Bờ biển nước ta dài, giáp với Thái-bình-dương nên khí-hậu, điều-hòa, kinh-tế phát-triển.

Bài đọc thêm :**Cửa bể Cam-ranh**

Cửa bể Cam-ranh là một cửa bể có danh tiếng khắp hoàn cầu và liệt vào hàng thứ nhì trong bốn cửa bể thiên nhiên mà tạo-hóa đã làm quà cho thế-giới (1).

Ngoài biển đi vào, thấy ngay một vịnh to lớn bề dài hơn 8 hải-lý, bề ngang 4 hải-lý từ phía có núi bao bọc và chặn hết gió bão. Diện-tích cho tàu đậu là 10.000 mẫu ta và sáu từ 12 đến 25 thước, nên các tàu lớn nhất, không vào được bến Sài-gòn ghé lại Cam-ranh, bao nhiêu chiếc, bất kỳ giờ nào, ban ngày, ban đêm, nước lớn, nước hạ đều có thể bỏ neo rất dễ-dàng. Cửa bể Cam-ranh rộng-rãi đến nỗi hàng trăm chiếc tàu lớn đỗ một lúc cũng được. Cam-ranh lại ở ngay trên con đường hàng-hải thế-giới : Tân-gia-ba — Hồng-kông — Thượng-hải — Hoàn-tân. Các tàu buôn lớn của Anh, Mỹ, Nhật, Ý, Pháp, Úc thường qua lại hằng ngày trước cửa Cam-ranh mà không vào.

Ngoài vị-trí thiên-nhiên tốt đẹp Cam-ranh còn là một đặc điếm của địa-dư đất Việt, vì nó như cái lỗ mũi thở ra biển đông . . .

TRƯƠNG-VĂN-HUẾ

- (1) — Sydney (ở Úc-châu)
Cam-ranh (ở Việt-nam)
Rio de Janeiro (ở Nam-Mỹ)
Diégo Suarez (ở đảo Madagascar (Phi-châu))



Hòn Phụ-ử (Bờ biển Hà-tiên)

Bài 7

KHÍ - HẬU

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU: — Bản đồ Việt-nam có ghi các chiều gió
— Phần màu và tranh ảnh.

- TRỌNG-ĐIỂM :**
- I) Đặc-tính
 - II) Khí-hậu :
 - a) Nhiệt độ.
 - b) Gió, bão
 - c) Mưa.
 - III) Ảnh-hưởng.

BÀI GIẢNG

I. — Đặc-tính :

— Nóng và ẩm ướt vì ở gần đường xích-đạo và Thái-bình-dương.
— Chỉ có 2 mùa, nhưng không đều và thay đổi từ Bắc xuống Nam, từ bờ biển đến lục-địa.

|| **Khí hậu Việt-nam nóng và ẩm vì gần đường xích-đạo.**

II. — Khí-hậu .

a) Nhiệt-độ. — Miền Nam nóng quanh năm.

— Miền Trung và miền Bắc nóng hơn một ít, song lạnh rất nhiều.
Càng tiến lên phía Bắc, nóng và lạnh càng khác nhau rất xa.
— Ở Bắc phần có mùa hè và mùa đông rõ rệt.

|| **Miền Nam nóng quanh năm nhưng càng tiến lên phía Bắc thì càng lạnh.**

b) Gió : Việt-nam ở vào vùng gió mùa.

— Mỗi năm có hai ngọn gió cứ thay phiên nhau mà thổi.

1) Gió mùa Đông hay gió bắc :

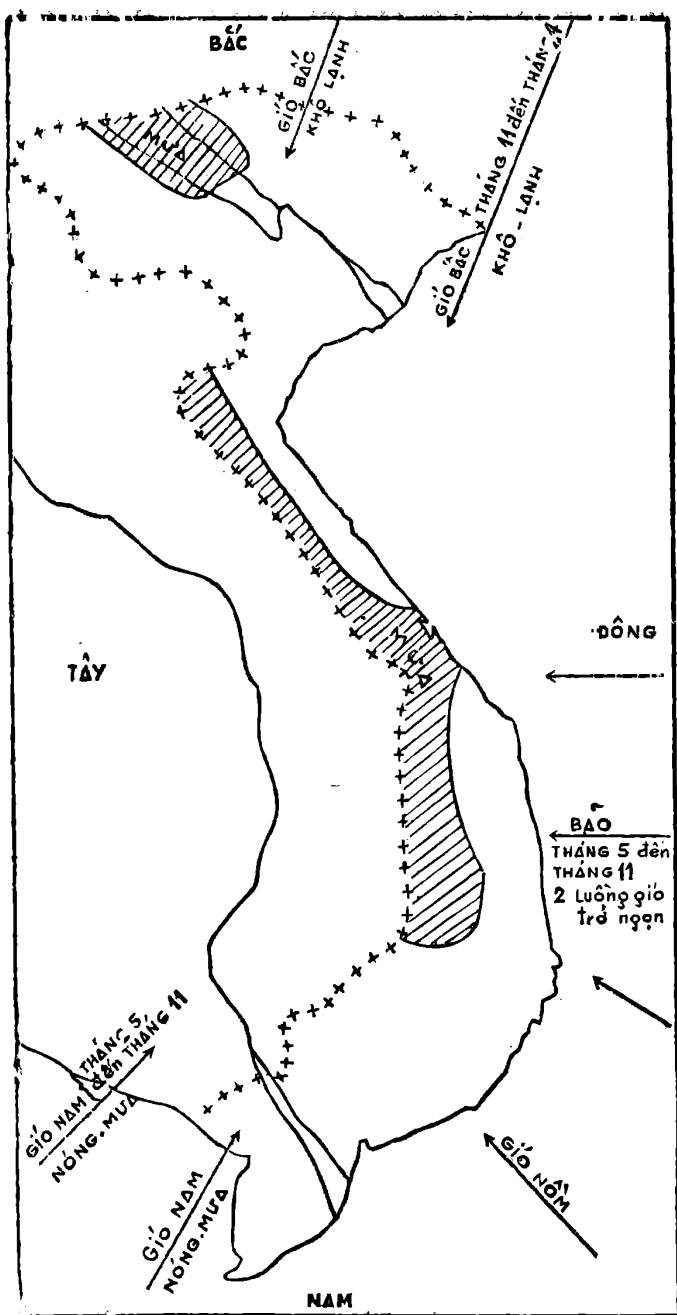
— Từ tháng 11 đến tháng 4 dương-lịch theo hướng Đông Bắc — Tây Nam từ lục địa Trung-hoa thổi sang. Ngọn gió này khô khan, lạnh lẽo.

2) Gió mùa hè hay gió nam : Thổi từ tháng 5 đến tháng 11 theo hướng Tây Nam — Đông bắc, nóng và thường có mưa.

— Mỗi năm vào khoảng tháng 5 đến tháng 11 dương-lịch khi hai luồng gió trở ngọn thì thường có bão phát hiện ở ngoài biển mà tàn phá miền duyên-hải Bắc và Trung-phần Việt-nam.

|| **Việt-nam có hai ngọn gió mùa: gió bắc và gió nam. Miền duyên-hải thường hay bị bão.**

c) Mưa : Gió mùa đem mưa khắp Việt-nam, nhưng không đều và không cùng một lượt :



Có thể dùng Bản đồ để thay thế bài học

- 1) Nam-phần mưa từ tháng 4 đến tháng 11.
- 2) Trung và Bắc-phần mưa từ tháng 8 đến tháng 12.
- 3) Ở Bắc-phần và Bắc Trung-phần có mưa phùn từ tháng 1 đến tháng 2.

|| Nước ta là một xứ mưa nhưng không đều. Miền Bắc từ tháng 1 đến tháng 2 thường có mưa phùn.

III.— Ảnh-hưởng :

Tuy ở gần đường xích-đạo, nhưng nhờ ảnh-hưởng ôn-hòa của Thái-bình-dương mà khí-hậu Việt-nam có phần dịu bớt nhiều, lại lắm mưa lợi cho việc trồng-trọt, song vì ẩm thấp nên sinh lắm bệnh,

|| Nhờ ảnh-hưởng của thái-bình-dương, khí-hậu có phần dịu, lợi cho nông-nghiệp, song ẩm nên không được tốt.

Câu hỏi

- 1) Khí-hậu Việt-nam có những đặc-tính gì ?
- 2) Tại sao miền Nam nóng quanh năm ?
- 3) Ở Trung và Bắc nóng lạnh thế nào ?
- 4) Tại sao ở Bắc-phần có mùa lạnh ?
- 5) Tại sao gọi là gió mùa ?
- 6) Vào khoảng tháng nào thì ở nước ta thấy có bão ?
- 7) Mùa mưa ở Nam-phần vào tháng nào ?
- 8) Ở Trung và Bắc-phần mưa vào tháng nào ?
- 9) Tại sao có mưa phùn ?
- 10) Khí-hậu ở Việt-nam có tốt không ?

BÀI HỌC

Khí-hậu Việt-nam nóng và ẩm vì ở gần đường xích-đạo. Miền Nam nóng quanh năm, nhưng càng tiến lên phía Bắc thì càng lạnh.

Việt-nam có hai ngọn gió mùa : gió bắc và gió nam. Miền duyên-hải thường hay bị bão.

Nước ta là một xứ mưa nhưng không đều. Miền Bắc từ tháng 1 đến tháng 2 thường có mưa phùn.

Nhờ ảnh-hưởng của Thái-bình-dương, khí-hậu có phần dịu, lợi cho nông-nghiệp song ẩm nên không được tốt.

Bài đọc thêm :

BÃO

... Gió to quá. Đẽ chừng có bao nhiêu gió trời đã ỉch lại từ ba hôm nay bùng lên nổi dậy xoay chiều thổi mạnh. Các cột nhà chuyển rầm rắc. Mái nhà con trơ những tre, bao nhiêu rơm lợp bay cả xuống



Cảnh sương-mù ở Huế

sân. Ngẩng lên thấy chớp loang loáng. Gió ta trên lùa xuống. Rồi mấy phút sao, mưa to đổ xuống. Một trận mưa to rất hiếm. Người ta có cảm tưởng như tất cả nước ở trên trời đều trút cả xuống, vì người ta chỉ thấy một tiếng ào ào mãnh-liệt, chứ không phải những tiếng rào rào của hàng ngàn triệu giọt mưa cùng rơi một lúc lao nền. Bỗng một tiếng sét long trời làm rung chuyển cả mặt đất. Mưa vẫn to. Gió vẫn mạnh. Sấm sét vẫn ầm vang.

Hơn một giờ sau mưa tạnh. Sự tĩnh mịch trở lại với đêm thanh.

Bình minh. Ánh sáng yếu ớt để lộ một cảnh tượng hoang tàn. Những cành cây gãy, những cây to đổ bật rễ, những lá tre phủ kín mặt đường. Đây một bức tường đất đổ ngổn ngang. Kìa, mấy nhà tranh mất mái. Đó là những tai hại gây nên bởi cơn dông-lũ đêm qua.

Theo Nguyễn-khắc-Mẫn

Ca dao

Bão bùng ngành ngọn xơ-rơ,
Chím không nơi đậu dặt-dờ khá thương



Bài 8

VIỆT-NAM HÌNH-THẺ : SÔNG NGÒI. SÔNG NGÒI BẮC-PHẦN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Bản-đồ sông ngòi.
— Phần màu.
— Tranh ảnh về sông ngòi.

TRỌNG-ĐIỂM : I.— Đặc-tính.
II.— Sông Nhị.
III.— Sông Thái-bình.
IV.— Ảnh-hưởng.

BÀI GIẢNG

I.— **Đặc tính** : Sông ngòi Việt-nam ;
— Chẳng chịt như mạng nhện
— Phần nhiều sông ngắn vì núi gần biên
— Chịu ảnh hưởng gió mùa.
— Có bốn con sông lớn : sông Nhị, sông Thái-bình, sông Cửu-long và sông Đồng-nai.

|| Sông ngòi nước ta phần nhiều ngắn. Chỉ có bốn sông lớn là sông Nhị, sông Thái-bình, sông Cửu-long, và sông Đồng-nai.

II. — Sông Nhị :

— Phát nguyên từ Vân-nam, dài 1.200 km, vào địa phận Việt nam tại Lao-cay rồi chảy ra vịnh Bắc-phần, gồm có hai đoạn :

1) Từ Lao-cay đến Việt-trì, lòng sông đầy đá, có nhiều thác ghềnh, tàu bè không đi lại được.

2) Từ Việt-trì trở xuống, sông rộng nước chảy chậm, nên tiện cho sự giao-thông.

— Phụ-lưu :

— Tả-ngạn có sông Lô, sông Gầm và sông Chảy,

— Hữu-ngạn có sông Đà,

— Trước khi đổ ra biển, phía bên trái sông Nhị có sông Đuống và sông Luộc chảy vào sông Thái-bình.

|| Sông Nhị dài 1.200 km phát nguyên từ Vân-nam, chảy ra Vịnh Bắc-phần, có 2 phụ lưu quan trọng: sông Lô và sông Đà.

III. — Sông Thái-bình :

— Do sông Cầu, sông Thương và sông Lục-nam hợp thành.

— Ngắn nhưng rộng nhờ sông Đuống và sông Luộc từ sông Nhị chảy vào

— Trước khi đổ ra biển, sông Thái-bình phân làm nhiều nhánh chằng-chịt.

|| Sông Thái-bình do sông Cầu, sông Thương và sông Lục-nam hợp thành, có sông Đuống và sông Luộc từ sông Nhị chảy sang

IV. — Ảnh-hưởng :

Sông ngòi Bắc-phần khá nhiều, rất ích-lợi cho nông-nghiệp, nhưng vì chịu ảnh-hưởng của núi-non nên :

— Về mùa nước cạn, sự giao-thông trên con sông Nhị và sông Thái-bình không tiện-lợi lắm.

— Mùa mưa, nước to, làm vỡ đê, tràn vào đồng bằng gây cho dân quê những thiệt-hại lớn về mùa-màng và nhà cửa.

|| Sông Nhị và sông Thái-bình rất ích-lợi cho nông-nghiệp, nhưng về mùa nước cạn sự giao-thông không được tiện-lợi lắm.

Câu hỏi

- | | |
|--|---|
| 1) Sông ngòi Việt-nam ra sao ?
Có những đặc-tính gì ? | 7) Sông Nhị có những phụ-lưu nào ? |
| 2) Nước ta có mấy con sông lớn ? | 8) Sông Thái-bình do những con sông nào hợp thành ? |
| 3) Sông Nhị dài bao nhiêu ? | 9) Ở vùng Đông-bắc, hay ở vùng Cao-Lạng có những con sông nào ? |
| 4) Phát-nguyên từ đâu ? | 10) Sông Nhị và sông Thái-bình ích-lợi cho nước ta thế nào ? |
| 5) Tại sao sông Nhị có tên là Hồng-hà ? | |
| 6) Sông Nhị có tiện-lợi cho việc lưu-thông không ? | |

BÀI HỌC

Sông ngòi nước ta phần nhiều ngắn. Chỉ có 4 sông lớn là : Sông Nhị, sông Thái-bình, sông Cửu-long và sông Đồng-nai. Sông Nhị dài 1.200 km, phát-nguyên từ Vân-nam chảy ra vịnh Bắc-phần. Có hai phụ-lưu quan-trọng : sông Lô và sông Đà.

Sông Thái-bình do sông Cầu, sông Thương, và sông Lục-nam hợp thành, có sông Đuống và sông Luộc từ sông Nhị chảy sang.

Sông Nhị và sông Thái-bình rất ích-lợi cho nông-nghiệp nhưng về mùa nước cạn sự giao-thông không được tiện-lợi lắm.

Bài đọc thêm :

Đắp đê

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị-hà lên to quá; khúc đê làng... thuộc phủ... xem chừng núng thế lắm, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kè hàng trăm hàng nghìn con người từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thường người thì oóc, kẻ đội đất người vác tre, nào đắp cừ, bịt bồm dưới bùn lầy, ngập quá khuỷu chân, người nào người ấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh này trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác, gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thì nước cuộn cuộn bốc lên. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức Trời! Thế là không sao địch nổi với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.

PHẠM-DUY-TỐN

Ca dao

Sông Gầm, sông Chảy, sông Lô,
Ba con sông ấy chảy vô Hồng-hà.



Sông Cầu, sông Lục, sông Thương,
Ba sông hợp lại cùng tuôn Thái-bình.

Đài 9

SÔNG NGÒI Ở TRUNG VÀ NAM-PHẦN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU :

- Bản-dồ Việt-nam sông ngòi.
- Bản-dồ Việt-nam trống.
- Tranh-ảnh : Sông Hương ở Huế, sông Cửu-long trong nguyệt-san Gia - đình tập 2, số 4 tập 1.

- TRỌNG-ĐIỂM :
- I.— Sông ngòi ở Trung-phần.
 - II.— Sông ngòi ở Nam-phần.
 - III.— Ảnh-hưởng.

BÀI GIẢNG

I.— Sông ngòi ở Trung-phần :

Ở Trung-phần sông ngòi rất nhiều nhưng ngắn và cạn.

- Sông Mã (500 km) phát-nguyên ở Lai-châu (Bắc-phần), đến gần biên có sông Chu chảy vào ; sông Cả (600 km) phát-nguyên ở cao-nguyên Trấn-ninh (Lào) ; sông Gianh, sông Trà-khúc và sông Đà-rằng quan-trọng hơn cả.
- Các sông Nhật-lệ, Bến-hải, Thạch-hàn, Hương-giang, Cầm lệ, sông Hội-an đều ngắn, không tiện cho sự giao-thông.

|| Sông ngòi ở Trung-phần ngắn và cạn, những sông chính là : sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Trà-khúc và sông Đà-rằng

II.— Sông ngòi ở Nam-phần :

Ở Nam-phần sông dài và rộng hơn. Hai sông quan-trọng là :

1) Sông Cửu-long :

- Dài chừng 4.200 km, một trong những con sông lớn trên thế-giới.
- Phát-nguyên ở Tây-tạng, chảy sang Vân-nam, Diên-diện, Ai-lao, Thái-lan, Căm-bốt, rồi vào địa-phận Nam-phần.
- Đến Nam-vang, sông Cửu-long phân làm hai nhánh : Tiền-giang và Hậu-giang chảy vào Nam-phần rồi đổ ra biên Nam-hà.
- Sông Cửu long có sông Tông-lê-sáp thông với Biền-hồ (Nam-vang), nhờ thế mà Nam-phần ít lụt.

|| Ở Nam phần sông Cửu-long dài 4.200 km phát-nguyên từ Tây-tạng. Đến Nam-vang sông chia làm hai nhánh : Tiền-giang và Hậu-giang chảy vào Nam-phần rồi đổ ra biên.

2) Sông Đồng-nai :

- Dài chừng 500 km, phát - nguyên từ cao - nguyên Lâm - viên (dãy Trường-son).
- Từ Biền-hòa trở về biên, sông phẳng-lặng, rất thuận-tiện cho sự giao-thông.

- Phụ-lưu quan-trọng nhất là sông Sài-gòn (Thủ-dò Sài-gòn nằm trên bờ sông này).
- Tới giáp sông Sài-gòn, sông Đồng-nai hợp với sông Vàm-cỏ đồng và Vàm-cỏ tây mà chia làm nhiều nhánh nhỏ.

Sông Đồng-nai phát-nguyên từ cao-nguyên Lâm-viên dài 500 km, có phụ-lưu quan-trọng là sông Sài-gòn.

IV.— Ảnh-hưởng :

- Vì chịu ảnh-hưởng của địa-hình nên sông ở Trung-phần không tiện cho sự giao-thông.
- Sông ở Nam-phần rất nhiều và rộng nên thuận tiện cho nông-nghiệp, thương-mại và giữ một vai-trò quan-trọng đối với Ai-lao và Căm-bốt (các hàng-hóa của hai nước này đều phải ra vào các sông ấy). Nhờ thế mà thương-cảng Sài-gòn rất sầm-uất, việc buôn bán được thịnh-vượng.

Sông ngòi ở Nam-phần là mạch máu quý của đồng ruộng Việt-nam và đóng một vai-trò quan-trọng về thương-mãi đối với Ai-lao và Căm-bốt.

Câu hỏi

- | | |
|---|---|
| 1') Tại sao sông ngòi ở Trung-phần ngắn mà cạn ? | 5') Vì sao ở Nam-phần ít lụt ? |
| 2') Kể các sông chính ở Trung-phần ? | 6') Đến Nam-vang sông chia làm mấy nhánh ? |
| 3') Sông ở Nam-phần có những đặc tính gì ? | 7') Sông Đồng-nai phát-nguyên từ đâu ? — dài bao nhiêu ? |
| 4') Sông Cửu-long phát-nguyên ở đâu ? — dài bao nhiêu ? | 8') Có phụ-lưu nào quan trọng ? |
| | 9') Sông ở Việt-nam có ảnh-hưởng gì đối với dân-sinh ? đối với hai nước Ai-lao, Căm-bốt ? |

BÀI HỌC

Sông ngòi ở Trung-phần ngắn và cạn.

Những sông chính là sông Mã, sông Cả, sông Trà-khúc và sông Đà-rằng.

Ở Nam phần, sông Cửu-long dài 4.200 km, phát-nguyên từ Tây-tạng. Đến Nam-vang sông chia làm hai nhánh : Tiền-giang và Hậu-giang chảy vào Nam-phần rồi đổ ra biển. Sông Đồng-nai phát-nguyên từ cao-nguyên Lâm-viên, dài 500 km, có phụ-lưu quan-trọng là sông Sài-gòn.

Sông ngòi ở Nam-phần là mạch máu quý của đồng ruộng Việt-nam và đóng một vai-trò quan-trọng về thương-mãi đối với Ai-lao và Căm-bốt.

Cửu - long - giang

.... Qua ranh giới Miền-Việt, tới Châu-đốc, giòng Cửu-long giang rẽ làm hai, một ngọn chảy về Hậu-giang chia làm 4, và một ngọn chảy về Tiền-giang chia làm 5 khúc. Trong khi chảy qua Nam phần, giòng Cửu-long không có thác có ghềnh, và nhiều quãng lòng sông rộng mênh mông như khi chảy qua Phong-dinh (Cần-thơ), rồi đổ ra biển Nam-hải qua chín cửa sông là cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba-ta, cửa Hàm-luong, cửa Cỏ-chiên, cửa Định-an, cửa Ba-thắc, cửa Cung-hầu, cửa Trần-dé. Phải chăng vì vậy người ta mới mệnh danh cho con sông này là Cửu-long giang, ý nói có 9 nhánh như 9 con thủy long ? . . .

Sông Cửu-long năm nào nước cũng dâng lên vào thời kỳ nhất định từ tháng 6 đến 10 nên không cần phải đắp đê, vì điệu nước đều, dân ở hai bên bờ sông không trồng trọt gì trong tháng có nước lũ. Khi nước sông rút ra khỏi ruộng có nhiều phù sa phì nhiêu, nông dân không cần phải tốn kém về phân bón. Trái lại điệu nước sông Hồng-hà không đều nên phải đắp đê và khi nào vỡ đê gây ra nạn lụt lội thiệt hại rất lớn.

Sông Cửu-long, hợp với sông Đồng-nai, cùng phụ lưu là sông Soát-ráp, sông Vàm-cỏ với 3.000 cây số sông đào, kênh, lạch, chằng chịt như mạng nhện ở miền châu thổ đã giúp cho nông nghiệp và nền thương mại ở Nam phần được phát đạt và sự lưu thông bằng tàu bè rất thuận lợi.

Ngoài ra sông Cửu long còn là một nguồn lợi vô tận cho nghề chài lưới ...

KIM-ĐIỀN

Ca - dao

Nhà Bè nước chảy rẽ hai,
Ai về Gia-định, Đồng-nai thì về.



Sông Hương (Huế)

BÀI 10

BÀI HỌC ÔN VỀ VIỆT-NAM HÌNH-THỂ

- I) Địa-thể:
- 1) Vị-trí : — Ở về phía Đông-nam châu-Á, giữa Trung-hoa và Ấn-độ, hình cong chữ S
 - 2) Giới-hạn : — Bắc : Trung-hoa.
— Đông và Nam : Vịnh Bắc-phần, biển Nam-hải, vịnh Thái-lan.
— Tây : Ai-lao và Căm-bốt
 - 3) Diện-tích : 326.000 km²
 - 4) Núi : — Bắc : Dãy Đông-triều, Ngân-sơn Bắc-sơn, Sông Gầm và Hoàng-liên-sơn,
— Trung : Dãy Trường-sơn có đèo quan trọng ; Lao-bảo, Hoàng-sơn, Hải-vân.
— Nam : Núi thấp, đứng lẻ loi.
 - 5) Cao-nguyên : — Bắc : Cao-nguyên đá vôi Sơn-la.
— Trung : Cao-nguyên Đắc-lắc, Công-tum, Lâm-viên, Di-linh, Bình-tuy : đất đai phì nhiêu.
— Nam : Phía Tây có cao-nguyên đất đỏ, rừng rậm.
 - 6) Bình-nguyên : — Bắc : Châu-thò sông Nhị và sông Thái-bình (15.000 km²),
— Trung : Hẹp, chiếm hầu hết các tỉnh Trung-phần. Chỉ có Thanh-hóa, Nghệ-an, và Bình-thuận là khá rộng.
— Nam : Châu-thò sông Cửu-long và sông Đồng-nai có Đồng-thấp-mười, đồng Cà-mâu, đất thấp.
 - 1) Biên (không sâu) : — Vinh Bắc-phần.
— Biên Nam-hải.
— Vịnh Thái-lan.
- II) Biên và bờ biển
- 2) Bờ biển (dài 2.200km hình chữ S) : — Từ Mông-cây đến Hải-phòng : Lớn chồm, nhiều vịnh và cù lao.
— Từ Hải-phòng đến Qui-nhơn : phẳng, thấp, có quần đảo Hoàng-sa và Tây-sa.
— Từ Qui-nhơn đến mũi Dinh : Lớn chồm ; vịnh tốt : Cam-ranh.
— Từ mũi Dinh đến Hà-tiên : Phẳng, thấp, có Vũng-tàu, có đảo Côn-lôn và Phú-quốc.

III. Khí-hậu (Nóng, ẩm).

- | | |
|---|---|
| <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="writing-mode: vertical-rl; font-size: 4em; margin-right: 5px;">{</div> <div style="display: flex; flex-direction: column; justify-content: space-around;"> <div>1) Nhiệt-độ.</div> <div>2) Gió, bão.</div> <div>3) Mưa.</div> </div> </div> | — Nam : nóng quanh năm.
— Trung : nóng và lạnh hơn.
— Bắc : nóng và lạnh nhiều.
— Gió bắc : khô khan, lạnh lẽo.
— Gió nam : đem mưa.
— Miền duyên-hải Bắc-phần và Trung-phần hay có bão.
— Bắc: mưa nhiều, mùa đông có mưa phùn.
— Trung : mưa nhiều về mùa đông.
— Nam : ít mưa. |
|---|---|

IV. Sông ngòi.

- | | |
|---|--|
| <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="writing-mode: vertical-rl; font-size: 4em; margin-right: 5px;">{</div> <div style="display: flex; flex-direction: column; justify-content: space-around;"> <div>1) Bắc-phần :</div> <div>2) Trung-phần:</div> <div>3) Nam-phần:</div> </div> </div> | — Sông Nhị (dài 1.200 km, phát-nguyên ở Trung-hoa).
— Sông Thái - bình do sông Cầu, sông Thương và sông Lục-nam hợp lại.
— Sông Bằng-giang, Bắc-giang, Kỳ-cùng.
— Ngắn, cạn, về mùa mưa hay bị ngập lụt.
— Sông Mã, Cả, Gianh, Đà-rằng, Trà-khúc : khá quan-trọng :
— Sông Cửu-long (dài 4.200km, phát-nguyên ở Tây-Tạng)
— Sông Đồng-nai, có chi nhánh là sông Sài-gòn. |
|---|--|

V. Ảnh- hưởng.

- | | |
|---|---|
| <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="writing-mode: vertical-rl; font-size: 4em; margin-right: 5px;">{</div> </div> | — Việt-nam là cửa ngõ của miền Hoa-nam, Ai-lao và Căm-bốt.
— Bao-lơn của Thái-bình-dương : tàu bè ngoại-quốc thường hay ra vào ở các cửa biển Việt nam.
— Vị-trí quan-trọng trên đường giao-thông quốc-tế.
— Có bình-nguyên rộng, lợi cho việc trồng-trọt.
— Sông ngòi phong-phú,
— Khí-hậu ôn-hòa, lợi cho nông-nghiệp. |
|---|---|



VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Bài 11

DÂN - CU

GIỚI-THIỆU VẬT-LIÊU : — Bản-đồ Việt-nam hình-thế.

— Tranh-ảnh :

- Cách phục-sức của dân ông và dân bà qua các thời-đại.
- Thế-giới tự-do số 5 tập IV, số 7 tập VI, số 1 tập V.

TRỌNG-ĐIỂM :

I. — Đặc-tính.

- II. — Dân-số :
- 1) Người Việt,
 - 2) Dân-tộc miền Thượng,
 - 3) Người ngoại-quốc.

BÀI GIẢNG

I. — Đặc-tính :

- Dân-cư phần nhiều sống chen-chức ở các thành-phố và miền duyên-hải.
- Thừa-thót ở miền sơn-cước.
- Người Việt da vàng, thấp, tháo-vát, hiếu học, có tinh-thần quốc-gia mạnh-mẽ.
- Các dân miền Thượng có nhiều ngôn-ngữ, phong-tục khác nhau.

II. — Dân-số :

Dân-số Việt-nam chừng 22 triệu rưỡi người, gồm có 20 triệu người Việt, 2 triệu người Thượng và nửa triệu người ngoại-quốc.

1) Người Việt :

- Ở khắp nơi, phần nhiều chuyên về nông-nghiệp và chài lưới.
- Họ phần nhiều theo đạo Phật, thờ cúng tổ-tiên và hơn 2 triệu người theo đạo Thiên-chúa.
- Một ít theo đạo Cao-đài và Hòa-hảo.

|| Dân-số Việt-nam chừng 22 triệu rưỡi người, đa-số là người Việt, chuyên về nông-nghiệp và chài lưới. Họ theo đạo Phật, đạo Thiên-chúa và thờ cúng tổ-tiên.

2) Dân miền Thượng : Sự sinh-hoạt còn chậm tiến.

a) Ở Bắc-phần : chừng 1 triệu người gồm có người Thái, Mường, Mán, Mèo, Lô-lô ở các miền thượng-du và trung-du Bắc-phần.

b) Ở Trung-phần : chừng 94 vạn người, gồm có người Ra-dê, người Chăm ở dãy Trường-sơn vùng cao-nguyên và miền nam Trung-phần.

c) Ở Nam-phần : chừng 30 vạn người, có người Mên ở miền tây Nam-phần.

Ở các miền thượng-du, trung-du Bắc-phần và trên dãy Trường-sơn có các giống người Thượng. Ngoài ra còn có người Chăm ở miền Nam Trung-phần, người Mên ở miền Tây Nam-phần.

3) Các ngoại-kiểu : Chừng nửa triệu người, gồm có :

- Người Trung-hoa : chừng 40 vạn ở khắp nơi, chuyên buôn bán.
- Người Pháp : chừng 12 ngàn người, chuyên về thương-mãi và kỹ nghệ
- Người Ấn, Mỹ, Anh, Nhật... ở các thành-phố lớn.

Ở Việt-nam có chừng nửa triệu ngoại-kiểu, phần nhiều là người Trung-hoa, Pháp, Ấn-độ và Mỹ.

Câu hỏi

- 1) Kể các đặc-tính của người Việt ? Người Thượng ?
- 2) Dân-số ở Việt-nam chừng bao nhiêu ?
- 3) Người Việt chuyên về nghề gì ? Và theo những tôn-giáo nào ?
- 4) Kể các dân miền Thượng ở Bắc, Trung, Nam-phần ?
- 5) Sự sinh-hoạt của họ thế nào ?
- 6) Kể các người ngoại-quốc ở Việt-nam ?
- 7) Họ phần nhiều làm những nghề gì ?

BÀI HỌC

Dân-số Việt-nam chừng 22 triệu rưỡi người, đa-số là người Việt, chuyên về nông-nghiệp và chài lưới. Họ theo đạo Phật, đạo Thiên-chúa và thờ cúng tổ tiên.

Ở các miền thượng-du, trung-du Bắc-phần và trên dãy Trường-sơn có các giống người Thượng. Ngoài ra còn có người Chăm ở miền nam Trung-phần, người Mên ở miền tây Nam-phần.

Ở Việt-nam có chừng nửa triệu ngoại-kiểu, phần nhiều là người Trung-hoa, Pháp, Ấn-độ và Mỹ.



Hai vợ chồng người Thương

Quan-sát : Đàn ông búi tóc, mặc áo dề hở ngực, đóng khố.
Đàn bà ngâm điệu trúc, mặc váy và luôn luôn
mang con tước bụng.



Phụ-nữ Mèo

Quan - sát : Đầu chít khăn, cổ đeo vòng bạc, mặc
váy cụt quá gối và thắt dây lưng màu.

VIỆC HÀNH - CHÁNH

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Lược đồ tổ-chức Chính-quyền Việt-nam
— Tranh ảnh các thành-phố lớn.

TRONG-ĐIỂM : I.— Chính-thề.
II.— Chính-phủ Trung-ương.
III.— Chính-quyền địa-phương.

BÀI - GIẢNG

I — Chính-thề :

- Nước Việt-nam là một nước độc-lập theo chính-thề cộng-hòa.
- Hiện được nhiều nước trên thế-giới công nhận.
- Quốc-hội gồm 123 vị dân biểu do dân trực-tiếp bầu ra đề biếu quyết các đạo luật, chấp thuận các điều-uớc, hiệp-dịnh quốc-tế.

Việt-nam là một nước độc-lập, theo chính-thề cộng-hòa, có Quốc-hội đại-diện toàn dân.

II.— Chính-phủ trung-ương :

- Đứng đầu chính-phủ là một vị Tổng-thống có Phó Tổng-thống phụ-tá do dân trực-tiếp bầu lên, nhiệm-kỳ là 5 năm.
- Chính-phủ gồm có 13 bộ, đứng đầu mỗi bộ có Bộ-trưởng do Tổng-thống bổ nhiệm.

Đứng đầu chính-phủ là Tổng-thống, có Phó Tổng-thống và các vị Bộ-trưởng phụ-tá.

III.— Chính-quyền địa-phương :

1) Phần :

- Đề phụ-tá Tổng-thống mỗi phần có vị Đại-biểu chính phủ đề kiểm-soát và đôn-dốc mọi hoạt động của các tỉnh, thành.

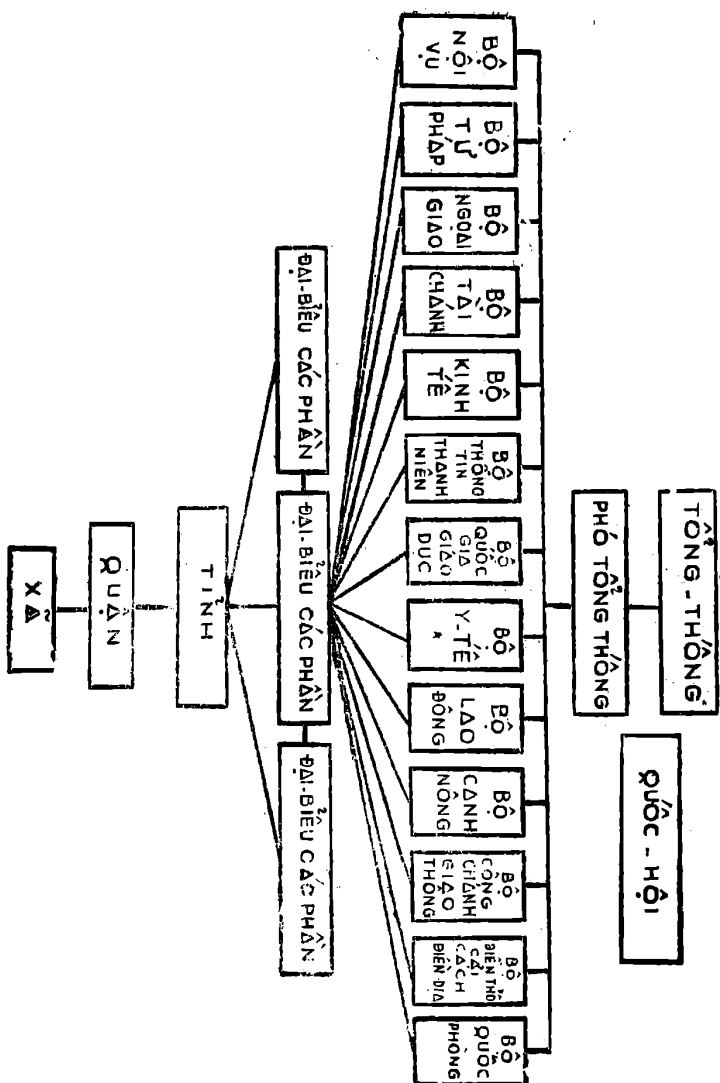
Tại các phần có các Đại-biểu chính-phủ đứng đầu.

2) Tỉnh, thành-phố :

- Mỗi phần chia làm nhiều tỉnh và thành-phố. Mỗi tỉnh có vị Tỉnh-trưởng đứng đầu đề coi sóc và điều hành việc hành-chánh trong tỉnh.
- Phụ-tá Tỉnh-trưởng có phó Tỉnh-trưởng cùng các ty chuyên-môn.
- Đứng đầu thành-phố có Đô-trưởng hay Thị-trưởng và hội-đồng thành-phố.
- Nước Việt-nam cộng-hòa từ Bến-hải trở vào có 38 tỉnh và 4 thành-phố lớn : Sài-gòn, Huế, Đà-nẵng, Đà-lạt.

Phần chia ra làm nhiều tỉnh, thành. Mỗi tỉnh có Tỉnh-trưởng đứng đầu : mỗi thành-phố có Đô-trưởng hoặc Thị-trưởng.

LƯỢC ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN CỘNG HÒA VIỆT NAM



3) Quận :

- Tỉnh chia ra làm nhiều quận.
- Đứng đầu mỗi quận có Quận-trưởng thay mặt Tỉnh-trưởng đề kiểm-soát công việc các xã.

4) Tổng, Xã :

- Ở Trung-phần : Quận chia ra làm nhiều xã. Xã có hội-dồng xã, đứng đầu là vị đại-diện xã.
- Ở Nam-phần : Quận chia ra làm nhiều tổng. Tổng có chánh tổng đứng đầu đảm-nhiệm việc liên-lạc giữa xã và quận. Tổng chia ra làm nhiều xã có hội-dồng xã đứng đầu.

Tỉnh chia ra làm nhiều quận có Quận-trưởng đứng đầu. Quận chia làm nhiều xã hay tổng, có vị đại-diện xã hay chánh tổng trông coi việc trong xã, trong tổng.

Câu hỏi

- | | |
|--|---|
| 1) Nước Việt-nam theo chính-thề gì ? | 5) Cơ-quan hành-chánh nào thay mặt tỉnh đề kiểm-soát các xã ? |
| 2) Vị nào cầm đầu chính-phủ ? | Người đứng đầu là ai ? |
| 3) Chính-phủ có mấy bộ ? Mỗi bộ có ai đứng đầu ? | 6) Dưới cấp quận có cơ-quan hành-chánh nào ? |
| 4) Các vị đại-biểu chính-phủ có nhiệm-vụ gì ? | |

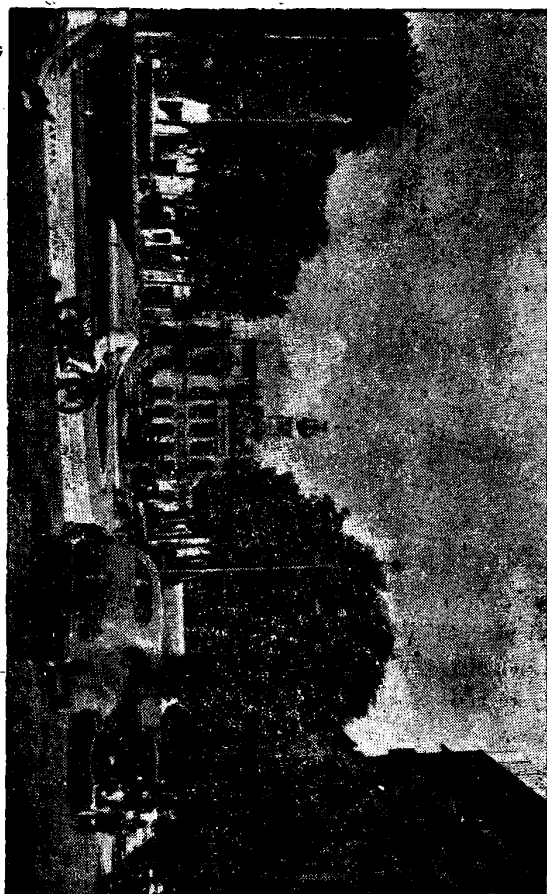
BÀI HỌC

Việt-nam là một nước độc-lập, theo chính-thề cộng-hòa có Quốc-hội đại-diện cho toàn dân. Đứng đầu chính-phủ là Tổng-thống có Phó Tổng-thống và các Bộ-trưởng phụ-tá.

Tại các phần có các vị Đại-biểu chính-phủ phụ-tá Tổng-thống đề kiểm-soát và đôn-đốc mọi hoạt-động của tỉnh, thành.

Phần chia ra làm nhiều tỉnh và thành-phố. Đứng đầu mỗi thành-phố có Đô-trưởng hay Thị-trưởng và mỗi tỉnh có Tỉnh-trưởng kiểm-soát các tổng, xã với sự trợ lực của Quận-trưởng.

Thủ-đô Sài-gòn.
Quan-sát : Ngay chính giữa là tòa đồ-sảnh Sài-gòn



Bài đọc thêm:

CÁC TỈNH VÀ THÀNH-THỊ

I. — Các tỉnh và thành-thị Bắc-phần : 27 tỉnh

a) Các tỉnh ở miền thượng-du : 14 tỉnh

Sơn-la	Tuyên-quang	Mông-cày
Hòa-bình	Thái-nguyên	Cao-bằng
Yên-báy	Bắc-cạn	Hà-giang
Lào-cay	Lạng sơn	Lai-châu
Phủ-thọ	Quảng-yên	

b) Các tỉnh ở miền Trung-du : 13 tỉnh

Bắc-giang	Hà-dông	Nam-dịnh
Bắc-ninh	Hải-duong	Thái-bình
Vinh-yên	Kiến-an	Ninh-bình
Phúc-yên	Hưng-yên	
Sơn-tây	Hà-nam	

a) Các thành-phố lớn : Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định.

II.— Các tỉnh và thành thị ở Trung-phần : 19 tỉnh.

a) Các tỉnh ở miền cao-nguyên : 6 tỉnh.

Lâm-Đông	Quảng-Đức
Đắc-lắc	Công-tum
Tuyên-Đức	Phò-lê-cu (Pleiku)

b) Các tỉnh ở miền bình-nguyên : 13 tỉnh.

Thanh-hóa	Thừa-thiên	Khánh-hóa
Nghệ-an	Quảng-nam	Ninh-thuận
Hà-tĩnh	Quảng-ngãi	Bình-thuận
Quảng-bình	Bình-dịkh	
Quảng-trị	Phù-yên	

c) Các thành-phố lớn : Huế, Đà-nẵng, Đà-lạt :

III.— Các tỉnh và thành-thị ở Nam-phần : 23 tỉnh

Tên mới	Tên cũ
Phước-tuy	Bà-rịa, Vũng-tàu
Biên-hóa	Biên-hóa
Long-khánh	Xuân-lộc
Phước-long	Bà-rá
Bình-long	Hớn-quản
Tây-ninh	Tây-ninh
Long-an	Tất-an
Kiên-tường	Mộc-hóa
Kiến-phong	Phong-thạnh
Định-tường	Mỹ-tho, Gò-công
Kiên-hóa	Bến-tre
Vĩnh-long	Vĩnh-long, Sa-đéo
Vĩnh-bình	Trà-vinh
An-giang	Long-xuyên, Châu-dốc
Phong-dinh	Cần-thơ
Ba-xuyên	Bắc-liêu, Sóc-trăng
Kiên-giang	Rạch-giá, Hà-tiên
Gia-định	Gia-định
An-xuyên	Cà-mầu
Bình-dương	Thủ-dầu-một
Bình-tuy	1 phần Đồng-nai thượng và 1 phần Bình-thuận
Côn-sơn	Côn-đảo
Phước-thành	

Thủ-đô của Việt-nam cộng-hòa : SÀI-GÒN

Bài 13

BÀI HỌC ÔN VỀ VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Người Việt. Cách phân phối dân số.	I.— Đặc-tính : Da vàng, thấp, hiểu học, thông-minh. — Có tinh-thần quốc-gia mạnh-mẽ. II.— Nguồn gốc dân-tộc Việt-nam : Xưa ở Triết-giang (Trung-hoa) sau bị dồn về đất lương-Quảng và Bắc-phần, lập ra nước Việt-nam ngày nay. III.— Cách phân-phối dân số : a) Miền dân cư đông đúc : Ở các bình-nguyên. b) Miền dân cư thưa thớt : Cao-nguyên và rừng núi. VI.— Người Việt : 20 triệu người ở rải-rác từ Bắc đến Nam. — Tôn-giáo : Đa số theo đạo Phật, đạo Khổng, đạo Thiên-chúa, một ít theo Cao-đài, Hòa-hảo. — Văn-hóa : Chịu ảnh hưởng của hai nền văn-hóa Đông và Tây phương.
Dân-tộc miền thượng Các ngoại kiều :	I.— Dân miền thượng ở Bắc-phần : Người Thái, người Mán, người Mường, người Mèo, người Lô-lô. II.— Dân miền thượng ở Trung-phần : Người Mọi, người Chăm. III.— Dân miền thượng ở Nam-phần : Người Mên. IV.— Văn-hóa và tôn-giáo : Văn-hóa chậm tiến. V.— Các ngoại-kiều : Trung-hoa, Pháp, Ấn-độ, Mỹ, Anh, Nhật
Việc hành chính :	I.— Tổ-chức chính-quyền trung-ương : — Chính-thê cộng hòa, hoàn-toàn độc-lập. — Chính-phủ gồm có 13 bộ, có Tổng-thống và Phó Tổng-thống đứng đầu. — Quốc-hội gồm có 123 vị dân-biểu do dân bầu. II.— Tổ-chức chính-quyền địa-phương : — Phần : Có vị Đại-biểu chính-phủ đứng đầu. — Tỉnh, thành-phố : Có Tỉnh-trưởng, Thị-trưởng, hay Đô-trưởng đứng đầu. — Quận : Đứng đầu là ông Quận-trưởng. — Xã : hay Tổng : Có vị đại-diện hành-chánh xá, hay Chánh tổng đứng đầu.

VIỆT - NAM KINH - TẾ

Bài 17

NÔNG - NGHIỆP : CÂY LÚA

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Bản-dồ Việt-nam.
 — Tranh-ảnh : trong nguyệt-san Thế-giới
 Tự-do số 5 tập 6.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Đặc-tính.
 II) Cây lúa.
 III) Ảnh-hưởng của nông-nghiệp đối với nền kinh-tế nước nhà.

BÀI GIẢNG

I.— Đặc-tính : Nông-nghiệp là căn-bản của nền kinh-tế Việt-nam :
 — Hầu hết đất trồng-trọt dùng để cấy lúa (1/7 diện-tích toàn quốc).
 — 90 phần trăm dân-số chuyên về nghề nông.
 — Cây lúa rất thích hợp với khí hậu ẩm ở Việt-nam.
 — Nông dân ta còn dùng những phương-pháp và nông-cụ cổ-truyền, nên công việc làm chậm và mức sản-xuất có phần kém

|| **Hầu hết đất đai trồng-trọt dùng để cấy lúa, 90 phần trăm dân-số chuyên về nghề nông.**

II.— Cây lúa :

A.— Sự quan-trọng của cây lúa.

— Gạo là thức ăn chính của người Việt-nam và của Á-dong.
 — Mỗi năm nước ta sản-xuất 7 triệu tấn.
 — Xuất-cảng trên 1 triệu tấn (đứng bậc nhì hoặc ba, tùy theo mùa, sau Diên-diện và Thái-lan).

B.— Việc trồng lúa :

a) Ở Bắc-phần :

— Có 1 triệu rưỡi mẫu tây đất để trồng lúa.
 — Ruộng vụ tháng 5, cấy ở các ruộng thấp.
 — Ruộng cấy được hai vụ : cấy ở các ruộng ít bị ngập lụt.

b) Ở Trung-phần :

— Có một triệu mẫu tây đất để trồng lúa. Mỗi năm có hai vụ :
 — Vụ mùa xuân : Gặt vào tháng 3, 4 âm-lịch.
 — Vụ mùa trái : Gặt vào tháng 7, 8 âm-lịch.

c) Ở Nam-phần :

— Có hơn 3 triệu mẫu tây đất để trồng lúa,

— Canh-tác dễ dàng hơn ở Bắc và Trung-phần vì đất đai tốt.

— Mỗi năm chỉ cấy một vụ, còn mùa hè bỏ hoang.

Gạo là thức ăn chính của dân Việt. Mỗi năm sản-xuất được 7 triệu tấn và xuất cảng hơn 1 triệu. Ruộng ở Bắc và Trung-phần mỗi năm cấy hai vụ ; còn ở Nam-phần chỉ cấy một vụ thôi.

III.— Ảnh-hưởng của nông-nghiệp đối với nền kinh-tế [nước nhà.

a) Hiện tại :

Nhờ công cuộc cải cách điền-địa của chính-phủ, một số đất hoang đã được khai phá (Đồng-Thấp-mười, Cái-sắn) nên :

— Mức sản-xuất tăng rất nhiều.

— Giải-quyết cho một số nông dân có công ăn việc làm.

b) Tương-lai :

Nếu biết áp-dụng những nông-cụ tối tân và theo phương-pháp canh-tác khoa-học (việc bón phân, chọn giống, dẫn thủy nhập điền, trừ sâu bọ, đề phòng hạn hán...) tương-lai nền kinh-tế nước nhà nhất định sẽ phát-triển mạnh.

Nhờ công cuộc cải-cách điền-địa hiện tại của chính-phủ và sự thay đổi phương-pháp trong việc canh-tác ; tương lai nền kinh-tế nước nhà sẽ được phát-triển mạnh.

Câu hỏi

- | | |
|--|---|
| 1) Dân Việt-nam ta chuyên sống về nghề gì ? | như thế nào ? |
| 2) Dân ta trồng cây gì nhiều hơn cả ? Vì sao ? | 6) Ở Trung-phần ? Và ở Nam-phần ? |
| 3) Mỗi năm sản-xuất được mấy ? | 7) Ảnh-hưởng của nông-nghiệp đối với nền kinh-tế hiện tại của nước nhà ra sao ? Đối với tương-lai thế nào ? |
| 4) Xuất-cảng bao nhiêu ? | |
| 5) Việc trồng lúa ở Bắc-phần | |

BÀI HỌC

Hầu hết đất đai trồng-trọt dùng để cấy lúa. 90 phần trăm dân-số chuyên về nghề nông, vì gạo là thức ăn chính của người Việt. Mỗi năm sản-xuất được 7 triệu tấn và xuất-cảng hơn 1 triệu.

Ruộng ở Bắc và Trung-phần mỗi năm cấy hai vụ, còn ở Nam-phần chỉ cấy một vụ thôi.

Nhờ công cuộc cải-cách điền-địa hiện tại của chính-phủ và sự thay đổi phương-pháp trong công việc canh-tác, tương-lai nền kinh-tế nước nhà sẽ được phát-triển mạnh.

Bài đọc thêm**Nghề làm ruộng**

Nước ta là một nước nông-quốc, nghĩa là lấy việc làm ruộng làm gốc sinh nhai. Nguyên địa-thể nước ta có hai đại bình-nguyên ở dài theo hai dọc sông Cửu long và sông Nhị-hà. Đất tốt màu mỡ, lại ở về nhiệt-đới, cây cối dễ mọc, cho nên xưa nay chỉ lấy việc cấy cấy làm trọng hơn cả.

Kỳ thủy ta cấy cấy theo hai dọc sông ấy, rồi lần lần khai-thác đến cả các nơi rừng xanh núi đỏ thành ra một nước chỗ nào cũng là đất ruộng nương.

Ruộng chia làm hai vụ, cấy cấy từ tháng năm tháng sáu, đến tháng tám tháng chín được gặt gọi là vụ mùa; cấy cấy từ tháng một tháng chạp đến tháng tư tháng năm sau được gặt gọi là vụ chiêm. Cũng có nhiều ruộng làm được cả hai vụ, cũng có ruộng chỉ cấy một vụ, còn một vụ thì trồng màu.

Về các nơi sơn cước, phần nhiều là trồng trà, bông, sơn, cau, cà-phê v. v... ở các nơi đất bãi phần nhiều là trồng ngô, khoai, đậu, mía, dâu, vừng, lạc v. v... Các thứ ấy mỗi năm được lợi cũng nhiều.

PHAN-KẾ-BÍNH

Ca dao

Thế nhất Đồng-nai, thứ nhì hai huyện (1)

✽

Hết gạo đã có Đồng-nai

Nét cắt đã có Tân-sài chợ vô (Tân-sở : Quảng-trị)

✽

Huyện ai chớ bỏ ruộng hoang

Bao nhiêu tác đất, tác ruộng bấy nhiêu.

✽

Mạ chiêm ba tháng không già,

Mạ mùa tháng rưỡi ắt là không non.

✽

Nơi sâu em đề cấy chiêm,

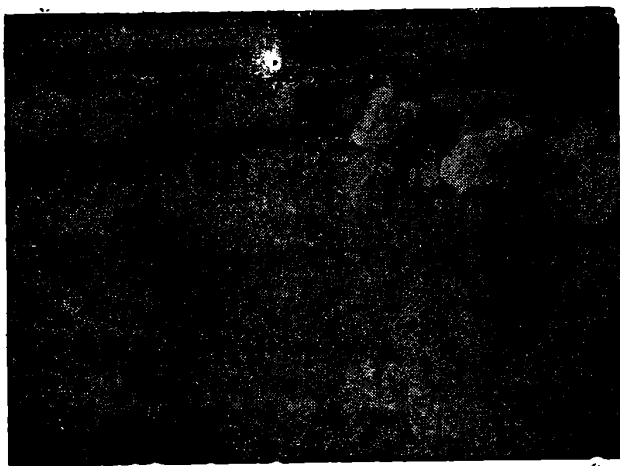
Nơi nào cao ráo thì em cấy mùa.

(1) Hai huyện là Phong-dăng và Phong-lực hợp thành Lệ-thủy ngày nay.



Đạp nước ra ở các ruộng sâu (Trung-phần)

Quan-sát : Các xe đạp nước bằng gỗ được đóng liền nhau dọc theo bờ đập.



Mùa cấy lúa

Quan-sát : Đàn bà thôn-quê đang cấy lúa : Tay vừa cắm mạ chân vừa bước lui. Đằng xa một nông-phu đang bừa ruộng.

Bài 15

CÁC CÂY DỪNG ĐỀ ĂN, UỐNG, HÚT CÁC CÂY DỪNG TRONG CÔNG-KỸ-NGHỆ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh các thứ cây ăn, uống, hút...
— Tranh-ảnh về cây dấy đề dệt chiếu trong
Nguyệt-san Thế-giới Tự-do số 4 và 9
tập 6.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Các cây dùng đề ăn.
II) Cây đề uống.
III) Cây đề hút.
IV) Cây dùng trong công-kỹ-nghệ.
V) Ảnh-hưởng đối với nền kinh-tế quốc-gia.

BÀI GIẢNG

I.— Các cây đề ăn :

Ngoài thóc gạo, người Việt-nam còn trồng :

- Bắp (ngô), khoai, sắn, hoàng-tinh và các thứ đậu, trồng khắp các ven sông và rải-rác ở các đồng bằng.
- Tiêu : Trồng nhiều ở Kiên-giang, hàng năm được hơn 5.000 tấn.
- Mía : Trồng nhiều ở nam Trung-phần và Nam-phần (Vàm-cỏ) để làm đường.
- Các thứ rau : đủ dùng trong nước, một số dùng đề xuất-cảng sang Tân-gia-ba.
- Các cây ăn quả như cam, quýt, nhãn, chuối v. v. . . không được nhiều.

Ngoài lúa ra, người Việt-nam còn trồng bắp, khoai, sắn, hoàng-tinh và các thứ đậu đề ăn độn với cơm. Lại còn trồng tiêu, mía, rau và các thứ cây ăn quả, nhưng chỉ đủ dùng trong nước.

II.— Cây đề uống :

Chè và cà-phê trồng nhiều nhất là ở các cao-nguyên ở Trung-phần, mỗi năm sản-xuất trên 1.000 tấn.

III.— Cây đề hút :

Thuốc lá và thuốc Lào trồng ở Hải-dương, Kiến-an, Quảng-nam, Bình-dương, Gia-định, hàng năm sản-xuất được hơn 1 vạn tấn.

Ta còn trồng chè, cà-phê đề uống và thuốc lá, thuốc Lào đề hút.

IV.— Các cây dùng trong công-kỹ-nghệ :

— **Cây đề ép dầu :**

- **Đậu phụng, mè, thầu-dầu** trồng rất nhiều trên các đồi núi mạn thượng-du Bắc-phần :

Dừa trồng nhiều nhất ở Nam phần và Trung-phần (Tam-quan, Bồng-sơn ở Bình-định và Phú-yên). Hàng năm sản-xuất chừng 23.000 tấn dầu phụng, 1.500 tấn dầu mè và chừng 3 vạn tấn cùi dừa khô.

|| **Nước ta trồng nhiều đậu phụng, mè, thầu dầu và dừa đề ép dầu.**

— **Cây đề lấy sợi :**

- **Dâu :** Ở Bình-định, Quảng-nam, Nam-định, Thái-bình, An-giang người ta trồng dâu để nuôi tằm.

- **Bông :** Ở nam châu-thô Bắc-phần và miền Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, nhưng không đủ dùng, phải mua sợi của ngoại-quốc.

- **Đay, gai :** Trồng ít

- **Cói :** Trồng ở các miền duyên-hải vùng Nam-định, Ninh-bình, Thanh-hóa và ở Đồng thếp-mười để dệt chiếu, hàng năm xuất-cảng sang ngoại-quốc thu được nhiều lợi.

|| **Đề khuếch-trương công-kỹ-nghệ, ta còn trồng nhiều bông, đay, gai, cói để lấy sợi.**

— **Cây đề lấy nhựa :**

- **Cao-su :** Trồng nhiều nhất ở Nam-phần và nam Trung-phần trên các cao-nguyên đất đỏ. Hàng năm sản-xuất trên 7 vạn tấn nhựa và chừng 5 vạn tấn cò-rếp (crêpe).

- **Thông, trám, sơn :** Trồng trên các đồi ở thượng-du Bắc-phần và cao-nguyên Trung-phần.

|| **Ta còn trồng thông, trám, sơn và cao-su để lấy nhựa.**

V.— Ảnh-hưởng đối với nền kinh-tế quốc-gia.

Nhờ trồng nhiều cói, đề dệt chiếu, chè, cà-phê, cao-su nên hàng năm xuất-cảng sang ngoại-quốc, ta thu được nhiều lợi và giải-quyết được một số đông dân-chúng khỏi nạn thất-nghiệp.

|| **Các cây dùng trong công-kỹ-nghệ, hàng năm xuất-cảng sang ngoại-quốc, thu được nhiều lợi.**

Câu hỏi

- | | |
|---|---------------------------------------|
| 1) Ngoài cây lúa, người Việt-nam còn trồng các thứ cây gì nữa ? | 4) Kể các thứ cây đề ép dầu ? |
| 2) Kể các thứ cây đề uống ? | 5) Đề lấy sợi ? Lấy nhựa ? |
| 3) Kể các thứ cây đề hút ? | 6) Mỗi năm sản-xuất chừng bao nhiêu ? |

BÀI HỌC

Ngoài lúa ra, người Việt-nam còn trồng bắp, khoai, sắn, hoàng-tinh và các thứ đậu để ăn độn với cơm; lại còn trồng tiêu, mía, rau và các thứ cây ăn quả, nhưng chỉ đủ dùng trong nước. Ta còn trồng chè, cà-phê để uống, thuốc lá, thuốc Lào để hút, đậu phụng, mè, thầu-dầu và dừa để ép dầu.

Đề khuyển-trương công-kỹ-nghệ, ta còn trồng nhiều bông, đay, gai, cói để lấy sợi, thông, trám, sơn và cao-su để lấy nhựa, hàng năm thu được nhiều lợi.

Bài đọc thêm :

Vườn rau tại Việt-nam

Trên vùng núi non Nam-phần là một khu Cao-nguyên phi-nhiên với hoa nở bốn mùa, với những khu trại trồng rau, đậu tốt tươi, cung-cấp thực-phẩm cho hàng ngàn nhân-dân. Đây là thành-phố Đà-lạt, với khí-hậu mát-mẻ, với những thắng-cảnh nên thơ đã từ lâu vẫn là một nơi nghỉ mát lý-tưởng tại Việt-nam. Nhưng sức sống mãnh-liệt ở Đà-lạt chính là nguồn-lợi về việc trồng rau.

Đất đai đã màu-mỡ lại luôn luôn đầy đủ nước nhờ có mùa mưa và nước suối, thêm khí-hậu mát lạnh thích-hợp cho việc trồng trọt nên Đà-lạt đã là trung-tâm kỹ-nghệ trồng-lúa được các chuyên-viên nông-trại khắp thế giới chú-ý tới. Nhà cửa và phố-xã đều thiết-lập ở những khu đất ngoài rìa ít màu-mỡ, còn những thửa đất phì-nhiều đều dành riêng cho việc trồng rau. Vì thế nên đường lộ ở Đà-lạt đều đi quanh co, uốn khúc hay thoải-thoải dốc.

Vì đất đai vùng này quá phì-nhiều và rộng bao-là, gần cả đến những bộ-lạc du-mục, những đồng-bào miền thượng cũng có những khu vườn trồng-trọt riêng và góp một phần lớn vào sự hoạt-động nông-nghiệp của miền cao-nguyên...

THỂ GIỚI TỰ DO

Ca dao

Đất màu trồng đậu, trồng ngô,
Đất lầy cấy lúa, đất khô lập vườn.



Mùa hái chè ở Blao (cao-nguyên Trung-phần)

BÀI 16

CHĂN NUÔI, CHÀÌ LƯỚI

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Bản-đồ Việt-nam.

— Tranh ảnh trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 1, số 5 tập VI; số 11 tập V.

— Phan-thiết đánh cá : tập-san Gia-định số 5 tập 1.

TRỌNG-ĐIỂM :

I.— Đặc-tính.

II.— Nghề chăn nuôi.

III.— Nghề chàì lưới.

IV.— Các hải-sản.

V.— Tương-lai của nghề chăn nuôi và chàì lưới.

BÀI GIẢNG

I.— Đặc-tính :

- Nghề chăn nuôi chưa được phát-triển vì thiếu đồng cỏ và thiếu vốn.
- Đa-số dân ta chuyên về nghề đánh cá vì sông ngòi phong-phú và nước ta tiếp-giáp với biển trên mấy ngàn cây số, nên nghề chàì lưới được mở-mang nhiều.

|| Việc chăn nuôi ở nước ta chưa được phát-đạt lắm, còn nghề chàì lưới đã được mở-mang nhiều.

II.— Nghề chăn nuôi :

- Trâu, bò : Nuôi nhiều ở Cao-nguyên Trung-phần, Phan-rang và Hưng-lộc.
- Heo (lợn), ngựa : Nuôi nhiều nhất ở trên miền Thượng; còn dê, cừu nuôi rất ít.
- Gà, vịt, ngỗng : Rất phát-triển ở Nam-phần, quan-trọng nhất là vịt, hàng năm ta xuất-cảng rất nhiều lông vịt (đựng trên cả than đá, chỉ sau gạo và cao-su).

|| Các gia-súc nuôi vừa đủ dùng, còn vịt thì rất nhiều vì hàng năm ta xuất-cảng hàng ngàn tấn lông vịt thâu được trên trăm triệu đồng.

III.— Nghề chài lưới :

- a) Đánh cá ở sông : Sông ngòi ở Việt-nam rất nhiều, nên nghề đánh cá ở sông rất thịnh-vượng.
 - b) Đánh cá ở biển : Dọc theo miền duyên-hải, dân ta sống nhờ nghề đánh cá biển. Mấy năm gần đây ta đã có một số tàu nhỏ đi đánh cá ngoài khơi, lập nhiều hợp-tác-xã ngư-nghiệp, nhiều xưởng đóng cá hộp và làm nước mắm như Phan-thiết, Bình-định, Đà-nẵng, Phú-quốc nên hàng năm xuất-cảng rất nhiều cá khô, thâu được nhiều lợi.
- || Hiện nay nghề đánh cá ở sông và ở biển khá thịnh-vượng.

IV.— Các hải-sản khác :

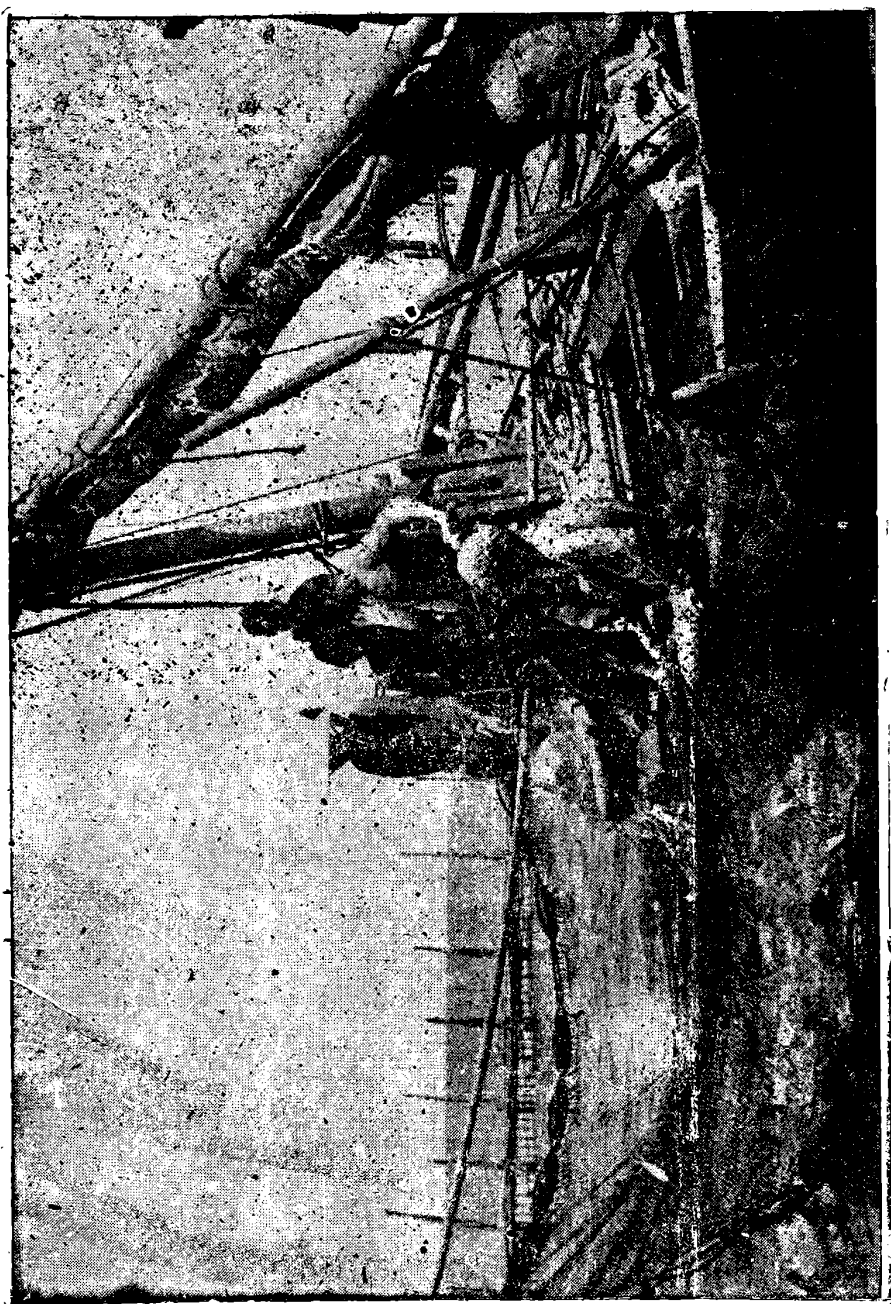
- a) Muối : Ven bờ biển có nhiều ruộng muối, nhiều nhất là ở Sa-huỳnh (Quảng-ngãi) và Phan-thiết.
 - b) Yến sào : Người ta lấy tổ yến ở các đảo ngoài khơi bờ biển Trung-phần.
 - c) Đồi-mồi : Lấy ở Hà-tiên và Côn-son dùng làm đồ trang-sức.
- || Ven bờ biển có nhiều ruộng muối. Còn các đảo ngoài khơi có nhiều tổ yến và đồi-mồi.

V.— Tương-lai nghề chăn nuôi và chài lưới :

- Nhờ có nhiều đồng cỏ tốt ở cao-nguyên,
 - Nhờ sự khuyến khích và nâng-đỡ của chính-phủ,
 - Có tàu đánh cá và biết áp-dụng phương-pháp khoa-học nên tương-lai nghề chăn nuôi và chài lưới ở nước ta sẽ tốt đẹp.
- || Nghề chăn nuôi và chài lưới hiện nay đang được chính-phủ nâng-đỡ và cải-tiến nên hy-vọng có một tương-lai tốt đẹp.

Câu hỏi

- 1) Trước kia nghề chăn nuôi và chài lưới ở nước ta thế nào ? Ngày nay thế nào ?
- 2) Tại sao việc nuôi vịt lại quan-trọng ?
- 3) Nghề đánh cá ở sông và ở biển thế nào ?
- 4) Ở đâu nghề làm nước mắm được thịnh-vượng ?
- 5) Ở miền nào ven biển có nhiều ruộng muối ?
- 6) Ở đâu có tổ yến sào và đồi-mồi ?
- 7) Với những điều-kiện gì mà ta có thể hy-vọng nghề chăn nuôi và chài lưới Việt-nam sẽ có một tương-lai tốt đẹp ?



Nghề đánh cá biển

Quạt-sát : — Những con cá tăng bạc mắc vào lưới.

— Chiếc ghe buồm và cử chỉ của dân chài.

BÀI HỌC

Việc chăn nuôi ở nước ta chưa được phát-đạt lắm, còn nghề chài lưới thì đã được mở-máng nhiều.

Các gia-súc nuôi vừa đủ dùng, còn vịt thì rất nhiều, vì hàng năm ta xuất-cảng hàng ngàn tấn lông vịt, thu được trên trăm triệu đồng.

Hiện nay nghề đánh cá ở sông và ở biển khá thịnh-vượng.

Ven bờ biển có nhiều ruộng muối. Còn ở các đảo ngoài khơi có nhiều tổ yến và đồi-mỏi.

Nghề chăn nuôi và chài lưới hiện nay đang được chính-phủ nâng-đỡ và cải-tiến nên hy-vọng có một tương-lai tốt đẹp.

Bài đọc thêm :

Phan-thiết

Trong các tỉnh ở Trung-phần, Phan-thiết nổi tiếng nhất về nghề đánh cá và làm nước mắm vượt hẳn cả tỉnh Khánh-hóa.

Nhờ ưu-thế về địa-lý ; Phan-thiết rất thuận tiện cho nghề đánh cá bể và có nhiều bến thiên-nhiên thích-hợp cho thuyền đánh cá đậu.

Từ ngàn xưa đa số nhân dân ở Phan-thiết đã dùng lưới đăng, lưới thưa, lưới quét, lưới giải, mảnh cơm, mảnh nục, câu chạy để đánh cá.

Cá ở Phan-thiết có đủ loại như cá thu, cá bô, cá chù, cá chàm, cá ngừ, cá cơm, cá nục, cá hồng, cá trích, cá liệt, cá lạt, cá chuồn, cá dổi, cá mực, cá đuối, cá nhám, cá môi. Nhưng nhiều nhất là cá cơm, dùng làm nước mắm rất ngon và đã lưu-ngi nổi tiếng nhất ở Việt-nam vì nước mắm Phan-thiết đậm hơn nước mắm ở Phú-quốc...

AN-TÙNG

Bài 17

RỪNG — LÂM-SẢN — KHOÁNG-SẢN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh ảnh : Rừng ở Việt-nam.

— Bản-đồ.

TRỌNG-ĐIỂM :

- I) Đặc-tính.
- II) Rừng.
- III) Lâm-sản.
- IV) Khoáng-sản.
- V) Tương-lai và ảnh-hưởng đối với nền kinh-tế quốc-gia.

BÀI GIẢNG

I.— Đặc-tính :

- Rừng chiếm gần nửa diện-tích đất-dại toàn-quốc nên lâm-sản cũng là một nguồn lợi quan-trọng.
- Ngoài ra, còn có nhiều hầm mỏ quý-giá, cung-cấp những khoáng-sản cho nền công-kỹ-nghệ nước nhà.

|| Rừng chiếm gần nửa diện-tích đất-dại toàn-quốc, cho nên có nhiều lâm-sản và khoáng-sản tốt.

II.— Rừng :

a) Ở Bắc-phần :

Trên miền thượng-du, nhất là dãy Hoàng-liên-sơn có nhiều rừng-rậm, lắm cây to và gỗ quý. Rừng thưa phần nhiều ở miền trung-du.

b) Ở Trung và Nam-phần :

- Trong dãy Trường-sơn, rừng-rậm chiếm một diện-tích chừng 400.000 mẫu tây. Ở các vùng cao-nguyên và trung-du có nhiều rừng thưa nên ít gỗ quý. Đồng bào Thượng thường phá rừng để làm rẫy.
- Ngoài ra còn có rừng thông ở Đà-lạt, rừng trám ở cửa sông Cửu-long, rừng tre ở Bình-dương (Thủ-dầu-một).

|| Miền thượng-du Bắc-phần và Trung-phần lắm rừng, có nhiều gỗ quý để làm nhà và đồ-đạc.

III.— Các lâm-sản :

- 1) Các thứ gỗ quý : Trong các rừng rậm có nhiều gỗ quý như gỗ, lim, sao, trắc, kiền-kiền.
 - 2) Các cây dùng làm thuốc : Quế, trầm.
 - 3) Than củi : Năm 1.956 sản-xuất chừng 13.546 tấn than và rất nhiều củi.
- || Hàng năm rừng đã cung-cấp một số than củi đáng kể.

IV.— Khoáng-sản :

- 1) Mỏ than đá : Có rất nhiều ở Bắc-phần, trong dãy Đông-triều, Hòa-gay, Cẩm-phả.
- Ở Trung-phần có mỏ Nông-sơn (Quảng-nam) đang được chính-phủ khai-thác.
- 2) Mỏ thiếc, kẽm, sắt, mangan : Ở dãy núi Pia-ouắc, Tuyên-quang và Thái-nguyên.
- 3) Mỏ chì, bạc : Ở dãy Ngân-sơn.
- 4) Mỏ phốt-phát : Ở Bắc-sơn. Hiện nay ở đảo Hoàng-sa ngoài khơi Đà-nẵng có mỏ phốt-phát rất tốt sắp được chính-phủ khai-thác.

5) **Mỏ vàng** : Ở Bồng-miêu (Quảng-nam).

6) **Mỏ dầu-hóa** : Đã tìm thấy ở các vùng cao-nguyên Trung-phần.

Mỏ Hòa-gay và Nông-sơn mỗi năm sản-xuất một số than đá quan-trọng. Ngoài ra còn có các mỏ khác như thiếc, kẽm, sắt, chì, bạc, phốt-phát, vàng.

V. — Tương-lai và ảnh-hưởng của lâm-sản và khoáng-sản đối với nền kinh-tế quốc-gia :

Sau chiến-tranh, các rừng được săn-sóc và gây-dựng lại, các mỏ được khai-thác, do đó, nền kinh-tế quốc-gia sẽ thịnh-vượng.

Nền kinh-tế quốc-gia đang phát-triển một phần nhờ ở các lâm-sản và khoáng-sản quí giá.

Câu hỏi

- 1) Rừng ở nước ta có nhiều không ?
- 2) Nó có liên-hệ gì đến đời sống của dân miền Thượng ?
- 3) Mỏ có liên hệ gì đến nền công kỹ-nghệ ở nước ta ?
- 4) Rừng-rậm cung-cấp cho ta những thứ gì ?
- 5) Ở đâu có nhiều mỏ than ?
- 6) Kể các mỏ khác ?
- 7) Ở Trung-phần vùng nào có mỏ than và mỏ phốt-phát ?
- 8) Lâm-sản và khoáng-sản có ảnh-hưởng gì đối với nền kinh-tế quốc-gia ?

BÀI HỌC

Rừng chiếm gần nửa diện-tích đất đai toàn-quốc, cho nên có nhiều lâm-sản và khoáng-sản tốt. Miền thượng-du Bắc-phần và Trung-phần lắm rừng có nhiều gỗ quí để làm nhà và đồ-đạc. Hàng năm rừng cung-cấp một số than củi đáng kể.

Mỏ Hòa-gay và Nông-sơn mỗi năm sản-xuất một số than đá quan-trọng. Ngoài ra còn có những mỏ khác như : thiếc, kẽm, sắt, bạc, phốt-phát, vàng.

Nền kinh-tế quốc-gia đang phát-triển một phần nhờ ở các lâm-sản và khoáng-sản quí giá.

Bài đọc thêm

Mỏ than Nông-sơn

Mỏ Nông-sơn chỉ cách thành-phố Đà-nẵng 50 cây số ngàn về phía tây-nam. Người ta biết mỏ này đã từ lâu lắm. Nhưng công cuộc khai thác đầu tiên bắt đầu từ 1889 do ông Lương-vĩnh-Phương điều-khiển. Hiện không còn một di-tích nào cho biết sức sản-xuất hồi ấy đến mức độ nào.

Việc khai thác đã qua tay nhiều chủ. Hội «khai-thác than-dá Tourane» (société des Houillères de Tourane) nắm độc-quyền cho đến năm 1922 thì hội bị giải-tán. Tiếp theo là Ngân-hàng Đông-dương làm chủ trong hơn hai năm: 1943—1945. Đến cuối 1945 đình chỉ tất cả mọi việc.

Sức sản-xuất hồi ấy rất kém vì thiếu kỹ-thuật tối tân: vào khoảng 1.200 tấn mỗi tháng mà thôi, than lấy được không phải hạng tốt, còn chứa rất nhiều chất tro và cặn bã khác.

Sau khi tình-hình trong nước đã được ổn-định, chính-quyền Việt-nam cho khai-thác lại mỏ Nông-sơn vào tháng 9 năm 1955...

Nhiều sự ước-lượng cho rằng mỏ Nông-Sơn sẽ dư-dả cung-cấp cho các nhà máy điện ở Sài-gòn mỗi năm trên 70.000 tấn; cho ngành Hỏa-xa mỗi năm trên 100.000 tấn nữa...

T. C. M.

LÂM-SẢN VIỆT-MAM

Áng mây che ngọn núi Sầm,

Rủ nhau ta đến tìm trầm Phú-yên,

Phú-yên có gỗ kiền-kiền,

Giáng-hương, gỗ, trúc, rễ tiền mua ngay.

THANH-BÌNH TÓN-THẤT TRẠ,

Bài 18

CÔNG - KỸ - NGHỆ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh : tiểu-công-nghệ và đại-kỹ-nghệ Việt-nam trong Thế-giới tự-do số 2, 3, 4, 5, 7, 9 tập VI.

- TRỌNG-ĐIỂM :**
- I. — Đặc-tính.
 - II. — Tiểu-công-nghệ.
 - III. — Đại-kỹ-nghệ.
 - IV. — Tương-lai, ảnh-hưởng của nền công-kỹ-nghệ đối với nền kinh-tế quốc-gia.

BÀI GIẢNG

I. — Đặc-tính :

Ngày nay đang phát-triển là nhờ :

- Các thương-gia đã cạnh-tranh nôi với ngoại-kiều.
- Sự nâng-dỡ của chính-phủ.
- Biết dùng máy-móc để thay thế nhân-công.

|| Hiện nay ngành công-kỹ-nghệ của ta đang phát-triển mạnh

II. — Tiểu-công-nghệ :

- Rất quan-trọng vì cung-cấp đủ vật-dụng hằng ngày và nuôi sống hàng triệu người.
- Phát-đạt hơn trước nhiều như nghề dệt tơ lụa, vải, gấm ; đồ khảm, đồ ngà, đồi-mồi, giấy ta, làm đường, đồ sứ, đồ gốm, chiếu, đệm, làm nước mắm, muối v. v. . . .

|| Ngành tiểu-công-nghệ càng ngày càng được khuếch-trương.

III. — Đại-kỹ-nghệ :

- 1) Nhà máy điện : ở các thành-phố đều có nhà máy điện.
Hiện nay chính-phủ đang thiết-lập một nhà máy thủy-điện tại thác nước Đa-nhim (thượng-lưu sông Đồng-nai).
- 2) Nhà máy dệt : ở Sài-gòn có nhiều nhà máy dệt rất lớn.
Trước kia ở Nam-định và Hải-phòng cũng có nhiều nhà máy dệt lớn.

- 3) Nhà máy gạo : ở Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần.
- 4) Nhà máy làm đường : ở Sài-gòn, Biên-hòa
- 5) Kỹ-nghệ, hầm mỏ : khá phát-triển, hiện nay chính-phủ đang khai-thác lại mỏ than Nông-sơn (Quảng-nam).

Ngoài ra ở Sài-gòn còn có nhiều nhà máy khác như nhà máy diêm, làm rượu bia, xà-phòng, đồ nhôm, chế sơn, thuốc hút, làm đồ cao-su, đồ thủy-tinh, thuốc da và các xưởng đóng tàu thủy, ráp đồng-hồ, ráp xe gắn máy.

Các nhà máy lớn đều tập-trung ở các đô-thị, nhất là ở Sài-gòn như nhà máy điện, máy dệt, máy gạo, máy làm đường, làm giấy, làm rượu bia, xà-phòng, làm hàng xa-xi-phảm và các xưởng đóng tàu, ráp đồng-hồ, ráp xe gắn máy

IV.— Tương-lai, ảnh-hưởng của nền công kỹ-nghệ đối với nền kinh-tế quốc-gia :

Hiện nay nền đại-kỹ-nghệ được khuếch-trương nhiều nhờ :

- Các nhà kinh-doanh mạnh-dạn thay-thế ngoại-khieu dễ điều-khiển các ngành công kỹ-nghệ,
- Biết dùng máy-móc, canh-tân kỹ-thuật nên hàng-hóa có phần tinh-xảo,
- Sản có nhiều nguyên-liệu,
- Được chính-phủ giúp đỡ.

Vì thế Việt-nam sẽ có một nền công kỹ-nghệ khả-quan sau này, do đó nền kinh-tế quốc-gia mới phát-triển mạnh-mẽ.

Nhờ khả-năng của dân-tộc, sự tận-lực giúp-đỡ của chính-phủ nước ta sẽ có một nền công kỹ-nghệ khả-quan, có ảnh-hưởng tốt đến nền kinh-tế quốc-gia.

Câu hỏi

- 1) Ngày nay nhờ những điều-kiện gì mà nền công kỹ-nghệ của ta được phát-triển ?
- 2) Kể các tiểu công-nghệ ở nước ta ?
- 3) Ở đâu có nhà máy điện ? — nhà máy dệt ? — nhà máy gạo ? — nhà máy làm đường ?
- 4) Kể các nhà máy khác và các xưởng ở Sài-gòn ?
- 5) Tương-lai nền công kỹ-nghệ nước ta thế nào ?
- 6) Công kỹ-nghệ phát-triển có ảnh-hưởng gì đến nền kinh-tế quốc-gia ?

BÀI HỌC

Hiện nay ngành công-kỹ-nghệ của ta đang phát-triển mạnh.

Ngành tiêu công-nghệ càng ngày càng được khuếch-trương. Các nhà máy lớn đều tập-trung ở các đô-thị nhất là ở Sài-gòn như nhà máy điện, máy dệt, máy gạo, máy làm đường, làm giấy, làm rượu bia, xà-phòng, làm xa-xi-phẩm và các xưởng đóng tàu, ráp đồng-hồ, ráp xe gắn máy

Nờ nhờ khả-năng của dân-tộc và sự tận-lực giúp-đỡ của chính-phủ nước ta sẽ có một nền công-kỹ-nghệ khả-quan, có ảnh-hưởng tốt đến nền kinh-tế quốc-gia.

Bài đọc thêm :

Nghề làm giấy bia

Nghề làm giấy bản, giấy bồi ở Việt-Nam đã có từ mấy thế-kỷ nay. Nghề này xưa kia thịnh nhất ở làng Bưởi, Hà-dông, cách Hà-nội bảy cây số.

Những vật-liệu làm giấy bản, giấy bồi ở Việt-Nam là cây gió, rơm, cây sậy, tre và vỏ gỗ bào, hoặc những giấy tẻ, giấy cũ. Nghề làm giấy ở Việt-Nam có linh-cách thủ công nghiệp, không dùng tới máy

Nghề làm giấy bia cũng tương-tự như làm giấy bản, giấy bồi. Có một điều khác hơn trong các vật-liệu có thể dùng được cả những mảnh bia, hay những hộp các-lông cũ ngâm vào vôi

Những bia này đem bán ra thị-trường dùng để làm bia đóng sách, làm bia hậu cho những khung ảnh lồng kính, làm hộp giấy, hay đôi khi lót trần nhà. Ngoài nghề giấy theo lối thủ công-nghiệp, hiện nay ở Việt-Nam cũng có một hai xưởng làm bằng máy và theo phương pháp đại qui-mô do người Việt-Nam chủ-trương và đã trù-liệu khai-thác những rừng thông ở Đà-lạt để làm bột giấy.

Các xưởng máy làm giấy này có thể sản-xuất được giấy in báo, giấy viết, giấy gói hàng và giấy bia. Mỗi ngày sản-xuất được bốn lần giấy báo, sáu lần giấy gói hàng

Lược-trích nguyệt-san T. G. T. D.

SẢN-PHẨM VIỆT-NAM

Quảng-nam sản-phẩm muôn ngàn,
 Trà-mi rừng-quế, kho vàng Bông-miêu.
 Ta vào xứ Quảng buôn nhiều :
 Nam-ô nước mắm, chè, tiêu Tam-kỳ.
 Lại thêm lụa, lảnh, kạ-kỳ,
 Tuýt-xo, the, vạt, thiếu gì là nơi !
 Thanh-hà nấu gạch bắt nôi,
 Thuốc thơm Cầm-lệ, mấy đời lòng danh.

THANH BÌNH TÓN-THẤT-TRÀ



Nghề làm đồ gốm

Quan-sát : Người thợ đang trộn màu để tô lên chum đất

Bài 19

ĐƯỜNG GIAO-THÔNG Ở VIỆT-NAM ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG HÒA-XA

GIỚI-THIỆU VẬT-LIÊU : — Tranh ảnh về công - cuộc mở - mang thêm đường sá trong nguyệt - san
Thế-giới tự-do số 8 tập 6.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Đặc tính.
II) Đường bộ.
III) Đường hòa-xa.
IV) Ảnh-hưởng.

BÀI GIẢNG

I.— Đặc-tính :

- Những miền dân-cư đông-dúc thường có nhiều đường giao-thông.
- Hiện nay đường sá đã được kiến-thiết lại và mở-mang thêm.

II.— Đường bộ :

- Việt-nam có chừng 27.000 km đường bộ (trong đó có 16.000 km đường được rải đá và nhựa).
- Đường quan-trọng nhất là quốc-lộ số 1 chạy suốt từ ải Nam-quan đến biên-giới Căm-bốt.
- Các đường khác là :

a) Ở Bắc phần :

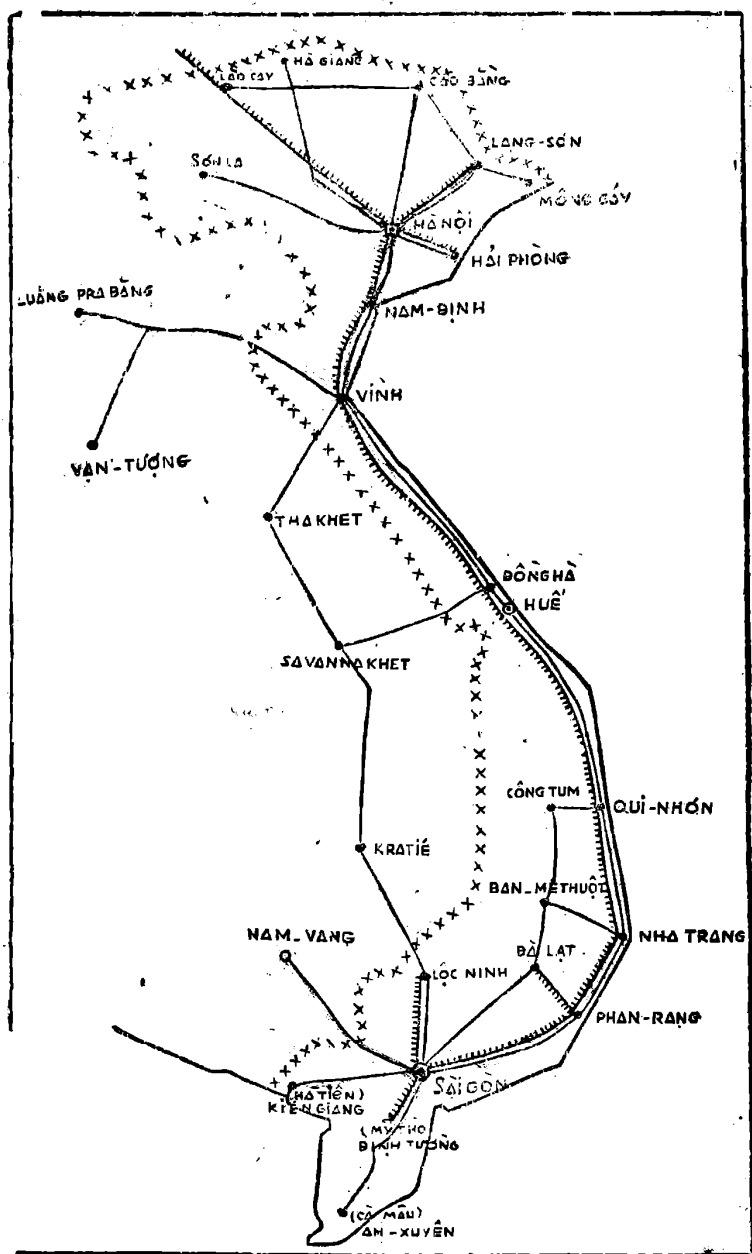
- Từ Hà-nội đi Hải-phòng, — Cao-bằng, — Hà-giang, — Yên-báy, — Hưng-hóa, — Sơn-la.
- Từ Mông-cái đi Lao-cay,

b) Ở Trung-phần :

- Từ Vinh đi Vạn-tượng — Tha-khệt (Ai-lao).
- Từ Đồng-hà đi Sa-van-na-khệt (Ai-lao).
- Từ Qui-nhơn đi Pô-lê-cu.
- Từ Ninh-hòa đi Ban-mê-thuật.
- Từ Phan-rang đi Đà-lạt.

c) Ở Nam-phần .

- Từ Sài-gòn đi Đà-lạt, Ban-mê-thuật, Công-tum.
- Từ Sài-gòn đi Kiên-giang, — Phong-dinh, — An-xuyên, — Phước-tuy, Công-pông-chàm, — Nam-vang (Căm-bốt) và Sa-van-na-khệt (Ai-lao).



Việt-nam có 27.000 km đường bộ, quan-trọng nhất là quốc-lộ số 1 chạy từ ải Nam quan đến biên-giới Căm-bốt. Ngoài ra, còn có các đường từ Hà-nội đi các tỉnh, từ Sài-gòn đi khắp miền Nam-phần và nhiều đường thông sang Ai-lao, Căm-bốt.

III.— Đường hỏa-xa :

- Việt-nam có chừng 3.372 km đường sắt kể cả đoạn đường chạy từ Lao-cay lên Vân-nam (464 km).
- Đường chính là đường chạy từ Lạng-sơn qua Hà-nội, Huế đến Sài-gòn.
- Đường từ Hải-phòng đi Hà-nội, Lao-cay qua Vân-nam (Trung-hoa).
- Đường Sài-gòn đi Lộc-ninh.
- Đường hỏa-xa có móc sắt đi từ Tháp-chàm lên Đà-lạt.

Đường hỏa xa nước ta dài độ 3.372 km. Đường chính chạy từ Lạng-sơn qua Hà-nội, Huế, Sài-gòn.

IV.— Ảnh-hưởng :

Hiện nay chính-phủ đã kiến-thiết và mở rộng các đường-sá. Nhờ vậy, nền kinh-tế nước nhà đang phát-triển

Nhờ chánh-phủ đang kiến-thiết các đường-cá nên việc giao-thông và thương-mãi sẽ được dễ-dàng.

Câu hỏi

- | | |
|--|--|
| 1) Việt-nam có bao nhiêu kilô-mét đường bộ ? | 4) Nước ta có bao nhiêu kilô-mét đường hỏa-xa ? |
| 2) Đường chính là đường nào ? | 5) Đường chính là đường nào ? |
| 3) Ngoài ra còn có các đường nào nữa ? | 6) Các đường-sá ở nước ta hiện nay như thế nào ? |

BÀI HỌC

Việt-nam có chừng 27.000 kilô-mét đường bộ. Quan-trọng nhất là quốc lộ số 1 chạy từ ải Nam-quan đến biên-giới Căm-bốt. Ngoài ra, còn có các đường từ Hà-nội đi các tỉnh, từ Sài-gòn đi khắp miền Nam-phần, và nhiều đường thông sang Ai-lao, Căm-bốt.

Đường hỏa-xa ở nước ta dài độ 3.372 kilô-mét. Đường chính chạy từ Lạng-sơn qua Hà-nội, Huế đến Sài-gòn.

Nhờ chính-phủ kiến-thiết và mở-mang thêm đường-sá nên việc giao-thông và thương-mãi được phát-triển.

Bài đọc thêm :

**Việt-Nam làm thêm đường sá,
mở rộng lưu-thông**

Những chiếc xe hồ lô nặng nề to lớn sầm sầm đi xuyên qua những khu rừng xanh rậm rạp ở Việt-nam để dọn lối mở mang đường sá. Nhân viên lục-lộ Việt-nam ra sức làm việc để làm thêm đường, mở thêm lối cho sự lưu thông được dễ dàng nhanh chóng từ nơi này sang nơi khác.

Thật là một công việc khó khăn vất vả, chính phủ Việt-nam không những cố công sửa chữa lại những đường bị hư hỏng về chiến tranh lại còn bắt tay vào việc làm thêm những đường mới..

Tất cả 9 ngàn người vừa kỹ-sư, vừa chuyên-viên vừa công nhân được dùng vào công việc này...

Chỉ ít lâu nữa các miền đất xa xôi của nước Cộng-hòa trẻ trung này sẽ được nối liền bằng những con đường bằng phẳng vững chắc rất cần thiết cho sự giao thông thường nhật của một quốc-gia đang bành trướng về mọi mặt.

Cứ như thế này chẳng mấy lúc sự lưu-thông của một quốc gia đang mở mang bành trướng sẽ phát triển nhanh chóng trên những con đường xuyên qua rừng núi.

THẾ-GIỚI TỰ-DO



Đường Hầm hỏa xa ở đèo Cù

Quan sát : Đường sắt chạy vào hầm đục xuyên qua núi đá.

Bài 20

ĐƯỜNG THỦY VÀ ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

GIỚI-THIỆU VẬT-LIÊU : — Tranh-ảnh : Thương-cảng Sài-gòn trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 6, số 8 tập 4.

— Tranh-ảnh : kiến-thiết phi trường Tân-sơn-nhất trong nguyệt san Thế-giới tự do số 7 tập 6.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Đặc tính
II) Đường thủy.
III) Đường hàng-không.
IV) Ảnh-hưởng.

BÀI GIẢNG

I. — Đặc-tính :

a) Đường-thủy :

- Hầu hết các sông ngòi ở Bắc-phần và Nam-phần đều tiện-lợi cho việc giao-thông.
- Ở Trung-phần vì sông ngắn, cạn nên không được thuận-tiện.
- Đường biển khá quan-trọng.

b) Đường hàng-không : Rất tiện lợi.

|| Trừ các sông ngắn ở miền Trung, sông ngòi ở Bắc và Nam-phần đều tiện cho tàu bè đi lại.

II. — Đường thủy :

1) Đường sông : Việt-nam có chừng 80.000 km đường sông, các tàu bè nhỏ có thể đi lại được.

a) Ở Bắc-phần :

- Ở miền Trung-châu, tất cả các sông ngòi đều tiện cho sự giao-thông nên sự đi lại từ tỉnh này qua tỉnh khác rất dễ-dàng.
- Các đường chính là đường từ Hà-nội đi Tuyên-quang, Nam-định, Hải-phòng.

b) Ở Trung-phần :

- Chỉ có sông Mã, sông Cả, sông Chu, các tàu nhỏ có thể lưu-thông được mà thôi.

c) Ở Nam-phần : Việc giao-thông rất dễ-dàng nhờ :

- Sông ngòi chằng-chịt như màn nhện, trong đó 2.000 km sông đào.
- Những đường chính là đường từ Sài-gòn đi Phước-tuy, Biên-hòa, Định-tường, Phong-dinh, An-giang, Nam-vang (Cà-m-bốt).

|| Các đường chính là đường từ Hà-nội đi Tuyên-quang, Nam-định, Hải-phòng : Sài-gòn đi các tỉnh và sang Nam-vang.

2) Đường biển :

- Dọc theo bờ biển suốt từ Bắc chí Nam, sự giao-thông bằng tàu lớn được thuận-tiện và nhanh chóng.
- Tại thương-cảng Đà-nẵng, Sài-gòn và Hải-phòng có nhiều tàu bè ngoại-quốc vào ra buôn bán.

Đường biển cũng rất thuận-tiện. Sài-gòn và Hải-phòng là hai thương-cảng lớn nhất.

III.— Đường hàng không :

1) Đường đi trong nước : Ở nước ta có công-ty hàng không Việt-nam chuyên chở hành-khách và hàng-hóa đi từ thủ-đô Sài-gòn đến các tỉnh lớn trong nước.

2) Đường đi ngoại-quốc.

- Máy năm gần đây đường hàng-không đi ngoại-quốc được mở-mang nhiều, nối liền Việt-nam với các nước tự-do trên thế-giới.
- Phi-trường lớn nhất là phi-trường Tân-sơn-nhất ở Sài-gòn.

Ngoài ra Việt-nam còn có đường hàng-không nối liền thủ-đô Sài-gòn với các tỉnh trong nước và ngoại-quốc.

IV.— Ảnh-hưởng :

Nhờ có nhiều sông ngòi, đường biển dài, hải-cảng tốt và phi-trường lớn, sự giao-thông và thương-mãi ở nước ta khá quan-trọng.

Câu hỏi

- | | |
|--|--|
| 1) Đường giao-thông ở Việt-nam có đặc-tính gì ? | ở nước ta như thế nào ? |
| 2) Ở Bắc và Nam-phần sự giao-thông về đường thủy như thế nào ? | 5) Kể các thương-cảng lớn của Việt-nam ? |
| 3) Sự giao-thông ở Trung phần như thế nào ? | 6) Đường hàng-không nối liền Sài-gòn với những nơi nào ? |
| 4) Sự giao-thông về đường biển | 7) Đường giao-thông ở nước ta có ảnh-hưởng gì đối với nền kinh-tế nước nhà ? |

BÀI HỌC

Trừ các sông ngắn ở miền Trung, sông ngòi ở Bắc và Nam-phần đều tiện cho tàu bè đi lại.

Các đường chính là đường Hà-nội đi Tuyên-quang, Nam-định, Hải-phòng ; Sài-gòn đi các tỉnh và sang Nam-vang. Đường biển cũng rất thuận-lợi. Sài-gòn và Hải-phòng là hai thương-cảng lớn nhất.

Ngoài ra Việt-nam còn có đường hàng-không nối liền thủ-đô Sài-gòn với các tỉnh trong nước và ngoại-quốc.

Nhờ có nhiều sông ngòi, đường biển dài, hải-cảng tốt và phi-trường lớn, sự giao-thông và thương-mãi ở nước ta khá quan-trọng.

Bài đọc thêm :**Sài-gòn**

Sài-gòn đầy nhựa sống, đô-thị lớn nhất của Việt-nam tự-do, thủ đô hành-chính và hải cảng quan-trọng nhất châu-Á, nằm dọc những con đường rộng và nhiều bóng cây nhất Viễn-đông, giữa những công-viên tráng-lệ.

Du khách đến thăm Sài-gòn lần đầu tiên sẽ ngạc-nhiên trước những thi vị của thành phố này. Những ngôi nhà lầu kiểu Đông-phương, những mặt tiền nhà kiểu La-mã, những tòa công thự kiến-trúc Pháp làm cho thành phố nhuộm linh cách đặc biệt.

Về phương Nam đô-thành Sài-gòn tiếp-giáp với con sông cùng mang tên Sài-gòn. Sông này đổ nước ra biển Nam-hải cách Sài-gòn độ 100 cây số, tạo nên một đường thủy tiện-dụng cho thương thuyền. Thương cảng Khánh hội đầy đủ dụng-cụ và sầm uất kề-cận ngay với trung tâm thành phố và xuất cảng gạo, gỗ tẻch, cao-su lá, hạt tiêu, củi dừa, gôm a-ra-bích và bông gạo. Phi trường Tân-sơn-nhất cách xa Sài-gòn độ 6 cây số về phía tây-bắc được coi như là một phi-trường tốt nhất Viễn-đông, góp phần rất lớn vào công cuộc kiến-tạo một nền kinh-lẽ và thương-mãi phồn-thịnh cho quốc-gia Việt-nam tự do ...

Thế-giới tự do.

Bài 21**THƯƠNG - MÃI**

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh ảnh : sinh-hoạt thương-mãi ở thương - cảng Sài-gòn trong nguyệt-san Thế-giới tự do số 6, số 8 tập 4.
— Bản đồ về thương-mãi (Việt-nam kinh tế).

TRỌNG-ĐIỂM : I) Đặc tính.
II) Việc buôn bán trong nước.
III) Việc buôn bán với ngoại quốc.
IV) Ảnh-hưởng.

BÀI GIẢNG**I. — Đặc tính :**

Nền thương-mãi ở Việt-nam trước kia không được phát-đạt lắm vì :
— Dân ta nghèo, ít vốn.
— Kỹ nghệ còn phôi thai.
— Phương-tiện vận tải thiếu thốn.

|| Nền thương-mãi ở nước ta trước kia không được phát-đạt lắm.

III. — Việc buôn bán trong nước :

Việc buôn bán trong nước khá phồn-thịnh, hàng-hóa được trao đổi :
— Giữa các tỉnh thành và thôn-quê (thơ, lụa vải và thực phẩm).

- Giữa các miền châu-thô và duyên-hải với thượng-du (muối, cá, khô, gỗ, tre, mây, trâu bò v. v. . .).
- Giữa các phần và các tỉnh (gạo, đường, than đá, xi-năng, và các hàng công-kỹ-nghệ).

|| **Việc buôn bán trong nước khá phồn thịnh nhờ có sự trao đổi hàng-hóa khắp mọi nơi.**

III.— Việc buôn bán với ngoại-quốc :

Việc buôn bán với các nước ngoài chậm phát-triển.

a) Hàng xuất-cảng :

- Gạo : Xuất-cảng hơn 1 triệu rưỡi tấn, chiếm nửa tổng số giá hàng xuất-cảng, (bán cho Trung-hoa, Nam-dương và Tân-gia-ba).
- Cao-su : 77 ngàn tấn.
- Lông-vịt : 1 triệu 6 trăm ngàn tấn (bán cho Trung-hoa, Nhật-bản).
- Than đá : 1 triệu rưỡi tấn.
- (Bắp ngô) : 5 trăm ngàn tấn.
- Muối, cá khô, hạt tiêu, sơn, trám, quế, củ nâu và các chế phẩm như chiếu, đồ thêu, đồ khảm . . .

b) Hàng nhập-cảng :

- Đồ chế-tạo, thực-phẩm (bột mì, đồ hộp v. v. . .).
- Các nhiên-liệu (dầu hỏa, các đồ hóa-học, máy-móc).

c) Sự giao-dịch :

Trước kia Pháp là khách hàng chính của Việt-nam. Ít lâu nay sự giao-dịch thương mại giữa ta và các nước Hoa-kỳ, Nhật, Úc, Anh, Ấn, Ý, Tây-Đức đã tăng lên nhiều.

d) Thương-cảng lớn : Sài-gòn và Hải-phòng.

|| **Hàng năm ta xuất-cảng gạo, cao-su, lông vịt, than đá . . . và mua của ngoại-quốc những dụng-cụ, máy móc và được phẩm. Hiện giờ sự giao-dịch buôn bán giữa nước ta với Hoa-kỳ, Nhật-bản . . . càng ngày càng tăng.**

IV.— Ảnh-hưởng :

- Trước kia dân ta ít vốn nên việc buôn bán lớn phần nhiều do các người ngoại-quốc nắm giữ.
- Ngày nay nhờ biết chung vốn để thành lập các công-ty và được sự nâng-dỡ của chính-phủ nên một số thương-gia Việt-nam đã cạnh-tranh buôn-bán nổi với ngoại-khu trong nước cũng như ngoài nước.

Do đó, nền thương-mại nước nhà đang trên đà phát-triển.

Nhờ chính-phủ nâng đỡ và các thương-gia Việt-nam đã cạnh-tranh nổi với ngoại-kiều, việc thương-mãi nước nhà ngày nay đang trên đà phát-triển và sẽ có ảnh hưởng tốt đối với dân-sinh.

Câu hỏi

- | | |
|--|--|
| 1) Tại sao nền thương-mãi ở nước ta không phát-đạt lắm ? | những hàng-hóa gì ? |
| 2) Việc buôn bán trong nước thế nào ? | 6) Tại sao trước kia nền thương-mãi ở nước ta lại kém-cỏi ? |
| 3) Việc buôn bán với ngoại-quốc thế nào ? | 7) Ngày nay thế nào ? |
| 4) Kể những hàng xuất-cảng ? | 8) Nền thương-mãi phát đạt có ảnh-hưởng gì đối với nền kinh-tế quốc-gia? Đối với dân-sinh? |
| 5) Nước ta mua của ngoại-quốc | |

BÀI HỌC

Nền thương-mãi ở nước ta trước kia không được phát-đạt lắm. Chỉ có việc buôn bán trong nước là khá phồn-thịnh nhờ có sự trao đổi hàng hóa khắp mọi nơi. Hàng năm ta xuất cảng gạo, cao-su, lông vịt, than đá và mua của ngoại-quốc những dụng-cụ, máy móc và được-phẩm.

Hiện giờ sự giao-dịch buôn bán giữa nước ta với Hoa-kỳ, Nhật bản v. v... càng ngày càng tăng.

Nhờ chính-phủ nâng-đỡ và các thương-gia Việt-nam đã cạnh tranh nổi với ngoại-kiều, việc thương-mãi nước nhà ngày nay đang trên đà phát-triển và sẽ có ảnh hưởng tốt đối với dân sinh.

Bài đọc thêm

Mỗi năm, nước ta có thể thu vào 112 triệu đồng nhờ lông vịt.

Từ trước đến nay, nói đến các sản phẩm xuất-cảng của nước ta, ai cũng nghĩ ngay đến gạo, cao-su và than đá. Ít ai biết rằng trong hàng các sản-phẩm xuất cảng, lông vịt đã đứng trên cả than đá, chỉ sau gạo và cao-su. Hàng năm việc xuất cảng lông vịt thu vào xấp xỉ những số ngoại tệ khổng lồ (năm 1952 : 111.737.000\$00).

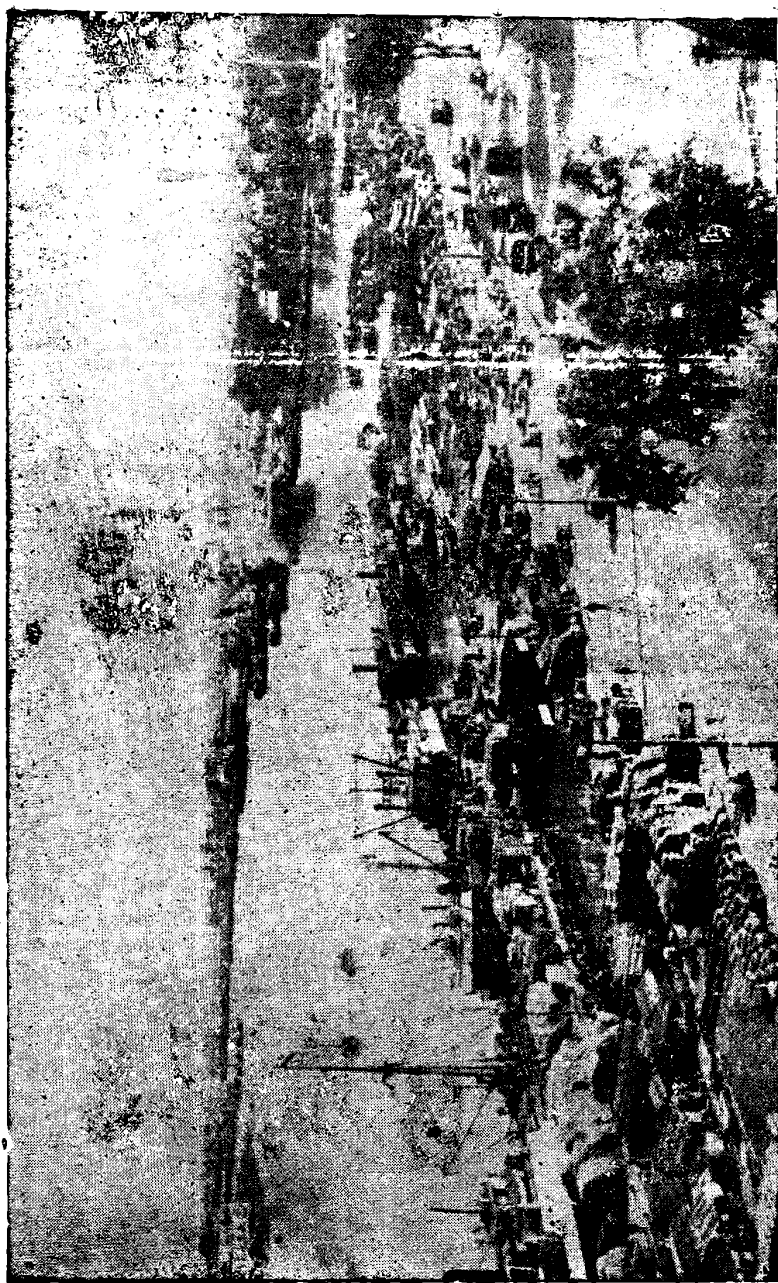
Nếu so sánh sự phí tổn về chuyên chở thì lông vịt có ưu điểm là một sản-phẩm nhẹ. Năm 1952, ta chỉ xuất cảng có 1.551 tấn, mà ngoại tệ thu vào lại hơn 212.976 tấn than đá.

So sánh lông vịt với than đá, ta sẽ thấy rằng số lợi thì tương đương nhưng tiền chuyên chở hai thứ đó chênh lệch nhau rất nhiều ; tiền chuyên chở than đá đắt hơn tiền chuyên chở lông vịt đến 30 lần.

So sánh với than đá và cao-su, lông vịt còn có ưu điểm nữa là hiện thời chưa có công ty hay đại tư bản nào giữ độc quyền về sự chế-tạo.

So sánh lông vịt với ngũ-cốc, về phương diện dân sinh, lông vịt không phải là một sản vật cần thiết cho sự tiêu thụ hàng ngày của dân ta ; do đó xuất cảng lông vịt không hại gì đến đời sống của họ ; mặt khác lông vịt có thể tích trữ được lâu ngày (1 năm) không sợ hư hỏng hoặc mốc meo như ngũ-cốc.

Trích Tạp-chí No-ám



Thương cảng Sài-gòn

Quan sát : Tàu bè đậu san sát, hàng hóa chất đầy bến, xe vận tải chạy tấp nập.

Bài 22

BÀI HỌC ÔN VỀ VIỆT-NAM KINH-TẾ

- A) Nông-nghiệp** {
- I. **Đặc-tính** : Nông-nghiệp là nghề căn-bản của dân Việt.
 - II. **Cây lúa** : 5 triệu mẫu tây ruộng lúa.
— Sản-xuất mỗi năm hơn 7 triệu tấn.
 - III. **Các cây đề ăn độn** : Bắp, khoai, sắn vv. trồng khắp nơi.
 - IV. **Các cây đề uống** : Chè và cà-phê.
 - V. **Các cây đề hút** : Thuốc lá, thuốc i-ô.
 - VI. **Các cây dùng trong công-kỹ-nghệ** : Cao-su, bông, dâu, mía, gai, sơn, thông v. v . . .
- B) Chăn nuôi** {
- I. **Đặc-tính** : Không phát-dạt.
 - II. **Trâu, bò** : Không đủ dùng phải mua thêm của ngoại-quốc.
 - III. **Heo, dê** : Nuôi khắp nơi để ăn thịt.
 - IV. **Gà, vịt, ngỗng** : Vừa đủ dùng. Mỗi năm sản-xuất một số lông vịt khá quan trọng.
- C) Chài lưới** {
- I. **Đặc-tính** : Sống nhiều, bờ biển dài, nên một số đông dân chúng sống về nghề chài lưới.
 - II. **Nghề đánh cá sông** : Khá phồn-thịnh.
 - III. **Nghề đánh cá biển** : Vì thiếu tàu bè, nên chỉ đánh ở ven biển.
- D) Hải-sản** {
- I. **Nghề làm nước mắm** : Ở Các-bà, Thanh-hóa, Nghệ an, Đà-nẵng, Phan-thiết, Phú-quốc.
 - II. **Ruộng muối** : Ở Thái-bình, Nam-dịnh, Thanh-hóa, Sa-huỳnh, Phan-thiết và một vài tỉnh ở Nam phần.
 - III. **Các hải-sản khác** : Tò yến, đồi-mồi.
- Đ) Rừng và khoáng sản** {
- I. **Đặc-tính** : Chiếm gần nửa diện tích đất đai toàn-quốc.
 - II. **Các lâm sản** :
— Mỏ than : Ở dãy Đông-triều và vùng Nông-sơn.
— Mỏ thiếc, kẽm, sắt : Ở vùng thượng-du Bắc-phần.
— Mỏ chì, bạc : Ở dãy Ngân-sơn.
— Mỏ phốt-phát, vàng, và dầu hỏa.
- E) Tiều công-nghệ** {
- I. **Đặc-tính** : Khá tiến bộ.
 - II. **Các tiều công-nghệ quan-trọng** : Dệt, làm đường chiếu, đệm, chén bát, làm đồ gỗ v. v . . .

**G) Đại
kỹ-nghệ**

- I.— **Đặc-tính** : Đang phát-triển.
- II.— **Các kỹ-nghệ chính** :
 - Kỹ-nghệ dệt : ở Sài-gòn, Gia-dịnh.
 - Kỹ-nghệ làm đường, xà-phòng, nhà máy gạo ở Sài-gòn.
 - Nhà máy điện ở các thành phố lớn :

**H) Giao-
thông**

- I.— **Đặc-tính** : Ít.
- II.— **Đường bộ** :
 - Quốc-lộ số 1 từ ải Nam-quan đến biên giới Căm-bốt
 - Các đường liên tỉnh.
 - Đường bộ đi Ai-lao và Căm-bốt.
- III.— **Đường xe lửa** :
- IV.— **Đường sông** :
 - Ở Bắc-phần và Nam-phần rất tiện lợi.
 - Ở Trung-phần sông ngăn làm trở ngại việc giao-thông.
- V.— **Đường biển** : Rất thuận tiện.
- VI.— **Đường hàng không** :
 - Nối liền các thành-phố lớn.
 - Đi ngoại quốc.

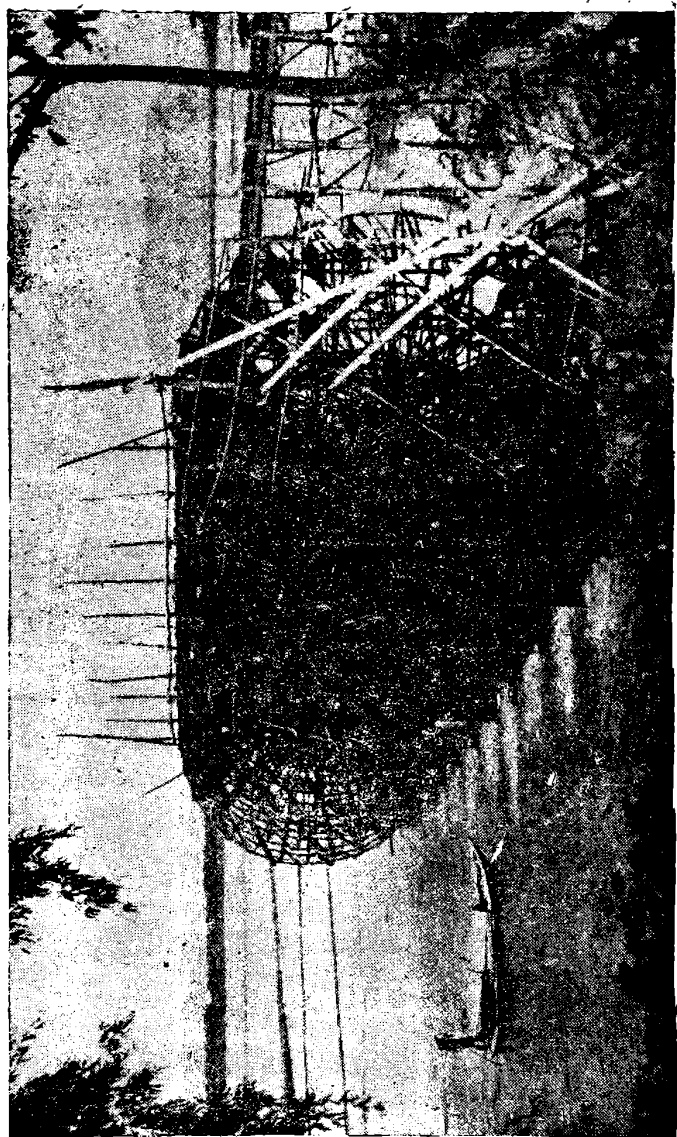
**I)Thương-
mãi**

- I.— **Đặc-tính** : Chậm phát đạt.
- II.— **Việc buôn bán trong nước** :
 - Giữa các tỉnh thành và miền thượng-du.
- III.— **Việc buôn bán với ngoại quốc** :
 - Xuất cảng : Gạo, cao-su, lông vịt, than đá.
 - Nhập cảng : Vải, máy móc, thuốc tây v.v...

**K)Tương-
lai củanền
kinh-tế
nước nhà**

- Nền kinh-tế Việt-nam đang phát triển nhờ :
 - Ruộng đất phì-nhiều.
 - Nguyên-liệu dồi dào.
 - Sông ngòi giàu thủy-lợi.
 - Công kỹ-nghệ và thương-mãi khá phồn-thịnh.
 - Đường sá đang mở-mang thêm giúp ích nhiều cho giao thông.
- Tương lai đầy triển vọng.





Xe nước ở Quảng-Ngãi

Quan-sát : Nhờ sức dầy của nước các guồng xe tự-dộng quay dẫn nước vào ruộng cao khỏi tốn dân công tát nước.

Bài 28

BÀI TỔNG-KẾT VỀ NƯỚC VIỆT-NAM

TRỌNG-ĐIỂM :

- I) Hình-thể.
- II) Nhân-văn.
- III) Kinh-tế.
- VI) Sự quan-trọng của Việt-nam đối với các nước lân-bang.

DẪN GIẢI

Sau những cuộc thăng-trầm của dân-tộc, nước Việt-nam ngày nay đang trời dậy là nhờ những điều-kiện thuận-tiện như :

I.— Về hình-thể : Nước Việt-nam chiếm một địa-vị quan-trọng ở miền Đông-nam châu Á, nằm giữa hai khối Hoa-An, chạy dài theo ven biển Thái-bình-dương và là cửa ngõ của miền Hoa-nam, Ai-lao và Căm-bốt.

Tuy ở gần đường xích-đạo, nhưng ba mặt đều mở toang ra bề cả, nên khí-hậu có phần dễ chịu. Sông ngòi phong-phú. Mặc dầu núi-non chiếm hết một phần đất đai quan-trọng, nhưng nhờ những châu-thò phì-nhiều của sông Cửu-long, Đồng-nai, Nhì-hà và Thái-bình nên Việt-nam xứng đáng là vựa lúa không-lỡ của Viễn-dông.

II.— Về nhân-văn : Người Việt chiếm đại đa-số, ở khắp những vùng bình-nguyên trù-mật, có một trình-độ văn-hóa khá-quan.

Về phương-diện chánh-trị, Việt-nam trải qua những biến-cổ quan-trọng của lịch-sử văn duy-trì được bản-sắc của dân-tộc.

Ngày nay, cuộc tranh-thủ độc-lập của dân-tộc đã được thực-hiện và với một chính-thể vững-vàng, nước Việt-nam sẽ tiến kịp các cường quốc trên thế-giới.

III.— Về kinh-tế : Nhờ có nhiều nguồn lợi vô-tận của rừng-rú, ruộng đất tốt tươi, nguyên-liệu dồi-dào, sông ngòi phong-phú, giàu thủy-lợi, công-kỹ nghệ và thương-mãi phồn-thịnh, đường giao-thông đang sùng-tu và kiến-thiết thêm, nên nền kinh-tế nước nhà sẽ có đà phát-triển.

IV.— Sự quan-trọng của Việt-nam đối với các nước lân-bang : Với địa-thế ưu-thắng, chính-trị vững-vàng, văn-hóa khá-quan, kinh-tế đầy triển-vọng, nước Việt-nam sẽ có một tương-lai tươi sáng và đóng một vai-trò quan-trọng đối với các nước láng-giềng và miền Đông-nam châu Á.

Bài 24

CẨM - BỐT (CAO - MÊN) HÌNH - THẺ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh về bờ biển trong nguyệt-san
Thế-giới tự-do số 8 tập 6.
— Bản-dồ
— Phấn màu

TRỌNG-ĐIỂM : I) Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích.
II) Địa-thế.
III) Bờ biển.
IV) Khí-hậu.
V) Sông ngòi.

BÀI GIẢNG

I. — Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích :

- **Vị-trí :** Cẩm-bốt ở về phía Tây-nam nước Việt-nam.
- **Giới-hạn :** — Đông và Nam giáp Việt-nam và vịnh Thái-lan.
— Tây và Bắc giáp nước Thái và Ai-lao.
- **Diện-tích :** Chừng 175.000 km².

|| Cẩm-bốt ở về phía Tây-nam nước Việt-nam. Diện-tích ước-độ 175.000 km².

II. — Địa-thế : Cẩm-bốt chia làm 3 miền :

- **Miền Bắc :** gần biên-thùy Thái-lan và Ai-lao có dãy Đăng-rét (Đăngrek) không cao lắm nằm ở giữa Cẩm-bốt và Thái-lan.
- **Miền Tây-nam :** có dãy núi Voi, ngọn cao nhất là 1.200 m và dãy Đậu-khẩu chạy dài ra đến tận biển.
- **Miền Trung :** là một cánh đồng rộng dính liền với miền châu-thỏ Nam-phần Việt-nam.

|| Miền Bắc có dãy Đăng-rét, miền Tây-nam có dãy núi Voi và dãy Đậu-khẩu còn ở giữa là một cánh đồng rộng dính liền với miền châu-thỏ Nam-phần Việt-nam.

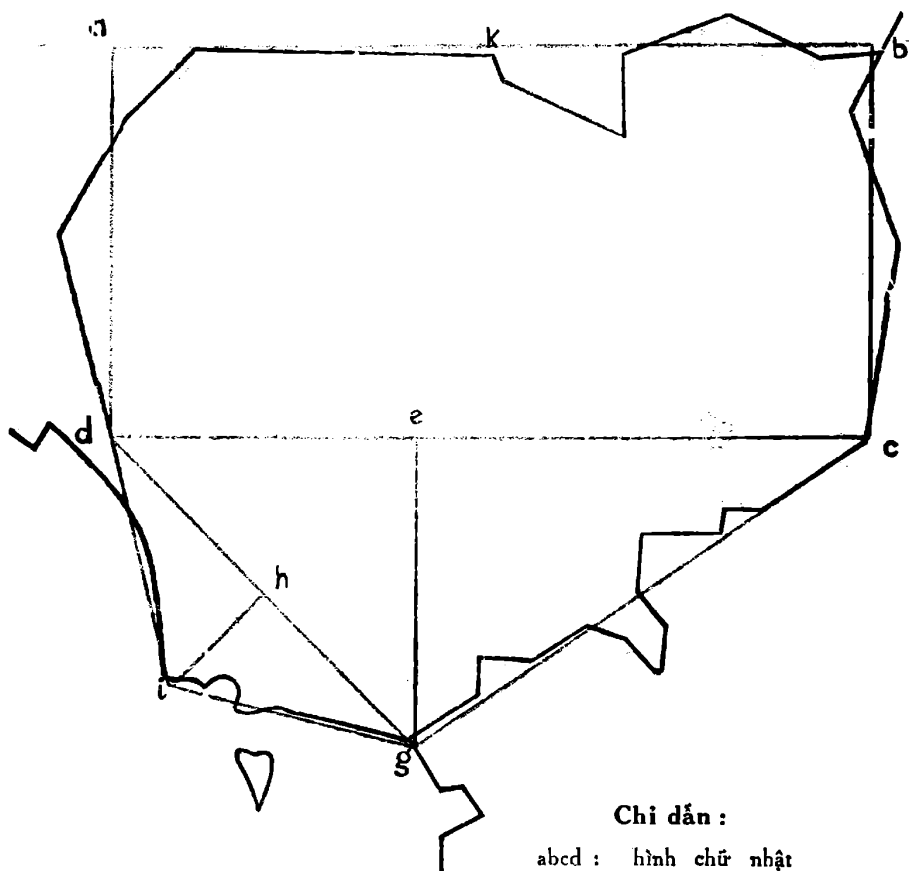
III. — Bờ biển :

- Bờ biển Cẩm-bốt dài chừng 300 km từ biên-giới Việt-nam đến biên-giới Thái-lan. Vì hiểm-trở, lởm-chồm đá và cạn nên không tiện cho sự giao-thông.
- Hiện nay, chính-phủ Cẩm-bốt đang xúc-tiến thiết-lập một hải-cảng mới tại vịnh Kông-pông-sôm.

|| Bờ biển Cẩm-bốt ngắn, cạn và lởm-chồm đá nên bất tiện cho sự giao-thông.

IV. — Khí-hậu : Khí-hậu Cẩm-bốt nóng vì ở vào vùng nhiệt-đới, chia làm hai mùa rõ-rệt :

PHƯƠNG PHÁP VẼ BẢN-ĐỒ NƯỚC CĂM-BỐT



Chỉ dẫn :

abcd : hình chữ nhật

ab : 2 bc

de : $\frac{2}{3}$ của dc

hi : gần nửa de

k : giữa ab

- Mùa nắng : từ tháng chạp đến tháng tư.
- Mùa mưa : từ tháng năm đến tháng mười một.

|| Khí-hậu nóng vì ở vào vùng nhiệt-đới.

V.— Sông ngòi :

- Sông Cửu-long là con sông quan-trọng nhất ở Căm-bốt.
- Từ Cấn-ché trở xuống, nước sông chảy đều nên thuyền bè đi lại dễ dàng hơn.
- Đến Nam-vang, sông Cửu-long chia làm Tiền-giang và Hậu-giang, có sông Tông-lê-sáp nối liền với Biên-hồ.
- Biên-hồ (gồm có hồ Lớn và hồ Bé) là một vùng trũng thấp đầy nước, rộng trên 3.000 km², cá rất nhiều, nuôi sống cho hàng vạn dân chài.

|| Sông Cửu-long là một con sông quan-trọng nhất ở Căm-bốt. Đến Nam-vang sông này chia làm Tiền-giang và Hậu-giang, có sông Tông-lê-sáp nối liền với Biên-hồ.

Câu hỏi

- | | |
|---|---|
| 1) Nước Căm-bốt ở đâu ? | 6) Khí-hậu ở Căm-bốt thế nào ? |
| 2) Giáp với những nước nào ? | 7) Sông nào quan-trọng nhất ở Căm-bốt ? |
| 3) Diện-tích ước độ bao nhiêu ? | 8) Đến Nam-vang sông Cửu-long chia làm mấy nhánh ? |
| 4) Căm-bốt chia làm mấy miền ?
Là những miền nào ? | 9) Nhờ có Biên-hồ, mực nước sông Cửu-long được lợi gì ? |
| 5) Bờ biển Căm-bốt ra sao ? | |

BÀI HỌC

Căm-bốt ở về phía Tây-nam nước Việt-nam, diện-tích ước-độ 175.000 km².

● Miền Bắc có dãy Đăng-rét, miền Tây-nam có dãy núi Voi và dãy Đău-khâu, còn ở giữa là một cánh đồng rộng dính liền với miền châu-thỏ Nam-phần Việt-nam.

Bờ biển ngắn, cạn, lởm-chờm đá nên bất tiện cho sự giao-thông. Còn khí-hậu thì nóng vì ở vào vùng nhiệt-đới.

Sông Cửu-long là con sông quan-trọng nhất ở Căm-bốt. Khi chảy đến Nam-vang, sông này chia làm Tiền-giang và Hậu-giang, có sông Tông-lê-sáp nối liền với Biên-hồ

Bài đọc thêm :**Xứ Căm - bốt**

Đi vào Biền-hồ và chùa Đế-thiền Đế-thích, thì phải theo ngược dòng sông Tông-lê-sáp là một nhánh sông Cửu-long. Sông Tông-lê-sáp có nhiều cảnh lạ người đi qua nhìn không bao giờ chán mắt. Hai bên bờ thì cây-cối um-tùm. Chỗ này lác-dác mấy cái nhà sàn, cheo-leo trên mặt nước ; chỗ kia tịch-mịch một cái lừng, một ngọn tháp hay một cảnh chùa, điểm một vị sư mặc cà-sa vàng đang trầm tư mặc tưởng. Thỉnh-thoảng những chỗ thừa cây lại có một pho tượng thật lớn mỉm cười nhìn xuống cõi tục, tựa hồ như nhìn người đời xô-dẩy nhau trong vòng danh-lợi.

Nhưng sông Tông-lê-sáp có cái cảnh lạ hơn cả là thường dòng nước ở trong Biền-hồ chảy ra, mà đến mùa mưa, nước sông Cửu long lên to thì giòng nước lại ở ngoài sông chảy ngược lại...

Hàng năm cứ đến mùa nước xuống, thì dân Căm-bốt mở hội rất trọng-thể. Lúc ấy có vua ngự ra cùng các quan và dân-sự đi thuyền theo không biết cơ-man nào mà kể. Đợi lúc nước xuống thì thuyền bơi đến chỗ có cái dầm chắn ngang qua sông. Vua làm lễ, cầm thanh bảo kiếm chém đứt cái giấy ấy, ngụ ý là mở đường cho nước xuống để dân-sự cấy cấy làm ăn.

Quốc-văn lớp ba.

Bài 29**CĂM - BỐT NHÂN - VĂN**

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh về đô-thị Nam-vang trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 8, tập 4.

TRỌNG-ĐIỂM :

- I) Dân-số.
- II) Các giống người.
- III) Chính-thề.

BÀI GIẢNG**I. — Dân-số :**

- Dân-số Căm-bốt ước-độ 3 triệu rưỡi người, trung-bình 18 người trong 1 km².
 - So với các nước trong miền Đông-nam-Á (trừ Ai-lao), Căm-bốt là một nước ít dân số nhất.
- || Dân-số Căm-bốt chừng 3 triệu rưỡi người.

II. — Các giống người :

- Đa số là người Căm-bốt (2 triệu rưỡi), thuộc giống da vàng, theo đạo Phật.

- Dọc theo biên-giới Ai-lao, có người Chăm, người Pờ-nông (Pnong) và người Mọi.
- Ngoài ra còn có ngoại-kiều như người Trung-hoa, Pháp, Việt-nam v.v...
- Cách phân-phối dân số không đều.
- Miền Đông-nam dân-cư đông-đúc : 100 người trong 1 km².
- Miền rừng núi và miền Đông bắc, Tây-nam chỉ có từ hai đến chín người trong 1 km².

Người Căm-bốt chiếm đa-số, ở các vùng đồng bằng trù-mật, thuộc giống da vàng, theo đạo Phật.

Ở miền núi có người Pờ-nông, người Chăm, người Mọi. Ngoài ra còn có các ngoại-kiều như Pháp, Trung-hoa, Việt-nam v. v. . . .

III. — Chính-thề :

- Căm-bốt là một nước độc-lập, theo chính-thề quân-chủ lập-hiến.
- Thủ-đô là Nam-vang.
- Các thành-phố lớn là Bát-tăm-băng (Battambang) và Căm-pô (kam-pot)

Căm-bốt là một nước độc-lập theo chính-thề quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Nam-vang. Các thành-phố lớn là Bát-tăm-băng và Căm-pô.

Câu hỏi

- | | |
|---|--|
| 1) Dân-số Căm-bốt ước-độ bao nhiêu ? | 5 Ng ài ra ở Căm-bốt còn có những ngoại-kiều nào nữa ? |
| 2) Đa số là giống người nào ? | 6) Căm-bốt theo chính-thề gì ? |
| 3) Theo tôn-giáo nào ? | 7) Thủ-đô ở đâu ? |
| 4) Ở miền rừng núi có giống người nào ? | 8) Kể các thành-phố lớn ? |

BÀI HỌC

Dân số Căm-bốt chừng 3 triệu rưỡi người.

Người Cao-mên chiếm đa số, ở các vùng đồng bằng trù-mật. Họ thuộc giống da vàng và theo đạo Phật.

Ở miền rừng núi có người Nùng, người Chăm, và người Mọi. Ngoài ra còn có các ngoại-kiều như Pháp, Trung-hoa, Việt-nam v. v. . .

Căm-bốt là một nước độc-lập, theo chính-thề quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Nam-vang. Các thành-phố lớn là . Bát-tăm-băng và Căm-pô.

Bài đọc thêm

Nam - vang

Nam-vang là thủ-đô của Căm-bốt ; ở một ngã tư sông, cho nên thành-phố mặc nhiên thành một trung-tâm buôn bán, và ngày nay trở nên một thương-khẩu thứ hai sau thành-phố Sài-gòn về phương-diện xuất-cảng trên bán đảo phương Đông, xuất-cảng : gạo, cá, bông, cao-su và các lâm-sản khác. Dọc hai bên sông, những con tàu nằm chờ ăn hàng.

Nam-vang một phần là đồng bằng, một phần là đồi đồi. Nhiều chỗ mặt đất thoải thoải lên cao, nên thành-phố còn được gọi là «Đồi trù-phủ». Đến chân đồi bộ mặt của Nam-vang thay đổi. Cung điện nhà Vua nằm trên đỉnh đồi đằng sau trường thành, chỉ dùng dưới sông mới trông thấy được. Cung điện gồm rất nhiều vọng lâu và tháp canh sơn son thiếp vàng, di-tích của một thời huy-hoàng tráng-lệ đã qua. Vì đã lâu rồi theo lịch-sử Chăm-bốt, thì đế-quốc Khmer nổi tiếng là thời toàn-thịnh của khoa kiến-trúc xây-dựng đền-đài và là kỹ-nguyên mỹ-thuật đã phát-triển tới mức độ thế-giới chưa từng thấy...

Trích Thế-giới tự-do

Bài 26

CẨM-BỐT KINH-TẾ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 7 tập 4 ; số 1, số 10 tập 5 ; số 1, số 4, số 8, số 9, tập 6.

TRỌNG-ĐIỂM :

- I) Nông-nghiệp.
- II) Chăn nuôi và chài lưới.
- III) Lâm-sản và khoáng-sản.
- IV) Công-kỹ-nghệ và thương-mãi.
- V) Liên-lạc với Việt-nam.

BÀI GIẢNG

I.— Nông-nghiệp :

- Cẩm-bốt là một nước nông-nghiệp : Phần nhiều đất-đai dùng để trồng lúa, nên mỗi năm sản-xuất trên một triệu tấn.
- Ngoài ra Cẩm-bốt còn trồng các cây khác như ngô, đậu, tiêu, thuốc lá, bông vải, dâu, cao-su v. v. . . .

|| Cẩm-bốt là một nước nông-nghiệp. Họ trồng nhiều lúa, ngô, đậu, tiêu, thuốc lá, bông, dâu, cao-su.

II.— Chăn nuôi và chài lưới :

- Nghề chăn nuôi khá thịnh-vượng nhờ có nhiều đồng cỏ tươi tốt và rộng bao-la. Họ nuôi nhiều nhất là trâu bò (1 triệu rưỡi con) và các gia-súc khác như lợn, gà, vịt v. v. . .
- Nghề đánh cá là một nguồn lợi quan-trọng ở Cẩm-bốt. Số cá đánh được hàng năm ở Biên-hồ hơn 100.000 tấn để ăn và bán ra nước ngoài

|| Nhờ có nhiều đồng cỏ tươi tốt và Biên-hồ rộng bao-la nên nghề chăn nuôi và chài lưới ở Cẩm-bốt rất thịnh-vượng.

III.— Lâm-sản và khoáng-sản :

- Cẩm-bốt có nhiều rừng núi, nên giàu về lâm-sản : gao, dâu, trắc, huỳnh-dương, giáng-hương v. v. . . song thiếu nhân-công nên khai-khàn chưa được mấy.

- Căm-bốt nghèo khoáng sản nên chỉ có mỏ sắt, mỏ phốt-phát và mỏ ngọc.
- || Rừng núi có lâm gỗ quý nhưng nghèo khoáng-sản.

IV.— Công-kỹ-nghệ và thương-mại :

- Công-kỹ-nghệ Căm-bốt còn thấp kém vì họ thiếu óc kinh-doanh.
- Rải-rác trong nước có một vài nhà máy cưa, lò gạch, xưởng dệt, nhưng phần nhiều là của người Trung-hoa và người Việt-nam.
- Thương-mại cũng không phát-đạt, vì thiếu đường giao-thông, dân nghèo, và đều lọt vào tay Hoa-kiều cả.
- Xuất-cảng : gỗ, gạo, ngô, tiêu và nhất là cá khô.
- Nhập-cảng : vải, tơ, dầu hỏa, máy-móc v. v. . . .

|| Công-kỹ-nghệ và thương-mại Căm-bốt chưa được phát-đạt lắm và đều ở trong tay người ngoại-quốc.

V.— Liên-lạc với Việt-nam :

- Căm-bốt là nước gần nhất Việt-nam nên sự liên-lạc về kinh-tế rất mật-thiết.
- Mỗi năm, Căm-bốt mua của Việt-nam muối, than đá, vải, tơ, lụa và bán cho ta trâu bò.

|| Căm-bốt mua của ta muối, than đá, vải, lụa và bán cho ta trâu bò.

Câu hỏi

- | | |
|---|--|
| 1) Đa-số dân Căm-bốt sống về nghề gì ? | 4) Công-kỹ-nghệ ở Căm-bốt ra sao ? |
| 2) Ngoài lúa ra, họ còn trồng cây gì nữa ? | 5) Vì sao nền thương-mại ở Căm-bốt còn kém ? |
| 3) Nghề chăn nuôi và chài lưới ở Căm-bốt như thế nào ? Vì sao ? | 6) Căm-bốt buôn bán với nước ta những gì ? |

BÀI HỌC

Căm-bốt là một nước nông-nghiệp. Họ trồng nhiều lúa, ngô, đậu, tiêu, thuốc lá, bông, dâu, cao-su.

Nhờ có nhiều đồng cỏ tươi tốt và Biền-hồ rộng bao-la nên nghề chăn nuôi và chài lưới rất thịnh-vượng. Rừng núi có lâm gỗ quý nhưng nghèo khoáng-sản.

Công-kỹ-nghệ và thương-mại chưa được phát-đạt lắm và đều ở trong tay người ngoại-quốc.

Căm-bốt mua của ta muối, than đá, vải, lụa và bán cho ta trâu bò.

Bài đọc thêm 2**Hột tiêu Cẩm-bốt**

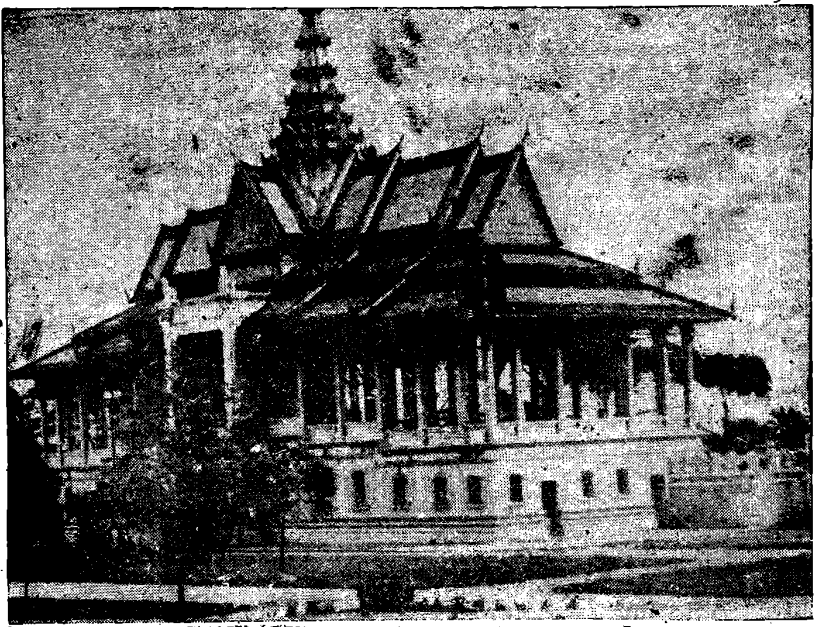
Người ta thường thấy mọc hoang trong các vườn sau hoặc bãi ruộng ở Cẩm-bốt 37 loại khác nhau của một thứ gia-vị phổ-thông nhất trên hoàn-cầu. Cách đây trên 100 năm, người ta đã bắt đầu trồng hột tiêu nhưng chỉ mới từ đầu thế-kỷ này sự trồng trọt trái cây đó mới trở nên quan-trọng.

Sự tiêu-thụ món gia-vị thơm ngon đó đã vượt quá mức sản-xuất. Tuy nhiên bành-trướng việc trồng trọt hột tiêu thực là một vấn đề khó-khăn và hầu như may rủi. Sau 5 năm sản-súc cần-thận, người ta mới có một mùa hái quả khá-quan. Cây hột tiêu cũng như cây nho thường leo vào những cọc to nên khi cây đã lớn, người trồng-trọt phải biết săn-sóc khéo-léo mới mong có kết-quả....

Người đầu tiên đề-cấp đến cây hột tiêu trồng ở Cẩm-bốt là một người Trung-hoa tên Tchou ta Kouan đến thăm Cẩm-bốt năm 195....

Sang thế-kỷ thứ 19, miền nam Việt-nam đã có trồng hột tiêu. Sau những người trồng cây đó đã dần dần di-cư sang Cẩm-bốt vì ở đây đất rất thích-hợp cho việc trồng hột tiêu. Thành phố Cẩm-pô (Kampot) gần vịnh Thái-lan trở nên một trung-tâm trồng-trọt quan-trọng về các loại hột tiêu trắng và đen dùng hàng ngày tại bàn ăn các gia-dình khắp thế-giới.

T. G. T. D.



Cung-diện của vua Cẩm-bốt

Quan sát: Lối kiến-trúc đặc-biệt của Cẩm-bốt



Mùa hái tiêu ở Căm-bốt
Quan-sát : Cây tiêu leo trên cột gỗ

AI - LAO HÌNH - THÈ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Bản-dồ Ai-lao hình-thè.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích.
 II) Địa-thể.
 III) Khí-hậu.
 IV) Sông-ngòi.

BÀI GIẢNG

I. — Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích :

- **Vị-trí :** Nước Ai-lao ở giữa bán-đảo Hoa-Ấn về phía Tây nước Việt-nam.
 - **Giới-hạn :** — Bắc và Đông giáp Trung-hoa và Việt-nam.
 — Tây và Nam giáp Căm-bốt, Thái-lan và Miến-diện.
 - **Diện-tích :** Chừng 236.000 km².
- || Nước Ai-lao ở về phía Tây nước Việt-nam, diện-tích chừng 236.000 km².

II. — Địa-thể :

Rất hiểm trở, toàn là rừng núi và cao-nguyên, gồm có 2 miền :

a) **Thượng-lào :** là một vùng núi cao hơn 2.000 mét, phía Đông-bắc có dãy Hứa-panh và Pu-đen-đinh, phía Tây-nam có ngọn Pou-bia (2.817m) là ngọn cao nhất Ai-lao; phía Nam có cao-nguyên Trấn-ninh, (cao 1.200m).

b) **Hạ-lào :** cũng toàn là núi và cao-nguyên; dãy Bu-luông chạy dài theo dãy Trường-son và cao-nguyên Bô-lô-ven.

|| **Địa thể rất hiểm-trở** toàn là rừng núi và cao-nguyên gồm có hai miền là **Thượng-lào** và **Hạ-lào**,

III. — Khí-hậu :

Ai-lao nóng, chịu ảnh-hưởng gió mùa :

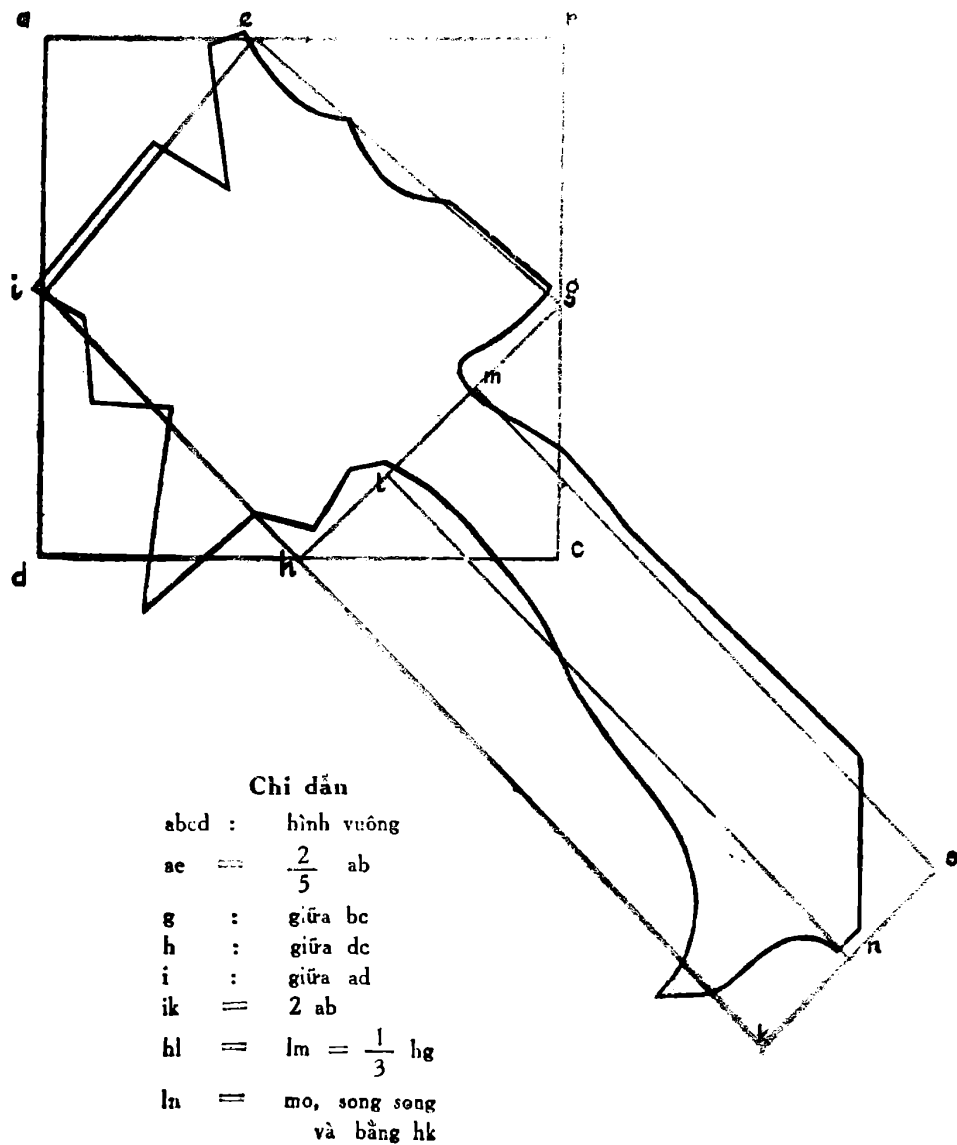
- Mùa nắng từ tháng 10 đến tháng 4.
- Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10.

|| **Khí-hậu Ai-lao nóng, và chịu ảnh-hưởng của gió mùa.**

IV. — Sông-ngòi :

Ai-lao chỉ có sông Cửu-long chảy qua từ Bắc xuống Nam trên một quãng dài 2.000 km. Sông này từ bên Tây-tạng chảy sang, chia làm hai phần :

PHƯƠNG PHÁP VẼ BẢN ĐỒ NƯỚC AI-LAO



- Từ Vạn-tượng trở lên, sông có nhiều thác cao và nguy-hiểm nên việc giao-thông rất khó-khăn.
- Từ Vạn-tượng trở xuống, sông rộng và ít thác nên sự giao-thông có phần dễ-dàng hơn.

|| Ai-lao chỉ có một con sông duy nhất là sông Cửu-long. Sông này từ Vạn-tượng trở xuống ít ghềnh thác nên sự lưu-thông có phần dễ-dàng hơn trên thượng-lưu.

Câu hỏi

- | | |
|---|---|
| 1) Nước Ai-lao ở đâu ? Và giáp những nước nào ? | 5) Địa-thế mỗi miền ra sao ? |
| 2) Diện-tích chừng bao nhiêu ? | 6) Khí-hậu Ai-lao thế nào ? |
| 3) Địa-thế nước Ai-lao thế nào ? | 7) Ai-lao có con sông nào lớn ? |
| 4) Có thể chia làm mấy miền ? | 8) Sông Cửu-long từ Vạn-tượng trở xuống, sự lưu-thông có dễ-dàng không ? Vì sao ? |

BÀI HỌC

Nước Ai-lao ở giữa bán đảo Hoa-An, phía tây nước Việt-nam, diện-tích chừng 236.000 km².

Địa thế rất hiểm-trở, toàn là rừng núi và cao-nguyên, gồm có 2 miền : Thượng Lào và Hạ Lào.

Khí-hậu Ai-lao nóng và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Ai-lao chỉ có một con sông duy nhất là sông Cửu-long. Sông này từ Vạn-tượng trở xuống ít ghềnh thác nên sự lưu-thông có phần dễ-dàng hơn trên thượng-lưu.

Bài đọc thêm :

Thác Khône

Sông Cửu-long chảy đến Khône thuộc về Hạ-Lào thì có nhiều thác cao tới mười lăm, mười sáu thước, dài đến hàng nghìn thước. Khúc sông ở phía trên thác thì hẹp lại rồi chảy tràn ra một vùng có đá lởm-chổm và rộng tới bốn, năm dặm. Phong-cảnh chỗ ấy thật là hùng-vĩ thanh-tú. Dưới sông nước chảy âm-âm nghe như tiếng sấm, trên núi, cỏ cây chen đá, lá chen hoa. Giữa thác đàn cá vây-vùng ; xa xa chim trời lénh-dénh theo dòng nước chảy. Thác Khône thật là một nơi liêu sơn-lâm mã vô đại kỳ quan vậy.

Quốc-văn lớp Ba

Bài 29

AI - LAO NHÂN - VĂN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 1 tập 5 ; số 12 tập 5.
— Bản-đồ.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Dân số.
II) Các giống người.
III) Chính-thề và các thành-phố lớn.

BÀI GIẢNG

I.— Dân số :

- Dân số Ai-lao ước-độ 1 triệu rưỡi người.
- Trung-bình 1 km² có 7 người.

II.— Các giống người :

- Đa số người Lào thuộc giống Thái, tính-tình ôn-hòa, theo đạo Phật.
- Người Kha, (giống như người Mường, Mọi ở Việt-nam) là thổ-dân bị người Lào dồn lên núi non hiểm-trở.
- Ngoài ra, còn có các ngoại-kiểu như Việt-nam, Trung-hoa và Pháp.

|| Ai-lao có chừng một triệu rưỡi người. Đa số là người Lào, theo đạo Phật, sinh sống ở các vùng đồng bằng đất tốt. Ở trên các núi cao có người Kha. Ngoài ra, còn có người Việt-nam, Trung-hoa và Pháp.

III.— Chính-thề và các thành-phố lớn :

- Ai-lao là một nước độc-lập theo chính-thề quân-chủ lập-hiến.
- Thủ-đô là Vạn-tượng.
- Các thành-phố lớn : Lu-ăn-pờ-ra-băng, Tha-khét, Sa-van-na-khét.

|| Hiện nay Ai-lao là một nước độc-lập, theo chính-thề quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Vạn-tượng. Các thành-phố lớn là Lu-ăn-pờ-ra-băng, Tha-khét, Sa-van-na-khét.

Câu hỏi

- | | |
|-------------------------------------|--------------------------------|
| 1) Dân-số Ai-lao ước-độ bao nhiêu ? | Ai-lao ? |
| 2) Kề các giống người ở | 3) Ai-lao theo chính-thề nào ? |
| | 4) Thủ-đô đóng ở đâu ? |

BÀI HỌC

Ai-lao có chừng 1 triệu rưỡi người. Đa số là người Lào theo đạo Phật, sinh sống ở các vùng đồng bằng đất tốt. Ở trên các núi cao có người Kha. Ngoài ra còn có người Việt-nam, Trung-hoa và Pháp.

Hiện nay Ai-lao là một nước độc-lập theo chính-thề quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Vạn-tượng.

Các thành-phố lớn là Lu-ăn-pờ-ra-băng, Tha-khét, Sa-van-na-khét.

Bài đọc thêm:

Vạn - tượng

Thành-phố của đền chùa

Lịch-sử Ai-lao là lịch-sử của một xứ toàn chùa chiền.

Tại Vạn-tượng, thủ-đô Lào, người ta thấy rất rõ-rệt linh hồn người xưa đọng màu trong các đền chùa.

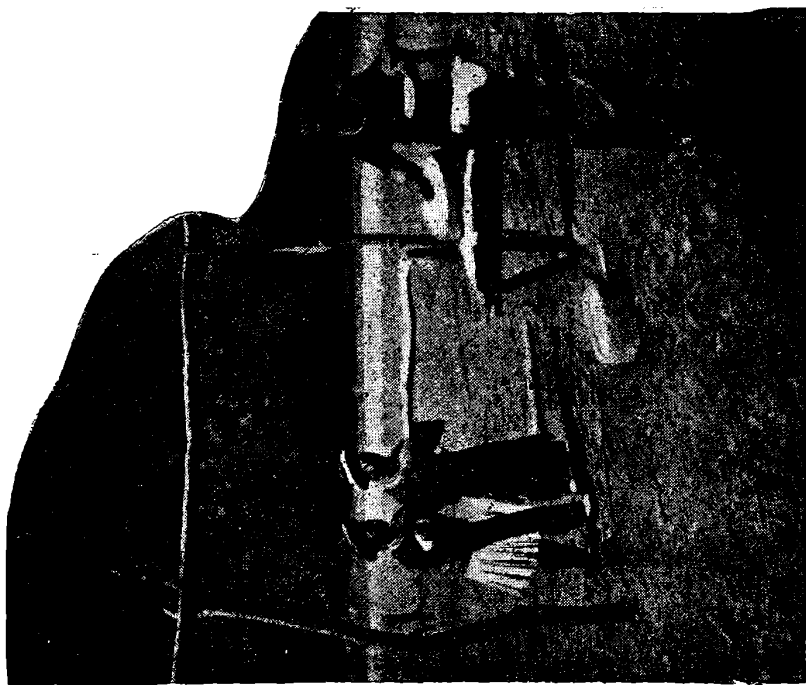
Tuy cách thức xây-dựng và công trình kiến-trúc không được cổ-diễn — và trong nhiều trường-hợp có kiểu rất mới — đền chùa ngày nay bắt chước rất nhiều khuôn-mẫu những đền chùa xây-dựng từ thuở sơ khai của lịch-sử Lào...

Đền chùa ở Lào thay đổi kiểu mẫu tùy theo từng nơi, nhưng tất cả đền chùa có nét chính giống nhau : mái cong, cửa và cửa sổ chạm trổ hình những vị thần linh, những nhân vật nhảy múa và các giống vật. Ngoài việc ghi lại lịch-sử nước nhà trên tường và cửa, đền chùa còn là kho tàng các báu vật của nền văn-hóa Lào. Nhiều tác-phẩm văn-học đáng kể hiện lưu-trữ tại Prae-keo, chùa Sisaket trong viện Phật học và trong thư viện của nhà vua. Những kho tàng quý-báu ấy được các nhà sư gìn-giữ cẩn-thận và viết thành tiếng Lào và tiếng Pali, một thứ tiếng Ấn-độ được tôn sùng.

Trích Thế-giới tự-do



Thiếu-nữ Ai-lao
Quan-sát : Y-phục của
Thiếu nữ Ai-lao.



Người Mèo ở cao-nguyên (Trần-ninh)
Quan-sát : Đầu chít khăn,
cổ đeo vòng bạc, mặc váy.
Hai người xay gạo, một người
bỏ gạo vào cối xay bằng đá.

Bài 30

AI - LAO KINH - TẾ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 9 và số 10 tập 5 : số 6 tập 6.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Nông-nghiệp, chăn nuôi, chài lưới.
II) Lâm-sản, Khoáng-sản, Công-kỹ-nghệ.
III) Thương-mãi.
IV) Liên-lạc với Việt-nam.

BÀI GIẢNG

I.— Nông-nghiệp, chăn nuôi, chài lưới :

a) **Nông-nghiệp :** Còn kém, ruộng đất ít (300.000 mẫu) nên không sản-xuất đủ gạo ăn, hàng năm phải mua của Việt-nam và Thái lan.

— Ngoài ra người Lào còn trồng ngô, khoai, thuốc Lào, bông đay, cà-phê v. v...

b) Chăn nuôi và chài lưới :

— Nghề chăn nuôi khá quan-trọng. Người Lào nuôi nhiều trâu, bò, lợn, gà, vịt...

— Nghề chài lưới không quan-trọng lắm.

|| Ai-lao ít ruộng, không đủ gạo dùng nên phải mua của Việt-nam và Thái-lan. Người Lào nuôi nhiều trâu bò. Nghề chài lưới còn kém.

II.— Lâm-sản, khoáng-sản, công-kỹ-nghệ :

a) Lâm-sản và khoáng-sản :

— Rừng núi ở Ai-lao nhiều nên có lâm gỗ quý như gỗ gụ, trắc, gỗ tếch.

— Khoáng-sản cũng nhiều như than đá, sắt, kẽm, chì nhưng chưa được khai phá.

b) **Công-kỹ-nghệ :** Đang còn phôi-thai nhưng cũng có một vài xưởng kỹ-nghệ được tổ-chức đơn-sơ như kỹ-nghệ dệt, đóng ghe, đúc thau, lò gốm, làm voi và cưa gỗ.

|| Rừng có lâm gỗ quý. Khoáng-sản nhiều nhưng chưa khai-phá. Công kỹ-nghệ đang còn phôi-thai.

III.— Thương-mãi :

Cũng còn kém vì thiếu đường giao-thông :

— Không có đường xe lửa.

— Không có bờ biển.

— Chỉ có con đường thủy duy-nhất là sông Cửu-long, nhưng một phần lớn không tiện cho sự giao-thông.



- Xuất-cảng : trâu, bò, lợn.
- Nhập-cảng : Gạo, vải, lụa, muối, và các thực-phẩm.

IV.— Liên-lạc với Việt-nam :

- Hàng năm Ai-lao bán cho Việt-nam : Trâu, bò, lợn.
- Và mua của Việt-nam : Muối gạo, vải lụa, cùng các hàng do tiểu-công-nghệ chế-tạo.

Ai-lao không có bờ biển, không có đường xe lửa nên
nền thương-mại kém thịnh-vượng. Ai-lao bán cho ta trâu,
bò, lợn và mua của ta vải, lụa và thực-phẩm.

Câu hỏi

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1) Nông-nghiệp Ai-lao như thế nào ? | 4) Công-kỹ-nghệ ra sao ? |
| 2) Chăn nuôi và chài lưới thế nào ? | 5) Ai-lao xuất, nhập-cảng những gì ? |
| 3) Lâm-sản và khoáng-sản thế nào ? | 6) Hàng năm Ai-lao mua của ta và bán cho ta những gì ? |

BÀI HỌC

Ai-lao ít ruộng nên không đủ gạo dùng, phải mua của Việt-nam và Thái-lan. Người Lào nuôi nhiều trâu, bò. Nghề chài lưới còn kém.

Rừng có lâm gỗ quý. Khoáng-sản nhiều nhưng chưa khai-phá. Công-kỹ-nghệ đang còn phôi-thai. Ai-lao không có bờ biển, không có đường xe lửa nên nền thương-mại kém thịnh-vượng.

Ai-lao bán cho ta trâu, bò, lợn và mua của ta vải, gạo và thực-phẩm.

Bài đọc thêm :

Xưởng cưa giữa rừng hoang

Bao cánh rừng trùng điệp với những gốc cổ thụ khổng-lồ bao phủ hai phần ba diện-tích nước Ai-lao. Tuy nhiên, tiền phi-lôn vận-tải quá cao đã làm trở ngại việc khai-thác các loại gỗ súc quý giá trong những khu rừng cấm tịch mịch. Một thương lộ trực tiếp hiện đang được mở rộng tới hải cảng Vọng-các, (Thái-lan), để tiện việc chuyên chở gỗ phiến và lâm sản xuất cảng. Hệ thống đường sá trong nước gồm giòng Cửu-long giang cùng ước chừng hai ngàn dặm đường đã bị chiến cuộc làm hư hại. Hiện nay hệ-thống đường sá ấy dùng để chuyên chở gỗ từ rừng sâu tới 22 xưởng cưa trên đất Lào, trong số đó có 12 xưởng hoạt-dộng ngay tại Vạn-tượng. Hàng năm hơn 3 triệu bạc được tiêu vào việc dẫn cây rừng chở về xưởng cưa. Ở đó sức điện sẽ xẻ đem các khúc gỗ lớn thành những tấm ván mỏng dùng trong việc xây cất trong nước hay xuất-cảng.

Trích Thế-giới tự-do

BÀI 31**BÀI HỌC ÔN VỀ AI-LAO**

- I. Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích :**
- Vị-trí : Giữa bán đảo Hoa-Anh, phía Tây nước Việt-nam.
 - Giới-hạn : Bắc và Đông : Trung-hoa và Việt-nam.
 - Tây và Nam : Cam-bốt, Thái-lan, Miến-điện.
 - Diện-tích : 236.000 km².
- II. Địa-thể : — Hiểm-trở.**
- A) Hình-
thể**
- Thượng-Lào : Toàn núi, cao hơn 2.000 m. Có cao-nguyên Trấn-ninh ở phía Nam.
 - Hạ-Lào : Núi và cao-nguyên : dãy Bu-lông và cao-nguyên Bô-lô-vên.
- III. Khí-hậu : — Nóng, chịu ảnh-hưởng gió mùa.**
- IV. Sông-ngòi : — Sông Cửu-long :**
- Từ Vạn-tượng trở lên ; nhiều ghềnh thác, lưu-thông khó khăn.
 - Từ Vạn-tượng trở xuống : ít thác, lưu-thông có phần dễ-dàng.
- I. Dân-số : — 1 triệu rưỡi người.**
- II. Các giống người :**
- B) Nhân-
văn**
- Đa-số là người Lào, ở đồng bằng.
 - Người Kha ở núi cao.
- III. Chính-thể :**
- Quân-chủ lập-hiến.
 - Thủ-đô : Vạn-tượng.
 - Các thành-phố lớn : Lu-ăng-pơ-ra-băng, Sa-van-na-khet, Tha-khet.
- I. Nông-nghiệp : Ruộng ít, còn kém.**
- Gạo : Không đủ ăn, phải mua của Việt-nam và Thái-lan.
 - Bắp, khoai, thuốc lã, bông, đay, cà-phê, chè.
- II. Chăn nuôi và chài lưới :**
- Nuôi nhiều trâu, bò, lợn.
 - Chài lưới không quan-trọng.
- III. Lâm-sản và khoáng-sản :**
- Lâm-sản : gụ, trắc, gỗ tếch...
 - Khoáng-sản : chưa được khai-phát.
- IV. Công-kỹ-nghệ :**
- Rất kém, tổ-chức đơn-sơ : dệt, đóng ghe, đồ gốm, làm vôi, cưa gỗ.
- V. Thương-mại: Kém vì thiếu đường giao-thông.**
- Xuất-cảng trâu, bò, lợn.
 - Nhập-cảng : Vải lụa, muối, gạo.
- VI. Liên-lạc với Việt-nam :**
- Bán cho Việt-nam : trâu, bò, lợn.
 - Mua của Việt-nam : gạo, vải, lụa và hàng chế tạo.
- C) Kinh-
tế**

Bài 32

TRUNG-HOA HÌNH-THÈ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIÊU : — Bản-đồ Trung-hoa hình-thè.
— Bản-đồ Trung-hoa trống.
— Phần màu

TRỌNG ĐIỂM : I) Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích.
II) Địa-thể.
III) Bờ biển.
IV) Khí-hậu.
V) Sông ngòi.

BÀI GIẢNG

I. — Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích :

Vị-trí : Trung-hoa ở về phía Đông châu Á, phía bắc nước Việt-nam.

Giới-hạn : — Bắc giáp Tây-bá-lợi-á,
— Đông giáp Triều-tiên và biển Đông-hải,
— Nam giáp biển Nam-hải, Việt-nam, Diên-diên, Ai-lao và Ấn-độ,
— Tây giáp A-phú-hân và Tân-cương thuộc Nga.

Diện-tích : Chừng 4 triệu km² (gấp 34 lần Việt-nam).

Nước Trung-hoa ở về phía bắc nước Việt-nam, diện-tích ước-độ 4 triệu km².

II. — Địa thể : Địa-thể nước Trung-hoa rất hiểm trở vì có nhiều núi cao, lấm cao-nguyên rộng và bình-nguyên lớn, chia làm 3 vùng :

1) **Hoa-bắc :** là bình-nguyên sông Hoàng-hà và các dãy núi trùng điệp như dãy Nam-sơn, Thái-hành-sơn và Ngũ-đài-sơn.

2) **Hoa-trung :** là một cánh đồng mênh-mông chạy từ lưu-vực Dương-tử-giang đến dãy Tứ-xuyên.

3) **Hoa-nam :** có núi Vân-nam, núi Tứ-xuyên và Nam-linh.

Địa-thể rất hiểm-trở vì có nhiều núi cao, rừng rậm và bình-nguyên lớn.

III. — Bờ biển : Rất ít đối với diện-tích chung toàn-quốc.

— Bờ biển phía bắc thấp.

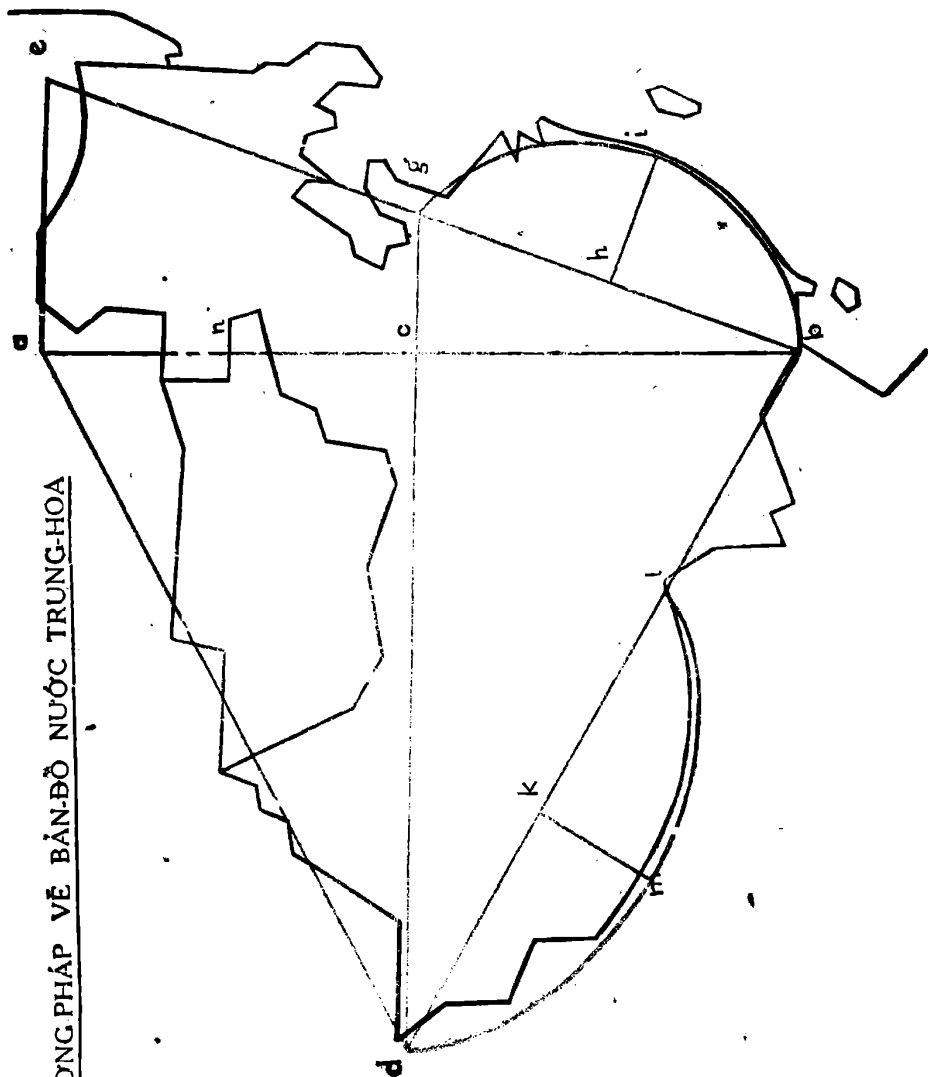
— Bờ biển phía nam cao, khúc-khủy, có nhiều vịnh, lợi cho hàng-hải và ngư-nghiệp. Hải-cảng thiên-nhiên tốt nhất là Hương-cảng. Ngoài khơi có hai đảo lớn là Đài-loan và Hải-nam.

Bờ biển tuy ngắn, nhưng về phía Nam có nhiều vịnh, lợi cho hàng-hải và ngư-nghiệp.

IV. — Khí-hậu : Rất thay đổi :

— Miền bắc : lạnh-lẽo, có tuyết và khô khan, Mùa đông có

PHƯƠNG PHÁP VẼ BẢN ĐỒ NƯỚC TRUNG-HOA



Chỉ dẫn

ab	11 khoảng
c	giữa ab
cd	10 khoảng
ae	4 khoảng
h	giữa bg
hi	2 khoảng
dk	kl = lb
km	nửa dk
n	giữa ac

— Miền trung và nam : Khí-hậu nóng, ẩm và mưa nhiều. Mùa Đông có mưa phùn, mùa hạ hay có bão.

|| Khí-hậu thay đổi theo từng miền : Miền bắc lạnh-léo, khô-khan; miền trung và nam nóng, ẩm nên mưa nhiều.

V. — Sông ngòi : Có 3 con sông lớn là :

- 1) Hoàng-hà : Dài 4.700 km phát-nguyên từ Tây-tạng, không ích-lợi cho sự lưu-thông mảy, về mùa đông thường cạn, nhưng tới mùa hạ nước sông lại dâng lên rất nhanh, nên thường gây nhiều nạn lụt rất tai-hại.
- 2) Dương-tử-giang : Dài 5.080 km, phát-nguyên từ Tây-tạng, là con đường giao-thông tiện-lợi, tàu lớn có thể đi sâu vào lục-địa.
- 3) Tây-giang : Dài 2.000 km, có phụ-lưu là sông Bằng-giang và sông Kỳ-cùng ở Bắc-phần Việt-nam.

|| Trung-hoa có 3 con sông lớn là Hoàng-hà, Dương-tử-giang và Tây-giang.

Câu hỏi

- | | |
|--|--|
| 1) Nước Trung-hoa ở về phía nào châu Á ? | 6) Miền Hoa-trung và Hoa-nam có những bình-nguyên và những dãy núi nào ? |
| 2) Giáp những nước nào ? | 7) Bờ biển Trung-hoa thế nào ? |
| 3) Diện-tích ước-độ bao nhiêu ? | 8) Khí-hậu thế nào ? |
| 4) Địa-thế ra sao ? | 9) Kể các con sông lớn ở Trung-hoa ? |
| 5) Miền Hoa-bắc có bình-nguyên gì và những dãy núi nào ? | |

BÀI HỌC

Nước Trung-hoa ở về phía bắc nước Việt-nam. Diện-tích ước-độ 4 triệu km².

Địa-thế rất hiểm-trở vì có nhiều núi cao, rừng-rậm và bình-nguyên lớn.

Bờ biển tuy ngắn, nhưng về phía nam có nhiều vịnh tốt lợi cho hàng-hải và ngư-nghiệp.

Khí-hậu thay đổi theo từng miền : miền bắc lạnh-léo, khô-khan; miền trung và nam nóng, ẩm nên mưa nhiều.

Trung-hoa có 3 con sông lớn là Hoàng-hà, Dương-tử-giang và Tây-giang.

Bài 33

TRUNG-HOA NHÂN-VĂN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh người Trung-hoa.
— Tranh-ảnh các kiềng chùa Trung-hoa.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Dân-số.
II) Các giống người.
III) Chính-thề.

BÀI GIẢNG

I. — Dân-số :

- Trung-hoa có chừng 470 triệu người (gấp 22 lần dân-số Việt-nam).
- Trung-bình 1 km² có 102 người.

|| Dân-số Trung-hoa ước-độ 470 triệu người.

II. — Các giống người :

- Đa-số là người Trung-hoa (chừng 440 triệu người) thuộc giống da vàng, theo Phật-giáo, Khổng-giáo và một số ít theo đạo Lão, đạo Hồi-hồi và Thiên-chúa giáo.
- Các dân-tộc miền núi (chừng 30 triệu) ở về phía Tây và phía Nam gồm có các người Tây-tạng, Lô-lô, Mèo, Mán, Thái.
- Sự phân-phối dân-cư không đều vì ở rất đông trên các thửa bình-nguyên trù-mật, có nơi dân-số lên đến 1.000 người trong 1 km²; còn các vùng cao-nguyên thì dân-cư thưa thớt.

|| Đa số là người Trung-hoa. Họ phần nhiều theo Phật-giáo, Khổng-giáo, và chiếm các vùng bình-nguyên trù-mật. Ở miền núi non thì có người Tây-tạng, Lô-lô, Mèo, Mán, Thái.

III. — Chính-thề :

- Từ năm 1912; theo chính-thề dân-chủ.
- Hiện nay lãnh-thổ Trung-hoa chưa được thống-nhất; Trung-cộng cai-trị lục-địa, còn chính-phủ Trung-hoa quốc-gia đóng đô ở Đài-bắc (Đài-loan).
- Các thành-phố lớn là: Bắc-kinh, Thượng-hải, Nam-kinh, Trùng-khánh, Thiên-tân, Hán-khâu, Quảng-châu.
- Trung-hoa gồm có Trung-hoa 18 tỉnh và các xứ phụ-thuộc như Mãn-châu, Mông-cổ, Tân-cương và Tây-tạng.

|| Từ năm 1912, Trung-hoa theo chính-thề dân-chủ gồm có Trung-hoa 18 tỉnh và các xứ phụ-thuộc. Hiện nay chính-phủ Trung-hoa quốc-gia đóng đô ở Đài-bắc (Đài-loan). Các thành-phố lớn là Bắc-kinh, Thượng-hải, Nam-kinh, Trùng-khánh, Thiên-tân, Hán-khâu, Quảng-châu.



Câu hỏi

- 1) Dân-số Trung-hoa ước chừng bao nhiêu ?
- 2) So sánh dân-số của Việt-nam với dân-số Trung-hoa ?
- 3) Người Trung-hoa thuộc giống gì ?
- 4) Theo tôn-giáo nào nhiều nhất ?
- 5) Kể các dân-tộc thiểu số Trung-hoa ?
- 6) So sánh dân số ở các bình-nguyên với dân-số ở các cao-nguyên ?
- 7) Trung-hoa theo chính-thể gì ?
- 8) Hiện nay lãnh thổ Trung-hoa đã được thống nhất chưa ?
- 9) Chính-phủ Trung-hoa quốc-gia đóng đô ở đâu ?
- 10) Kể các thành-phố lớn ở Trung-hoa ?

BÀI HỌC

Dân-số Trung-hoa ước-dộ 470 triệu người, đa số là người Trung-hoa. Họ phần nhiều theo Phật-giáo, Khổng giáo và chiếm các bình-nguyên trù-mật. Ở miền núi-non có người Tây-tạng, Lô-lô, Mèo, Mán, Thái.

Từ năm 1912. Trung-hoa theo chính-thể dân-chủ gồm có Trung-hoa 18 tỉnh và các xứ phụ-thuộc. Hiện nay chính-phủ Trung-hoa Quốc-gia đóng đô ở Đãi-bắc (Đài-loan)

Các thành phố lớn là Bắc-kinh, Thượng-hải, Nam-kinh, Trùng-khánh, Hán-khẩu, Quảng-châu.

Bài đọc thêm

Trung-hoa 18 tỉnh

Bắc Trung-hoa (hay Hoa-bắc)

— Cam-túc	(Kan-sou)	thủ phủ	— Lan-châu	(Lan-tcheou)
— Thiểm-tây	(Chen-si)	» »	— Tây-an	(Si-ngan)
— Sơn-tây	(Chan-si)	» »	— Thái-nguyên	(Tai-guan)
— Hà-bắc	(Ho-pe)	» »	— Thiểm-tân	(Tiên-tsin)
— Sơn-dông	(Chan-loung)	» »	— Tế-nan	(Tsi-nan)
— Hà-nam	(Hô-nam)	» »	— Khai-phong	(Kai-fong)

Nam Trung-hoa (hay Hoa-nam)

— Tứ-xuyên	(Seu-tchouan)	thủ phủ	— Thành-dô	(Tcheng-tou)
— Hồ-bắc	(Hou-pé)	» »	— Vũ-chương	(Ou-tchang)
— Giang tô	(Kiang-sou)	» »	— Chân-giang	(Tchen-Kiang)
— Hồ-nam	(Hou nam)	» »	— Trùng-xa	(Tchan-cha)
— An-huy	(Ngan-hoei)	» »	— An-khánh	(Ngan-king)
— Triết-giang	(Tche-kiang)	» »	— Hàng-châu	(Hung-tcheou)
— Giang-tây	(Kiang-si)	» »	— Nam-xương	(Nan-chang)
— Phúc-kiến	(Fou-kien)	» »	— Phúc-châu	(Fou-tcheou)
— Quảng-dông	(Kouang-long)	» »	— Quảng-châu	(Can-ton)
— Quảng-tây	(Kouang-si)	» »	— Quế-lâm	(Koei-lin)
— Quý-châu	(Kouei tcheou)	» »	— Quý-dương	(Kouei yang)
— Vân-nam	(Vun nam)	» »	— Côn-minh	(Kun ming)

TRUNG-HOA KINH-TẾ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh trong nguyệt-san. Thế-giới tự-do số 2 tập 4, số 1 tập 5.

TRỌNG-ĐIỂM :

- I) Nông-nghiệp.
- II) Chăn nuôi và chài lưới.
- III) Lâm-sản và khoáng-sản.
- IV) Công-kỹ-nghệ.
- V) Thương-mại
- VI) Liên-lạc với Việt-nam.

BÀI GIẢNG

I. — Nông-nghiệp :

- 90 phần trăm dân-số Trung-hoa chuyên về nông-nghiệp.
- Số ruộng ở Trung-hoa ít. Cách trồng-trọt còn theo lối cò-truyền, nông-cụ thô-sơ nên thu-hoạch kém.
- Nông-sản chính là gạo, trồng nhiều ở miền Nam, sản-xuất trung-bình hàng năm từ 50 đến 60 triệu tấn, nhưng không đủ dùng, phải nhập-cảng gạo của Việt-nam và Thái-lan.
- Ngoài ra còn trồng lúa mì (trồng nhiều ở miền Bắc), lúa mạch, ngô, khoai, đậu, chè (trồng khắp nơi).
- || Người Trung-hoa phần đông chuyên về nông-nghiệp.

II. — Chăn nuôi và chài lưới :

- Người Trung-hoa nuôi nhiều lợn, gà, vịt, ngựa, trâu, bò, nhưng nghề chăn nuôi không quan-trọng mấy.
- Ngư-nghiệp quan-trọng hơn. Người Trung-hoa đánh cá ở các sông, hồ, biển. Một số ít dân chài xuống đánh cá ở vịnh Bắc-phần Việt-nam.
- || Nghề chài lưới quan-trọng hơn nghề chăn nuôi.

III. — Lâm-sản và khoáng-sản :

- Trung-hoa nhiều rừng-rú, nên có lâm thú gỗ quý và các cây đề làm thuốc.
 - Khoáng-sản rất nhiều, song chưa được khai-phá mấy như than đá, sắt, vàng v. v. . .
- || Rừng cung-cấp hàng năm cho dân Trung-hoa một số gỗ quý và thuốc bắc. Khoáng-sản rất nhiều nhưng khai-phá chưa được mấy.

IV.— Công-kỹ-nghệ :

a) **Tiêu-công-nghệ** : Trước kia rất phồn-thịnh : nuôi tằm, dệt lụa, thêu thùa, chạm trổ, đồ sứ. Ngày nay thì không cạnh-tranh nổi với kỹ-nghệ tân tiến.

b) **Kỹ-nghệ** : Còn phôi-thai như kỹ-nghệ khai mỏ, kỹ-nghệ dệt, kỹ-nghệ kim-khí và kỹ-nghệ đóng tàu.

|| **Tiêu công-nghệ trước kia rất phồn-thịnh. Kỹ-nghệ mới đang còn phôi thai.**

V.— Thương-mãi :

← Nền thương-mãi không quan-trọng vì dân nghèo, ít đường giao-thông và ít giao-dịch với ngoại-quốc,

— Xuất-cảng : tơ sống, bông vải, hàng lụa, thuốc bắc.

— Nhập-cảng : gạo, cá khô, dầu lửa, máy-móc.

— Hương-cảng (Hồng-kông), Thượng-hải, là những hải-cảng lớn.

|| **Trung-hoa xuất-cảng tơ sống bông vải, thuốc bắc và nhập cảng gạo, cá khô, dầu hỏa, máy-móc.**

|| **Các hải-cảng lớn là Hương-cảng, Thượng-hải và Quảng-châu**

VI. Liên-lạc với Việt-nam :

Từ xưa nước ta chịu ảnh-hưởng về văn-hóa, chính-trị, và kinh-tế của Trung-hoa. Hiện giờ Trung-hoa quốc-gia chỉ liên-ạc với ta về phương-diện thương-mãi.

Trung-hoa mua của ta gạo, cá khô, muối, yến, sào, xi-măng và bán cho Việt-nam tơ lụa, vải vóc, đồ sứ, chè...

|| **Trung-hoa mua của Việt-nam gạo, cá khô, muối, yến, sào, và bán cho ta vải, lụa, đồ sứ, chè...**

Câu hỏi

- | | |
|---|--|
| 1) Đa-số dân Trung-hoa sống về nghề gì ? | 5) Công-kỹ-nghệ ra sao ? |
| 2) Tại sao hoa-lợi ruộng đất hàng năm lại thu-hoạch kém ? | 6) Thương-mãi được phát-đạt không ? Vì sao ? |
| 3) Nghề chăn nuôi và ngư-nghiệp thế nào ? | 7) Trung-hoa xuất-cảng và nhập-cảng những gì ? |
| 4) Lâm-sản và khoáng-sản thế nào ? | 8) Trung-hoa quốc-gia mua và bán cho ta những gì ? |

BÀI HỌC

Người Trung-hoa phần đông chuyên về nông-nghiệp.

Nghề chài, lưới quan-trọng hơn nghề chăn nuôi.

Rừng cung-cấp hàng năm cho dân Trung-hoa một số gỗ quý và thuốc bắc. Khoáng-sản rất nhiều, nhưng khai-phá chưa được mấy.

Tiêu công-nghệ trước kia rất phồn-thịnh, kỹ-nghệ mới đang còn phôi-thai.

Trung-hoa xuất-cảng tơ sống, bông vải, thuốc bắc và nhập-cảng gạo, cá khô, dầu hỏa, máy-móc. Các hải-cảng lớn là Hương-cảng, Thượng-hải.

Trung-hoa quốc-gia mua của Việt-nam gạo, cá khô, muối, yến-sào, xi-măng và bán cho ta vải lụa, đồ sứ, chè...

Bài đọc thêm

Vấn-đề giao-thông tại Đài-loan

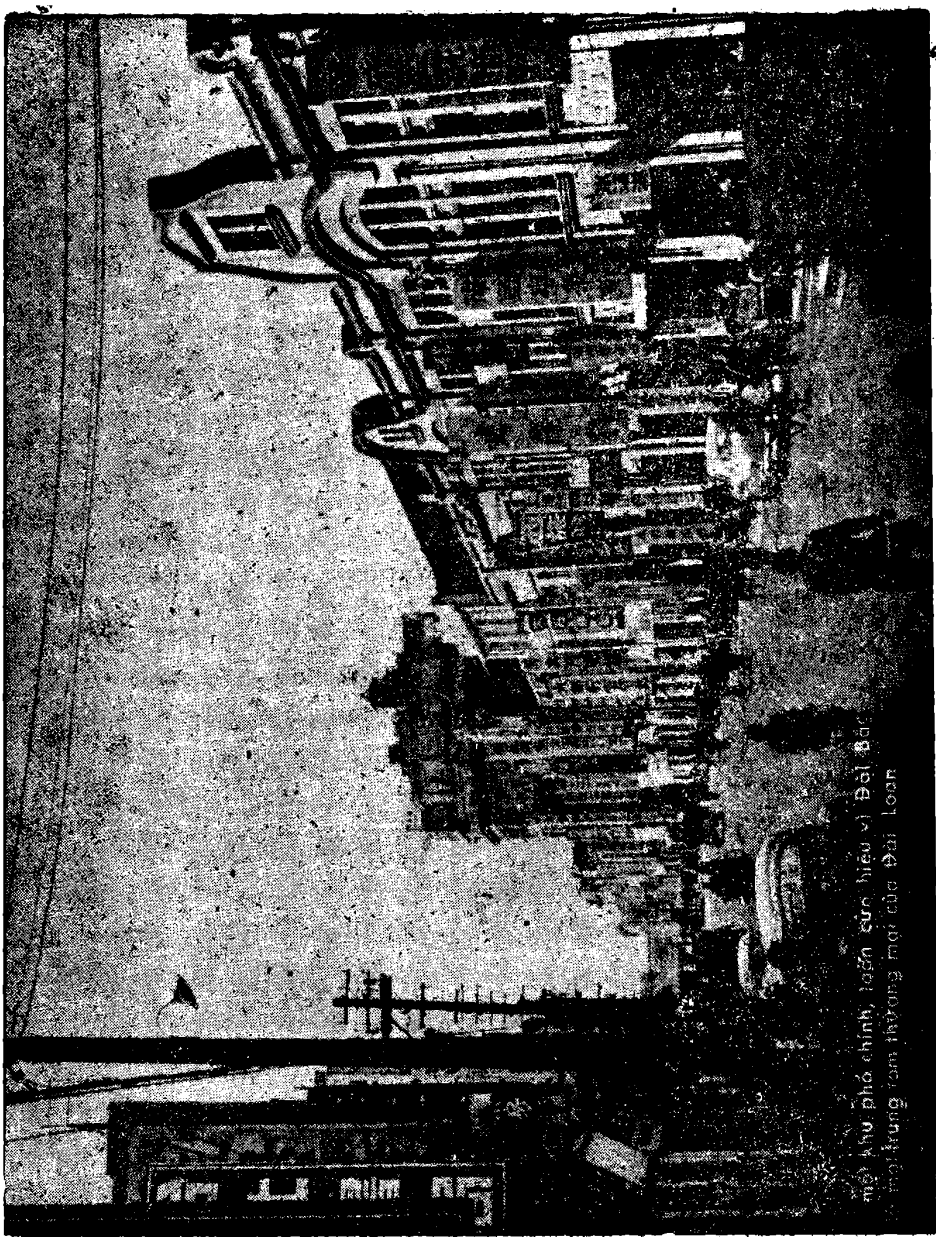
Đài-loan có một hệ-thống đường lộ rất đặc-biệt.

Tuy núi non bao trùm hai phần ba hải-đảo, mà cứ một dặm vuông là Đài-loan có 48 cây số đường lộ, một con số cao hơn hết mọi tỉnh ở lục-địa. Một trong những công-trình kiến-trúc giao-thông đặc-sắc nhất là cây cầu Xi-lô (Silo) hai cây số, dài nhất Viễn-dông.

Hiện nay Đài-loan đang kiến-thiết con đường xuyên đảo, chạy ngang qua Đài-loan rút ngắn hệ-thống đường lộ nối liền bờ biển miền đông với bờ biển miền tây, và hiện đã tráng nhựa xong hết cả con đường chạy từ bắc xuống nam...

Kể từ thời Nhật-bản chiếm đóng năm 1895 cho tới ngày Trung-hoa tái lập hải-đảo sau trận thế-giới đại-chiến thứ hai, tổng số đường lộ đã kiến thiết lên tới 17.000 cây số. Tuy nhiên, vì chiến-tranh phá hoại, nên kiến-thiết nhiều như vậy mà tổng số đường giao-thông vẫn còn ở một điểm dừng...

Trích Thế-giới tự-do,



một khu phố chính, toàn cửa hiệu và Đại Học
trung tâm thành phố của Đại Loan

Quan-sát : Các nhân hiệu ở phố toàn viết bằng chữ Trung-hoa.

Bài 35

BÀI HỌC ÔN VỀ TRUNG - HOA

I) Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích :

Vị-trí : Ở về phía Đông châu Á.

Giới-hạn : { — Bắc : Tây-bá-lợi-á.
— Đông : Triều-tiên, biển Đông-hải.
— Nam : Biển Nam-hải, Việt-nam, Diên-
— dien, Ai-lao, Ấn-độ.
— Tây : A-phú-hãn, Tân-cương thuộc Nga.

Diện-tích : 4 triệu km².

A) Hình- thể

II) Địa-thể : (hiềm-trở)

{ — Hoa-bắc : Bình-nguyên sông Hoàng-hà và
các dãy Nam-son, Thái-hành-
son, Ngũ-dài-son.
— Hoa-trung : Bình-nguyên rộng từ Dương-
tử-giang đến núi Tứ-xuyên.
— Hoa-nam : Núi Vân-nam, Tứ-xuyên,
Nam-lĩnh

III) Bờ biển :

{ — Bắc : Thấp.
— Nam : Cao, nhiều vịnh tốt, lợi cho hàng-
hải và ngư-nghiệp.

IV) Khí-hậu :

{ — Bắc : lạnh, khô-khan.
— Trung và nam : nóng, ẩm, mưa nhiều.

V) Sông ngòi

{ — Hoàng-hà : 4.700 km, không lợi cho sự
giao-thông.
— Dương-tử-giang : 5.080 km, giao-thông
tiện lợi.
— Tây-giang : 2.000 km, không quan-trọng.

I) Dân-số :

{ — 450 triệu người.
— Đông-đức ở các bình-nguyên.

B) Nhân- văn

II) Các giống người :

{ — Trung-hoa : 420 triệu người.
— Dân-tộc miền núi : 30 triệu người, gồm có
người Tây-tạng, Lô-lô, Mèo, Mán, Thái.

III) Chính- thể :

{ — Dân-chủ (năm 1912).
— Chính-phủ Trung-hoa quốc-gia đóng ở
Đài-bắc (Đài-loan).
— Thành-phố lớn : Bắc-kinh, Thượng-hải,
Nam-kinh, Trùng-khánh, Thiên-tân, Hán
khâu, Quảng-châu.

C) Kinh- tế	I) Nông-nghiệp:	— Kém vì ruộng ít, trồng trọt theo lối cổ-truyền, nông-cụ thô-sơ. — Lúa gạo trồng nhiều ở miền nam ; không đủ dùng. — Lúa mì, lúa mạch, khoai, đậu v. v... trồng khắp nơi.
	II) Chăn nuôi và chài lưới :	— Chăn nuôi không quan-trọng. — Ngư-nghiệp quan-trọng hơn.
	III) Lâm-sản và khoáng-sản:	— Rừng có nhiều gỗ quý, cây làm thuốc. — Khoáng-sản nhiều, song chưa khai- phá được mấy.
	IV) Công-kỹ- nghệ :	— Tiều công-nghệ : phồn-thịnh ; nuôi tằm, dệt lụa, làm đồ sứ. — Kỹ-nghệ : còn phôi-thai.
	V) Thương-mãi	— Không quan-trọng, vì dân nghèo, ít dường giao-thông. — Xuất-cảng : tơ sống, bông vải, hàng lụa, thuốc bắc. — Nhập-cảng : gạo, cá khô, dầu, máy-móc. — Hải-cảng lớn : Thượng-hải, Hương- cảng, Quảng-châu.
	VI) Liên-lạc với Việt-nam	— Mua : Gạo, cá khô, muối, yến-sào, xi-măng. — Bán : Vải, lụa, đồ sứ, chè.

BÀI 36

THÁI - LAN HÌNH - THÈ

GIỚI-THIỆU VẬT-LIẾU : — Bản-đồ Thái-lan hình-thè.
 — Bản-đồ trống.
 — Phấn màu.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích.
 II) Địa-thế.
 III) Khí-hậu.
 IV) Sông-ngòi.

BÀI GIẢNG

I. — Vị-trí, — Giới-hạn, — Diện-tích :

- Vị-trí : Thái-lan ở về phía nam châu Á, giữa bán đảo Hoa-Anh về phía tây nước Việt-nam.
- Giới-hạn : — Đông và bắc giáp Ai-lao, Căm-bốt.
 — Nam giáp vịnh Thái-lan, nước Mã-lai.
 — Tây giáp Miến-điện và vịnh Băng-gan.
- Diện-tích : ước-độ 520.000 km².

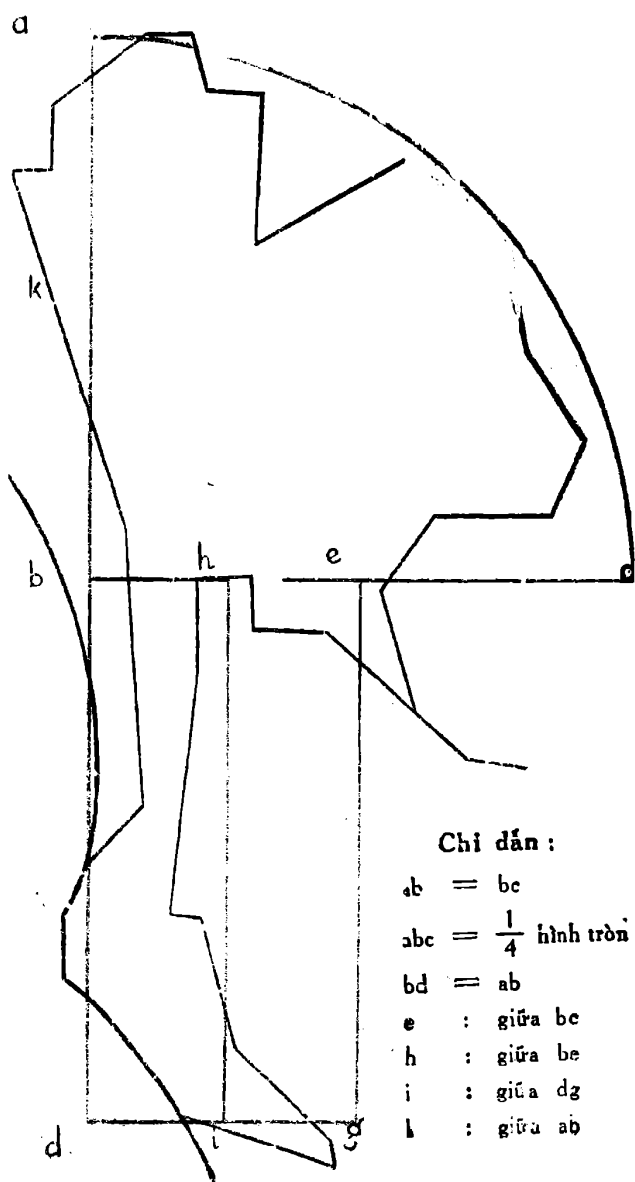
|| Nước Thái-lan ở về phía tây nước Việt-nam, diện-tích ước-độ 520.000 km².

II. — Địa-thế : Thái-lan chia làm 4 miền :

- 1) Miền bắc : Có nhiều núi, nhiều rừng rậm, lâm gỗ quý. Miền này ít dân cư.
 - 2) Miền đông : Là một miền trũng rộng chừng 200.000 km² phía tây và nam có núi rừng bao-bọc.
 - 3) Miền trung : Là một bình-nguyên rộng chừng 50.000 km² từ phía bắc xuống giáp biển ở phía nam. Đất đai phì-nhiều, vì thế miền này là kho gạo quan-trọng của Thái-lan.
 - 4) Miền nam : Từ eo Cờ-ra (Krat) trở lên, bán đảo này chia làm hai : Thái-lan một nửa, Miến-điện một nửa.
- Phía nam eo Cờ-ra cho đến biên-giới Mã-lai thì bán đảo thuộc về Thái-lan. Miền này thấp và có nhiều rừng.

|| Thái-lan chia làm 4 miền : miền bắc có nhiều rừng núi, miền đông thấp trũng chung quanh có rừng bao-bọc. Miền trung là một bình-nguyên rộng đất-đai phì-nhiều, kho gạo quan-trọng của Thái-lan. Miền nam ẩm-thấp và lâm rừng.

PHƯƠNG-PHÁP VẼ BẢN-ĐỒ NƯỚC THÁI-LAN



III.— Khí-hậu :

- Miền nam ẩm thấp.
- Miền tây và các miền núi non có nhiều mưa làm cho rừng rất tươi.

[Khí-hậu ở Thái-lan nóng và ẩm nên lắm mưa.

IV.— Sông ngòi :

a) **Sông Mê-nam** : là một con sông lớn ở miền trung Thái-lan có các phụ-lưu chảy vào.

b) **Sông Sê-mun** : ở miền đông có phụ-lưu sông Nam-si chảy ngang miền này và cùng đổ vào sông Cửu-long. Sông Sê-mun có nhiều thác ghềnh làm trở ngại nhiều cho sự giao-thông.

|| Ở Thái-lan có 2 sông chánh là : sông Mê-nam, và sông Sê-mun

Câu hỏi

- | | |
|--|-----------------------------------|
| 1) Thái-lan ở miền nào của châu Á ? | 5) Thái-lan chia làm mấy miền ? |
| 2) Giữa bán đảo nào ? | 6) Quan-trọng nhất là miền nào ? |
| 3) Thái-lan giáp những nước nào ? | 7) Khí-hậu ở Thái-lan thế nào ? |
| 4) Diện-tích bao nhiêu km ² ? | 8) Kể các sông chính ở Thái-lan ? |

BÀI HỌC

Nước Thái-lan ở về phía tây nước Việt-nam. Diện-tích ước-dộ 520.000 km².

Thái-lan chia 4 miền : miền bắc có nhiều núi rừng, miền đông thấp trũng, chung quanh có núi bao-bọc, miền trung là một bình-nguyên rộng, đất-đai phì-nhiều, kho gạo quan-trọng của Thái-lan, miền nam ẩm-thấp và lắm rừng.

Khí-hậu nóng và ẩm nên lắm mưa.

Ở Thái-lan có hai sông chính là sông Mê-nam và sông Sê-mun.

Bài 37

THÁI - LAN NHÂN - VĂN

GIỚI-THIỆU VẬT-LIỆU : — Tranh-ảnh về người Thái-lan.
Tranh-ảnh một vài kiềng chùa Thái-lan.

TRỌNG-ĐIỂM : I) Dân số.
II) Các giống người.
III) Chính-thề.

BÀI GIẢNG

1.— Dân số : Thái-lan có chừng 18 triệu người, trung-bình mỗi km² là 34 người, gồm nhiều giống khác nhau như :

Thái, Trung-hoa, Mã-lai, Ai-lao, Căm-bốt v. v...

|| Dân-số Thái-lan ước chừng 18 triệu người.

II.— Các giống người :

- Đa số là người Thái (chừng 8 triệu), gốc ở Tây-tạng, tính-tình hiền lành, thông-minh, theo đạo Phật và chịu ảnh-hưởng văn-hóa Ấn-độ.
- Các giống người khác : Ai-lao, Căm-bốt ở miền đông ; Trung-hoa, Mã-lai ở các bình-nguyên, người Mọi ở các miền thượng-du.
- Sự phân-phối dân cư không đều :
 - Miền đông và nam dân cư thưa thớt vì lùm rừng núi, đất đai xấu.
 - Miền trung dân-cư đông-dúc, nhất là ở vùng châu-thô sông Mê-nam.

|| Đa số là người Thái. Họ phần nhiều theo đạo Phật, chiếm các vùng đồng bằng trù mật. Ngoài ra còn có các giống người khác như Ai-lao, Căm-bốt, Trung-hoa, Mã-lai và người Mọi.

III.— Chính-thề :

- Thái-lan là một nước độc-lập, theo chính-thề quân-chủ lập hiến.
- Thủ đô là Vọng các, ở trên bờ sông Mê-nam là thương-cảng số 1 và là trung-tâm thương-mại của Thái-lan.
- Các thành-phố lớn : Xiêng mai, Cô-ra, Xăn-ta-bun, U-bông.

|| Thái-lan là một nước độc-lập, theo chính-thề quân-chủ lập hiến. Thủ-đô là Vọng-các. Các thành-phố lớn là Xiêng-mai, Cô-ra, Xăn-ta-bun và U-bông.



Thiếu-nữ Thái-Lan

Quan-sát : Y phục sắc sỡ, the ba kiểu dù khác nhau.]

Câu hỏi

- 1) Dân-số Thái-lan độ bao nhiêu người ?
- 2) Có mấy triệu người Thái-lan ?
- 3) Dân Thái-lan theo đạo gì ?
- 4) Ngoài ra còn có các giống người nào nữa ?
- 5) Tại sao miền trung dân-cư trù-mật ?
- 6) Nước Thái-lan theo chính-thề gì ?
- 7) Thủ-đô Thái-lan ở đâu ?
- 8) Kể các thành-phố lớn ?

BÀI HỌC

Dân-số Thái-lan ước chừng 18 triệu người. Đa số là người Thái. Họ phần nhiều theo đạo Phật, chiếm các vùng bình-nguyên trù-mật. Ngoài ra còn có các giống người khác như : Ai-lao, Căm-bốt, Trung-hoa, Mã-lai và người Mọi.

Thái-lan là một nước độc-lập theo chính-thề quân-chủ lập-biên. Thủ-đô là Vọng-các.

Các thành-phố lớn là Xiêng-mai, Cô-ra, Xăn-ta-bun và U-bông.

Bài 33

THÁI - LAN KINH - TẾ

GIỚI THIỆU VẬT LIỆU : — Tranh-ảnh trong nguyệt-san Thế-giới tự-do số 2 tập 2, số 7 số 8 tập 3; số 3, 4, 5, số 10, số 12 tập 5; số 2, số 3 tập 6.

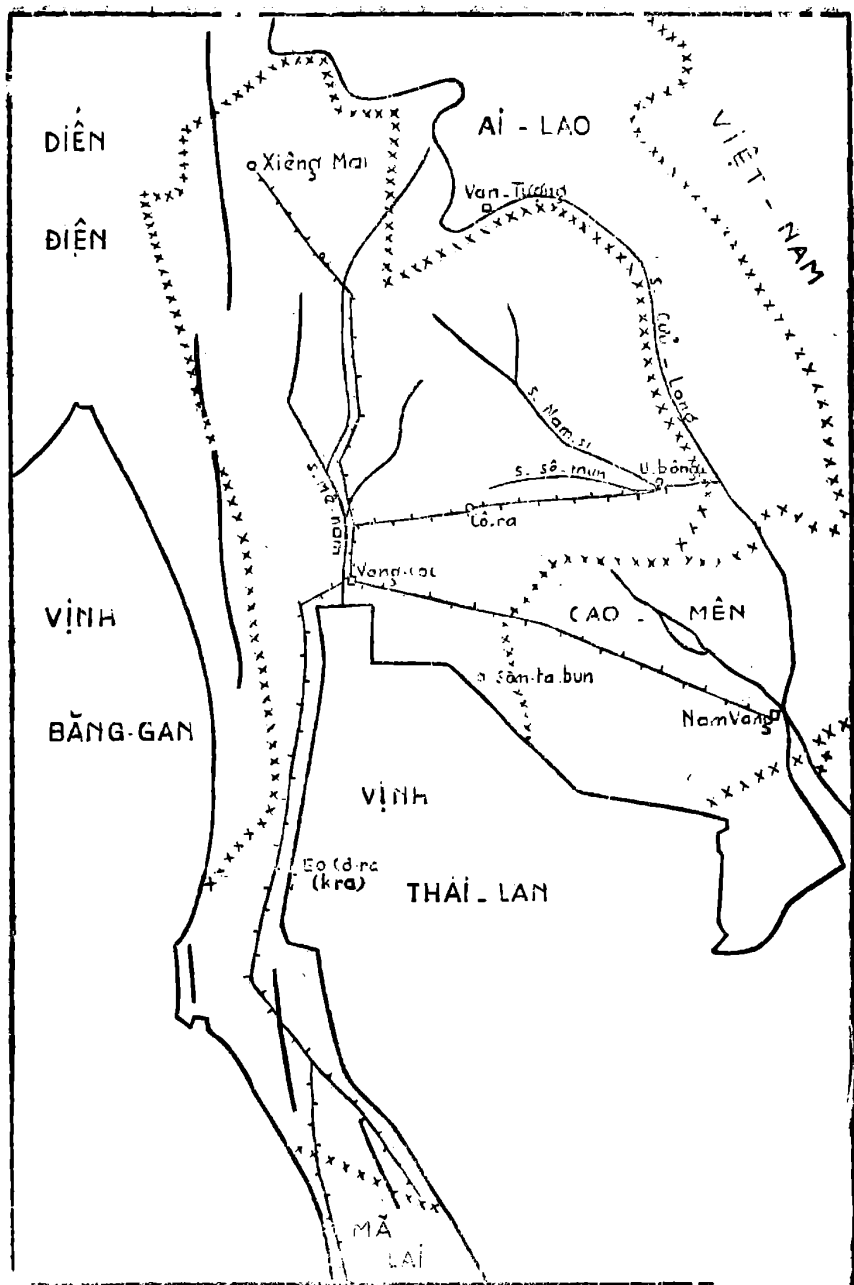
TRỌNG ĐIỂM :

- I) Nông-nghiệp.
- II) Chăn-nuôi, chài-lưới.
- III) Lâm-sản và khoáng-sản.
- IV) Công-kỹ-nghệ.
- V) Thương-mại.
- VI) Liên-lạc với Việt-nam.

BÀI GIẢNG

I. — Nông-nghiệp :

- Đa-số dân Thái-lan chuyên về nông-nghiệp.
- Diện tích đất đai để cày cấy có chừng 4 triệu mẫu tây.



- Nông-sản chính là gạo, mỗi năm sản xuất chừng 7 triệu tấn (tương đương với số gạo sản-xuất ở Việt-nam), và xuất-cảng 1 triệu tấn.
 - Ngoài ra ở Thái-lan còn trồng thêm ngô, khoai, sắn v. v. . . .
 - Ở miền Nam trồng nhiều cao su.
- || **Đa-số dân Thái-lan chuyên về nông-nghiệp.**

II.— Chăn nuôi và chài lưới :

- Thái-lan nuôi nhiều trâu bò. Mỗi năm bán cho ta một số trâu để cày ruộng.
 - Chài lưới không quan-trọng.
- || **Nghề chăn nuôi và chài lưới đang còn kém.**

III.— Lâm-sản và khoáng-sản :

- Rừng ở miền đông và miền bắc cung-cấp nhiều gỗ quý, nhất là gỗ tếch.
 - Ở miền nam có nhiều mỏ thiếc.
- || **Rừng cung-cấp nhiều gỗ quý, nhất là gỗ tếch. Khoáng-sản ít, chỉ có mỏ thiếc là quan-trọng hơn cả.**

IV.— Công-kỹ-nghệ :

- Tiềm công-nghệ không được phát-dạt.
 - Đại kỹ-nghệ chậm phát-triển vì nghèo khoáng-sản.
- || **Vì nghèo khoáng-sản nên công-kỹ-nghệ Thái-lan chậm phát-triển.**

V.— Thương-mãi :

- Nền thương-mãi khá quan-trọng vì có nhiều đường giao thông tiện-lợi
- Xuất-cảng : Gạo, gỗ, tếch, thiếc.
- Nhập-cảng : Than đá, dầu-hỏa, máy-móc, thuốc tây, cá khô, sữa, vải v. v. . .

|| **Nền thương-mãi ở Thái-lan khá thịnh-vượng vì có nhiều đường giao thông tiện-lợi. Hàng năm xuất-cảng : gạo, gỗ tếch, thiếc và nhập-cảng : than đá, dầu hỏa, cá khô, máy-móc.**

VI — Liên-lạc với Việt-nam :

- Thái-lan có giao-dịch buôn bán với Việt-nam nhờ đường xe lửa Vọng-các — Cẩm-bút — Việt-nam.
 - Mua của ta : đồ gốm, cá khô.
 - Bán cho ta : Giấy, gai, bông.
- || **Thái-lan có buôn bán với ta nhưng còn ít lắm,**

Câu hỏi

- | | |
|---|---|
| 1) Đa số dân Thái-lan chuyên về nghề gì ?
2) Ngoài lúa ra ở Thái-lan còn trồng những cây gì nữa ?
3) Nghề chăn nuôi và chài lưới ở Thái-lan thế nào ?
4) Kề các lâm, khoáng-sản quý ?
5) Tại sao nền công-kỹ-nghệ ở | Thái-lan chậm phát-triển ?
6) Nền thương-mại ở Thái-lan có phát-đạt không ? Vì sao ?
7) Thái-lan xuất-cảng những gì ?
8) Nhập-cảng những gì ?
9) Thái-lan mua bán gì với Việt-nam ? |
|---|---|

BÀI HỌC

Đa-số dân Thái-lan chuyên về nông-nghiệp.

Nghề chăn nuôi và chài lưới đang còn kém.

Rừng cung-cấp nhiều gỗ quý, nhất là gỗ tếch. Khoáng-sản ít, chỉ có mỏ thiếc là quan-trọng hơn cả, vì thế, nền công-kỹ-nghệ chậm phát-triển.

Nền thương-mại ở Thái-lan khá thịnh-vượng vì có nhiều đường giao-thông tiện-lợi. Hàng năm xuất-cảng gạo, gỗ tếch, thiếc và nhập-cảng than đá, dầu hỏa, cá khô, máy-móc v. v

Thái-lan có buôn bán với ta, nhưng còn ít lắm.

Bài đọc thêm :

Gạo ngon là nguồn sinh-lực của nền kinh-tế Thái-lan

... Phần lớn gạo Thái-lan xuất-cảng thuộc loại gạo tẻ. Người ta trồng lúa tẻ ở những cánh đồng phì-nhiều bát ngát tại vùng trung châu xứ này. Hàng năm sông ngòi trong miền gặp kỳ nước lũ tràn qua bờ đê, khiến đồng ruộng bị ngập lụt nhưng trở nên phì-nhiều nhờ chất phù-sa. Người ta trồng lúa xa ở những nơi nước lụt quá sâu, và lúa thường ở những nơi nông-cạn.

Nghề trồng lúa ở các tỉnh miền đông và miền nam giống như các miền bắc và đông-Bắc về chủng-loại thóc giống và phương-pháp canh-tác. Tại các miền đông và miền nam, đồng lúa san-sát chạy dài theo những thung lũng nhờ có lạch suối chảy qua ; còn trên những bình-nguyên thẳng cánh cò bay miền duyên-hải lúa mọc rất tốt nhờ gió nồm mang mưa tươi điều hòa.

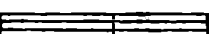
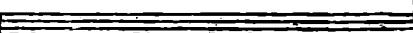
Vì tẻ thổ nghi rất thích hợp cho cây lúa, nông dân Thái đem hết sức lực vào việc cấy lúa. Đồng ruộng xứ này năm nào cũng phong phú, hoa lợi không những dư để nuôi sống toàn dân mà còn thặng dư để xuất-cảng ra ngoài nước. Do đó người ta nói gạo là nguồn sinh-lực của nền kinh-tế Thái-lan, thật không phải ngoa vớ.

Trích Thệ-giới tự-do

BÀI HỌC ÔN VỀ THÁI-LAN

- 1) Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích :**
- **Vị-trí :** Ở về phía nam châu Á, giữa bán đảo Hoa-An, phía tây nước Việt-nam.
 - Giới-hạn :**
 - Đông và bắc : Ai-lao Căm-bốt.
 - Nam : Vịnh Thái-lan, Mã-lai.
 - Tây : Miến-điện, vịnh Băng-gan.
 - Diện-tích :** 520.000 km².
- A) Hình-t h ề**
- 2) Địa-thế :**
 - Miền bắc : Nhiều núi rừng, lắm gỗ quý.
 - Miền đông : Miền đất trũng rộng chừng 200.000 km².
 - Miền trung : Là một bình-nguyên rộng.
 - Miền nam : Có lắm rừng, ẩm-thấp.
 - 3) Khí-hậu :** Nóng ẩm, và lắm mưa.
 - 4) Sông ngòi :**
 - Sông Mê-nam : tiện cho sự lưu-thông.
 - Sông Sê-mun : nhiều thác ghềnh, sự giao-thông khó-khăn.
- B) Nhân-v ă n**
- 1) Dân-số :**
 - 18 triệu người.
 - Đông đúc ở các bình-nguyên trù-mật.
 - Thưa thớt ở các vùng cao-nguyên và rừng núi.
 - 2) Các giống người :**
 - Thái 8 triệu người.
 - Dân-tộc miền núi : Mọi.
 - Ngoại kiều : Ai-lao, Căm-bốt, Trung-hoa, Mã-lai.
 - 3) Chính-thề :**
 - Quân-chủ lập-hiến.
 - Thủ-đô Vọng-các.
 - Thành-phố lớn : Xiêng-mai, Cô-ra, Xăn-ta-bun, U-bông.
- C) Kinh-t ế**
- 1) Nông-nghiệp :**
 - Dân Thái chuyên về nông-nghiệp.
 - Mỗi năm sản-xuất chừng 7 triệu tấn lúa.
 - Ngô, khoai, sắn, cao-su trồng khắp nơi.
 - 2) Chăn nuôi và chài lưới :**
 - Nuôi nhiều trâu, bò.
 - Chài lưới không quan-trọng.
 - 3) Lâm-sản và khoáng-sản :**
 - Rừng có nhiều gỗ quý (gỗ tếch).
 - Có nhiều mỏ thiếc.
 - 4) Công-kỹ-nghệ :**
 - Tiều công-nghệ : khá phát-dạt.
 - Kỹ-nghệ : chậm phát-triển vì nghèo khoáng-sản.
 - 5) Thương-mãi :**
 - Khá quan-trọng nhờ đường giao-thông tiện-lợi.
 - Xuất-cảng : gạo, gỗ tếch, thiếc.
 - Nhập-cảng : than đá, dầu hỏa, máy móc.
 - 6) Liên-lạc với Việt-nam :** Ít buôn bán với Việt-nam.

BẢNG SO-SÁNH về Diện-tích — Dân-số và mức sản-xuất gạo giữa Việt-nam với các nước lân-cận.

DIỆN-TÍCH	DÂN-SỐ
 VIỆT - NAM : 326.000 KM ²	 VIỆT - NAM : 22.600.000 Ng
 CAO - MÊN : 175.000 KM ²	 CAO - MÊN : 3.500.000 Ng
 AI - LAO : 236.000 KM ²	 AI - LAO : 1.500.000 Ng
 THÁI - LAN : 520.000 KM ²	 THÁI - LAN : 18.000.000 Ng
 TRUNG - HÒA : 4 triệu KM ²	 TRUNG - HÒA : 470 triệu Ng

MỨC SẢN-XUẤT GẠO

	VIỆT - NAM : 7 Triệu TẤN
	CAO - MÊN : 1 Triệu TẤN
	AI - LAO : 350 TẤN
	THÁI - LAN : 7 Triệu TẤN
	TRUNG - HÒA : 50 Triệu TẤN

MỤC-LỤC

Thư ngỏ	Trang 2
Lời giới-thiệu	3
Lời nói đầu	9
Bảng phân phối chương-trình	11

Việt-nam hình-thể

Bài 1 : Việt-nam hình-thể	13
— 2 : Núi và cao-nguyên	18
— 3 : Núi và cao-nguyên (<i>tiếp</i>)	23
— 4 : Bình-nguyên	28
— 5 : Bình-nguyên ở Nam-phần	30
— 6 : Biển và bờ biển	34
— 7 : Khí-hậu	38
— 8 : Sông ngòi ở Bắc-phần	42
— 9 : — — Trung-phần và Nam-phần	45
— 10 : Bài học ôn về Việt-Nam hình-thể	48

Việt-nam nhân-văn

— 11 : Dân cư	50
— 12 : Việc hành-chính	53
— 13 : Bài học ôn về Việt-nam nhân-văn	58

Việt-nam kinh-tế

— 14 : Nông-nghiệp, cây lúa	59
— 15 : Các cây ăn, uống, hút, dùng trong công-kỹ-nghệ	63
— 16 : Nghề chăn nuôi, chài lưới	67
— 17 : Rừng Lâm-sản — Khoáng-sản	70
— 18 : Công-kỹ-nghệ	75
— 19 : Đường giao-thông, đường bộ, hỏa-xa	79
— 20 : Đường thủy và hàng không	84
— 21 : Thương-mại	87
— 22 : Bài học ôn về Việt-nam kinh-tế	91
— 23 : Bài tổng-kết về nước Việt-nam	94

Nước Căm-bốt (Cao-mên)

— 24 : Căm-bốt hình-thể	95
— 25 : Căm-bốt nhân-văn	98
— 26 : Căm-bốt kinh-tế	100
— 27 : Bài học ôn về nước Căm-bốt	105

Nước Ai-lao

Bài	28	:	Ai-lao hình-thể	Trang	106
—	29	:	Ai-lao nhân-văn		109
—	30	:	Ai-lao kinh-tế		113
—	31	:	Bài học ôn về nước Ai-lao		115

Nước Trung-hoa

—	32	:	Trung-hoa hình-thể		116
—	33	:	Trung-hoa nhân-văn		119
—	34	:	Trung-hoa kinh-tế		122
—	35	:	Bài học ôn về nước Trung-hoa		126

Nước Thái-lan

—	36	:	Thái-lan hình-thể		128
—	37	:	Thái-lan nhân-văn		131
—	38	:	Thái-lan kinh-tế		133
—	39	:	Bài học ôn về Thái-lan		137

CÁC ĐẠI LÝ MUA BUỒN XIN GIAO DỊCH VỚI :

NHÀ SÁCH

BÌNH - MINH

2, *Tứ giác Trần-Hưng-Đạo — Huế*

Nơi tập trung đầy đủ các loại sách Giáo - khoa, sách dạy nghề, Bình luận, Khảo cứu, Tiểu thuyết v.v...

BÁN SỈ VÀ LẺ :

Bút chỉ văn phòng và dụng cụ học-sinh

Hiệu sách được nhiều tín nhiệm của giới Phụ-huynh học-sinh, và học-sinh ở Huế.

Tiếp đãi ân cần — Giá rất hạ

Thư từ và ngân phiếu xin gởi :

Ông HOÀNG-VĂN-MINH

2, *Tứ giác Trần - Hưng - Đạo — Huế*

ĐÃ XUẤT BẢN :

Loại sách Giáo-khoa cùng chung một soạn-giả

ĐỊA - LÝ LỚP NHẤT in lần thứ ba

ĐỊA - LÝ LỚP BA in lần thứ hai

Đã sửa chữa kỹ lưỡng và thêm nhiều tranh ảnh đẹp và bổ ích

— Gồm nhiều bài vở biên soạn công phu và dễ hiểu

— Nhiều tài liệu mới, tranh ảnh đẹp rất bổ ích

— Nhiều bản đồ giản-dị, rõ ràng, vẽ theo lối hình-học

SẴN XUẤT BẢN :

ĐỊA - LÝ LỚP TƯ

NHÀ SÁCH

GIA - LÂM

32, *đường Phan-Bội-Châu — Huế*

ĐÃ CÓ BẢN :

VIỆT - NGỮ LỚP NHẤT

VIỆT - NGỮ LỚP NHÌ

Của Ô. Ô.

LÊ-TẤN KIỂM — PHAN-VĂN SÙNG — LÊ HIẾU-KÍNH

ĐỊA LÝ LỚP BA

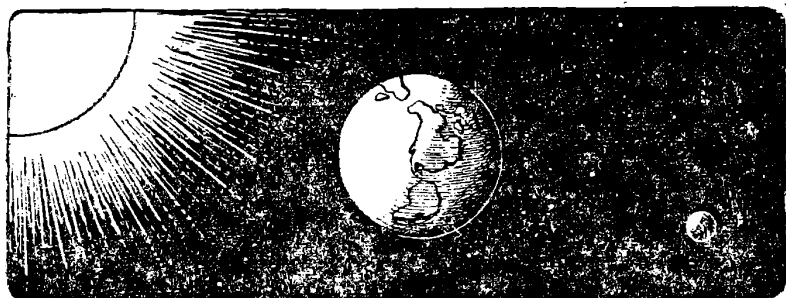


Trò mới biết làng, phường của trò mà thôi. Bây giờ học môn địa-lý, trò như được đi du-ngoạn, biết đó biết đây. Trò sẽ thấy nhiều cảnh-vật mới lạ của nước Việt-Nam yêu-quí của chúng ta. Bao nhiêu nước trên thế-giới, nơi thì tuyết bao phủ, nơi thì nóng quanh năm, với những trẻ con đồng tuổi với trò, cũng được cha mẹ nâng-niêu, lo cặp sách đến trường như trò. Bao nhiêu thú lạ, cây hiếm, bao nhiêu phong-cảnh đẹp-đẽ, thành-phò to lớn, làm trò thích nghe, thích thấy.

Nhờ học địa-lý, trò sẽ hiểu tại sao mặt trời mọc phương Đông, lặn phương Tây, tại sao ngày đêm, cũng như bốn mùa, nối tiếp nhau và trong vũ-trụ bao-la có những gì...

Quyển sách này giúp trò hiểu sự-vật và thế-gian hơn. Vì địa-lý là một cuộc du-lịch và thám-hiểm lớn vậy.





Mặt trời soi sáng trái đất

QUAN-SÁT.— Mặt trời (phía tay trái) to hơn trái đất một triệu lần. Trong hình này, trái đất ở giữa. Mặt trăng ở phía tay phải trông rất nhỏ.

1. — Mặt trời đứng yên một chỗ, không đi. — Buổi sáng ta thấy mặt trời mọc ở phương Đông, rồi lên lần, đến trưa thì ở trên đầu ta. Mặt trời xuống lần, đến chiều thì lặn ở phương Tây.

Ta thấy mặt trời từ Đông sang Tây, nhưng sự thật mặt trời đứng yên một chỗ không đi. Sở dĩ ta thấy như vậy là vì trái đất xoay tròn. Cũng ví như ta ngồi xe-hơi, ta thấy nhà-cửa, cây-cối hai bên đường chạy mà vốn thật là xe-hơi chạy.

2. — Mặt trời cách ta rất xa.— Mặt trời to hơn trái đất một triệu lần, nhưng ta thấy nhỏ vì mặt trời cách xa trái đất đến 150 triệu ki-lô-mét. Giả sử một máy bay, bay một giờ 1.000 km, nếu bay liên không ngừng thì phải 20 năm mới đến mặt trời.

3. — Mặt trời là nguồn-gốc của sự sống.— Mặt trời là một lò lửa không-lô. Không có mặt trời soi sáng thì trái đất phải tối-tăm, buồn-bực. Không có mặt trời truyền không-khí nóng cho thì các loài vật và cây-cối trên địa-cầu phải chết lạnh cả.

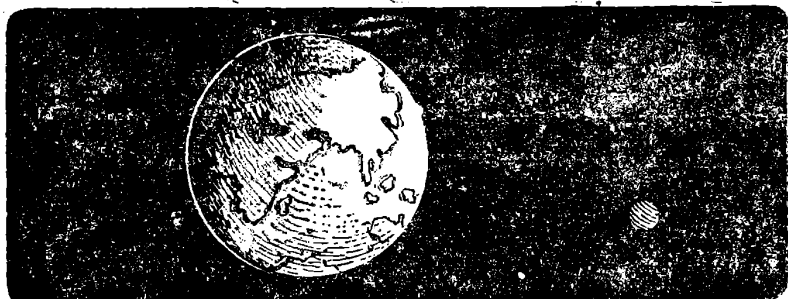
CÂU HỎI

1^o) Mặt trời đứng yên một chỗ hay đổi chỗ luôn?

2^o) Vì sao ta thấy mặt trời nhỏ?

3^o) Mặt trời cần-thiết cho chúng ta như thế nào?

BÀI HỌC. — Mặt trời là một khối lửa hình quả cầu, cách xa trái đất 150 triệu ki-lô-mét và to hơn trái đất một triệu lần. Nhờ có mặt trời, các loài vật và cây-cối mới sống trên địa-cầu được.



Trái đất (to) và mặt trăng (nhỏ)

“QUAN-SÁT.— Mặt trăng chạy vòng quanh trái đất. Trái đất to hơn mặt trăng nhiều.

1. — **Mặt trăng soi sáng ban đêm.** — Mặt trời lặn, trời tối nhưng có đêm trong sáng là nhờ có mặt trăng. Cũng như trái đất, mặt trăng là một khối lửa đã nguội và tự nó không có ánh-sáng. Mặt trăng **nhận ánh-sáng của mặt trời** và chiếu ánh-sáng lại cho ta như một mặt gương vậy.

2. — **Mặt trăng chạy chung quanh trái đất.** — Mặt trăng chạy vòng quanh trái đất, cũng như trái đất chạy chung quanh mặt trời. Mặt trăng đi theo trái đất như trẻ con đi theo chân mẹ, lúc đi trước, lúc theo sau, khi đi bên tả, khi đi bên hữu. Trái đất cầm giữ, diu-dắt mặt trăng không cho rời xa hay chạy lạc, cũng như mặt trời diu-dắt trái đất vậy.

Mặt trời dẫn trái đất xoay vùn chung quanh mình, trái đất kéo mặt trăng đi vòng quanh nó, ba vị ấy không hề lia bỏ nhau, cho nên người ta ví như **ba bạn thân trong vũ-trụ.**

3. — **Mặt trăng nhỏ hơn trái đất.** — Ta thấy mặt trăng cũng xấp-xỉ gần bằng mặt trời, nhưng mặt trăng nhỏ hơn mặt trời nhiều lắm. Chỉ vì mặt trăng ở gần quả đất nên ta trông nó to, nhưng nó nhỏ hơn trái đất đến 50 lần.

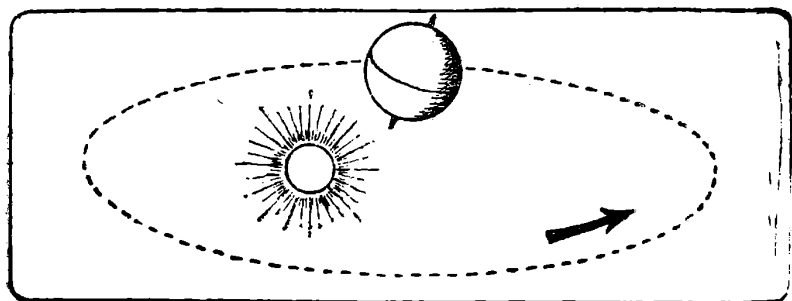
CÂU HỎI

1^o) *Hãy so-sánh ánh-sáng mặt trời và mặt trăng.*

2^o) *Mặt trăng nhỏ hơn quả đất bao nhiêu lần?*

3^o) *Tại sao người ta ví mặt trời, trái đất và mặt trăng như ba bạn thân trong vũ-trụ?*

{ BÀI HỌC. — Mặt trăng nhận ánh-sáng của mặt trời và chiếu ánh-sáng lại cho ta như một mặt gương. Mặt trăng chạy chung quanh trái đất và nhỏ hơn trái đất 50 lần.



Trái đất xoay chung quanh mặt trời

QUAN-SÁT.— Trái đất xoay như một cái vù (con quay) chung quanh mặt trời. Mặt trời đứng luôn một chỗ.

1. — Trái đất hình tròn như quả cam. — Xa xa ta trông trời và đất như gặp nhau, đó là **chân trời**. Bây giờ ta đi tới, đi tới mãi, chân trời càng lui. Ta tưởng tượng cứ đi như vậy mãi, vượt núi, vượt biển, ta sẽ đến đâu? Ta sẽ về lại chỗ cũ, vì **quả đất tròn**.

Lúc xưa người ta không tin rằng quả đất tròn. Nhưng bây giờ, mỗi ngày hàng trăm phi-cơ bay vòng quanh trái đất. Trên báo-chí ta thấy thỉnh-thoảng đăng tin những nhà du-lịch đi vòng quanh thế-giới. Ngày nay một tàu-thuyền đi vòng quanh thế-giới mất độ một tháng rưỡi, còn một vệ-tinh nhân-tạo bay vòng quanh trái đất chỉ mất 90 phút.

2. — Trái đất xoay như cái vù. — Ta thấy mỗi ngày mặt trời đi từ Đông sang Tây. Nhưng sự thật mặt trời đứng luôn một chỗ mà trái đất, như một cái vù (con quay), xoay chung quanh mặt trời và tự xoay chung quanh nó.

Vì trái đất xoay nên các phần đất trên mặt địa-cầu, chỗ thấy mặt trời trước, chỗ thấy sau, chỗ thì sáng, chỗ còn ban đêm. Do đó các giờ mỗi xứ mỗi khác. Như ở nước ta đã 7 giờ sáng thì ở Pháp mới 12 giờ khuya.

3. — **Diện-tích trái đất.** — Đối với vũ-trụ bao-la thì trái đất chỉ là một điểm nhỏ. Nhưng đối với ta thì trái đất thật là to, diện-tích đến 510 triệu ki-lô-mét vuông.

CÂU HỎI

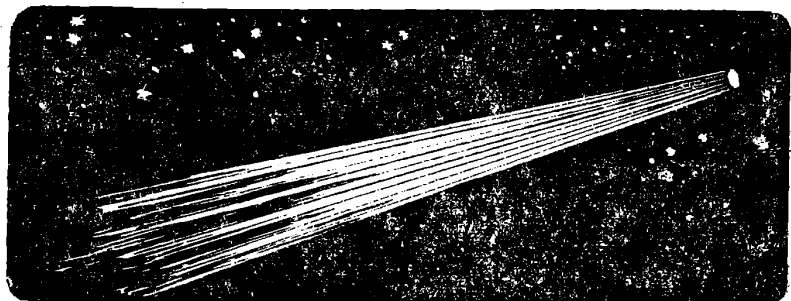
1o) Trái đất hình gì?

2o) Trái đất xoay chung quanh gì?

3o) Diện-tích trái đất được bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

BÀI HỌC. — Trái đất hình tròn, tự xoay chung quanh nó và chung quanh mặt trời. Vì trái đất xoay nên trên mặt địa-cầu, chỗ thấy mặt trời trước, chỗ thấy sau.

Diện-tích địa-cầu đến 510 triệu ki-lô-mét vuông.



Sao chổi

QUAN-SÁT. — *Sao chổi có tua dài và sáng trông như cái chổi.*

1. — Trên trời ban đêm có nhiều sao. — Gặp đêm nào quang-đăng và trăng không sáng lắm, ngưỡng mặt lên trời, ta thấy sao (chữ gọi là tinh-tú) lấp-lánh. Có sao to, sao nhỏ, sao mọc từng chòm hay rời-rạc.

Sao cũng như mặt trời là những khối lửa đỏ. Sao to hơn mặt trời ức triệu lần, nhưng vì ở xa mặt trời nên ta trông thấy nhỏ. Như vậy quả đất ta không ở một mình trong bầu trời, còn vô số tinh-tú khác, to hằng ức triệu lần mặt trời, đứng trong không-trung bao-la. Quả đất ta chỉ ví như một hạt cát trên bãi bể mà thôi.

2. — Sao chổi. — Các ngôi sao đứng một chỗ, duy có sao chổi là chạy chung quanh mặt trời. Sao chổi có tua dài và sáng trông như cái chổi. Ta ít khi thấy sao chổi.

3. — Sao-sa. — Ban đêm, ngồi ngoài sân hoặc ở ngoài đồng-bằng, nhiều khi ta thấy trên trời như một ngôi sao sa xuống, vừa thấy chạy xiên như pháo thăng-thiên thì thấy biến mất. Sao ấy, người ta gọi là sao-sa.

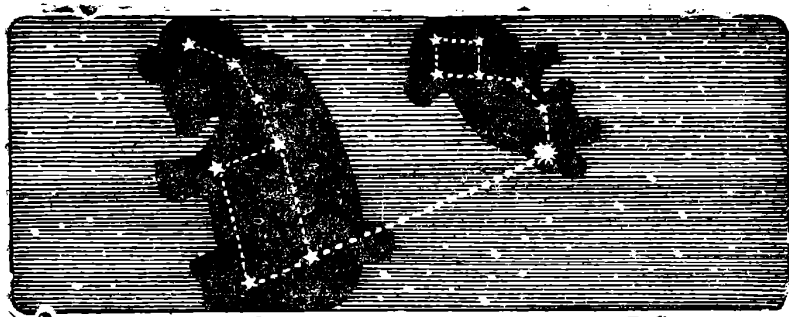
CÂU HỎI

- 1^o) Ban đêm trò thấy gì trên bầu trời?
- 2^o) Vì sao ta thấy các sao nhỏ?
- 3^o) Tại sao người ta gọi là sao chổi?

BÀI HỌC. — Sao là những mặt trời không-ló ở rất xa ta. Các ngôi sao đứng một chỗ, duy có sao chổi là chạy chung-quanh mặt trời.

Sao chổi có tua dài và sáng trông như cái chổi.

Sao-sa là sao vừa thấy chạy xiên thì biến mất.



Đại-hùng-tinh và tiểu-hùng-tinh

QUAN-SÁT.— Đại-hùng-tinh là con gầu lớn: chòm sao bảy cái riêng như cái sơn có cán. Tiểu-hùng-tinh là con gầu nhỏ: chòm sao ngược đầu xuống đất. Sao Bắc-đầu to và sáng nhất.

1. — Thế nào là đại-hùng-tinh và tiểu-hùng-tinh. — Buổi tối ta nhìn lên trời về phía Bắc. Ta thấy một chòm sao bảy cái trông như cái sơn có cán. Người ta gọi chòm sao ấy là đại-hùng-tinh. Đại-hùng-tinh là con gầu lớn. Tục còn gọi đại-hùng-tinh là sao **Bánh-lái**, vì hình nó tương-tự như cái bánh-lái ghe.

Bên phải đại-hùng-tinh là tiểu-hùng-tinh. Tiểu-hùng-tinh là con gầu nhỏ. Chòm này cũng có bảy ngôi sao, nhưng nhỏ hơn và ngược lại, đầu trở xuống đất. Sao Bắc-đầu là ngôi sao đầu và sáng nhất của chòm tiểu-hùng-tinh.

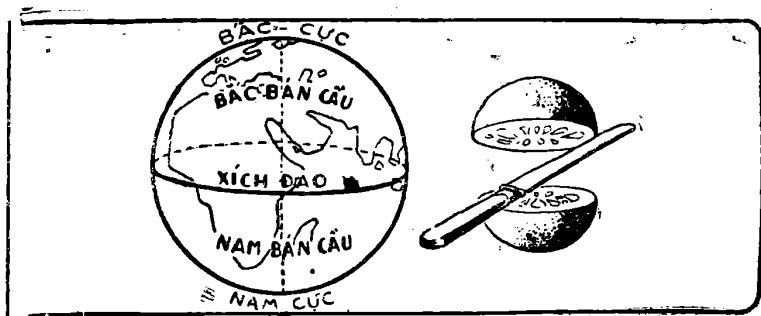
2. — Sao Bắc-đầu chỉ phương Bắc.— Sao Bắc-đầu lúc nào cũng ở phương Bắc.

Ban đêm người ta lấy sao Bắc-đầu để tìm phương-hướng.

CÂU HỎI

- 1°) Đại-hùng-tinh giống hình gì?
- 2°) Sao Bắc-đầu ở phương nào?
- 3°) Ban đêm người ta nhờ sao gì để tìm phương-hướng?

BÀI HỌC. — Sao Bắc-đầu là ngôi sao sáng nhất của chòm tiểu-hùng-tinh. Sao Bắc-đầu lúc nào cũng ở phương Bắc. Ban đêm người ta lấy sao Bắc-đầu để tìm phương-hướng.



Đường xích-đạo chia đôi quả địa-cầu

QUAN-SÁT.— *Phía trên đường xích-đạo là Bắc-bán-cầu, phía dưới là Nam-bán-cầu.*

1. — **Đường Xích-đạo chia đôi quả địa-cầu.**— Ta xem quả địa-cầu giống hình một quả cam: ở giữa to, hai đầu gẹp. Bây giờ ta cắt quả cam ra làm hai phần bằng nhau. Mỗi phần gọi là **bán-cầu**. Con đường ở giữa chia đôi quả địa-cầu gọi là **Xích-đạo**. Hai đầu chóp quả địa-cầu gọi là **Bắc-cực** và **Nam-cực**.

Xích-đạo chỉ là một đường tưởng-tượng, do người ta đặt ra để dễ phân-biệt phần trên và phần dưới của trái đất. Vòng quả đất ở xích-đạo đo được 40.000 km. Một phi-cơ ngày nay bay vòng quanh xích-đạo chỉ mất ba ngày.

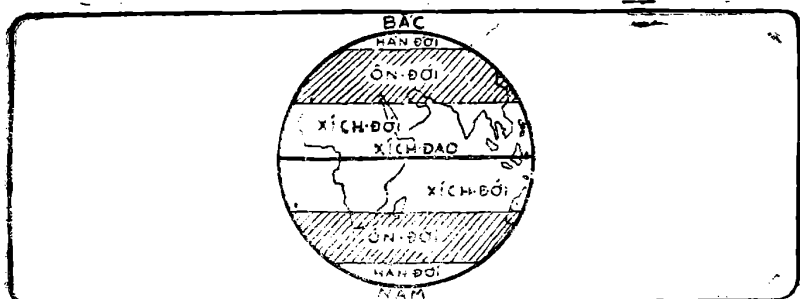
2. — **Những nơi ở gần xích-đạo nóng quanh năm.**— Ban đêm hoặc trong phòng học đóng cửa lại, ta đưa một quả cam ra trước ngọn đèn. Ta thấy phần giữa quả cam gần đèn hơn được sáng nhất. Trên quả địa-cầu cũng vậy, mặt trời chiếu thẳng vào xích-đạo nên ở xích-đạo **nóng hơn**. Càng đi xa xích-đạo càng ít ánh-sáng, tức là càng **lạnh**. Bắc-cực và Nam-cực là hai miền lạnh nhất ở địa-cầu.

CÂU HỎI

- 1^o) *Xích-đạo chia quả địa-cầu ra làm mấy phần?*
- 2^o) *Vòng trái đất ở xích-đạo đo được bao nhiêu ki-lô-mét?*
- 3^o) *Khí-hậu những nơi gần xích-đạo như thế nào?*

BÀI HỌC.— Xích-đạo chia quả đất ra làm hai phần. Vòng trái đất ở xích-đạo đo được 40.000 km.

Những nơi ở gần xích-đạo nóng quanh năm. Càng đi xa xích-đạo, khí-hậu càng lạnh.



Các miền khí-hậu

QUAN-SÁT.— Càng xa xích-đạo, khí-hậu càng lạnh. Trái lại càng gần xích-đạo càng nóng. Gần xích-đạo là miền xích-đới, tiếp đến miền ôn-đới, rồi trên hết là miền hàn-đới.

1. — Bắc-bán-cầu và Nam-bán-cầu.— Đường xích-đạo chia quả địa-cầu ra làm hai bán-cầu. Bắc-bán-cầu đi từ Bắc-cực đến xích-đạo. Nam-bán-cầu đi từ xích-đạo đến Nam-cực.

Nước Việt-Nam nằm trên Bắc-bán-cầu.

Ta đã biết mặt trời chiều thẳng vào xích-đạo. Những nước ở miền xích-đạo nóng quanh năm, càng gần xích-đạo càng nóng. Từ xích-đạo đi lên Bắc-cực, hay từ xích-đạo xuống Nam-cực, càng xa xích-đạo, khí-hậu càng lạnh. Đến Bắc-cực và Nam-cực thì rét quanh năm, nước đông thành băng.

2. — Các miền khí-hậu.— Kể từ xích-đạo, mỗi bán-cầu có ba miền khí-hậu: miền nóng gọi là xích-đới hay nhiệt-đới, miền mát gọi là ôn-đới và hàn-đới là miền lạnh.

Trong ba miền ấy, tại miền ôn-đới, dân-cư đông-đúc và kinh-tế thịnh-vượng hơn cả, vì nhờ khí-hậu mát-mẽ, con người làm việc siêng-năng hơn.

CÂU HỎI

- 1º) Bắc-bán-cầu ở về phía nào?
- 2º) Nam-bán-cầu ở về phía nào?
- 3º) Mỗi bán-cầu chia làm mấy miền khí-hậu?

BÀI HỌC.— Đường xích-đạo chia quả địa-cầu ra làm hai bán-cầu. Bắc-bán-cầu đi từ Bắc-cực đến xích-đạo. Nam-bán-cầu đi từ xích-đạo đến Nam-cực.

Mỗi bán-cầu có ba miền khí-hậu : miền nhiệt-đới, ôn-đới và hàn-đới.



Cảnh-vật miền nhiệt-đới

QUAN-SÁT.— Người da đen ngồi trên chòi canh. Nhà ở nhỏ hẹp làm bằng đất. Đất khô. ồ hoang không trông-trọt được vì thiếu nước.

Miền nhiệt-đới nóng quanh năm

1. — **Cây-cối và thú-vật.** — Chỗ nào mưa nhiều thì có rừng rậm. Cây cao đến 30, 40 mét, dây leo chằng-chịt, ánh-sáng mặt trời không lọt xuống đất được.

Chỗ nào không mưa (hai, ba năm không có một lần mưa) thì thành bãi sa-mạc, không có cây-cối, không có người ở. Con lạc-đà chịu được nóng và nhịn ăn uống mấy ngày liền là con vật quý nhất của miền sa-mạc.

Trong rừng có nhiều thú dữ, như voi, cọp, sư-tử, có rắn độc, dưới sông có cá sấu.

Về mùa-màng, người ta trồng lúa, bắp, đậu-phụng.

2. — **Dân-cư.** — Dưới trời nóng bức, con người thành lười-biếng, làm việc uể-oải.

Phần nhiều là người da đen, vóc nhỏ thấp, ăn mặc sơ-sài, nhà ở bằng đất.

Có nhiều bộ-lạc còn bán-khai chỉ biết săn bắn, kiếm ăn hoa quả trong rừng, hay cày cây với những khí-cụ thô-sơ.

CÂU HỎI

1°) Nước Việt-Nam ở vào miền nào?

2°) Ở miền nhiệt-đới dân-cư thường là giống người nào?

3°) Về mùa-màng người ta thường trồng thứ gì?

BÀI HỌC. — Miền nhiệt-đới nóng quanh năm, có chỗ mưa nhiều lại có chỗ không mưa. Ở đây thường có rừng rậm và thú dữ.

Dân-cư phần nhiều là người da đen, trình-độ văn-minh thấp.



Cảnh-vật miền hàn-đối

QUAN-SÁT.— *Những tảng băng nổi trên biển như những đồi cao. Một tàu-thủy bị cản không chạy được, vì tảng băng. Con hươu kéo xe trượt tuyết, gần xe ấy có bảy chim măng-cô. Xa xa có một con gấu trắng và ba con hải-cẩu.*

Miền hàn-đối ở Bắc-cực và Nam-cực lạnh quanh năm.

1. — **Cây-cối và thú-vật.** — Vì khí-hậu quá rét, nước luôn luôn đóng băng nên cây-cối cần-cối. Thân cây chỉ cao vài tấc và mỗi năm chỉ có vài ba lá mà thôi.

Thú-vật thì có đàn hươu sừng dài và chó là những súc-vật kéo xe trượt tuyết. Các súc-vật ấy cần-thiết cho miền này cũng như con lạc-đà giúp ích cho miền sa-mạc. Ngoài ra còn có chim măng-cô, hải-cẩu, gấu trắng.

2. — **Dân-cư.** — Dân É-ti-mô ở thưa-thớt trên miền này. Đời sống rất vất-vả, khó-khăn, vì phải luôn luôn lo rét và sợ đói. Gió thổi mạnh như bão và đập vào mặt và chân tay như dao cắt.

Dân É-ti-mô săn gấu, hải-cẩu để lấy thịt ăn, lấy da làm quần áo và lấy mỡ để làm dầu thắp đèn.

Về chỗ ở thì mùa hạ họ ở những chòi che bằng da thú, còn mùa đông thì họ núp trong những hang làm bằng tảng băng.

CÂU HỎI

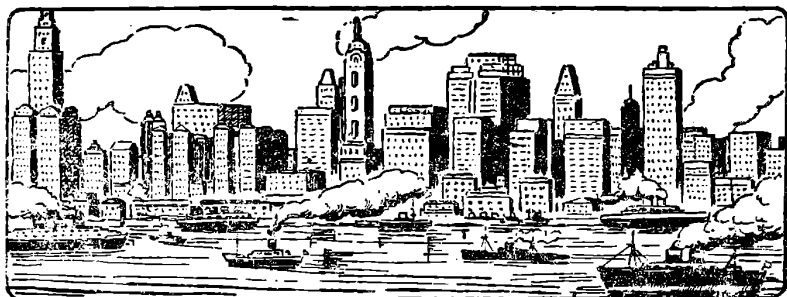
1^o) *Cây-cối miền hàn-đối như thế nào ?*

2^o) *Dân-cư sống như thế nào ?*

3^o) *Khí-hậu như thế nào ?*

BÀI-HỌC. — Ở miền hàn-đối, khí-hậu quá rét làm cây-cối cần-cối và thú-vật rất hiếm.

Dân É-ti-mô sống vất-vả trên miền này.



Thành-phố Nữu-ước (Hoa-kỳ)

QUAN-SÁT. — Nhiều lầu cao « chọc trời ». Lầu cao nhất đến 112 tầng. Bền tàu rộn-rịp.

Miền ôn-đới khí-hậu mát-mẻ, không nóng như miền nhiệt-đới mà cũng không lạnh cóng người như miền hàn-đới.

1. — **Cây-còi và thú-vật.** — Miền ôn-đới không có rừng rậm, không có thú dữ. Khí-hậu ôn-hòa, nhiều đồng-bằng rộng bao-la nên nền canh-nông và chăn-nuôi rất phát-đạt. Người ta trồng nhiều lúa mì, nho, cam, lê, táo. Người ta nuôi bò, ngựa, lừa và nhiều đàn cừu.

Trong năm có bốn mùa rõ-rệt, mùa đông có tuyết, mùa hạ cũng không nóng lắm.

2. — **Dân-cư.** — Dân-số miền này rất đông. Khí-hậu mát-mẻ nên vóc người cao lớn, tánh siêng-năng và ưa hoạt-động.

Các nước giàu mạnh trên thế-giới đều ở miền ôn-đới. Trình-độ sinh-hoạt của dân-chúng cao hơn các miền khác vì vật-thực nhiều và sản-phẩm kỹ-nghệ cũng lắm.

Các thành-phố lớn đều ở vùng này, như thành-phố Nữu-ước ở Mỹ là thành-phố lớn nhất hoàn-cầu, dân-số đến 15 triệu người.

CÂU HỎI

- 1º) Người ta trồng thứ cây gì nhiều ở miền ôn-đới?
- 2º) Người ta nuôi những súc-vật gì?
- 3º) Trình-độ sinh-hoạt của dân-chúng miền này thế nào?

BÀI HỌC. — Nhờ khí-hậu miền ôn-đới mát-mẻ nên dân-cư đông-đúc. Nền canh-nông và chăn-nuôi được phát-đạt. Các nước giàu mạnh trên thế-giới đều ở miền ôn-đới.



Cảnh Bắc-cực

QUAN-SÁT.— Cảnh lạnh-lùng, quanh-vắng. Mặt trời thiếu sức nóng soi sáng cảnh băng tuyết.



1. — Thế nào là Bắc-cực và Nam-cực? — Để hiểu rõ hình Bắc-cực và Nam-cực, ta lấy một đỉnh dài đâm lủng cuộn một quả cam. Chỗ hai đầu đỉnh loà ra ngoài quả cam là hình Bắc-cực và Nam-cực.

Bắc-cực đối-diện với Nam-cực.

2. — Thám-hiểm Bắc-cực và Nam-cực. — Các nhà thám-hiểm đã vượt nhiều khó-khăn mới đến được Bắc-cực và Nam-cực. Nhiều người bị chết vì lạnh, hoặc bị cưa tay, cưa chân vì máu đông lại.

Ở đây có sáu tháng ngày và sáu tháng đêm. Mặt trời thiếu sức nóng, cứ ở chân trời luôn trong sáu tháng, nửa đêm cũng thấy mặt trời. Đêm dài luôn sáu tháng và rét vô cùng.

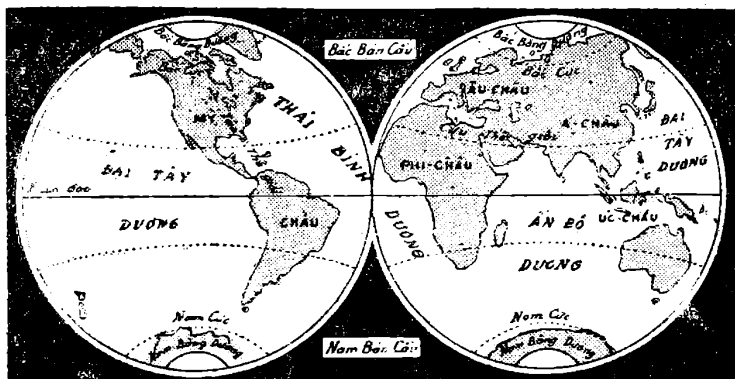
Nước biển đông lại thành băng rất dày. Có nhiều dãy núi tuyết cao hàng ba, bốn ngàn mét.

Nam-cực rét hơn Bắc-cực.

CÂU HỎI

- 1°) Vẽ quả đất, chỉ chỗ nào là Bắc-cực, chỗ nào là Nam-cực, đường xích-đạo ở đâu?
- 2°) Ngày đêm ở Bắc-cực hay Nam-cực khác thường thế nào?
- 3°) Tại sao nhiều nhà thám-hiểm bị chết?

BAI HỌC. — Bắc-cực và Nam-cực là hai đầu chóp của quả đất. Khi-hậu rất lạnh và nước biển đông lại thành băng rất dày. Ở đây có sáu tháng ngày và sáu tháng đêm.



Bản-đồ địa-cầu

QUAN-SÁT. — Đại-dương chiếm một phần lớn địa-cầu. Lục-địa ở Bắc-bán-cầu rộng hơn ở Nam-bán-cầu.

1. — Lục-địa. — Ta hãy nhìn bản-đồ địa-cầu, ta thấy biển rộng hơn mặt đất. Mặt đất, cũng gọi là lục-địa, chỉ chiếm một phần tư diện-tích địa-cầu. Còn ba phần tư là biển cả hay đại-dương.

Ở Bắc-bán-cầu lục-địa rộng hơn ở Nam-bán-cầu.

Trên lục-địa có chỗ cao, chỗ thấp, có núi, có đồng-bằng, có chỗ biển ăn sâu vào đất, có chỗ đất gioi ra ngoài biển.

2. — Các nước lớn trên lục-địa. — Lục-địa chia thành nhiều nước hay quốc-gia.

Có nước lớn giàu mạnh, dân-số đông, lại có nước nhỏ, kém tiên-bộ.

Các nước lớn nhất như Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Nga, Trung-hoa, Ấn-độ, Nhật-bản.

3. — Các thành-phố lớn. — Các thành-phố sau đây lớn nhất trên hoàn-cầu: Nữu-ước (Hoa-kỳ) — Luân-đôn (Anh) — Đông-kinh (Nhật-bản) — Ba-lê (Pháp).

CÂU HỎI

1^o) Lục-địa là gì?

2^o) Lục-địa chiếm bao nhiêu diện-tích địa-cầu?

3^o) Kể tên các nước lớn trên lục-địa?

BÀI HỌC. — Lục-địa là phần đất nổi trên mặt địa-cầu. Lục-địa chỉ chiếm một phần tư diện-tích quả đất. Còn ba phần tư là biển cả hay đại-dương.

Các nước lớn trên hoàn-cầu là Hoa-kỳ, Anh, Nga, Pháp, Trung-hoa, Ấn-độ.



Các giống người

QUAN-SÁT.— *Từ trái sang phải: người da trắng, người da đen, người da vàng, người da đỏ.*

1. — Ngũ-đại-châu.— Lục-địa chia làm năm châu lớn, hay ngũ-đại-châu.

Năm châu lớn là: Á-châu, Âu-châu, Mỹ-châu, Phi-châu, Úc-châu. (Xem bản-đồ địa-cầu trang 16).

Châu Mỹ còn được gọi là Tân-thê-giới vì mới tìm ra cách đây hơn 400 năm.

Châu Á, châu Âu và châu Phi cũng gọi là Cựu-thê-giới.

2. — Các giống người.— Trên hoàn-cầu có bốn giống người khác nhau vì màu da:

Người da trắng ở Âu-châu và Mỹ-châu, râu nhiều, trán cao, mũi cao.

Người da vàng ở Á-châu, tóc đen, râu ít.

Người da đen ở Phi-châu, tóc quăn, môi dày và mũi tẹt.

Người da đỏ, chỉ còn lại một số ít ở Châu Mỹ, tóc dài, trán hẹp, chính thật là da vàng, màu đỏ là màu nhuộm.

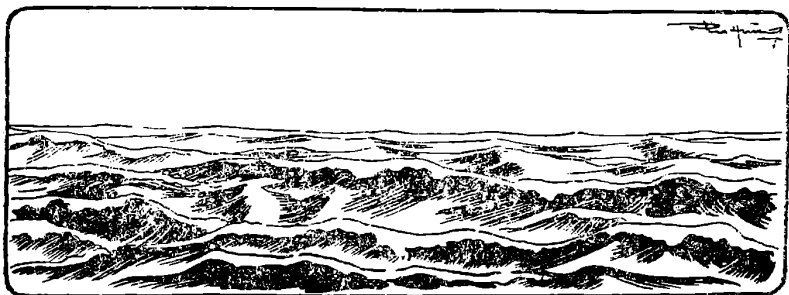
CÂU HỎI

1°) Ngũ-đại-châu là những châu gì?

2°) Tại sao người ta gọi Châu Mỹ là Tân-thê-giới?

3°) Trên hoàn-cầu có mấy giống người?

BÀI HỌC.— Ngũ-đại-châu gồm có : Á-châu, Âu-châu, Mỹ-châu, Phi-châu và Úc-châu. Châu Á rộng hơn cả. Có bốn giống người khác nhau vì màu da. Có người da trắng, da vàng, da đen và da đỏ.



Cảnh trời bể mênh-mông

QUAN-SÁT.— *Ngoài khơi, mặt biển lượn sóng.*

1. — Các đại-dương. — Đại-dương hay biển cả chiếm ba phần tư diện-tích quả đất.

Có năm đại-dương là:

Thái-bình-dương rộng nhất giữa Á-châu và Mỹ-châu;

Ấn-độ-dương ở phía Nam Á-châu;

Đại-tây-dương ở giữa Âu-châu, Phi-châu và Mỹ-châu;

Bắc-băng-dương ở Bắc-cực, nước đóng băng quanh năm nên tàu-bè đi lại không được;

Nam-băng-dương ở Nam-cực, nước đóng băng cũng như Bắc-băng-dương.

2. — Đặc-tính của biển. — Biển rộng mênh-mông.

Mặt biển không yên lặng như mặt hồ, lúc nào cũng có sóng.

Đáy biển không bằng-phẳng. Có nhiều chỗ rất sâu.

Cây-cỏ là các thứ rong, có thứ dài đến 20m; thú-vật là các giống cá, từ thứ cá nhỏ, mắt ta không thấy được đến thứ cá to, như cá-voi nặng bằng 10 xe cam-nhông đầy.

CÂU HỎI

1^o) Kể tên các đại-dương.

2^o) Đại-dương nào rộng nhất?

3^o) Đáy bể có bằng-phẳng không?

BÀI HỌC.— Đại-dương hay biển cả chiếm ba phần tư diện-tích địa-cầu.

Có năm đại-dương là Thái-bình-dương, Ấn-độ-dương, Đại-tây-dương, Bắc-băng-dương và Nam-băng-dương.

*Thủy-triều*

QUAN-SÁT.— *Phía tay trái: Nước thủy-triều xuống, người đi trên bờ, trước các cọc gỗ. Phía tay phải: Nước thủy-triều lên, gấn phủ các cọc gỗ.*

1. — **Mức nước biển khi lên khi xuống.** — Mức nước biển không ở nguyên một chỗ. Khi nước biển dâng lên, người ta gọi là nước triều lên, hay **nước lên**. Khi nước biển rút xuống, người ta gọi là nước triều xuống, hay là **nước ròng**.

Mỗi ngày hai lần, nước biển lên rồi xuống đều đặn, như hơi thở. Có như thế là do sức hút của mặt trăng. Mỗi lúc mặt trăng đi qua chỗ nào trên mặt đất thì nước biển chỗ đó dâng lên.

Các sông-ngòi đều có thủy-triều.

2. — **Cách lợi-dụng thủy-triều.** — Người ta lợi-dụng thủy-triều để trở nước vào ruộng khỏi phải đập hay tát nước.

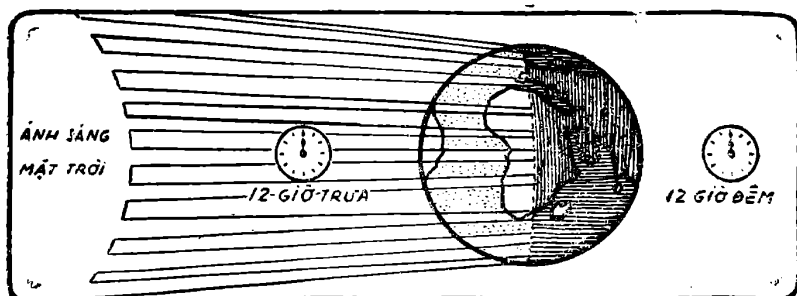
Các ghe đồ đi trên sông-ngòi thường dò theo nước lên hay nước ròng để thuận dòng nước cho bớt chèo chông.

Trên các ruộng muối, người ta lợi-dụng thủy-triều để lấy nước biển vào ruộng.

CÂU HỎI

- 1^o) *Mức nước biển có ở nguyên một chỗ không?*
- 2^o) *Do ảnh-hưởng nào nước biển dâng lên?*
- 3^o) *Nước lên và nước ròng là gì?*

BÀI HỌC. — Mỗi ngày hai lần, mức nước biển dâng lên rồi rút xuống: đó là thủy-triều. Có như thế là do sức hút của mặt trăng.
Nước triều lên gọi là nước lên, nước triều xuống gọi là nước ròng.



Trái đất quay tròn

QUAN-SÁT.— Một phần trái đất nhận được ánh-sáng mặt trời là ban ngày, còn phần kia bị tối là ban đêm.

1. — Ngày và đêm. — Ta đã biết trái đất quay chung quanh nó và chung quanh mặt trời. Nó quay tròn chung quanh nó trong 24 giờ. Do đó mới sinh ra ngày và đêm.

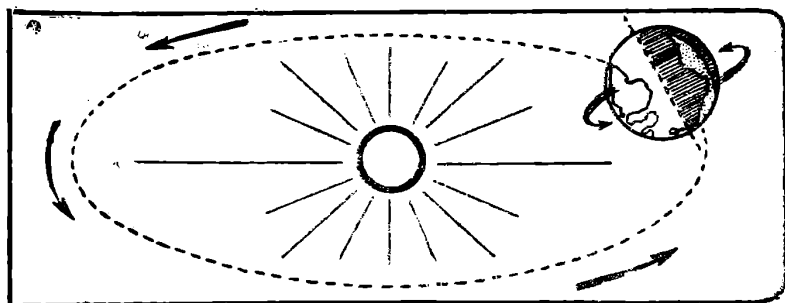
Vì quả đất tròn nên không thể bày ra trước mặt trời trong một lúc toàn diện-tích của mình được mà chỉ đưa một phần nửa mà thôi. Phần nào nhận ánh-sáng mặt trời là ban ngày, phần nào ở trong bóng tối là ban đêm.

2. — Giờ ở các xứ trên địa-cầu khác nhau. — Vì trái đất xoay tròn mình nên các phần đất trên mặt địa-cầu, chỗ thấy mặt trời trước, chỗ thấy sau, chỗ thì mới sáng, chỗ lại ban đêm. Do đó các giờ mỗi xứ mỗi khác. Như ở nước ta đã 7 giờ sáng thì ở Pháp mới 12 giờ khuya.

CÂU HỎI

- 1°) Giải-thích tại sao có ngày và đêm?
- 2°) Trái đất tự quay chung quanh mình trong mấy giờ?
- 3°) Tại sao giờ các xứ mỗi nơi mỗi khác?

BÀI HỌC. — Quả đất tự quay một vòng là 24 giờ. Vì thế ta có ngày và đêm. Nửa quả địa-cầu nhận ánh-sáng mặt trời là ban ngày, nửa kia ở trong bóng tối là ban đêm.



Trái đất quay chung quanh mặt trời

QUAN-SÁT. — Trái đất quay chung quanh nó trong 24 giờ và quay chung quanh mặt trời trong một năm.

1. — Tại sao có bốn mùa. — Vừa quay chung quanh mình, quả đất lại quay chung quanh mặt trời **giáp một vòng mặt một năm** (đúng là 365 ngày 6 giờ).

Trong khi quay, quả đất lần-lượt đưa ra phía mặt trời phần nấy rồi phần kia của địa-cầu, phần nào được đưa ra mặt trời nhận nhiều ánh-sáng và sức nóng hơn phần kia. Đó là lý-do ta có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

2. — Các mùa trên địa-cầu. — Các mùa trên địa-cầu khác biệt nhau. Ở nước ta, mùa xuân trời mát, mùa hạ nóng, còn về mùa thu và mùa đông mưa nhiều.

Ở miền ôn-đới, về mùa đông trời rét, có tuyết rơi, cây-còi đều rụng lá; về mùa hạ cũng không nóng lắm.

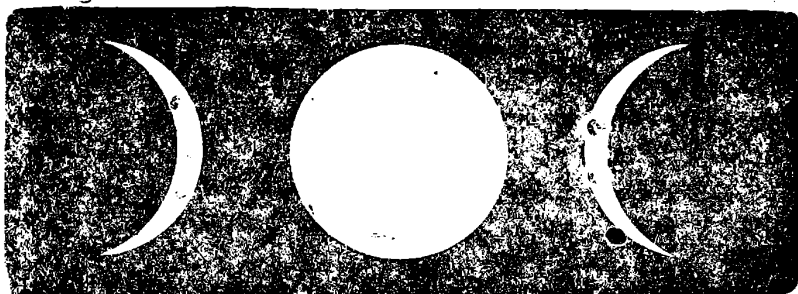
Trên Bắc-cực hay dưới Nam-cực, mùa đông dài 6 tháng, trời tối luôn, tiếp đến mùa hạ có mặt trời luôn trong 6 tháng.

Trái lại, ở Phi-châu, gần đường xích-đạo, trời nóng quanh năm và thường hay mưa.

CAU HỎI

- 1^o) Trái đất quay chung quanh mặt trời đủ một vòng phải bao nhiêu ngày?
- 2^o) Kể tên bốn mùa?
- 3^o) Các mùa trên địa-cầu có giống nhau không?

BÀI HỌC. — Trái đất quay chung quanh mặt trời đúng một vòng phải mặt một năm. Trong một năm nóng lạnh khác nhau nên chia ra bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.



Các tuần trăng

Phía tay trái : Trăng mỏng 8 (thượng-tuần).

Ở giữa : Trăng rằm (trung-tuần).

Phía tay phải : Trăng 23 (hạ-tuần).

1. — Âm-lịch tính theo mặt trăng. — Âm-lịch hay lịch ta tính ngày tháng theo mặt trăng. Mặt trăng quay chung quanh quả đất cứ một tháng là xong một vòng. Âm-lịch chia ngày ra làm 12 giờ. Giữa giờ Tý là nửa đêm. Giữa giờ Ngọ là đúng nửa ngày.

Một tháng có 3 tuần là **thượng-tuần**, **trung-tuần** và **hạ-tuần**. Hễ đúng ngày 15 (rằm) và 16 thì trăng tròn.

2. — Tháng đủ, tháng thiếu. — Tháng đủ là 30 ngày, tháng thiếu là 29 ngày. Năm nhuận có 13 tháng. Cứ 3 năm lại có một năm nhuận.

Đời trước, nước ta chỉ dùng âm-lịch, nhưng ngày nay dương-lịch được thông-dụng. Duy chỉ ngày Tết, ngày kỵ, tính tuổi còn tính theo âm-lịch.

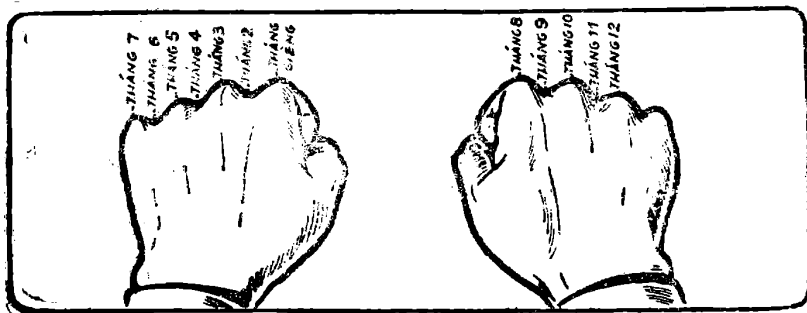
CÂU HỎI

1^o) Âm-lịch căn-cứ vào đâu để tính ngày tháng?

2^o) Ngày nào trăng tròn?

3^o) Sao gọi là tháng đủ, tháng thiếu?

BÀI HỌC. — Âm-lịch tính ngày tháng theo mặt trăng. Hễ đúng rằm và 16 thì trăng tròn.
Tháng đủ là 30 ngày, tháng thiếu là 29 ngày.



Cách tính tháng 31 hay 30 ngày (dương-lịch).

QUAN-SÁT. — Tháng nào đúng vào xương đốt (cao) là 31 ngày, tháng nào ở giữa hai xương đốt (lõm vào) là 30 ngày.

1. — **Dương-lịch tính theo mặt trời.** — Dương-lịch tính ngày tháng theo mặt trời. Ta đã biết trái đất quay chung quanh mặt trời trọn vòng là 365 ngày 6 giờ. Nhưng năm lịch chỉ tính **365** ngày cho tiện. Có tháng 30 ngày, tháng 31 ngày, tháng 2 chỉ có 28 ngày. Cứ 4 năm có một **năm nhuận**. Năm nhuận, theo dương-lịch, tháng 2 có 29 ngày.

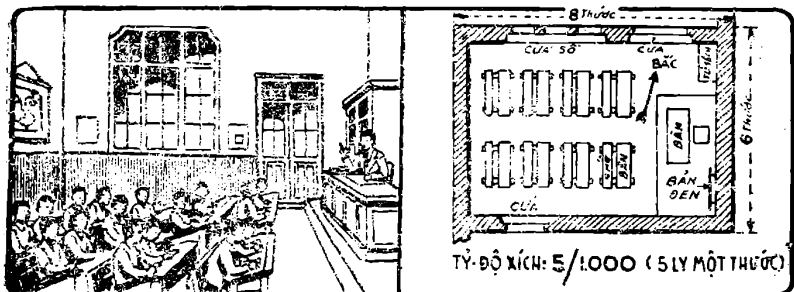
Hầu hết các nước trên thế-giới đều dùng dương-lịch. Ở nước ta dương-lịch cũng là lịch chính-thức. Công-văn, giấy-tờ đều làm theo dương-lịch.

2. — **Cách tính tháng thiếu, tháng đủ.** — Ta xem cách tính tháng đủ, tháng thiếu theo đốt tay như hình vẽ trên đây. Ta nhớ hễ tháng nào đúng vào xương đốt là 31 ngày, tháng nào giữa hai xương đốt (lõm vào) là 30 ngày.

CÂU HỎI

- 1^o) Dương-lịch căn-cứ vào đâu để tính ngày tháng ?
- 2^o) Năm nhuận dương-lịch và năm nhuận âm-lịch khác nhau thế nào ?
- 3^o) Năm dương-lịch có bao nhiêu ngày ?

BÀI HỌC. — Dương-lịch tính ngày tháng theo mặt trời.
 Năm thường có 365 ngày. Cứ 4 năm có một năm nhuận.
 Năm nhuận về tháng 2 có 29 ngày.



Hoành-đồ lớp học

QUAN-SÁT.— *Một bên là hình vẽ lớp học, một bên là hoành-đồ lớp ấy.*

1. — **Thề nào là hoành-đồ?**— Từ trên góc xuống ta vẽ một quyển sách và một cái đĩa. Ta vẽ một hình chữ nhật và một vòng tròn. Góc từ trên cao mà vẽ như vậy gọi là vẽ hoành-đồ một vật. Hoành-đồ không cho ta biết bề cao và các chi-tiết của một vật.

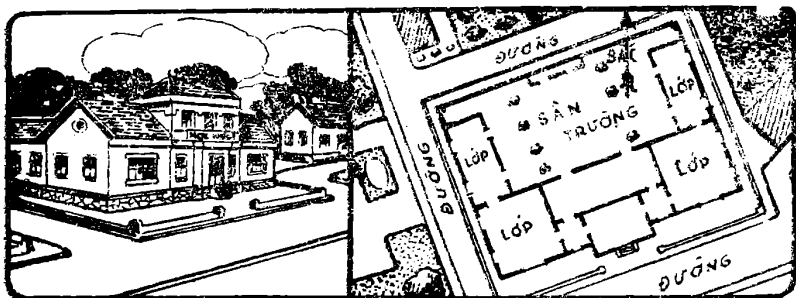
2. — **Hoành-đồ lớp học.**— Nếu cha mẹ trò bảo tả lớp học, trò sẽ kể ra nào bàn ghế, bàn thầy, bảng đen, nhưng cha mẹ trò cũng không thể biết cách sắp-đặt bàn ghế thế nào, thầy ngồi phía nào, cửa sổ, cửa lớn ở đâu.

Tốt hơn là trò vẽ hoành-đồ lớp của trò học. Trò vẽ như đứng trên trần lớp hay nóc nhà góc xuống. Trò vẽ vách là một đường thẳng, chỗ nào có cửa ra vào thì để trống, bàn ghế là những hình chữ nhật.

CÂU HỎI

- 1^o) *Vẽ hoành-đồ ghế dài trò ngồi.*
- 2^o) *Vẽ hoành-đồ bàn thầy giáo.*
- 3^o) *Vẽ hoành-đồ lớp học.*

BÀI HỌC. — Từ trên góc xuống ta vẽ một quyển sách và một cái đĩa. Ta vẽ một hình chữ nhật và một vòng tròn. Đó là ta vẽ hoành-đồ của quyển sách và cái đĩa.
Vẽ hoành-đồ của một vật là vẽ vật ấy từ trên góc xuống.



Hoành-đồ trường học

QUAN-SÁT.— Một bên là hình vẽ trường học, một bên là hoành-đồ trường ấy.

1. — **Thề nào gọi là tỷ-lệ.** — Ta đo lớp học bề dài 8m, bề ngang 6m. Ta vẽ hoành-đồ lớp học, bề dài còn lại 8cm, bề ngang 6cm. Như vậy bề dài hoành-đồ 100 lần ngắn hơn bề dài lớp học thật, bề ngang 100 lần hẹp hơn.

Người ta nói **tỷ-lệ hoành-đồ lớp học** là $1/100$, nghĩa là 1cm ở trên giấy bằng 100cm hay 1m của vật thật.

Bao giờ nơi góc một hoành-đồ người ta cũng để số tỷ-lệ. Ví dụ: tỷ-lệ $1/3$, $1/200$, $1/5.000$. Tỷ-lệ $1/5.000$ nghĩa là 1cm trên giấy bằng 5.000cm hay 50m ở ngoài.

2. — **Hoành-đồ trường học.** — Muốn vẽ hoành-đồ trường học, ta phải đo bề dài, bề ngang của chu-vi trường, sân chơi, các lớp học rồi ta định tỷ-lệ.

Ta xem hoành-đồ trường học trên này: có 4 lớp học; vách là một đường gạch đen; ngoài sân có cây to, mỗi cây là một vòng nhỏ.

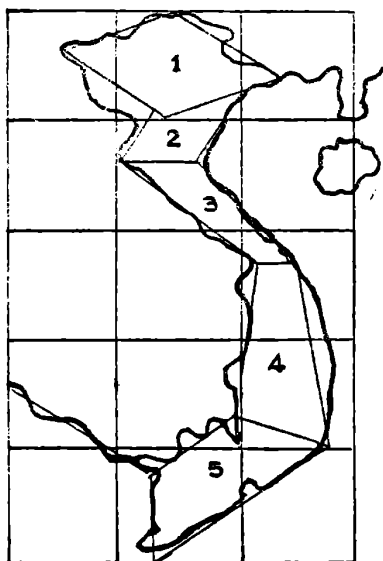
Hoành-đồ trường học vẽ theo tỷ-lệ $1/1.000$, nghĩa là 1cm trên giấy bằng 1.000cm hay 10m ở ngoài.

CÂU HỎI

- 1^o) Vẽ hoành-đồ trường học của trò.
- 2^o) Tỷ-lệ một hoành-đồ là $1/100$, nghĩa là gì?
- 3^o) Tỷ-lệ một hoành-đồ là $1/5.000$, nghĩa là gì?

BÀI HỌC. — Người ta vẽ hoành-đồ theo tỷ-lệ. Như tỷ-lệ hoành-đồ trường học là $1/1.000$, nghĩa là 1cm vẽ trên giấy bằng 1.000cm hay 10m ở ngoài.

1. — **Thề nào gọi là bản-đồ.**— Nếu ta ngồi trong phi-cơ bay thật cao thì ta thấy trường học ta chỉ còn một chấm nhỏ. Sông là một dải lụa



trắng uyên-chuyên. Đường là những gạch dài chạy thẳng, đồng ruộng là những hình vuông màu xanh, rừng là những đám xanh đậm.

Nếu ta vẽ lại những gì ta thấy từ trên phi-cơ của một miền rộng lớn, ta có bản-đồ của miền ấy. Bản-đồ là hoành-đồ của một vùng rất rộng, như một quận, một tỉnh, một nước.

Cách vẽ bản-đồ Việt-Nam
 chỗ màu thâm là núi. Những đường xanh là sông-ngòi, hai đường giống nhau là quốc-lộ, một đường có gạch ngang chân rết là đường xe-lửa, những chấm to hay nhỏ là các tỉnh-lỵ hay thành-phố. Ta cứ xem ở góc bản-đồ « **Lời chú-từ** » thì rõ các điều ấy.

2. — **Bản-đồ tô màu.** — Ở những bản-đồ tô màu treo trong lớp thì những chỗ xanh lợt là biển, hồ, ao; những chỗ màu lục là đồng-bằng; những

ở bản-đồ thì bao giờ phương Bắc cũng ở trên, phương Nam ở dưới, phương Đông bên tay mặt, phương Tây bên tay trái.

CÂU HỎI

- 1^o) Bản-đồ khác hoành-đồ thề nào?
- 2^o) Đọc lời chú-từ ở bản-đồ có ích gì không?
- 3^o) Ở bản-đồ thì phương Bắc, phương Nam, phương Đông, phương Tây ở đâu?

BÀI HỌC. — Bản-đồ là hoành-đồ của một vùng rộng lớn. Ở bản-đồ thì phương Bắc ở trên, phương Nam ở dưới, phương Đông bên tay mặt, phương Tây bên tay trái.

1. — Nước ta là Việt-Nam. — Nước ta là Việt-Nam. Dân ta nói một thứ tiếng, tiếng Việt-Nam. Từ Nam chí Bắc, cách ăn ở, phong-tục đều giống nhau, chúng ta đều là anh em một nhà.

2. — Vị-trí nước Việt-Nam. — Nhìn vào bản-đồ, ta thấy nước ta ở Bắc-bán-cầu, miền Đông-Nam Á-châu.

Nước ta dài, hình cong giống chữ S.



Cây lúa

Nước Việt-Nam giáp phía Bắc với Trung-hoa, phía Đông và Nam với biển Nam-hải (cũng gọi là Biển Đông), phía Tây với hai xứ Ai-lao và Cam-bốt.

Việt-Nam ở một vị-trí rất quan-trọng trên đường giao-thông từ Âu-châu sang Viễn-đông, từ Bắc xuống Nam, từ Viễn-đông sang Mỹ-châu. Các tàu thủy và tàu bay đi qua Viễn-đông đều ghé hay đậu lại Sài-gòn.

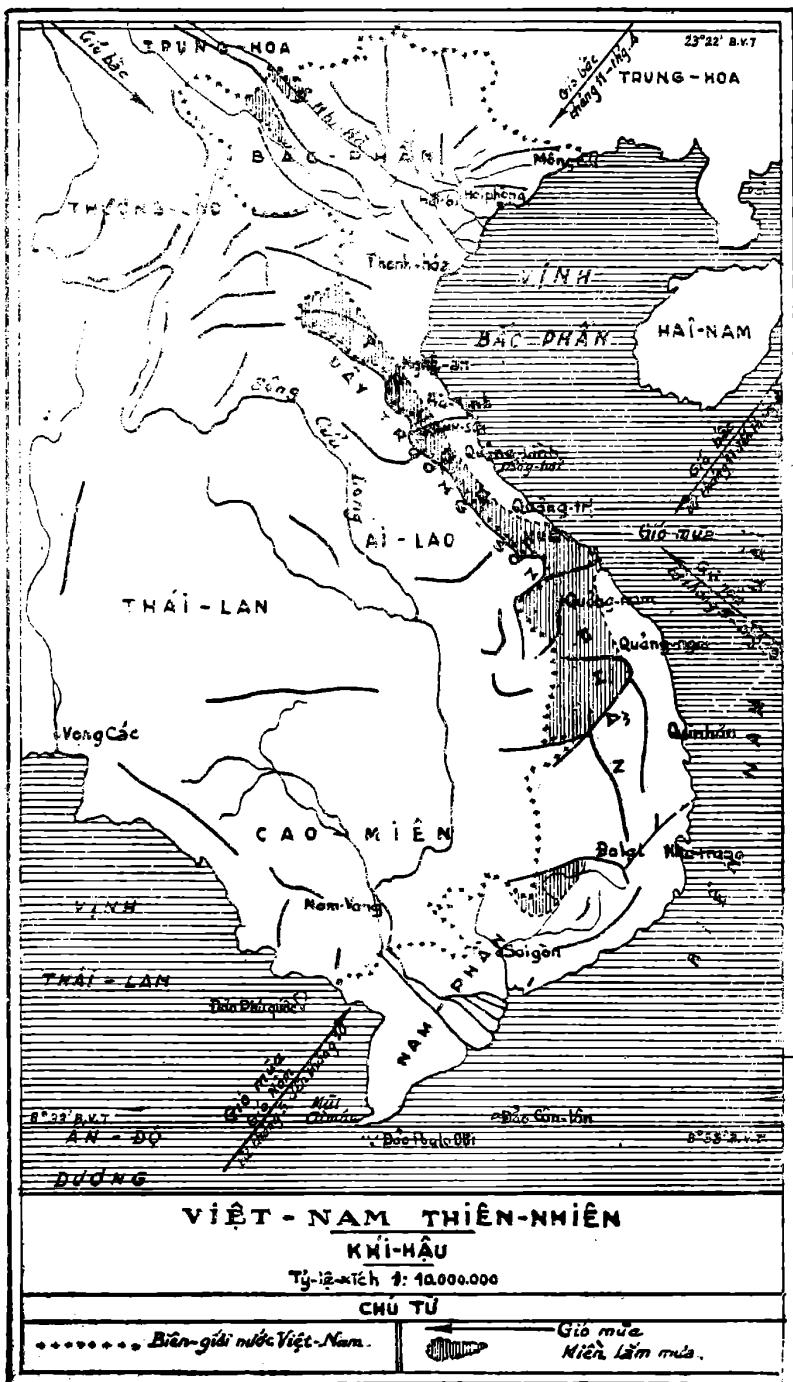
Việt-Nam là một bao-lơn trông ra Thái-bình-dương, ở giữa một vùng phồn-thịnh của Đông-Nam-Á : Trung-hoa, Phi-luật-tân, In-đô-nê-xi-a, Mã-lai và Thái-lan.

3. — Diện-tích nước Việt-Nam. — Diện-tích Việt-Nam đo được 328.000 ki-lô-mét vuông. Diện-tích nước ta rộng hơn Cam-bốt và Ai-lao.

CÂU HỎI

- 1º) Nước ta gọi là gì?
- 2º) Nước ta phía Bắc và phía Tây giáp những nước nào?
- 3º) Diện-tích nước ta được bao nhiêu ki-lô-mét?

BÀI HỌC. — Ta là dân Việt-Nam. Việt-Nam giáp phía Bắc với Trung-hoa, phía Đông và Nam với biển Nam-hải và phía Tây với hai nước Ai-lao và Cam-bốt.
Diện-tích Việt-Nam đo được 328.000 ki-lô-mét vuông, rộng hơn Cam-bốt và Ai-lao.



1. — Núi. — Núi chiếm ba phần tư diện-tích nước ta. Miền Bắc và miền Trung có nhiều núi, còn miền Nam thì bằng-phẳng. Dãy **Trường-sơn** chạy dọc theo bờ biển là dãy núi dài nhất.



Đèo Hải-vân

Đồng-bằng Nam-phần có nhiều sông cái, sông con chạy ngang chạy dọc như một bàn cờ.

Hai đồng-bằng ấy ví như hai thúng lúa mà Trung-phần hình dài ví như đòn gánh gánh hai thúng ấy.



Gặt lúa

2. — Đồng-bằng. — Nước ta có hai đồng-bằng rộng lớn: đồng-bằng Bắc-phần và đồng-bằng Nam-phần.

Đồng - bằng Bắc - phần thấp nên có nhiều đường đê bảo-vệ mùa-màng khỏi ngập lụt.

Ở đồng - bằng dân - cư đông - đúc và có nhiều thành-phố. Còn ở miền núi dân-cư thưa-thớt.

Miền đồng-bằng đất tốt sản-xuất nhiều lúa.

CÂU HỎI

- 1^o) Nước ta có nhiều núi không ?
- 2^o) Dãy núi nào dài nhất ?
- 3^o) Nước ta có mấy đồng-bằng rộng nhất? Những đồng-bằng nào ?

BÀI HỌC. — Núi chiếm ba phần tư diện-tích nước ta. Dãy Trường-sơn là dãy núi dài nhất.

Có hai đồng-bằng quan-trọng: đồng-bằng Bắc-phần và đồng-bằng Nam-phần. Ở đồng-bằng dân-cư đông-đúc và có nhiều thành-phố.

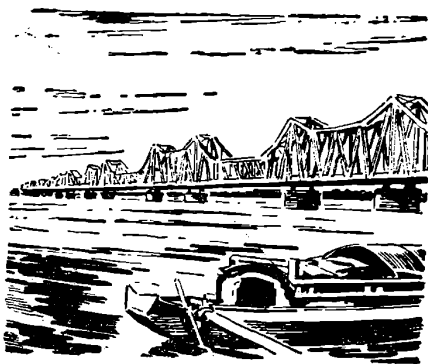
Sông-ngòi Việt-Nam chia làm hai hạng:

a) hạng bắt nguồn từ miền núi trong nước nên **ngắn**, như sông-ngòi Trung-phần;

b) hạng bắt nguồn từ Trung-hoa nên **dài**, như Sông Nhị-hà và Sông Cửu-long là hai sông lớn nhất nước ta.

1. — Sông Nhị-hà. — Sông Nhị-hà từ Trung-hoa chảy qua Bắc-phần, dài 1.200 km. Nước sông đỏ và đục nên Nhị-hà còn gọi là **Hồng-hà**. Thành-phố Hà-nội ở trên bờ sông Nhị-hà.

Sông Nhị-hà hằng năm có lụt to nên dọc bờ sông có đường đắp cao để ngăn nước lụt.



Sông Nhị-hà

Sông này làm cho Nam-phần trở nên phì-nhiều, giàu-có, xứng-đáng là vựa lúa của Việt-Nam.

2. — Sông Cửu-long. —

Sông Cửu-long từ Trung-hoa chảy qua Ai-lao, Cam-bốt rồi vào Nam-phần để chảy ra biển. Sông Cửu-long dài 4.200 km, là một trong những con sông dài nhất Á-châu.

Sông Cửu-long là một đường thủy rất tiện-lợi.

CÂU HỎI

- 1^o) Sông nào lớn nhất nước ta?
- 2^o) Sông Cửu-long chảy qua các nước nào?
- 3^o) Ngoài Bắc, người ta đắp đê có ích-lợi gì?

{ **BÀI HỌC.** — Nước ta có hai con sông lớn nhất: Sông Nhị-hà ở Bắc-phần và Sông Cửu-long ở Nam-phần.
 { Sông Cửu-long dài 4.200km là một trong những con sông dài nhất Á-châu.
 { Sông-ngòi Trung-phần ngắn vì bắt nguồn từ miền núi trong nước.

1. — Khí-hậu Việt-Nam nóng và ẩm. — Việt-Nam nằm trong vùng nhiệt-đới, lại gần biển nên khí-hậu nóng và ẩm.



Bão

2. — Khí - hậu mỗi miền mỗi khác. — Vì Việt-Nam hình dài nên khí-hậu mỗi miền mỗi khác, càng xuống phía Nam càng nóng, càng lên phía Bắc càng lạnh.

Bắc-phần và miền Bắc Trung-phần có mùa nắng và mùa rét rõ-rệt. Còn Nam-phần và miền Nam Trung-phần nóng quanh năm.

Tại Cao-nguyên Trung-phần, khí-hậu mát-mẻ dễ chịu.

Khí-hậu Việt-Nam chịu ảnh-hưởng của gió mùa. Có hai mùa :

- a) Mùa gió bắc thổi về mùa lạnh, từ tháng 11 đến tháng 4;
- b) Mùa gió nồm thổi về mùa nóng, từ tháng 5 đến tháng 10.

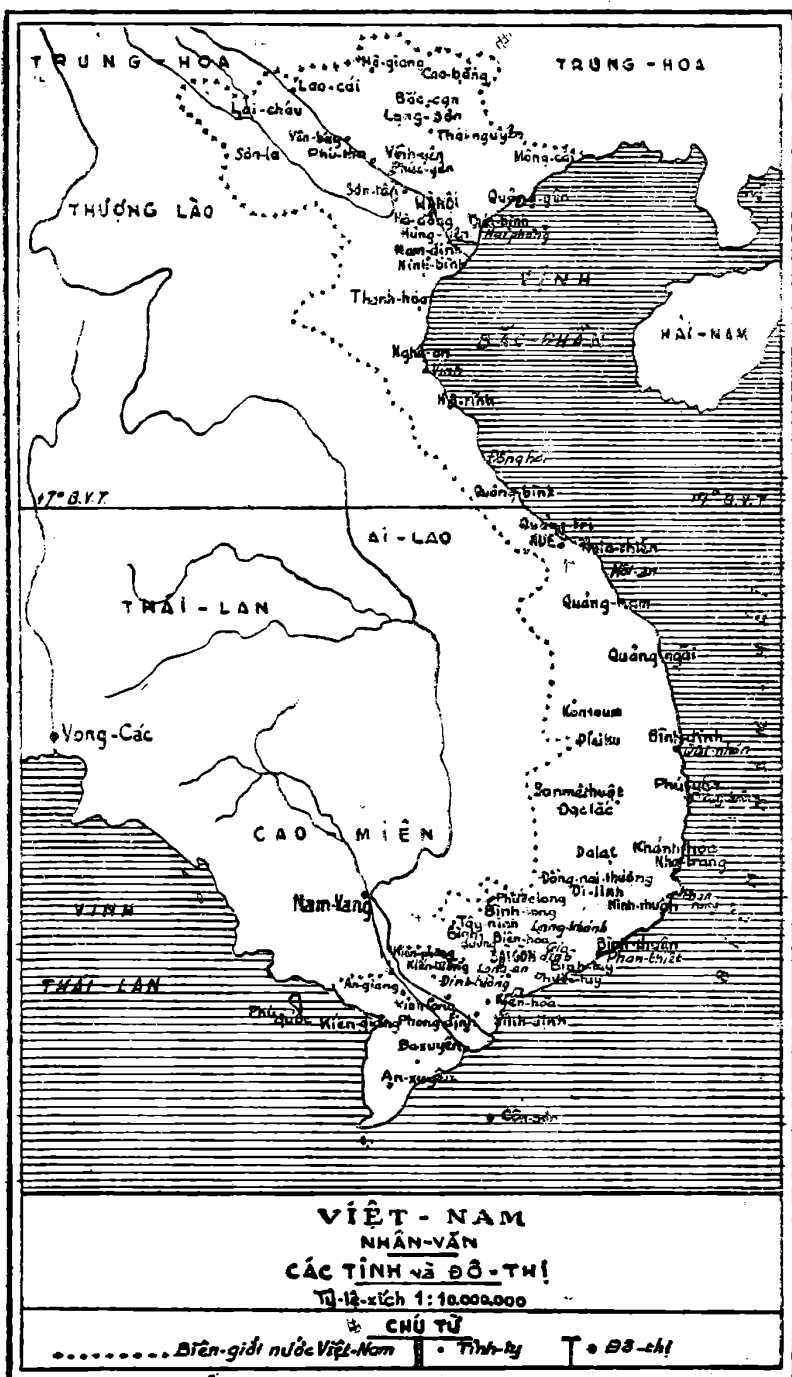
Ở Việt-Nam mưa nhiều nên khí-hậu thích-hợp cho việc trồng lúa. Miền núi mưa nhiều hơn đồng-bằng. Suốt dãy Trường-sơn mưa nhiều nhất.

Hàng năm tại nhiều nơi hay bị bão. Bão là những trận gió mạnh và mưa rào làm sụp nhà-cửa, cây-côi bật gốc, gây thiệt-hại nhiều.

CÂU HỎI

- 1º) Khí-hậu Bắc-phần khác Nam-phần như thế nào?
- 2º) Tại sao khí-hậu Việt-Nam thích-hợp cho việc trồng lúa?
- 3º) Bão là gì?

BÀI HỌC. — Khí-hậu Việt-Nam nóng và ẩm.
Miền Bắc có mùa nắng và mùa rét rõ-rệt. Miền Nam nóng quanh năm.
Còn miền Cao-nguyên mát-mẻ, dễ chịu.
Hàng năm, tại nhiều nơi hay bị bão.

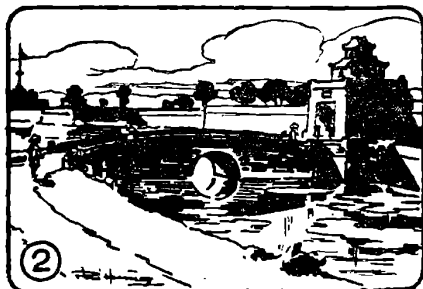


1. — Việt-Nam bị tạm chia làm hai miền.— Từ lâu Việt-Nam là một nước thống-nhất từ Bắc chí Nam, từ mũi Cà-mau đến ải Nam-quan.

Nhưng từ năm 1954, Việt-Nam bị tạm chia làm hai miền: **Miền Bắc** từ Sông Bến-hải (Quảng-trị) trở lên thuộc quyền của Việt-Cộng;— **Miền Nam** từ Sông Bến-hải trở xuống thuộc quyền Chính-phủ Cộng-hòa.

2. — Các tỉnh và thành-phố.— Việt-Nam chia làm nhiều tỉnh, mỗi tỉnh có nhiều quận, mỗi quận có nhiều xã.

Mỗi tỉnh có Tỉnh-trưởng cầm đầu, Tỉnh-trưởng có một hay hai Phó-Tỉnh-trưởng phụ-tá. Dưới quyền kiểm-soát của Tỉnh-trưởng có các Ty chuyên-môn, như Ty Tiểu-học-vụ, Ty Y-tê, Ty Nông-vụ, Ty Mực-súc, Ty Thuê-vụ, Ty Công-an, Ty Công-chánh, Ty Thông-tin..., mỗi Ty do một Ty-trưởng điều-khiển.



Mỗi quận có Quận-trưởng và mỗi xã có Đại-diện hành-chánh xã cầm đầu. Các thành-phố lớn là: Hà-nội, Hải-phòng, Huế, Đà-nẵng, Đà-lạt và Sài-gòn. Mỗi thành-phố do Thị-trưởng cầm đầu, có một Tổng Thư-ký phụ-tá. Riêng đối với Sài-gòn, thủ-đô của Việt-Nam Cộng-hòa, thì do Đô-trưởng cầm đầu, có Phó Đô-trưởng phụ-tá.

CÂU HỎI

- 1o) Hiện nay Việt-Nam bị tạm chia làm mấy miền?
- 2o) Kể tên các thành-phố lớn.
- 3o) Thành-phố nào là thủ-đô của Việt-Nam Cộng-hòa?

BAI HỌC. — Hiện nay Việt-Nam bị tạm chia làm hai miền. Các thành-phố lớn là Hà-nội, Hải-phòng, Huế, Đà-nẵng, Đà-lạt và Sài-gòn.

Sài-gòn, thủ-đô của Việt-Nam Cộng-hòa là thành-phố lớn nhất nước ta.

1. — Dân-số. — Dân-số Việt-Nam hơn 22 triệu người. Trong số này có 20 triệu người Kinh và hơn 2 triệu dân thiểu-số và ngoại-kiểu.

Người Kinh sống tập-trung trên các đồng-bằng phì-nhiều; còn đồng-bào Thượng sống ở miền núi.

Các dân-tộc thiểu-số gồm có:

Người Thái, người Mường... ở miền thượng-du Bắc-phần;

Người Thượng (Rha-đê, Bah-nar...) ở miền Cao-nguyên Trung-phần, sống chắt-phác, ở nhà sàn, đốt rừng làm rẫy;

Người Chăm ở Ninh-thuận và Bình-thuận;

Người Miên ở miền Tây Nam-phần.

Trong số ngoại - kiểu đồng nhất là người Trung-hoa đến người Pháp, người Ấn-độ, người Mỹ.

2. — Dân-cư phân-phối không đều. — Ở miền đồng-bằng đất tốt, dân-cư đông-đúc; còn ở miền núi dân-cư thưa-thớt. Các thành-phố lớn đều ở đồng-bằng.

Phần đông dân ta sống về nghề nông. Gần đây, nền công-nghệ và thương-mại phát-triển dần dần nên số người làm thợ và buôn bán mỗi ngày một nhiều.



Bên trái : Người Rha-đê

Ở giữa : Người Chăm

Bên phải : Người Bah-nar

CÂU HỎI

- 1º) Dân-số nước ta ước độ bao nhiêu?
- 2º) Các dân-tộc thiểu-số gồm những sắc dân nào?
- 3º) Tại sao dân-cư miền đồng-bằng lại đông?

BÀI HỌC. — Dân-số Việt-Nam hơn 22 triệu người mà đa-số là người Kinh. Các dân-tộc thiểu-số gồm có người Thái, người Mường ở miền thượng-du Bắc-phần, người Thượng ở miền Cao-nguyên Trung-phần, người Chăm, người Miên. Phần đông dân ta sống ở các đồng-bằng và chuyên về nghề nông.

1. — Việt-Nam là một nước nông-nghiệp.— Nước ta là một nước nông-nghiệp, phần đông dân ta sống về nghề nông. Ngoài ruộng lúa, người ta còn trồng bắp, đậu, khoai, sắn, thuốc lá, dừa, v.v...

Nam-phân sản-xuất nhiều lúa gạo nên hằng năm còn thừa để bán ra nước ngoài.

Ở các đồn-điền, người ta trồng nhiều cây cà-phê, chè, cao-su.

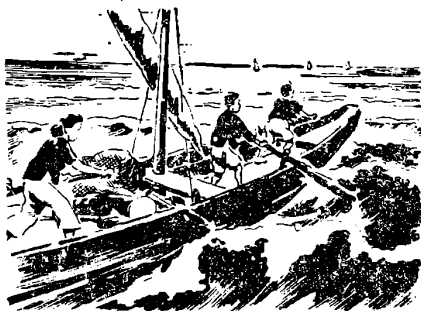
2. — Ng à n h
chăn-nuôi.— Ở thôn-
quê nhà nào cũng nuôi
gà, vịt, heo. Nhà nào
khá thì có nuôi thêm
trâu, bò để cày bừa
ruộng đất.



Chăn trâu ngoài đồng

Nước ta chưa có những trại chăn nuôi lớn, nuôi hàng vạn súc-vật như ở Âu-Mỹ.

3. — Nghề đánh cá.— Nước ta có biển bao quanh và có nhiều sông-ngòi nên nghề đánh cá được phát-đạt. Có người quanh-quản chỉ đánh cá trên các sông-ngòi, ao, hồ; có người lại ra ngoài khơi đánh cá biển.



Ghe đánh cá ra khơi

Nhờ có nhiều cá nên nghề nước mắm rất phát-đạt, nhất là ở Bình-thuận và Phú-quốc.

CÂU HỎI

- 1º) Đa-sô dân ta sống về nghề gì ?
- 2º) Nghề chăn-nuôi như thế nào ?
- 3º) Nghề đánh cá như thế nào ?

BÀI HỌC. — Đa-sô dân ta sống về nghề nông. Ngoài ruộng lúa, người ta còn trồng bắp, đậu, khoai, thuốc lá. Nam-phân sản-xuất nhiều lúa gạo.

Ngành chăn-nuôi kém phát-đạt, trái lại nghề đánh cá được thịnh-vượng.

1. — **Tiểu-công-nghệ.**— Nền kỹ-nghệ của ta đang thời-kỳ tổ-chức.

Nước ta có nhiều ngành công-nghệ sản-xuất những đồ dùng hàng ngày, như chiếu, vải, lụa, nón, đồ gốm, đồ đồng... dùng số ít thợ và máy-móc sơ-sài, gọi là **tiểu-công-nghệ**.

Các xưởng tiểu-công-nghệ rải-rác khắp nơi, có nơi sản-xuất nhiều sản-phẩm có tiếng, như đồ đồng Phường-đúc (Thừa-thiên), nón Gò-găng (Bình-định), đường Quảng-ngãi, lụa Quảng-nam, nước mắm Phan-thiết.

2. — **Kỹ-nghệ.**— Nước ta chưa có những xưởng đại-kỹ-nghệ dùng hàng vạn thợ (xưởng đúc thép, xưởng làm xe-hơi...) như ở Âu-Mỹ.

Ta chỉ có những tiểu-kỹ-nghệ dùng vài ba trăm nhân-công mỗi xưởng, như kỹ-nghệ thuộc da, làm xà-phòng, đồ nhôm, rượu bia, thuốc lá, máy xay lúa, máy cưa, nhà máy lắp đồng-hồ, lắp xe-máy dầu...



Đồ gốm

Mới đây có lập những nhà máy lớn, như xưởng dệt vải, làm giấy, làm đường, dệt mền len, chè thủy-tinh v.v...

Các ngành kỹ-nghệ ấy tập-trung nhiều nhất ở Sài-gòn.

CÂU HỎI

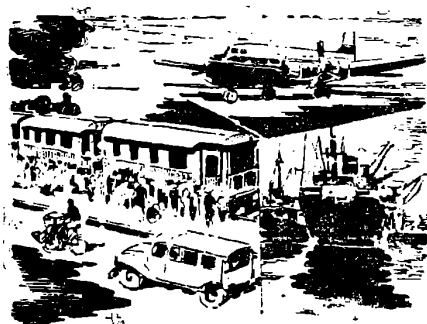
- 1o) Kể các tiểu-công-nghệ trong nước?
- 2o) Nước ta có những ngành kỹ-nghệ gì?
- 3o) Các ngành kỹ-nghệ ấy tập-trung nhiều nhất tại nơi nào?

BÀI HỌC.— Tiểu-công-nghệ được mò-mang nhiều. Tiểu-công-nghệ sản-xuất những đồ dùng hàng ngày, như chiếu, đồ gốm, đồ đồng, vải, lụa... Nhưng nền kỹ-nghệ đang thời-kỳ phát-triển. Ta có những kỹ-nghệ như xưởng thuộc da, làm xà-phòng, rượu bia, máy xay lúa, máy cưa, xưởng chè thủy-tinh, dệt vải, làm đường, làm giấy.

Các đường giao-thông ở Việt-Nam được mở-mang và tiện-lợi nhiều. Như muốn đi từ một tỉnh xa đến Sài-gòn, ta có thể đi bằng nhiều cách:

1. — Ta đi đường bộ bằng xe-hơi trên Quốc-lộ số 1. Quốc-lộ số 1 đi từ biên-giới Trung-hoa đến biên-giới Cam-bốt, qua các thành-phố Hà-nội, Huế, Đà-nẵng, Nha-trang, Sài-gòn.

2. — Ta đi xe-lửa cũng tiện-lợi và rẻ tiền. Nước ta có đường Xe-lửa Xuyên-Việt nối Hà-nội với Sài-gòn qua Huế.



Các phương-tiện giao-thông

Các sông-ngòi cũng là những đường thủy tiện-lợi và rẻ tiền. Các hàng-hóa công-kênh như gạo, than-đá... thường chở bằng đường thủy.

4. — Ta còn có thể đi máy bay. Hiện nay đường hàng-không nối liền Sài-gòn với các thành-phố lớn trong nước và thủ-đô của nhiều nước ngoài.

Đi máy bay rất nhanh : từ Sài-gòn ra Huế chỉ mất hai giờ.

CÂU HỎI

- 1^o) Nếu ta muốn đi từ Huế vào Sài-gòn, ta có thể đi bằng những cách gì?
- 2^o) Quốc-lộ số 1 có dài không?
- 3^o) Đường xe-lửa nào dài nhất nước ta?

BÀI HỌC. — Các đường giao-thông ở Việt-Nam được mở-mang và tiện-lợi nhiều. Quốc-lộ số 1 đi suốt các tỉnh từ Nam chí Bắc. Đường Xe-lửa Xuyên-Việt nối liền Hà-nội với Sài-gòn.

Nước ta có nhiều sông-ngòi và ở gần biển nên đường thủy cũng được thuận-tiện.

1. — **Nền thương-mãi trong nước.** — Dân ta nghèo, ít sắm-sửa nên nền thương-mãi không phát-đạt lắm. Ở thôn-quê việc mua bán hàng-hóa tập-trung ở các chợ. Dân quê ra chợ bán gạo, cá, cau, chuối, trái cây, sản-phẩm tiểu-công-nghệ và mua những vật-dụng hàng ngày.

Ở các thành-phố, việc buôn-bán có phần quan-trọng hơn, nhờ dân-cư đông-đảo.

2. — **Nền thương-mãi với nước ngoài.** — Nước ta bán cho nước ngoài, tức xuất-cảng, gạo, cao-su, bắp, hạt tiêu, cá khô, lông vịt.



Sở cao-su

Nước ta giao-thương nhiều với Pháp, Mỹ, Nhật, Đức, Hương-cảng và Tân-gia-ba.

Còn ta phải mua của ngoại-quốc, tức nhập-cảng, nhiều hàng-hóa như máy-móc, xe-hơi, thuốc-men, dầu hỏa, giấy, sữa...

Thương-cảng to nhất là Sài-gòn. Các thương-cảng khác là Đà-nẵng, Qui-nhon, Nha-trang.

Ở miền Bắc có thương-cảng Hải - phòng là quan-trọng nhất.

CÂU HỎI

- 1^o) Việc mua bán trong nước có phát-đạt không?
- 2^o) Nước ta xuất-cảng những thứ gì?
- 3^o) Nước ta nhập-cảng những thứ gì?

BÀI HỌC. — Dân ta còn nghèo nên việc buôn bán không phát-đạt lắm.

Nước ta xuất-cảng gạo, cao-su, hạt tiêu, cá khô, lông vịt.

Ta nhập-cảng máy-móc, thuốc-men, dầu hỏa, giấy, sữa.

Thương-cảng quan-trọng nhất là Sài-gòn.

I. ĐỊA-CHỈ CÁC TỈNH T.N.T.P. (1)

I. — TỈNH QUẢNG - TRỊ

1. — Địa-thề. — a) NÚI và ĐỒNG-BẰNG. — Diện-tích Quảng-trị đo được 4.100 ki-lô-mét vuông.

Đồng-bằng Quảng-trị hẹp vì bị kẹp giữa dãy *Sá-mùi* (một nhánh của dãy Trường-son) ở phía Tây và biển ở phía Đông.

Nhờ có đèo *Lao-báo* chỉ cao 400m nên việc giao-thông với Ai-lao được dễ-dàng.

Quảng-trị có nhiều thung-lũng ăn sâu vào miền núi, như *Ba-lòng*, *Cù*, *Cam-lộ*, *Nam-đông*.

b) BIỂN. — Bờ biển thấp, có đụn cát. *Cửa Tùng* và *Cửa Việt* là hai cửa biển bị cát bồi lấp, tàu-bè không ghé được nên người ta không nghĩ đến việc lập thành hải-cảng. Nhưng *Cửa Tùng* có một vị-trí đẹp, trước kia là một nơi nghỉ mát rất thích-hợp.

c) SÔNG-NGÔI. — Có hai sông lớn là *Sông Hiền-lương* và *Sông Thạch-hãn*.

Sông *Hiền-lương* (hay Sông Bến-hải) chảy ra *Cửa Tùng*.

Sông *Thạch-hãn* chảy qua tỉnh-lỵ rồi đổ ra *Cửa Việt*. Có hai chi-lưu là *Sông Hiền-giang* (hay Sông *Cam-lộ*) và *Sông Vinh-phước*.

Các sông nhỏ là *Sông Lương-diễn* và *Sông Vinh-định*. Sông *Vinh-định* là một sông đào trước kia nối liền Thừa-thiên với thị-xã *Quảng-trị*, nhưng nay nhiều đoạn bị cạn nên ghe đò không qua lại được.

2. — Dân-cư. — Dân-số Quảng-trị được 244.000 người, trong số ấy có 10.000 người Thượng (*Cà-lơ*).

Về phương-diện hành-chánh, Quảng-trị chia làm 7 quận: 1^o) Hải-lăng, — 2^o) Triệu-phong, — 3^o) Gio-linh, — 4^o) *Cam-lộ*, — 5^o) *Trung-lương*, — 6^o) *Hướng-hóa*, — 7^o) *Ba-lòng*.

(1) Tài-liệu trong tập này lấy ở Tòa Đại-biểu T.N.T.P. hoặc sưu-tám trong các quyền niên-giám của Viện Quốc-gia Thống-kê và quyển "Thống-kê Giáo-dục" của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Việc giáo-dục được mở-mang. Tổng-số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thục là 30.000 học-sinh.

3. — **Tài-nguyên.** — Đồng ruộng hai quận Hải-lăng và Triệu-phong tốt có tiếng. Còn như Gio-linh, Hướng-hóa đất đỏ phì-nhiều nên có nhiều đồn-diễn trồng cà-phê, chè, hạt tiêu, thom (dứa).



Rừng dương-liễu

Nông-sản của Quảng-trị (cà-phê, hạt tiêu, chè, khoai, thom, mít..) hàng ngày chở đên Huế bán rất nhiều.

Tiểu - công - nghệ kém phát-đạt. Có nghề đúc nồi, làm nón, làm quạt, làm giấy bồi, nung vôi hào, làm lò gạch, dệt vải, thao, lụa.

Thương-mãi tập-trung ở các chợ, như *Chợ Quảng trị, Chợ Đồng-hà, Chợ Cam-lộ, Chợ Sãi, Chợ Cầu.*

Đường Xe-lửa Xuyên-Việt và Quốc-lộ số 1 chạy ngang Quảng-trị. Ngoài ra, có Quốc-lộ số 9 thông với Ai-lao, đi từ Đồng-hà đến Sa-van-na-khet, ngang qua Cam-lộ, Khe-sanh, Lao-bào.

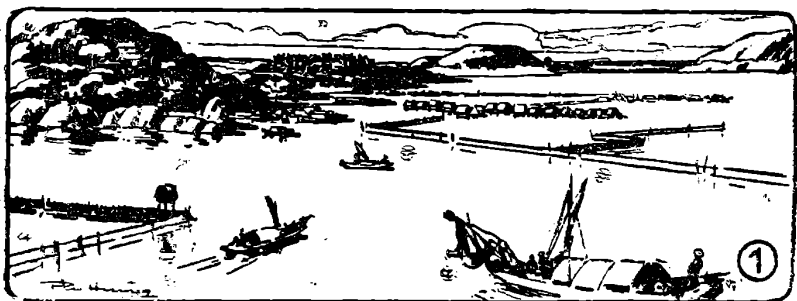
Ở Đồng-hà có sân máy bay.

Nhờ chương-trình cải-tiên nông-thôn, việc trang-bị trong tỉnh (xây chợ, đắp đường, đắp đập, đào sông...) được cải- tiến nhiều.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Về thắng-cảnh và cổ-tích thì có:

1^o) Nhà thờ Đức Mẹ La-vang, — 2^o) Tân-sở (đồn của Tôn-thất, Thuyết lập ở Cửa đê kháng-chiến với Pháp), — 3^o) *Ái-tử* (quận Triệu-phong), nơi Chúa Nguyễn đóng dinh lúc mới vào trấn Thuận-hóa, rồi sau lại dời đên làng Trà-bát cũng thuộc quận Triệu-phong.

II.— TỈNH THỪA-THIỆN



Đầm Cầu-hai.

1. — Địa-thê. — a) NÚI và ĐỒNG-BẰNG. — Diện-tích Thừa-thiên đo được 4.700 ki-lô-mét vuông.

Đồng-bằng Thừa-thiên chỉ là một khoảnh đất hẹp trải mình giữa dãy núi ở phía Tây và đầm, phá ở phía Đông. Càng đi vào phía Nam, đồng-bằng càng hẹp, vì dãy *Ái-vân*, một nhánh của Trường-sơn đâm thẳng ra biển. Vì núi ăn ra tận biển nên có các đèo: *Đá-bạc*, *Phước-cương*, *Phú-già* và *Hải-vân*.

Các núi danh-tiêng ở Thừa-thiên là: núi Thiên-thọ, núi Ngọc-trần, núi Kim-phụng, núi Túy-vân, núi Truối, núi Bạch-mã, núi Ngự-bình. Trừ núi *Bạch-Mã* cao 1410m, các núi khác đều thấp, nhưng có tiếng là danh-thắng của đất Thần-kinh.

b) BIỂN. — Bờ biển Thừa-thiên dài chừng 120km, thấp, toàn cát, lồi-lồi như lượn sóng. Phía trong có phá và đầm, như phá *Tam-giang*, đầm *Hà-trung*, đầm *Cầu-hai*, đầm *An-cư*.

Về phía Nam, núi chạy ra biển tạo nên một mũi đá, gọi là *Mũi May* (hay là *Mũi Chân-mây*).

Có ba cửa biển: Cửa *Thuận-an* (cách Huế 13km), Cửa *Tư-hiến* và Cửa *Kiêng*.

c) SÔNG-NGÔI. — Sông lớn nhất của Thừa-thiên là *Sông Hương*. Phát-nguyên từ nguồn Tả-trạch và Hữu-trạch, Sông Hương chảy ngang Huế rồi đổ ra Cửa Thuận-an. Có một chi-lưu quan-trọng là *Sông Bồ* (hay Sông Phú-ộc) chảy qua cánh đồng Quảng-diễn và Hương-trà và tưới nhuần cho cánh đồng ấy thêm phì-nhiều.

Ngoài ra còn có các sông đào, như Sông Lợi-nông (hay Sông An-cự), Sông Đông-ba, Sông Phú-bài.

2. — Dân-cư. — Dân-số Thừa-thiên được 450.000 người, trong số ấy có 15.000 người Thượng.

Về phương-diện hành-chánh, ngoài thành-phố Huế có hệ-thống hành-chánh riêng, Thừa-thiên chia làm 9 quận: 1^o) Hương-thủy, — 2^o) Hương-trà, — 3^o) Phú-vang, — 4^o) Quảng-diễn, — 5^o) Phong-diễn, — 6^o) Hương-diễn, — 7^o) Phú-lộc, — 8^o) Vinh-lộc, — 9^o) Nam-hòa.

Hai quận *Hương-thủy* (73.000 người) và *Hương-trà* (65.000 người) lớn nhất trong tỉnh.

Trong tỉnh có 90 xã, 80 xã Kinh và 10 xã Thượng.

Phần nhiều dân-chúng sống về nghề nông; một số sống về ngư-nghiệp và Thừa-thiên có nhiều sông-ngòi, đầm-phá và ven biển có nhiều cá.

Việc giáo-dục phát-triển mạnh từ 1955. Số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 80.000 học-sinh.

Nhờ chương-trình cải-tiến nông-thôn, như xây chợ, đắp đường, làm trường, đắp đập..., việc trang-bị hạ-tăng cơ-sơ được đẩy mạnh.

3. — Tài-nguyên. — Ngoài ruộng lúa, Thừa-thiên có tiếng về vườn-tược. Nhà nào cũng có vườn, to nhỏ tùy theo gia-tư. Trong vườn trồng cau, chuối, bưởi, thanh-trà, thơm, mít, dừa, chè.

Nhiều nơi có sản-vật có tiếng, như hạt sen Huế, cau Nam-phố, thuộc lá Phong-lai, quít Hương-cẩn, Mỹ-lợi, chè Truối, Tuấn, dừa Mỹ-á... Tôm cá đầm An-truyền, đầm Cầu-hai, sò-huyết Lăng-cô có tiếng ngon nhất.

Tiểu-công-nghệ có nhiều ngành: đồ đồng ở Phường-đúc, đồ gốm ở Phước-tích, đan thúng mùng ở Bao-la, đan gót ở Dạ-lê, dệt lụa và dũi ở Kim-long, Mỹ-lợi, làm đệm và bao lác ở Phò-trạch, chằm nón ở Phú-cam, Tiên-nộn, làm ruộc mắm ở Vinh-trị, Thái-dương, lò gạch ở Nam-thanh, Triều-son...

Về kỹ-nghệ, có xưởng vôi Long-thọ, lò nấu dầu trầm ở Hiến-sĩ, Nước-ngọt...

Về hầm mỏ, mới tìm được mỏ sắt ở Đồng-hên và Hòa-mỹ, nhưng chưa được khai-thác.

Các chợ quan-trọng là: Chợ Đông-ba và chợ An-cự ở Huế, chợ Sịa, chợ Hương-cẩn, chợ Bao-vinh, chợ Dương-nỗ, chợ Tân-mỹ, chợ Truối, chợ Cầu-hai, chợ Mỹ-lợi...

Từ các chợ xa đến thành-phố, sự giao-thông bằng đường bộ (xe-hơi) và đường thủy (đò dọc hay thuyền máy) đều được thuận-lợi.

Ngoài khoảng đường Xe-lửa Xuyên-Việt, có Quốc lộ số 1 đi ngang địa-phận Thừa-thiên dài 104 km.

Trong tỉnh có sân bay Phú-bài cách Huế 13km.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Thừa-thiên là chôn Đê-dô nên còn lưu lại nhiều vết-tích lịch-sử. Các cung-điện trong Đại-Nội (Điện Thái-hòa, Cung Diên-thọ....) và các lăng-tẩm (lăng Gia-Long, lăng Minh-Mạng, lăng Tự-Đức, lăng Khải-Định) là những công-trình kiến-trúc vĩ-dại làm nổi danh cho văn-hóa nước-nhà.

Thừa-thiên còn nhiều danh-lam thắng-cảnh khác: Chùa Linh-mụ, Chùa Bảo-quốc, Văn-miếu, Hồ-quyển, Đền Nam-giao, đền Ngọc-trân (điện Hòn-Chén), Chùa Túy-vân, Suối nước nóng Thanh-tân.

Thuận-an, Cảnh-dương và Lăng-cô là những bãi bẻ mùa hè rất đông du-khách đến tắm biển và nghỉ mát. Bạch-mã trên đỉnh núi cách Huế 50km, cũng là một nơi nghỉ mát rất thích-hợp.

* * *

III. — THÀNH-PHỐ HUẾ

1. — **Địa-thê.** — Diện-tích thành-phố Huế hơn 12 ki-lô-mét vuông. Huế cách Sài-gòn 1.080km và cách Hà-nội 680km.

Từ các nơi xa muốn đến Huế, đường bộ có Quốc-lộ số 1 và đường Xe-lửa Xuyên-Việt, còn đường hàng-không có sân bay Phú-bài.

Sông Hương-giang chảy ngang Huế chia thành-phố ra làm hai vùng: phía Tả-ngạn là Thành-nội và là khu-vực thương-mãi; phía Hữu-ngạn là khu-vực hành-chánh.

Ở trung-tâm thành-phố có hai cồn lớn nổi lên giữa Sông Hương: Cồn Giã-viên và Cồn Hến. Núi Ngự-bình, với hình bình-phong, cùng với Sông Hương tô-điểm cho cảnh-trí Huế thêm đẹp-đẽ.

Ngoài Sông Hương, Huế có hai sông đào là Sông An-cựu và Sông Đông-ba. Nhiều cầu bắc qua các sông, lớn nhất là Cầu Nguyễn-Hoàng (hay Cầu Tràng-tiền), Cầu Giã-viên, Cầu Đông-ba, Cầu Gia-hội, Cầu An-cựu.



Cầu Trùng-tiên

2. — Dân-cư. — Dân-số Huế được 97.000 người. Số ngoại-kiểu là 200 người.

Về phương-diện hành-chánh, thành-phố Huế chia làm 3 quận Cảnh-sát kiêm hành-chánh: quận *Hữu-ngạn*, quận *Tả-ngạn*, quận *Thành-nội*. Trong thành-phố có 31 phường và 10 vạn đồ.

Thành-phố Huế do Thị-trưởng cầm đầu. Thị-trưởng vừa kiêm chức Tỉnh-trưởng Thừa-thiên. Thị-trưởng có một Tổng-Thư-ký phụ-tá. Mỗi quận có một Quận-trưởng Cảnh-sát điều-khiển.

Một Hội-đồng Thành-phố do Thị-trưởng chủ-tọa giúp ý-kiến trong việc quản-trị thành-phố.

Huế dưới triều Nguyễn là kinh-đô của Việt-Nam nên rất phồn-thịnh; nay chỉ còn là một *trung-tâm hành-chánh* gồm các cơ-quan thanh-tra thuộc Trung-nguyên Trung-phần: các Nha Đại-diện các Bộ, các Trường-khu chuyên-môn, như Trường-khu Công-chánh, Trường-khu Mực-súc...

Huế có Viện Đại-học gồm có các phân-khoa Đại-học và các trường Cao-đẳng chuyên-môn.

3. — **Tài-nguyên.** — Huế có nhà máy điện, nhà máy nước, có các xưởng cưa, xưởng đúc gạch hoa, xưởng chế nước giải khát...



Tháp Linh-Mụ

Về tiểu - công-nghệ, có nghề làm nón lá, làm guốc, làm hương, làm xà-phòng, nghề chạm đồ ngà, nghề cưa xa-cừ.

Các Chợ *Đông-ba*, *An-cựu* và *Bến-ngự* là trung-tâm của ba khu-vực thương-mại trong thành-phố, đông-đức nhất là khu-vực *Đông-ba*, *Gia-hội*.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Huế là một thành-phố có tính-cách *du-lịch* và *văn-hóa* hơn là *thương-mãi*.

Khách *du-lịch* hằng năm đến viếng Huế rất đông để xem các *thắng-cảnh* và *cổ-tích*, như *Đại-Nội*, *Cửa Ngạc-Môn* và các cung điện, Viện *Bảo-tàng*, Công-trường *Phu-vân-lâu*, hồ *Tịnh-tâm*, Chùa *Điệu-đề*...

* * *

IV. — THÀNH-PHỐ ĐÀ-NẴNG

1. — **Địa-thê.** — Đà-nẵng là một hải-cảng nằm trong địa-phận Quảng-nam về phía Bắc, diện-tích được 7 ki-lô-mét vuông. Đà-nẵng cách Huế 110km và cách Sài-gòn 970km.

Từ nơi xa muốn đến Đà-nẵng, ngoài đường thủy, đường bộ có Quốc-lộ số 1 và đường Xe-lửa Xuyên-Việt; còn đường hàng-không, có sân bay Đà-nẵng.

Thiết-lập trên bờ một vịnh nhỏ, nhờ có bán-đảo *Sơn-trà* (cao 693m) đâm thẳng ra biển che như một bức tường, Đà-nẵng được kín gió nên tàu-bè ghé đậu rất tiện. Bán-đảo *Sơn-trà* là một nhánh của dãy *Ái-vân* chìa ra biển. Nhưng bề Đà-nẵng thường bị cát bồi nên tàu lớn không cập bến được, phải đậu ngoài xa rồi chuyển hàng-hóa sang thuyền nhỏ.

Có *Sông Hạng* bắt nguồn từ dãy *Trường-sơn* chảy ngang Đà-nẵng.

Đà-nẵng là một bãi cát khô-khan. Nhà-cửa, phố-xá choán một phần lớn diện-tích, đất còn lại chỉ trồng được cây *đương-liệu* mà thôi.

2. — Dân-số. — Dân-số Đà-nẵng được 97.600 người.

Phần nhiều dân-cư sống về thương-mãi, công-nghệ và ngư-nghiệp.

Về phương-diện hành-chánh, thành-phố Đà-nẵng chia làm nhiều khu phố. Thành-phố do một Thị-trưởng cầm đầu. Thị-trưởng có Tổng-Thư-ký phụ-tá. Dưới quyền kiểm-soát của Thị-trưởng có các Ty chuyên-môn (như Ty Tiểu-học-vụ, Ty Y-tê, Ty Cảnh-sát, Ty Công-an, Ty Thông-tin...) do các Ty-trưởng điều-khiển.

Một Hội-đồng Thành-phố do Thị-trưởng chủ-tọa giúp ý-kiến trong việc quản-trị thành-phố.

Về phương-diện kỹ-thuật, Đà-nẵng có một Giám-độc Hải-cảng trực-thuộc Bộ Công-chánh.

Đà-nẵng lại có một Phòng Thương-mãi do các thương-gia và công-kỹ-nghệ-gia bầu ra để đại-diện cho các ngành kinh-tê trong khu-vực.

3. — Tài-nguyên. — Đà-nẵng là một hải-cảng thu hút sản-vật của miền Trị-Thiên và Nam-Ngãi nên buôn-bán khá thịnh-vượng. Đà-nẵng là thương-cảng thứ nhì của Việt-Nam Cộng-hòa sau Đô-thành Sài-gòn.

Đà-nẵng xuất-cảng quế, than đá, bắp, lông vịt và nhập-cảng gạo, xi-măng, vải, dầu-hỏa.

Tiểu-công-nghệ có nghề dệt vải, làm hương, làm xà-phòng, làm nước mắm.

Về kỹ-nghệ, có xưởng dệt vải lớn và trường Trung-học Kỹ-thuật đào-tạo hạng đốc-công.

Chợ Hàng, Chợ Mới, Chợ Cồn là những chợ lớn nhất trong thành-phố, buôn-bán tập-nập.

4. — Danh-lam-thắng-cảnh. — Về danh-lam thắng-cảnh, Đà-nẵng có : *Cổ-viện Chàm*, *Bãi biển Mỹ-khe*.

* * *

V. — TỈNH QUẢNG-NAM

1. — Địa-thê. — Tỉnh Quảng-nam nằm giữa Thừa-thiên và Quảng-tín. Diện-tích Quảng-nam đo được 7.440 ki-lô-mét vuông.

Dãy Trường-sơn chạy dọc theo bờ biển đền núi Ai-vân thì bắt đầu trái mình về phía Tây tạo thành những cao-nguyên rộng (Kontum, Pleiku, Đạc-lắc...).

Quảng-nam có nhiều núi: núi Ba-nà cao 1460m (trước kia là chỗ nghỉ mát rất tốt), núi Chùa Mỹ-sơn (cao 1380m). Các núi thấp như Ngũ-hành-sơn (gần Đà-nẵng), núi Trà-kiệu.

Đồng-bằng Quảng-nam tương-đời rộng và dọc các bờ sông, ăn sâu vào miền núi, có những khoảnh đất bồi-sa tốt, như miền Quế-sơn, Đại-lộc.

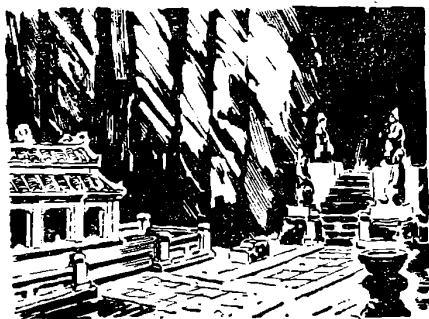
Bờ biển thấp, có nhiều đụn cát. Ngoài khơi có *Cù-lao Chàm*.

Sông lớn nhất trong tỉnh là *Sông Cái* nhận nước của hai sông nhánh là Sông Thu-bồn và Sông Vũ-gia. Các sông khác là Sông Thủy-tú, Sông Vĩnh-điện.

2. — Dân-cư. — Dân-số Quảng-nam được 580.000 người.

Thị-xã *Hội-an* là tỉnh-lỵ với một dân-số 20.000 người.

Về phương-diện hành-chánh, Quảng-nam chia làm 7 quận :



1^o) Hòa-vang, — 2^o) Điện-bàn, — 3^o) Duy-xuyên, — 4^o) Đại-lộc, — 5^o) Quế-sơn, — 6^o) Hiếu-đức, — 7^o) Thường-đức.

Quận *Điện-bàn* (160.000 người), quận *Quế-sơn* (110.000 người) và quận *Hòa-vang* (95.000 người) là ba quận lớn nhất trong tỉnh.

Trong tỉnh có 145 xã.

Ngũ-hành-sơn (Quảng-nam)

Dân-cư tập-trung rất đông ở đồng-bằng, còn miền thượng-du thì thưa-thớt. Cũng như các nơi khác, dân-cư sống về nghề nông; một số ít sống về công-nghệ và ngư-nghiệp.

Việc giáo-dục được phát-triển mạnh từ 1957. Tổng-số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 64.000 học-sinh.

3.— Tài-nguyên. — Quảng-nam có nhiều sản-vật, như quế, chè, bông vải, tơ-tằm, yến-sào, nam-trân (trái lòn-bon), sắn gỗ.

TỈNH QUẢNG-NAM

Tỷ lệ: 1/1.000.000

Thừa-Thiên

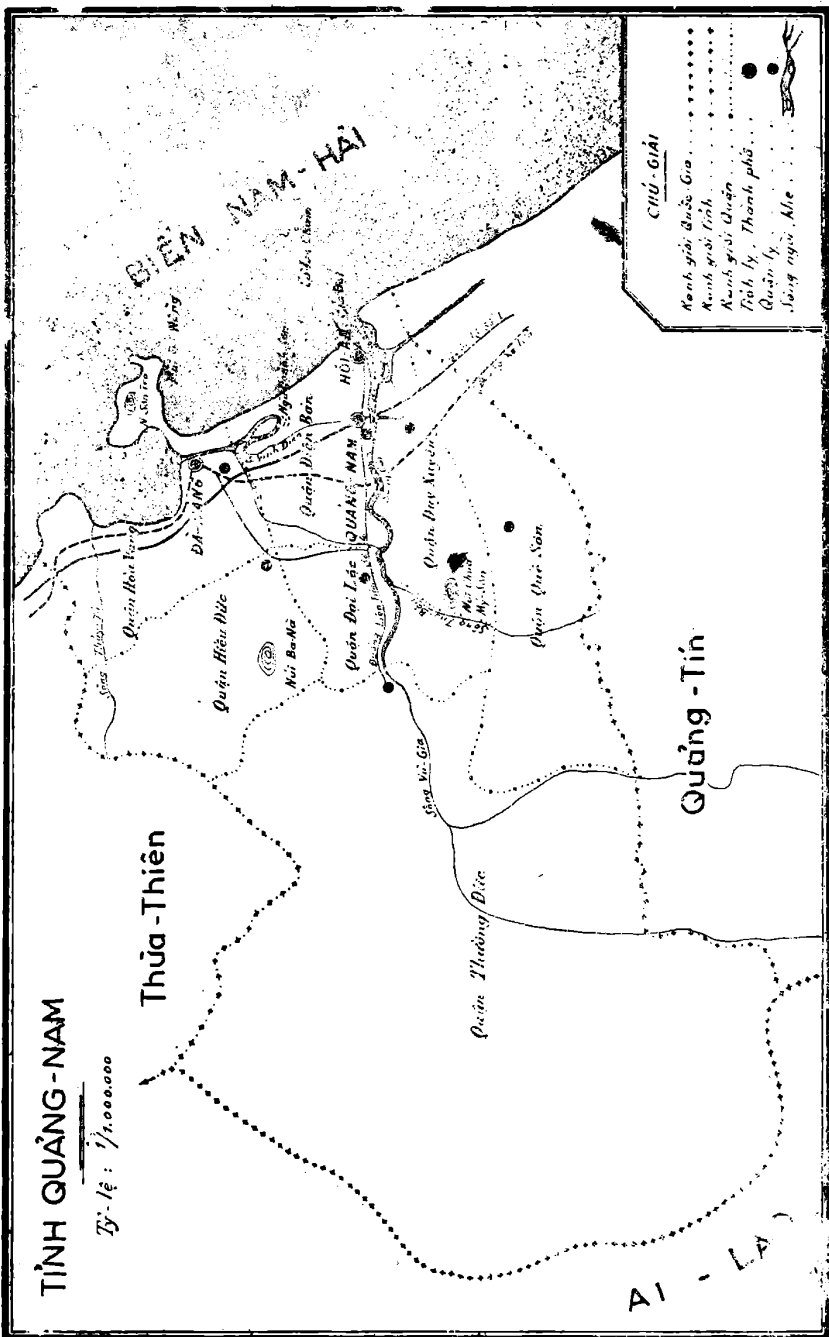
Quảng-Tín

AI-LA

BIỂN NAM-HẢI

CHÚ- GIẢI

- Ranh giới Quốc Gia
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Tỉnh lỵ, Thành phố
- Quận lỵ
- Sông ngòi, Mê



Tiểu-công-nghệ phát-đạt hơn các tỉnh khác: có nghề dệt chiếu, làm đường, làm nước mắm, có nhiều xưởng dệt vải, dệt lụa, lãnh, có nhiều lò gạch.

Quảng-nam có mỏ than-đá ở *Nông-sơn* và *Hà-nha* (Đại-lộc). Hiện Sở mỏ *Nông-sơn* đang hoạt-động mạnh để cung cấp than-đá cho nhu-cầu kỹ-nghệ trong nước.

Một khu kỹ-nghệ sắp được thiết-lập tại *An-hòa*, gần *Nông-sơn* gồm nhiều xưởng máy chế phân bón hóa-học, đèn các-bua, v.v...

Đá cẩm-thạch ở *Ngũ-hành-sơn* có gân và màu rất đẹp dùng để tạc những tượng nhỏ.

Thương-mãi tập-trung vào thị-xã *Hội-an* và các chợ lớn ở các quận-ly.

Nhờ chương-trình cải-tiến nông-thôn, việc trang-bị trong tỉnh (xây chợ, làm trường, lập bệnh-xá, đắp đường, đắp đập, đào sông...) được xúc-tiến mạnh.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Về danh-lam thắng-cảnh, Quảng-nam có: *Ngũ-hành-sơn* (tức Chùa Non-nước) với những động và chùa rất đẹp; — nhiều cổ-tích ở *Hội-an* như *Chùa-Cầu*, *Chùa Bà-Mụ*, — *Tháp Chàm* ở *Mỹ-sơn* và *Trà-kiệu*.

Gần *Hội-an* có *Cửa Đại* là một bãi biển rất tốt.

* * *

VI. — TỈNH QUẢNG-TÍN

I. — **Địa-thê.** — Tỉnh Quảng-tín nằm giữa Quảng-nam và Quảng-ngãi nguyên trước thuộc địa-phận Quảng-nam, từ năm 1962 được biệt-lập thành một tỉnh riêng. Diện-tích đo được 4.960 ki-lô-mét vuông.

Phía Đông, bờ biển thấp, có nhiều đụn cát. Đầm *Trường-giang* chạy dọc theo bờ biển từ *Cửa Đại* đến mũi *An-hòa*.

Đồng-bằng *Thăng-bình* và *Tam-kỳ* tương-đối rộng trải mình dọc theo *Trường-giang*. Ngoài hai đồng-bằng ấy, địa-thê gồm toàn núi-non, nhất là phía Tây giáp Ai-lao và Kontum có nhiều dãy núi cao.

Sông lớn nhất là thượng-lưu *Sông Thu-bồn* và *Sông Tam-kỳ*.

TỈNH QUẢNG-TÍN

Tỷ lệ : 1/1.000.000

BIỂN NAM-HẢI

Quảng-Nam

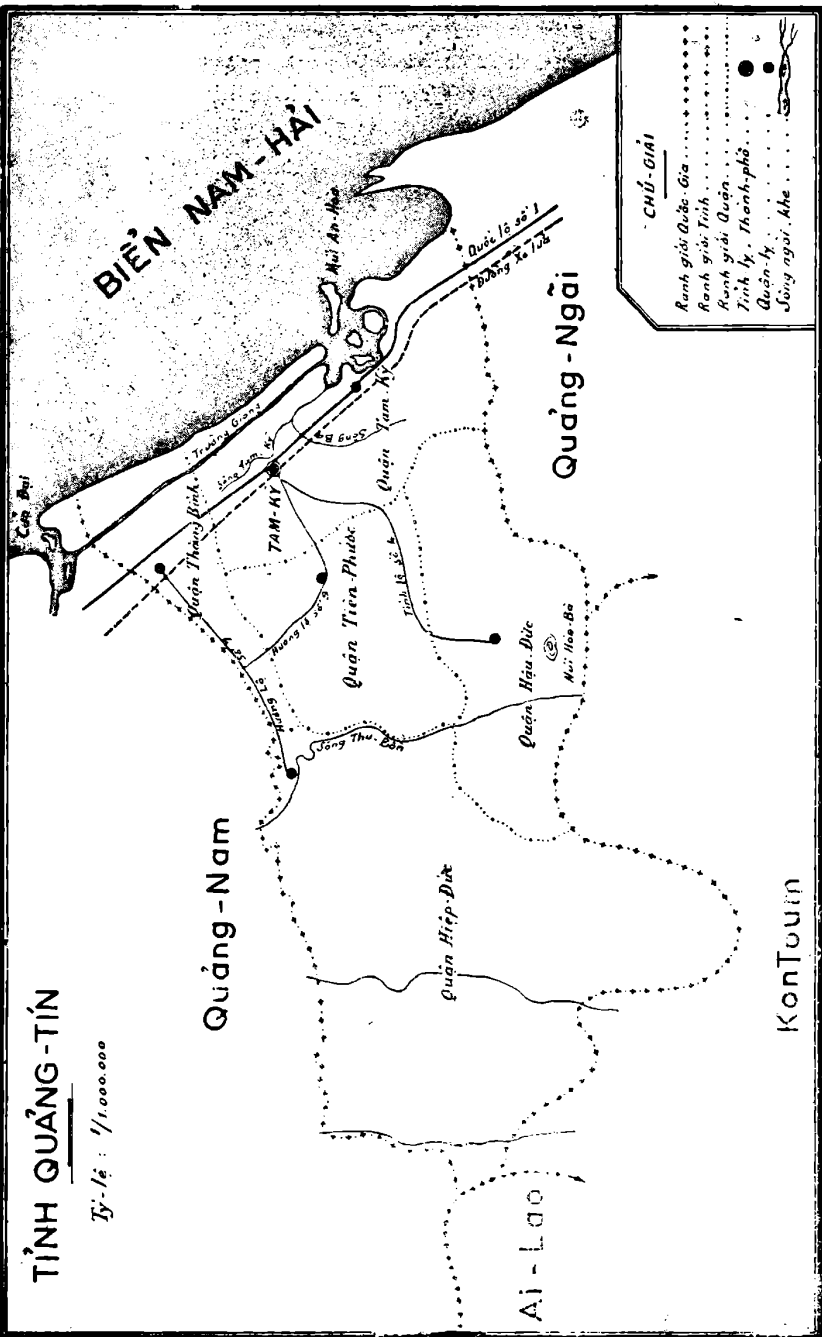
Quảng-Ngãi

AI-LAO

KONTUM

CHÚ-GIẢI

- Ranh giới Quốc-Gia
- Ranh giới Tỉnh
- Ranh giới Quận
- Tỉnh lỵ, Thành-phố
- Quận lỵ
- Sông ngòi, Khe



2. — Dân-cư. — Dân-số Quảng-tín được 390.000 người. Tỉnh-ly đóng tại thị-xã *Tam-kỳ*.

Về phương-diện hành-chánh, Quảng-tín chia làm 5 quận:

- 1º) Thăng-bình,
- 2º) Tam-kỳ,
- 3º) Tiên-phước,
- 4º) Hậu-đức,
- 5º) Hiệp-đức.

Quận *Tam-kỳ* (161.000 người) và quận *Thăng-bình* (126.000 người) là hai quận lớn và đông dân-cư nhất. Hai quận *Hậu-đức* và *Hiệp-đức* mới thiết-lập ở miền thượng-du và dân-cư đa-số là đồng-bào Thượng.

Trong tỉnh có 88 xã.

Dân-cư tập-trung rất đông ở đồng-bằng, còn miền núi thì thưa-thớt. Cũng như các nơi khác, phần đông dân-chúng sống về nghề nông; một số ít sống về công-nghệ và ngư-nghiệp.

Về đường giao-thông, ngoài *Quốc-lộ số 1* và đường *Xe-lửa Xuyên-Việt* nối Quảng-tín với các tỉnh khác, trong tỉnh có nhiều đường cái nối tỉnh-ly với các quận-ly, quan-trọng nhất là *tỉnh-lộ số 4* nối Tam-kỳ với Hậu-đức và *hương-lộ số 9* nối Tam-kỳ với Tiên-phước. Gần Tam-kỳ có sân bay.

Việc giáo-dục được phát-triển mạnh từ 1957. Tổng-số học-sinh các trường trung, tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 16.000 học-sinh.

3. — Tài-nguyên. — Quảng-tín có nhiều sản-vật, như quế (*Tiên-phước*, *Trà-my*, *Thăng-bình*), chè (*Đức-phú*, *Tam-kỳ*), sản gỗ (gỗ, dổi, chò).

Ngành tiểu-công-nghệ cũng được phát-đạt : dệt vải *Cita*, lò gạch ngói (*Kỳ-hưng*), lò vôi (*Tam-kỳ*), dệt chiếu (*Thạch-tân*, *Bình-nam*, *Thăng-bình*).

Quảng-tín có nhiều hầm mỏ, như mỏ vàng *Bông-miêu* (*Xã Kỳ-son*, *Tam-kỳ*), mỏ kẽm *Đức-bô* (*Xã Kỳ-chánh*, *Tam-kỳ*)...

Thương-mãi tập-trung vào thị-xã *Tam-kỳ* và các chợ lớn ở quận-ly.

Nhờ chương-trình cải-tiến nông-thôn, việc trang-bị trong tỉnh (xây chợ, làm trường, lập bệnh-xá, đắp đường, đắp đập, đào sông...) được xúc-tiến mạnh-mẽ.

4. — Danh-lam thắng-cảnh. — Trong tỉnh, có những nơi sau đây được nổi tiếng :

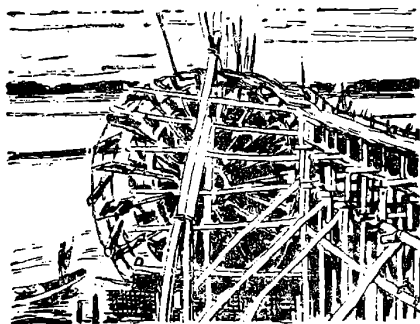
*Tháp-Chàm Chiên-dân (Kỳ-lý);
Tháp-Chàm Đồng-dương (Thăng-bình);
Núi Ngọc-sơn (Thăng-bình);
Suối Nước nóng và Thác Nu.*

*
* *
*

VII.— TỈNH QUẢNG-NGÃI

1. — **Địa-thê.** — Tỉnh Quảng-ngãi hình chữ nhật diện-tích đo được 4.100 ki-lô-mét vuông.

Dãy Trường-sơn chạy dọc từ Bắc chí Nam, về phía Tây mở rộng thành cao-nguyên Kontum.



Xe-nước ở Quảng-ngãi

tương-đối rộng và dọc các bờ sông có những làng-mạc ở sâu vào miền núi.

Sông-ngòi gồm có: Sông Trà-bồng, — Sông Trà-khúc, có sông nhánh là Sông Vệ, — Sông Trà-câu.

2. — **Dân-cư.** — Dân-cư Quảng-ngãi được 688.000 người, trong số ấy có 45.000 đồng-bào Thượng.

Về phương-diện hành-chánh, Quảng-ngãi chia làm 12 quận: 1^o) Bình-sơn, — 2^o) Sơn-tĩnh, — 3^o) Tư-nghĩa, — 4^o) Mộ-đức, — 5^o) Đức-phổ, — 6^o) Nghĩa-hành là những quận ở trung-châu, đông dân-cư, — 7^o) Ba-tơ, — 8^o) Sơn-hà, — 9^o) Minh-long, — 10^o) Trà-bông, — 11^o) Chương-nghĩa, là những quận thượng-du, dân-cư thưa-thớt, — 12^o) Lý-sơn (tức Cù-lao Rê).

Trong tỉnh có nhiều núi: núi Thiên-ân, núi Thiên-bút gần thị-xã Quảng-ngãi, núi Kỳ-lân, núi Đầu-trượng, núi Tai-mèo, núi Phụng-hoàng.

Bờ biển thấp, ở phía Bắc có mũi Ba-làng-an (hay Tân-an), ngoài khơi có đảo Lý-sơn (hay Cù-lao Rê).

Đồng-bằng Quảng-ngãi gò trên cao-nguyên Kontum

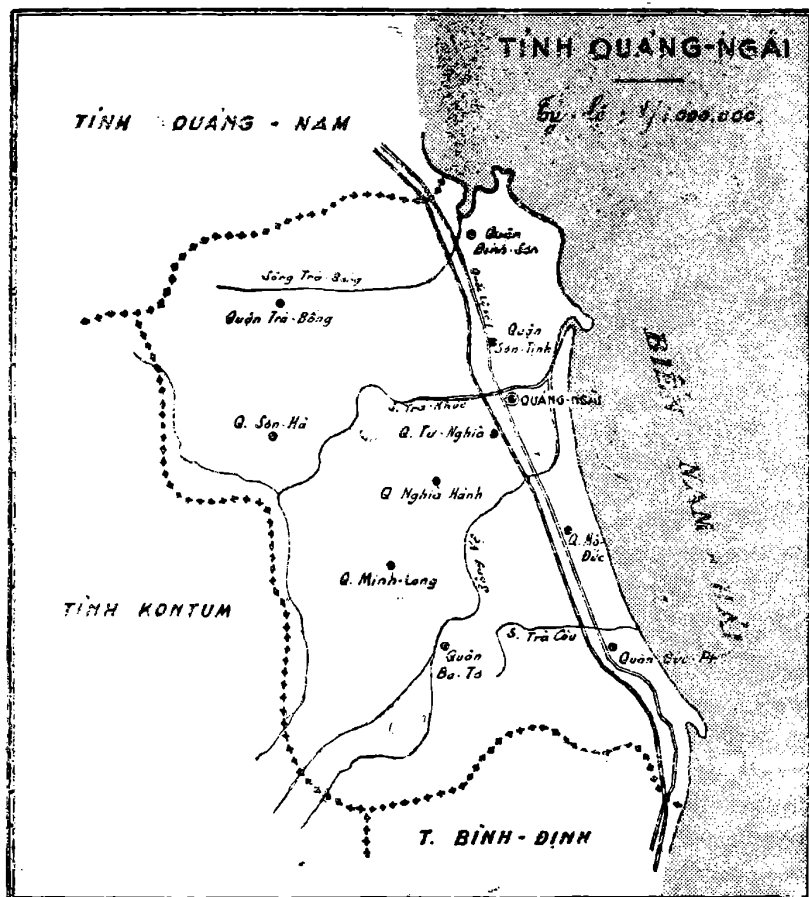
Sơn-tĩnh (134.000 người) và **Bình-sơn** (112.000 người) là hai quận lớn nhất trong tỉnh.

Trong tỉnh có 143 xã.

Dân-cư sống đông-đúc ở đồng-bằng, chuyên về nghề nông, chỉ một số ít sống nhờ công-nghệ và ngư-nghiệp.

Việc giáo-dục phát-triển mạnh từ 1956. Tổng-số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 50.000 học-sinh.

3. — **Tài-nguyên.** — Quảng-ngãi có tiếng là tỉnh sản-xuất nhiều đường. Các sản-vật khác là đậu phụng, quế, mè, bắp, thuốc lá.



Hiện đang xây-dựng một nhà máy làm đường tôi-tân.

Nhờ hệ-thống xe-nước, một số ruộng trong tỉnh làm được hai mùa, khỏi sợ đại-hạn.

Tại Sa-huỳnh có sở muối.

Tiểu-công-nghệ có nghề nấu đường, làm kẹo mạch-nha, kẹo gương, nghề dệt chiếu, nghề làm đồ gốm...

Ở thị-xã Quảng-ngãi, các quận-lỵ, Chợ Sa-huỳnh, Chợ Sông Vệ... buôn-bán tập-nập hơn các nơi khác.

Quốc-lộ số 1 và đường Xe-lửa Xuyên-Việt nối liền Quảng-ngãi với các tỉnh lân-cận. Gần thị-xã có một sân bay.

Nhờ chương-trình kiến-thiết xúc-tiến mấy năm nay (như xây chợ, làm trường, lập bệnh-xá, đắp đường, đắp đập, đào sông...), việc trang-bị nông-thôn được cải-tiến nhiều.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Về danh-lam thắng-cảnh thì có: *Thiên-ân*, với ngôi chùa danh-tiêng, — *Thiên-bút*, — Chùa *Hải-nam*, — Nhà-thờ *Phú-hòa*.

Sa-huỳnh và *Tịnh-Khe* là hai bãi biển nghỉ mát rất tốt.

* * *

VIII. — TỈNH BÌNH-ĐỊNH

1. — **Địa-thề.** — Bình-định là một tỉnh lớn, diện-tích đo được 6.100 ki-lô-mét vuông.

Dãy Trường-sơn mở rộng về phía Tây thành cao-nguyên Kontum và Pleiku. Từ Bình-định lên xuống miền cao-nguyên được dễ-dàng nhờ có đèo An-khe chỉ cao 470m mà thôi.

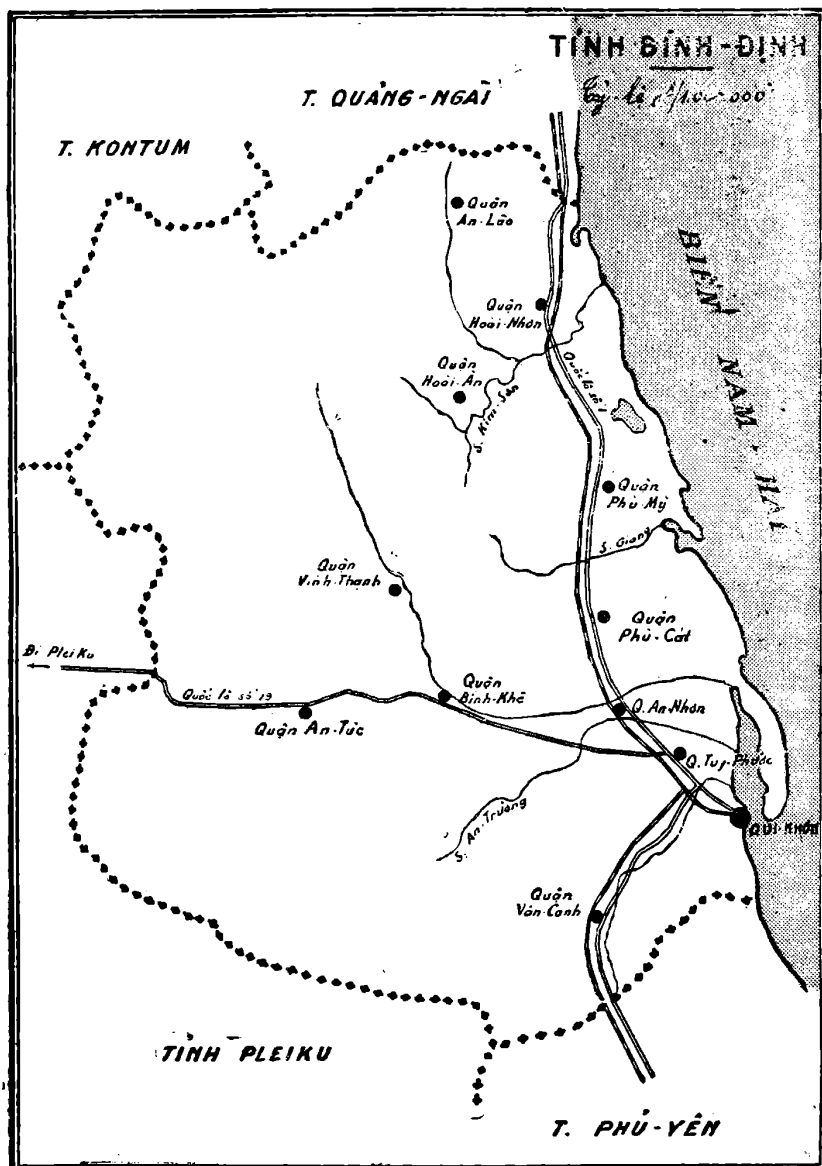
Trong tỉnh có những núi: núi An-hội, núi Chóp-chài, núi Tháp-tre, núi Bà, núi Kim-sơn.

Bờ biển thấp, có Vịnh Qui-nhon và cửa bể Tam-quan và Đê-gi.

Đồng-bằng Bình-định rộng, ăn sâu vào miền núi, như cánh đồng An-nhon, Bình-khe. Đất tốt nhất là vùng Phú-mỹ, Hoài-nhon.

Các sông lớn là Sông Kim-sơn, Sông Giang, Sông Kon, Sông An-trường.

2.— Dân-cư. — Dân-số Bình-định được 845.000 người, kể cả thị-xã Qui-nhon (26.000 người) là tỉnh-ly.



Qui-nhon cách Huế 400km và cách Sài-gòn 680km.

Về phương-diện hành-chánh, Bình-định chia làm 11 *quận*: 1^o) Hoài-nhon, — 2^o) Tuy-phước, — 3^o) An-nhon, — 4^o) Phú-mỹ, — 5^o) Phú-cát, — 6^o) Bình-khê — 7^o) Vân-cảnh, — 8^o) Hoài-ân, — 9^o) Vinh-thạnh, — 10^o) An-lão, — 11^o) An-túc.

Quận *Hoài-nhon* (147.000 người) và quận *Tuy-phước* (132.000 người) là hai quận lớn nhất trong tỉnh.

Trong tỉnh có 134 xã.

Cũng như các nơi khác, phần đông dân-cư sống về nghề nông; một số ít sống về công-nghệ và ngư-nghiệp.

Việc giáo-dục được khuếch-trương từ 1957. Số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 75.000 học-sinh. Tại Qui-nhon có Trường trung-học Kỹ-thuật và Trường Quốc-gia Sư-phạm.

3. — *Tài-nguyên*. — Sản-phẩm đặc-biệt của Bình-định, nhất là vùng *Bồng-sơn* và *Tam-quan* là dừa và các thứ biến-chế, như dầu dừa, dầy dừa, nệm dừa.



Có nhiều sản-vật khác, như hạt tiêu, xoài, tơ lụa (Phú-phong), bông vải, đậu xanh, yến-sào.

Vườn dừa

Tiểu-công-nghệ gồm có nhiều ngành: nón Gò-găng, bún song-thần, bột-báng, đồ gốm, lò gạch, nghề dệt.

Nón Gò-găng và các sản-phẩm về dừa bán khắp nơi trong nước.

Bình-định lại có nhiều ruộng muối.

Qui-nhon là một hải-cảng có tương-lai vững-vàng nhờ ở miền Cao-nguyên đang thời-kỳ phát-triển làm hậu-trường kinh-tế.

Bồng-sơn và Tam-quan là hai thị-trần quan-trọng ở phía Bắc.

Ngoài Quốc-lộ số 1 và các tỉnh-lộ, Bình-định có Quốc-lộ số 19 nối liền Qui-nhon với Kontum qua đèo An-khê. Đường Xe-lửa Xuyên-Việt chạy ngang Bình-định và tại Qui-nhon có một sân bay.

Nhờ chương - trình cải - tiến nông - thôn, việc trang-bị các xã (xây chợ, làm trường, lập bệnh - xá, đắp đập, đắp đường, đào sông...) được xúc - tiến mạnh.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.**— Về danh-lam thắng-cảnh thì có : *Suối Tiền, Suối Trầu, Tháp-Chàm, Chùa Xuân-cảnh ở xã Mỹ-hòa, làng Võ Tánh.*

* * *

IX. — TỈNH PHÚ-YÊN

1. — **Địa-thề.** — Diện-tích Phú-yên đo được 3.700 ki-lô-mét vuông.

Phú-yên đóng khung giữa đèo Cù-mông ở phía Bắc, dãy Đại-lãnh với Đèo Cả (cao 400m) ở phía Nam, Cao-nguyên Đặc-lắc ở phía Tây và biển ở phía Đông. Một đồng-bằng rộng trải mình giữa khung ấy, ba mặt có núi bao bọc.

Các ngọn núi danh-tiêng là : núi Đá-bia, núi Nhạn. Núi Đá-bia cao độ 780m ở gần con đường Ninh-hòa đi Tuy-hòa.

Dãy Trường-sơn với đèo Cù-mông và Đèo Cả đâm ngang ra biển làm bờ biển khúc-khủy, lồi-lõm : có vũng Sông-cầu, mũi Cù-mông, mũi Nạy.

Sông-ngòi gồm có : Sông Hà-bương, Sông Ba. Quan-trọng nhất là *Sông Ba* (cũng gọi là *Sông Đa-rang*) bắt nguồn từ cao-nguyên Kontum và tiếp nước của hai phụ-lưu Đà-ayun và Krong-Huang. Sông Ba bốn tưới cho đồng-bằng Tuy-hòa thêm tươi tốt.

2. — **Dân-cư.** — Dân số Phú-yên được 333.000 người.

Về phương-diện hành-chánh, Phú-yên chia làm 6 quận: 1º) Tuy-hòa, — 2º) Tuy-an, — 3º) Đồng-xuân, — 4º) Sông-cầu, — 5º) Sơn-hòa, — 6º) Phú-đức.

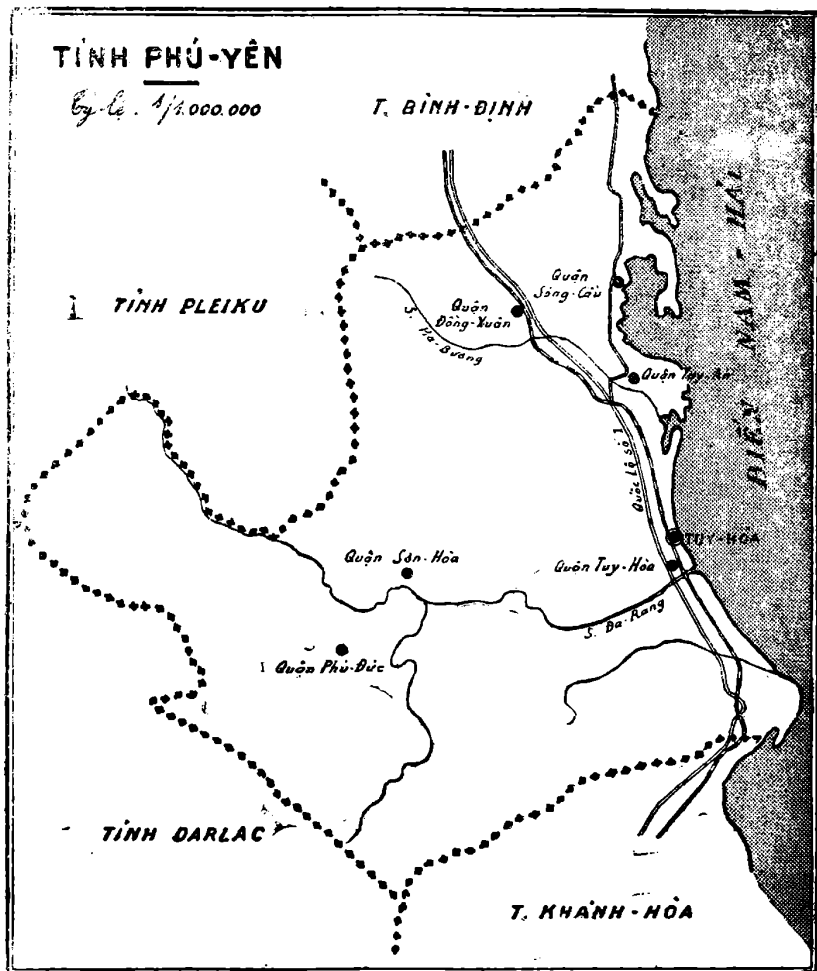
Quận *Tuy-hòa* với dân-số 143.000 người, lớn nhất trong tỉnh.

Trong tỉnh có 48 xã.

Tỉnh-lỵ đóng tại thị-xã *Tuy-hòa* (dân-số 16.000 người). Sau Tuy-hòa, *Sông-cầu*, tỉnh-lỵ cũ của Phú-yên, cũng là một thị-trấn quan-trọng.

Dân-cư sống dễ-dàng về nghề nông trên một đồng-bằng phì-nhiều; một số ít sống về công-nghệ và ngư-nghiệp.

Việc giáo-dục được mở-mang. Số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 40.000 học-sinh.



3. — **Tài-nguyên.** — Phú-yên là một tỉnh giàu sản-phẩm. Sản-phẩm chính là lúa và đường.

Nhờ có đập **Đồng-cam** xây trên Sông Ba mà mấy vạn mẫu ruộng của quận **Tuy-hòa** được tưới nhuận và thâu nhiều hoa-lợi.

Có nhiều sản-phẩm khác như dầu dừa, thuốc lá, gỗ tốt (sao, kiền-kiền, trắc), bông vải, tơ tằm, xoài, cây gai (đay), cây gió (vật-liệu làm giấy). Xoài **Đá-trắng** có tiếng là xoài ngon nhất.



Đập Đồng-cam

Ngành chăn-nuôi cũng phát-đạt. Sô bò và ngựa nuôi cũng nhiều.

Tiểu-công-nghệ có: nghề dệt lanh, lụa, xuyến, nghề làm đường, làm nước mắm, ép dầu dừa.

Tại các chợ Tuy-hòa, Sông-cầu, Tuy-an, Đồng-xuân, buôn bán được phát-đạt.

Ngoài khoảng đường Xe-lửa Xuyên-Việt và Quốc-lộ số 1 chạy ngang Phú-yên, trong tỉnh có nhiều tỉnh-lộ nối liền Tuy-hòa với các quận. Có con đường liên-tỉnh chạy song-song với Sông Ba cho đến đồng-bằng Cheo-reo nối liền Tuy-hòa với Ban-mê-thuot, Pleiku, Kontum.

Nhờ chương-trình cải-tiến nông-thôn (xây chợ, làm trường, lập bệnh-xá, đắp đường, đắp đập...), việc trang-bị trong tỉnh được xúc-tiến mạnh.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Về danh-lam thắng-cảnh thì có: Lăng chí-sĩ *Lương công Chánh*, — Chùa *Hang-dơi* ở xã Hòa-kiển, — *Tháp-Chàm* trên chóp núi Nhận gần Tuy-hòa, — *Thành-Hổ* ở xã Hòa-dinh.

* * *

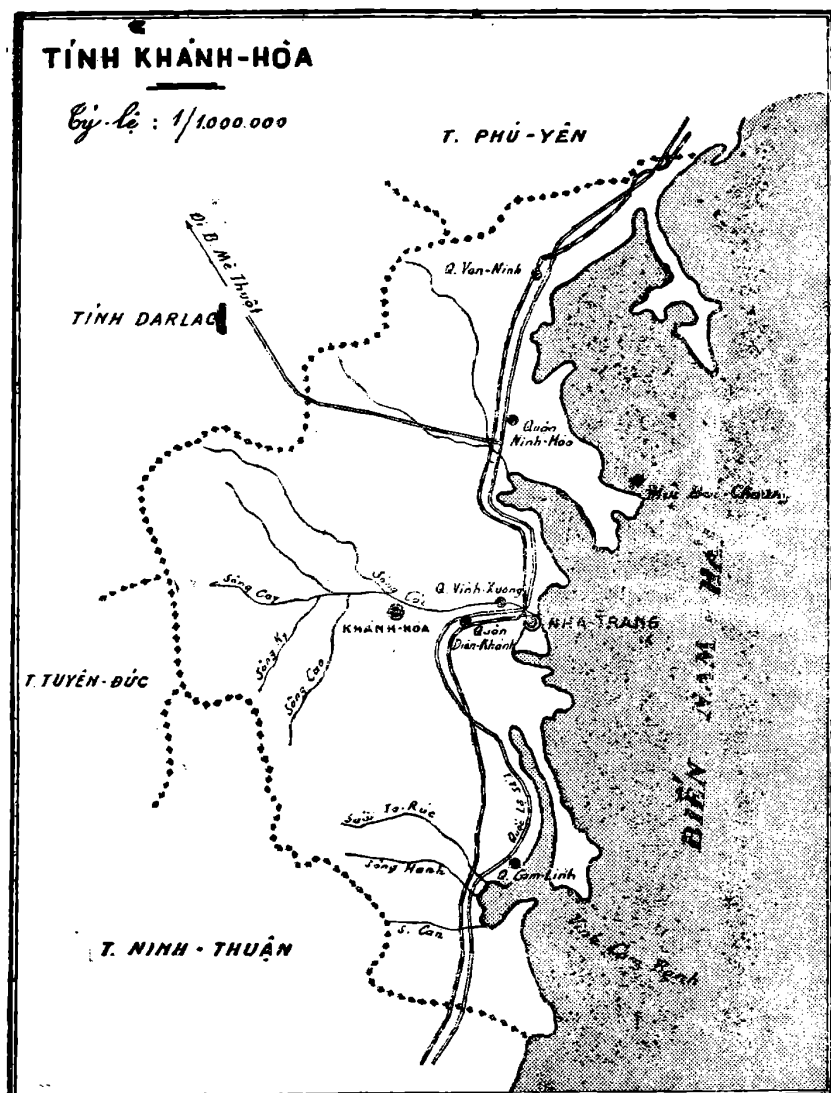
X. — TỈNH KHÁNH-HÒA

1. — **Địa-thê.** — Khánh-hòa dài về phía mặt biển, càng sang phía Tây càng hẹp, diện-tích đo được 5.400 ki-lô-mét vuông.

Đồng-bằng hẹp vì núi rừng chiếm một phần lớn diện-tích. Từ Đèo Cả đến vịnh Cam-ranh, núi-non trùng-diệp. Núi tuy nhiều nhưng không

ngọn nào cao lắm. Các ngọn núi có: Hòn Vọng-phu (cao 2.200m), Hòn Thơm, Hòn Chúa, Hòn Vung, Hòn Lèo, Hòn Chùa.

Núi nhiều đoạn chạy thẳng ra biển nên bờ biển cao, lởm-chồm đá và



khúc-khuỷu. Có các vịnh sâu và kín gió thiết-lập hải-cảng rất tốt, như Vịnh Nha-trang, Vịnh Cam-ranh. Vịnh *Cam-ranh* là một trong bốn vịnh tốt nhất thế-giới.

Có các vũng: vũng Kè, vũng Nại, vũng Rô, vũng Tàu.

Ngoài khơi có nhiều hòn đảo: Hòn Đỏ, Hòn Thi, Hòn Mun, Hòn Ngọc, Hòn Bịp, Hòn Yến, Hòn Rùa, Hòn Tre.

Trong tỉnh có con sông lớn nhất là *Sông Cái* với các chi-lưu *Sông Cay*, *Sông Ky*, *Sông Cao* chảy ngang cánh đồng Diên-khánh, Vĩnh-xương.

2. — Dân-cư. — Dân-số Khánh-hòa được 251.000 người, trong số ấy có 8.000 người Thượng.

Về phương-diện hành-chánh, Khánh-hòa chia làm 7 quận: 1^o) Ninh-hòa, — 2^o) Diên-khánh, — 3^o) Vĩnh-xương, — 4^o) Vạn-ninh, — 5^o) Cam-lâm, — 6^o) Suối-dầu, — 7^o) Khánh-dương.

Quận *Ninh-hòa* với dân-số 65.000 người là quận lớn nhất trong tỉnh. Trong tỉnh có 80 xã.

Tỉnh-lỵ đóng tại thị-xã *Nha-trang* gồm có 5 phường. *Nha-trang* là thành-phố nghỉ mát đẹp nhất Việt-Nam và là hải-cảng quan-trọng của miền Nam Trung-phần. Dân-số *Nha-trang* được 60.000 người.

Nha-trang cách Sài-gòn 450km và cách Huế 630km.

Hàng năm, *Nha-trang* đón tiếp nhiều du-khách đến tắm biển và nghỉ mát.

Dân-cư sông dễ-dàng nhờ nông-nghiệp, công-nghệ và ngư-nghiệp.

Việc giáo-dục phát-triển mạnh từ 1955. Tổng-số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 40.000 học-sinh.

3. — Tài-nguyên. — Khánh-hòa rất giàu nguyên-liệu. Ruộng nhiều nơi nhờ có xe-nước làm được hai mùa. Lúa ở *Vạn-giã* nhiều nhất.

Nông-sản còn có: thuốc lá, bông vải, đường, bắp, đậu, dừa.

Nhiều nơi có sản-vật có tiếng như mít Phú-vinh, mía Đại-diễn, cam quýt Thanh-minh, xoài Ninh-hòa.

Ở Suối-dầu và Đồng-trắng có trồng cây cao-su.

Về lâm-sản thì có: mun, trắc, giáng-hương, trầm, dầu rái, lá trầm, các thứ nhung, gạc nai, nầm.

Ngư-nghiệp có phần tiên-triển. Có nhiều thứ hải-vị quý: yền-sào, sò, tôm hùm, mực, ốc, đôn-đột, hải-sâm, vi-cá, bóng-cá.

Ở Ninh-hòa, Hòn-khoi có sở muối.

Tiểu-công-nghệ có các ngành: nước mắm, ruốc, lò than củi, lò gạch, dầu dừa.

Trong tỉnh có máy xay lúa, máy cưa, xưởng dệt, xưởng làm nước giải-khát, xưởng làm gạch hoa, tập-trung nhiều nhất ở Nha-trang.

Ngoài đường Xe-lửa Xuyên-Việt và Quốc-lộ số 1 nối liền Khánh-hòa với các tỉnh khác, trong tỉnh có Quốc-lộ số 21 nối liền Ninh-hòa với Ban-mê-thuot và Đà-lạt.

Nha-trang có một sân bay lớn nhất Trung-phần. Ba-ngòi trên Vịnh Cam-ranh là một hải-cảng có nhiều tương-lai.

Nhờ chương-trình cải-tiến nông-thôn (xây chợ, làm trường, lập bệnh-xá, đắp đập...), việc trang-bị các xã được xúc-tiến mạnh.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Về danh-lam thắng-cảnh thì có: *Tháp-Bà, Hòn Chông, Chùa Sinh-trung, Suối Ngổ, Suối Nước nóng.*

Nha-trang có hai viện khoa-học lớn nhất trong nước là *Hải-học-viện* và *Viện Pasteur*. Tại Nha-trang còn có hai trường *Không-quân* và *Thủy-quân*.

* * *

XI. — TỈNH NINH-THUẬN

1. — **Địa-thề.** — Ninh-thuận là một tỉnh nhỏ, trước kia gọi là đạo, diện-tích độ 3.300 ki-lô-mét vuông.

Đồng-bằng hẹp trải mình hai bên bờ *Sông Cây cho đũa* cao-nguyên Krong-pha. Sông Cây với các chi-lưu *Sông Gia, Sông Sát, Sông Tà-ma* chảy ngang Phan-rang là sông lớn nhất trong tỉnh.

Các ngọn núi có: núi Hòn-diên (cao 1.530m), núi Chà-bàn (cao 1.400m), núi Đá-bắc.

Vì núi đâm ngang ra biển nên bờ biển cao, lởm-chồm đá. Có Mũi Dinh ở phía Nam giáp Bình-thuận.

Khi-hậu, nóng quanh năm, thường khô. Ninh-thuận là tỉnh ít mưa nhất ở Việt-Nam.

ĐỊA-CHÍ CÁC TỈNH T.N.T.P.

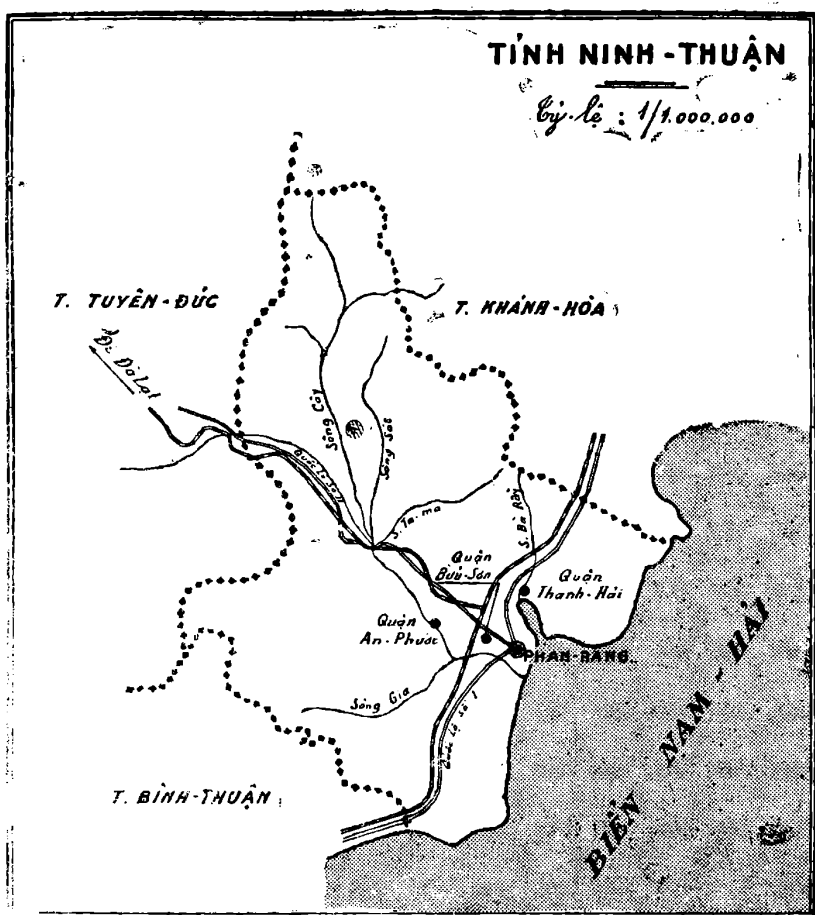
2. — Dân-cư. — Dân-số Ninh-thuận được 114.000 người, trong số ấy có 11.000 người Chăm và 5.000 người Thượng.

Về phương-diện hành-chánh, Ninh-thuận chia làm 4 quận: Thanh-hải, Bửu-sơn, An-phước, Du-long.

Trong tỉnh có 22 xã.

Đồng-bào Chăm có làng và phong-tục riêng, theo đạo Ba-ni hay đạo Chăm. Họ tập-trung nhiều nhất ở quận An-phước.

Tỉnh-lỵ đóng tại thị-xã Phan-rang (dân-số 16.000 người). Phan-rang cách Sài-gòn 320km và cách Huế 760km.



Cũng như các nơi khác, đa-sô dân-cư sống về nông-nghiệp; chỉ một số ít sống về công-nghệ và ngư-nghiệp mà thôi.

Việc giáo-dục trong tỉnh được mở-mang. Số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 20.000 học-sinh.

3. — Tài-nguyên. — Ninh-thuận có nhiều sản-phẩm: lúa, chuối, thuốc lá, nước mắm.

Nhờ công-tác dẫn thủy nhập điền, ruộng làm được hai mùa.

Sở muối Thương-diêm (Cà-ná) lớn nhất Việt-Nam, sản-xuất một thứ muối hạt to (dùng vào kỹ-nghệ) để bán sang Nhật-bản.



Về ngành chăn - nuôi, trong tỉnh có nuôi nhiều dê và vịt.

Tiểu-công-nghệ có điều-kiện để phát - triển. Có xưởng dệt, máy cưa, máy gao ở Phan-rang, có nghề làm đồ gốm ở quận An-phước, nghề dệt chiếu ở quận Thanh-hải.

Sở muối Sau thị-xã Phan - rang có Tháp-Chàm là thị-trần thứ nhì trong tỉnh, đông dân-cư.

Ngoài khoảng đường Xe-lửa Xuyên-Việt và Quốc-lộ số 1 nối liền Ninh-thuận với các tỉnh khác ở miền duyên-hải, có đường sắt răng-cưa và quốc-lộ nối Tháp-chàm với thành-phố Đà-lạt. Nhờ các đường giao-thông này là đường tiếp-tê cho miền Cao-nguyên nên sự buôn-bán ở Ninh-thuận được thịnh-vượng.

Gần Phan-rang có bãi bể Ninh-chữ cũng là nơi nghỉ mát tốt.

4. — Danh-lam thắng-cảnh. — Về danh-lam thắng-cảnh, trong tỉnh có: Tháp-Chàm (gọi như vậy vì tại đó có một tháp chàm lớn), — Cà-ná, — Ninh-chữ.

*
* *

XII. — TỈNH BÌNH-THUẬN

1. — **Địa-thề.**— Diện-tích Bình-thuận đo được 5.000 ki-lô-mét vuông.

Đồng-bằng Bình-thuận rộng chạy thẳng về miền Nam liên-tiếp với đồng-bằng mênh-mông Nam-phần. Miền đồng-bằng gò trên cao-nguyên Di-linh và giáp phía Tây có núi-non trùng-điệp.

Các ngọn núi có : Núi Ông (cao 1.3000m), Núi Hòa-diệm (cao 1.530m), Núi Rê, Núi Tà-cú.

Bờ biển lồi-lõm vì nhiều đoạn núi đâm ngang ra biển. Có Mũi Né, Mũi Kê-gà.

Ngoài khơi, phía Bắc có *Hòn-Chàm Cận-địa* (Poulo-Cécir), phía Nam có *Hòn Chàm Viễn-hải* là di-tích của hòa-sơn.

Sông-ngòi gồm có : Sông Lòng-sông, Sông Lũy, Sông Mao, Sông Catot, Sông Phan, Sông Mưòng-Mán.

2. — **Dân-cư.** — Dân-số Bình-thuận được 255.000 người, trong số ấy có 10.000 người Nùng và 12.000 người Chàm.

Về phương - diện hành - chánh, Bình - thuận chia làm 7 *quận* : 1º) Hàm-thuận, — 2º) Hòa-đà, — 3º) Hải-ninh, — 4º) Tuy-phong, — 5º) Phan-ly-chàm, — 6º) Phú-quì, — 7º) Hải-long.

Trong các *quận* ấy, *quận Hàm-thuận* lớn nhất, với số-dân 85.000 người.

Đồng-bào Chàm có làng và phong-tục riêng, tập-trung nhiều nhất ở *quận Phan-ly-chàm*. Các đồng-bào Nùng di-cư từ năm 1954 nay đã địa-phương-hóa.

Tỉnh-lỵ đóng tại thị-xã *Phan-thiết*. Phan-thiết chỉ cách Sài-gòn 200km và cách Huế 880km.

Đa-số dân-cư sống về nông-nghiệp, một số khá đông sống nhờ ngư-nghiệp và nghề nước mắm.

Nền giáo-dục trong tỉnh được mở-mang. Số học-sinh các trường trung-học và tiểu-học, công-lập, bán-công và tư-thực là 30.000 học-sinh.

3. — **Tài-nguyên.** — Bình-thuận là tỉnh giàu nhất miền Trung-phần vì sản-xuất nhiều *nước mắm* bán trong toàn quốc.

Biển làm được nhiều cá nên cá tươi chở bán nhiều ở Sài-gòn và miền Cao-nguyên Trung-phần. Cá còn được tiêu-thụ dưới nhiều hình-thức

khác, như cá muối, cá phơi khô, cá sậy, xương cá dùng làm phân bón rất tốt. Ở Phan-thiết còn có xưởng làm cá-hộp và cà-chua hộp.

Phan-thiết, Khánh-thiện (Mũi-Né) và *Hòa-đa* là những nơi có tiếng sản-xuất nhiều nước mắm.

Nông-sản cũng nhiều: nào lúa, bắp (ngô), khoai, nào trái cây như cam quít, xoài, bưởi, măng cầu. Đặc-biệt có hột *dưa-hầu* cũng là một nguồn-lợi lớn của Bình-thuận.

Lâm-sản được khai-thác nhiều để chở bán vào Sài-gòn: sắn gỗ làm nhà, than củi, gỗ quý (gụ, trắc...), lá kè ...

Tại *Vĩnh-hảo* có nước suối hơi thiên-nhiên được khai-thác theo kỹ-thuật mới và vào chai bán khắp nơi.

Về ngành chăn-nuôi, trong tỉnh có nhiều trâu bò.

Ngoài khoảng đường Xe-lửa Xuyên-Việt và Quốc-lộ số 1 nối liền Phan-thiết với các tỉnh ở miền duyên-hải, có *quốc-lộ* nối liền Phan-thiết với miền Cao-nguyên.

Nhờ chương-trình kiến-thiết xúc-tiến mấy năm nay, việc trang-bị trong tỉnh (xây chợ, làm trường, lập bệnh-xá, đắp đường, đắp đập...), được cải-tiến nhiều.

4. — **Danh-lam thắng-cảnh.** — Về danh-lam thắng-cảnh thì có: Núi *Hòn-Bà* và *Tháp-Chàm* ở Hàm-tân, — *Đền-bà Tà-cú* tại xã An-hải, — *Chùa đạo Ba-ni*, — Suối *Vĩnh-hảo*.



II.— TÀI - LIỆU VỀ CÁC TỈNH NAM - PHẢI

Tỉnh	QUẬN HÀNH-CHÁNH	Diện-tích, dân-số
Đô-thành Sài-gòn	8 quận: Quận 1, Quận 2, Quận 3 v.v...	Diện-tích: 50km ² Dân-số: 1.600.000 người
An-giang Tỉnh-ly <i>Long-xuyên</i>	9 quận: Châu-thành, Thốt-nốt, Chợ-mới Châu-phú, Tân-châu, Tịnh-biên, Tri- tôn, An-phú, Huệ-đức	Diện-tích: 3.780km ² Dân-số: 710.000 người
An-xuyên Tỉnh-ly <i>Quần-long</i>	6 quận: Quần-long, Cái-nước, Đầm- dơi, Năm-căn, Thới-bình, Sông Ông- Độc	Diện-tích: 5.500km ² Dân-số : 250.000 người
Ba-xuyên Tỉnh-ly <i>Khánh-hưng</i>	8 quận: Mỹ-xuyên, Vĩnh-lợi, Gia-rai, Long-phú, Thạnh-trị, Kê-sách, Thuận- hòa, Vĩnh-châu	Diện-tích: 5.185km ² Dân-số: 511.000 người
Biên-hòa Tỉnh-ly <i>Biên-hòa</i>	6 quận: Châu-thành, Long-thành, Di-an, Quảng-xuyên, Cần-giờ, Nhân-trạch	Diện-tích: 2.880km ² Dân-số: 265.000 người
Bình-duơng Tỉnh-ly <i>Phú-cường</i>	5 quận: Châu-thành, Lái-thiệu, Bền-cát, Dầu-tiêng, Phú-hòa	Diện-tích: 2.030km ² Dân-số: 284.000 người
Bình-long Tỉnh-ly <i>An-lộc</i>	2 quận: Hớn-quản, Lộc-ninh	Diện-tích: 2.100km ² Dân-số: 58.000 người
Bình-tuy Tỉnh-ly <i>Hàm-tân</i>	3 quận: Hàm-tân, Tánh-linh, Hoài-đức	Diện-tích: 1.320km ² Dân-số: 19.000 người
Chương- thiện	5 quận: Đức-long, Long-mỹ, Kiên- hưng, Kiên-long, Phước-long	Diện-tích: 77km ² Dân-số: 810 người.
Côn-sơn Tỉnh-ly <i>Côn-sơn</i>		Diện-tích: 2.000km ² Dân-số: 570.000 người
Định-trường Tỉnh-ly <i>Mỹ-tho</i>	6 quận: Long-định, Bền-tranh, Chợ- Gạo, Giáo-đức, Sùng-hiệu, Khiêm-ích	Diện-tích: 630km ² Dân-số: 522.000 người
Gia-định Tỉnh-ly <i>Gia-định</i>	6 quận: Gò-vấp, Thủ-đức, Hóc-môn, Tân-bình, Nhà-bè, Bình-chánh	Diện-tích: 630km ² Dân-số: 522.000 người
Gò-công Tỉnh-ly <i>Gò-công</i>	2 quận: Châu-thành, Hòa-đồng	Diện-tích: 630km ² Dân-số: 522.000 người